

VAN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YÉU

- ☆ Những câu ca-dao liên-quan đến Huyền-Trần Công-chúa BỬU CẨM
- ★ Giáo-sĩ Trần-Lục HUƠNG-GIANG
- ☆ Thân-thể nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Điểu NGUYỄN-VĂN-HÀU
- ★ Người và Cảnh THANH-SƠN
- ☆ Tình non nước (thơ) ĐÔNG-VIÊN
- ★ Khảo-luận về Hồ-xuân-Hương PHẠM VĂN ĐIỀU
- ☆ Ông tổ truyền-tin : Trần-Nguyên-Hân BAO-IA cu-sT
- ★ Lạc lối trần gian (kịch thơ) BÌNH-HÙNG
- ☆ Chí-sĩ Việt-Nam (tiếp theo) THÈ-NGUYỄN
- ★ Hai ngã (thơ) BÙI-KHÁNH-ĐẢN
- ☆ Ngữ-thái-học NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
- ★ Hồi-giáo NGUYỄN-KHẮC-NGŨ
- ☆ Đề (thơ) VŨ-ĐỨC-TRINH
- ★ Dầu hỏa xưa và nay NGUYỄN-ĐỨC-LÂM

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC } 1 số (tr-nhân) 12\$
 } 1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN
 Nghị-định số 332 Cab/Sg.
 ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 65
 tại nhà in BÌNH-MINH
 148-i Đ. Yên-Đồ - Sài-gòn

LOẠI MỚI - SỐ 66 THÁNG II NĂM 1961



VAN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

MỤC-LỤC TRÍCH-YẾU

- ☆ Những câu ca-dao liên-quan đến Huyền-Trần Công-chúa BÙI CẨM
- ★ Giáo-sĩ Trần-Lục HUƠNG-GIANG
- ☆ Thân-thế nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Điêu NGUYỄN-VĂN-HẦU
- ★ Người và Cảnh THANH-SƠN
- ☆ Tình non nước (thơ) ĐỘNG-VIÊN
- ★ Khảo-luận về Hồ-xuân-Hương PHẠM VĂN ĐIỀU
- ☆ Ông tổ truyền-tin : Trần-Nguyên-Hãn BAO-IA cư-SĨ
- ★ Lạc lối trần gian (kịch thơ) BÌNH-HÙNG
- ☆ Chí-sĩ Việt-Nam (tiếp theo) THÈ-NGUYỄN
- ★ Hai ngã (thơ) BÙI-KHÁNH-ĐÀN
- ☆ Ngữ-thái-học NGUYỄN-BÌNH-HÒA
- ★ Hồi-giáo NGUYỄN-KHẮC-NGŨ
- ☆ Đề (thơ) VŨ-ĐỨC-TRINH
- ★ Dầu hỏa xưa và nay NGUYỄN-ĐỨC-LÂM

VÀ CÁC MỤC THƯỜNG-XUYỀN

Xem mục-lục đầy-đủ nơi trang trong

BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

LOẠI MỚI - SỐ 66 THÁNG II NĂM 1961

GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC { 1 số (tư-nhân) 12\$
 { 1 số (công-sở) 24\$

GIẤY PHÉP XUẤT-BẢN
 Nghị-định số 332 Cab/Sg
 ngày 5-5-1952

In 2000 cuốn số 65
 tại nhà in BÌNH-MINH
 148-r. Yên-Đỗ - Sài-gòn

VĂN - HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

LOẠI MỚI - SỐ 88 THÁNG 11 NĂM 1981

MỤC-LỤC

I - VĂN-HÓA VIỆT-NAM

	Số trang
- Những câu ca-dao liên-quan đến Huyền-Trần Công-Chúa.	BÛU CẨM 1411
- Thân-thế nhà cách-mạng Nguyễn-Quang-Diêu (tiếp theo)	NGUYỄN-VĂN-HÀU 1418
- Người và Cảnh	THANH-SƠN 1433
- Giáo-sĩ Trần-Lục	HƯƠNG-GIANG 1441
- Chí-sĩ Việt-Nam: Nguyễn Thành.	NGUYỄN-BÁ-THỂ 1447
- Tên một số đồ dựng ở Việt-Nam qua các miền (tiếp theo và hết)	NGUYỄN BẠT-TUY 1454
- Ông Tô truyền-tin: Trần-Nguyên-Hân	BAO-LA cư-sĩ 1466
- Doãn-Uần (tiếp theo)	NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM 1478
- Sự tích vua Hùng-Vương (Chèo cổ).	PHÙNG-NGỌC 1481
- Khảo-luận về Hồ-xuân-Hương	PHẠM VĂN ĐIỀU 1493
- Kim-thạch chí-biệt.	PHẠM-HUỆ 1510
- Lạc lối trần-gian (kịch thơ) (Tiếp theo và hết)	ĐÌNH-HÙNG 1517
- Dư-địa-chí (tiếp theo).	Á-AM sưu-dịch 1524
- Thi-ca: Tinh non nước	ĐÔNG-VIÊN 1530
- Tả cảnh lụt kêu cứu	Hy-Nhan NGUYỄN-ĐÌNH-UYÊN 1531
- Trôi	PHẠM-HUY-TOẠI 1531
- Di-cư gặp bạn mong sớm hồi cư (tiếp theo)	THÙY-THIÊN 1532
- Vịnh cầu Nguyễn-Hoàng.	DI-SƠN 1534

1634/224

VĂN-HÓA - SỐ 66

- Nhân khách sông Hương	AN-ĐÌNH 1534
- Thao-thức	ĐÔNG-XUYẾN 1535
- Bóng nguyệt tà	THẦN-LIÊN 1535
- Đọc thi-phẩm « Tô tâm » cảm-đề	HỒNG-THIÊN nữ-sĩ 1535
- Trông trời cảm-tác	HOÀI-QUANG 1536
- Giác hương-quan	TRƯƠNG-HUYỀN 1537
- Đề (Thơ Việt và bản dịch Anh-văn).	VŨ-ĐỨC-TRINH 1538
- Đề cuốn « Truyện Bê đẩu » (Nguyễn-tác bằng Hán-văn)	ĐẠM-NGUYỄN dịch 1540
- Hai ngã	BÙI-KHÁNH-ĐÀN 1541
- Luân-lạc (Thơ liên-ngâm của Mai-Đình, Ngân-Giang và Phong-vũ-Muội)	B.K. ĐÀN sao-lục 1542

II. - VĂN-HÓA THẾ-GIỚI

- Ngữ-thái-học	NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA 1544
- Hồi-giáo (tiếp theo).	NGUYỄN-KHẮC-NGŨ 1551
- Sự bất-thích-cảnh xã-hội và những trung-tâm thanh-niên.	NHƯ-HẠNH dịch 1556
- Bảng kê một số danh-từ viết tắt.	BAO-LA cư-sĩ 1564
- Kỹ-thuật tối-tân hiện-đại.	VŨ-LANG 1572
- Dầu-hỏa xưa và nay (tiếp theo).	NGUYỄN-ĐỨC-LÂM 1576

III. - TIN-TỨC VĂN-HÓA

- Tin trong nước.	1626
- Tin ngoài nước.	1631
- Tin sách báo mới nhận.	1623

MỤC-LỤC

- Mục-lục tổng-quát V.H.N.S. (1955-1960) (từ số 1 đến số 57).	1590
- Mục-lục V.H.N.S. số 66 (tháng 11 năm 1961).	1634

TRANH-ẢNH TRONG SỐ NÀY

- Một số đồ dựng ở Việt-Nam.
- Chân-dung Giáo-sĩ Trần-Lục.
- Cầu Trường-Tiên (Huế)
- Chân-dung Cụ Nguyễn-thần-Hiến.

VĂN-HÓA - SỐ 66

1635/225



NHỮNG CÂU CA-ĐẠO LIÊN-QUAN ĐẾN HUYỀN-TRẦN CÔNG-CHÚA

Giáo-sư *Bừu Cầm*
Phụ-trách giảng-khoa Văn-chương
và Lịch-sử Việt-nam tại trường
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

Nhiều người cho rằng những câu ca-đạo sau đây có liên-quan đến Huyền-Trần công-chúa :

- 1 — Tiếc thay cây quế trong rừng,
Đề cho thẳng Mán thẳng Mường nó leo.
- 2 — Dân kêu tích tịch tình tang,
Ai đem công-chúa lên thang mà về.
- 3 — Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vẫn lửa rơm.

Nhưng theo cụ Nguyễn Văn-Mai, tác-giả sách *Việt-nam phong-sử* 越南風史, thì trong ba câu đó, câu thứ nhất *không dính-dáng* gì đến Huyền-Trần công-chúa, câu thứ hai *có lẽ* nói về Huyền-Trần được cứu-thoát khỏi hòa-dân, câu thứ ba mới *đích thật* là lời thờ-than thương-tiếc cho Huyền-Trần đã gặp sự không may trên đường tình-ái.

Ta hãy nghe cụ giải-thích câu thứ nhất : « Lý-triều kinh-lý miền thượng-du, đã dùng bọn tù-trưởng làm thủ-lính, cho nắm quyền cai-quản về quân-sự và dân-sự, nhưng vẫn còn lo khó khống-chế được họ, nên mới dùng đến mỹ-nhân-kế để lung-lạc bọn man-tù. Lý Thái-tông đã gả Bình-Dương công-chúa 平陽公主 cho Thân Thiệu-Thái 申紹泰 ở Lạng-châu, gả Kim-Thành công-chúa 金城公主 cho Lê Thuận-Ninh 黎順寧 ở Phong-châu, gả Trường-Ninh công-chúa 長寧公主 cho Hà Thiệu-Khoan 何善寬 ở Thượng-uy (1). Đời Lý Nhân -tông, Khâm -Thánh

(1) Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục chính-biên 欽定越史通鑑綱目正編, quyển 2, tờ 32b, chép việc này về năm kỷ-ty. Lý Thái-tông Thiên-thành nhị niên (1029) : « 三月初以平陽公主通諒州牧申紹泰 = Tam nguyệt sơ, dĩ Bình-Dương công-chúa thích Lạng [Lượng]-châu mục Thân Thiệu-Thái ». Đó là phần cương, còn đây là phần mục (tờ 32 b-33a) : « 是辰不設節鎮諸州兵民總領於州牧上游諸州又以藩首管領帝慮其難制乃結姻好以羈縻之又以金城公主適峯州牧黎宗順長寧公主適上威州牧何善寬自是遂為故事 = Thị thời bất thiết tiết-trần; chư châu binh dân tổng lĩnh ư châu-mục. Thượng-du chư châu hựu dĩ phiên-tù quân-lính Đế lự kỳ nan chế, nãi kết nhân-hảo dĩ ky-mi chi. Hựu dĩ Kim-Thành công-chúa thích Phong-châu mục Lê Tông-Thuận, Trường-Ninh công-chúa thích Thượng-uy châu-mục Hà Thiệu-Lâm. Tự thị tại vi cố-sự = Thời ấy không đặt tiết-trần; những việc quân-sự và dân-sự tại các châu đều do châu-mục cai-quản. Các châu miền thượng-du lại giao cho bọn tù-trưởng địa-phương quản-lính. Nhà vua lo khó khống-chế được họ, bèn kết mối giao-hào bằng hôn-nhân để ràng buộc họ. Lại gả công-chúa Kim-Thành cho Phong-châu mục là Lê Tông-Thuận, gả công-chúa Trường-Ninh cho Thượng-uy châu-mục là Hà Thiệu-Lâm. Từ đó việc gả công-chúa cho châu-mục trở thành lệ thường [của nhà Lý]. » Tên hai vị châu-mục Phong-châu và Thượng uy trong Cương-mục có khác trong Việt-nam phong-sử.

công-chúa 欽聖公主 về làm vợ Hà Di-Khánh 何彝慶 ở Vi-long (1). Đời Lý Anh-tông, Thiệu-Dung công-chúa 韶容公主 về làm vợ Dương Tự-Minh 楊嗣明 ở Phú-lương (2)... Quốc-dân thấy như vậy, không ngăn được lòng phấn-khái, nên mới lấy cây đan-quế ví với các nàng công-chúa, ý muốn nói rằng đem công-chúa gả cho bọn tù-trưởng chẳng khác gì để cho những thằng Mán Mường vin treo cây đan-quế, thật là đáng tiếc ! » (Việt-nam phong-sử, bản chép tay của Viện Khảo-cổ, số 210-SD, chương 31).

Về câu thứ hai, cụ Nguyễn Văn-Mại đã giải-thích đại-lược như thế này : « Lúc Trần Nhân-tông sang Chiêm-thành, có hứa sẽ gả con gái cho vua Chiêm là Chế Mân. Sau đó, Chế Mân đem dâng vàng bạc và hai châu Ô, Lý (3) cho vua Trần để làm lễ cưới. Vua Trần Anh-tông, năm Hưng-long thứ 14 (1306), đưa công-chúa Huyền-Trần về Chiêm-quốc (4), lấy hai châu Ô, Lý rồi đổi làm Thuận-châu và Hoá-châu, sai Đoàn Như-Hải vào phủ-an dân-chúng ở đó. Chẳng

(1) Trong Cương-mục chính-biên, quyển 3, tờ 43 a, chép việc này vào mùa xuân năm nhâm-tuất, niên-hiệu Anh-vũ-chiêu-thắng thứ 7 (1082).

(2) Trong Cm chb, quyển 4, tờ 40 ab, chép việc này vào tháng 2 năm giáp-tý, niên-hiệu Đại-định thứ 5 (1144).

(3) Ô, Lý [Ri] : Xưa là đất Việt-thường (1 trong 15 bộ của nước Văn-lang); đời Tần thuộc Tượng-quận; đời Hán thuộc Nhật-nam quận; đời Đường là Cảnh-châu; đời Tống là miền bắc của Chiêm-thành : Ô Lý châu. Đời trần, trong niên-hiệu Hưng-long, vua Chiêm dâng đất này cho vua Trần, nhà Trần mới đổi làm Thuận-châu và Hoá-châu. Thời kỳ thuộc Minh, đất này là phủ Thuận-hoá. Nhà Lê đặt Thuận-hoá thừa-tuyên Nay, huyện Đãng-xương và phủ Hải-hoá. Nhà Lê đặt Thuận-hoá thừa-tuyên Nay, huyện Đãng-xương và phủ Hải-lăng tỉnh Quảng-trị, các huyện Phong-diễn, Quảng-diễn và Hương-trà tỉnh Thừa-thiên, đều là đất Thuận-châu đời Trần; các huyện Phú-lộc và Phú-vang tỉnh Thừa-thiên các huyện Diên-Phước và Hoà-vang tỉnh Quảng-nam, đều là đất Hoá-châu đời Trần. (Cm chb, quyển 1, tờ 27b-28a).

(4) Cm chb, quyển 8, tờ 43b, chép việc này vào năm bính-ngọ, Trần Anh-tông Hưng-long thập tứ niên (1306) : « 夏六月以玄珍公主嫁占城主制旻制旻獻烏里二州地 = Hạ lục nguyệt, dĩ Huyền-Trần công-chúa giá Chiêm-thành chủ Chế Mân. Chế Mân hiến Ô Lý nhị châu địa = Mùa hạ, tháng sáu, đem công-chúa Huyền-Trần gả cho vua Chiêm-thành là Chế Mân. Chế Mân dâng đất hai châu Ô, Lý ». Đó là →

Trước kia, Khắc-Chung (1) do hàm Ngự-sứ đại-phu làm chức đại-an-phủ-sứ ở kinh, lại được tiến chức nhập-nội hành-khiên thượng-thư tả bộc-xạ, sau được ban tước Quan-nội-hầu, tiến hàm thiếu-bảo đồng Trung-thư bình-chương-sự, nhưng làm quan chẳng có thành-tích gì [...]. Câu ca-dao dân trên có ý tiếc cho vị công-chúa nhà Trần là cành vàng lá ngọc đã bị đem gả cho vua Chiêm-thành, lại còn

← thì không có người làm chủ việc ma chay, chỉ bằng công-chúa ra ngoài bãi biển chiêu hồn Chiêm-vương cùng về, lúc ấy sẽ lên hòa-dàn mới tiện». Người Chiêm nghe theo lời đó. Khi [công-chúa] đã ra ngoài biển, Khắc-Chung dùng chiếc thuyền nhỏ cướp lấy công-chúa đưa về. Sau đó, Khắc-Chung tư-thông với công-chúa, cho thuyền đi quanh-co trên mặt biển, lâu ngày mới về đến kinh-sư. Hưng-nhượng - vương Quốc-Tàng rất ghét chuyện ấy, mỗi lần thấy Khắc-Chung liền mắng rằng: « Họ tên người này là Trần sẽ chắm dứt bởi người này với nước nhà có điềm không tốt, có lẽ nhà Trần sẽ chắm dứt bởi người này chẳng? » Khắc-Chung đã phải sợ mà lánh mặt». Đại-Việt sử-ký bản-ký toàn-thư, bản in tại Nhật-bản, quyển 6, tờ 13b, chép có khác với Cm bởi câu này: « 冬十月. 命入内行遣尚書左僕射陳克終. 安撫鄗文. 如占城. 迎玄珍公主及世子多耶歸 = Đông thập nguyệt, mệnh nhập-nội hành-khiên thượng-thư tả bộc-xạ Trần Khắc-Chung, an-phủ Đặng Văn, như Chiêm-thành, nghinh Huyền-Trần công-chúa cập thế-tử Đa-Da quy = Mùa đông, tháng mười, vua sai nhập-nội hành-khiên thượng-thư tả bộc-xạ Trần Khắc-Chung và an-phủ Đặng Văn sang Chiêm thành đón công-chúa Huyền-Trần và thế-tử Đa-Da về. » Vậy là Huyền-Trần đã có một con trai với Chế Mân. Nếu thế-tử Đa-Da không phải là con của Huyền-Trần thì Trần Anh-tông đem về làm gì Đại-Việt sử-ký bản-ký toàn-thư (quyển 6, tờ 12b và tờ 13b) cũng như Cương-mục chính-biên (quyển 8, tờ 43b và tờ 45a) đều chép Huyền-Trần công-chúa về làm vợ Chế Mân từ tháng 6 năm Hưng-long thứ 14 (1306) đến tháng 5 năm Hưng-long thứ 15 (1307) thì Chế Mân mất. Trong thời-gian 11 tháng sống chung với chồng, Huyền-Trần có thể sinh-hạ được một con.

(1) Khắc-Chung nguyên họ Đỗ nhưng sau được đổi lấy quốc-tính là họ Trần (Việt-sử tiêu án, bản dịch của Hội Việt-nam Nghiên-cứu Liên-lạc Văn-hóa Á-châu, Sài-gòn, 1960, tr. 208).

1416/6

VĂN-HÓA — SỐ 66

bị quốc-sứ tư-thông làm cho nhớ-nhuốc. Gạo trắng chỉ Huyền-Trần, nước đục chỉ Chiêm-vương, lúa rom chỉ Khắc-Chung...» (Sách dẫn, chương 40).

Trên đây là lối lập-luận của cụ Nguyễn Văn-Mại về ý-nghĩa ba câu ca-dao được xem là có liên-quan đến Huyền-Trần công-chúa. Nhận thấy tác-giả Việt-nam phong-sử đã có cái thái-độ dè-dặt, thận-trọng trong lúc bàn đến một vấn-đề sử-học, nên chúng tôi không ngần-ngại đưa ý-kiến của cụ ra để chất-chính với độc-giả bốn phương.

BỮU CÂM



VĂN-HÓA — SỐ 66

1417/7



V. — TRONG NGỤC HÀ-NỘI

Trong năm 1913, vì có xảy ra nhiều cuộc bạo-động, Pháp nỗ-lực đàn-áp cách-mạng, bắt-bớ lung-tung ; nếu kể chung trong nước và hải-ngoại đưa về, những người bị tống-giam tại Hà-Nội lên tới con số 254.

Trong ngục người chật như nêm, lại bị tra-tấn quá đỗi tàn-nhân, phần đông đều mang bệnh ; thêm bệnh ngặt mà không thuốc uống... tình-cảnh hết sức thương-tâm.

Vậy mà hàng ngày cửa ngục còn mở rộng để đón tiếp thêm. Nào Cả Dinh, con nuôi Cụ Đệ-Thám ra hàng rồi bị nhốt (1) ; nào cụ Lương-Văn-Can

(1) Cả Dinh ra hàng ngày 13 tháng 10, dẫn theo sáu tên lính. Theo lời ký-thuật của cụ Nguyễn thì « Dinh chỉ có tài thiện-xạ chứ trình-độ tri-hình chính-trị, Dinh tỏ ra u-ơ không hiểu ».

bị bắt để chờ đưa đi an-trí Nam-Vang (1) ; nào bảy cụ : Nguyễn-Khắc-Cán Phan-Văn-Tráng, Phan-Đệ-Quý, Vũ-Ngọc-Thụy, Phạm-Hoàng-Quê, Phạm-Hoàng-Triết, Phạm-Văn-Tiết, bị tống ngục vì khép cho tội mưu-sát Tổng-Độc Hà-Đông và Thiệu-tá Chapuis... (2)

Trong số các nạn-nhân lần lượt bị đưa vào đó có một bạn thân của cụ Nguyễn-Quang-Điêu là Bùi-Chi-Nhuận, bị bắt tại Xiêm ngày 9 tháng 4 năm 1913 và bị giải về nước cuối năm ấy.

Bùi-Chi-Nhuận hiệu Mộng-Vũ, là một tay vận-động tiến bạc rất tài, mấy năm trước hoạt-động trong nước với anh em, sau xuất-dương cầu học tại Nhật, bị trục xuất năm 1908 phải bỏ-đào sang Xiêm.

Lúc cụ Cường-Đề ngụ tại ngôi chùa của Hòa-Thượng Phan-Tất-Chánh ở Xiêm, Bùi-Chi-Nhuận được cử chức Tổng-thủ-ngân, cụ hiệp với Nguyễn-Thần-Hiền, bây giờ giữ nhiệm-vụ Tổng-ủy-viên sự-vụ, để mở cuộc nghĩa-quyên lấy tiền nuôi cách-mạng.

Trong vụ bị bắt ở Xiêm, và bị giải về như đã nói, Bùi-Chi-Nhuận bị tòa Đại-hình đặc-biệt Hà-Nội kêu án khổ sai chung thân. Cụ cũng bị giam chung với

(1) Cụ cử Can bị an-trí Nam-Vang năm 1914. Trong bài *Hà-Thành lăm-nạn*, cụ Nguyễn kể :

*Cám thương cụ Cừ già tuổi tác,
Vì non sông phải bước tân toan.*

(2) Bảy người này sau đều bị tòa tuyên án tử-hình. Trong bài *Hà-Thành lăm-nạn*, có ghi :

*Còn ngoài Bắc hỏi ai chí-sĩ,
Hiệp kẻ ra hơn bảy mươi người.
Bấy ông xử tử đã rồi,
Bạo nhiều thì phải lưu đồ phương xa.*

Con số *hơn bảy mươi người* là cụ Nguyễn phỏng định chứ không đăm. Theo tài-liệu của Bao-La cư-sĩ thì « số nạn-nhân phần nhiều vô tội bị tống giam lên tới 254 người, nhưng sau nhiều tuần lễ điều tra thì 170 người được trả tự-do, còn lại 84 người chờ ngày ra tòa lãnh án ».

các đồng-chí để chờ ngày đầy đi Côn-đảo (1).

Rồi đến một việc đau lòng hơn nữa là việc cụ Nguyễn-Thần-Hiền mất.

Cụ tuổi già, bấy lâu mãi phong trần bốn-tàu, kẻ bị bắt, làm sao chịu nổi sự tra-tấn ngặt-ngheo của bọn tay sai thực-dân ! Vì vậy phải lâm trọng-bệnh. Trong lao không có thuốc thang, khiến bệnh cụ mỗi ngày mỗi trầm trọng. Anh em làm reo, bỏ ăn để đòi thuốc cho cụ uống, nhưng người ta mặc kệ, không thèm quan tâm, đến khi cụ liệt-bại gần chết, người ta mới đem cụ ra nhà thương thì cụ nhin ăn để phân đỏi và mất tại đó. Đồng-chí cụ không một người được tới thăm, quyền-thuộc cũng không ai hay biết, tình cảnh thật là bi-đát ! Hôm ấy là mừng một Tết Nguyên-Đàn năm Giáp-dần, nhằm ngày 26 tháng giêng năm 1914.

Đau lòng trước cái chết của một đồng-chí và là một bạn vong-niên thâm-giao, cụ Nguyễn-Quang-Điêu kêu khóc :

*Bấy lâu bay bóng cánh minh hồng,
Lạc tối giờ ra phải máy cung
Chín suôi có thiêng hồn tổ-quốc,
Trăm nă còn tạc gánh tang bóng.
Đôi đời nghĩ gớm câu đầu bé,
Thỏ-lộ cùng ai nợ chuyện núi sông ?
Thôi để làm gương cho sắp bé,
Ngàn năm trong nước dầu anh-hùng.*

Hiện nay tại Cán-Thơ có con đường lấy tên Nguyễn-Thần-Hiền và cụ còn lại hai người cháu nội đều được làm nên : Bác-sĩ Nguyễn-Như-Giu, bệnh-viện Cán-Thơ và bà Trần-Văn-Tri nữ-danh Nguyễn-Như-Hàng, Hiệu-trưởng trường nữ Trung-Học Định-Tường. Hồn cụ có thiêng, chắc ở suôi vàng cụ cũng được một phần nào an-ủi.

(1) — Trong bài *Hà-Thành lâm nạn*, chép :

*Còn một bác tên Bùi-Chi-Nhuận,
Xiêm giải về án luận chung-thân...*

Cụ Bùi sau được ân-xá, về Tây-An làm thuốc Bắc để sinh-nhai, đến già chỉ vẫn không đỏi

1420/10

VĂN-HÓA — SỔ 66

VI. — BỊ ĐẦY SANG NAM-MỸ

Sau ngày cụ Nguyễn-Thần-Hiền mất, tức vào khoảng mùa Xuân năm 1914, trừ hai cụ Huỳnh-Hưng và Bùi-Chi-Nhuận bị đầy đi Côn-Nôn, bao nhiêu người Nam-Kỳ bị bắt tại Hồng-Kông về vụ tạc-đạn đều bị đầy sang Guyane (Nam-Mỹ).

Xứ Guyane là thuộc-địa của ba nước : Pháp, Anh, Hòa-Lan. Thị-trần vùng Pháp chiếm là Cayenne (1), vì vậy họ đem đầy các nhà cách-mạng Việt-Nam sang đây, cũng như họ từng đầy sang Madagascar hay Réunion vậy.

Tàu không đi thẳng sang Cayenne (Mỹ) mà lại về Marseille (Pháp). Các « chính-trị phạm » bị đem lên tạm giam tại Marseille vài tuần lễ rồi mới đỏi sang một chiếc tàu khác mà đi Guyane (2). Các cụ chưa quen đi tàu biển đường xa, thêm khi-hậu thay đỏi và bị ràng buộc khó-khăn lâu ngày, khiến ai cũng bực mình, mong cho chóng đến.

Nhìn sông núi bao-la của một nòi dân đồng-cảnh ngộ, cụ Nguyễn-Quang-Điêu bùi-ngùi cảm-xúc, khâu-chiêm một bài thơ kịp khi tàu cập bến Cayenne :

*Bấy chầy mong-mỏi xứ Ca-Danh,
Phong-cảnh xem qua bất động tình.
Bề rộng mênh mông dòng nước biển,
Nội bằng mờ-mịt mạn rừng xanh.
Dã-man thâm-hại cho người đó,
Tân-khò nãi bao cái lữ mình.
Diệt-chúng rõ ràng gương dướì mắt,
Trông người ta lại ngẫm mà kinh.*

(1) Diện-tích vùng Pháp chiếm gồm 88 ngàn cây số vuông, có 50 ngàn dân, thổ-sản có vàng, lâm sản...

(2) Lúc bị tạm giam tại Marseille, cụ Nguyễn thầy thành-phò nước Pháp rất đẹp, cách tổ-chức sinh-hoạt cũng văn-minh, nhưng luật-pháp của họ xử-đòi với người thuộc-địa rất tối-tệ, nên có làm thơ trách cứ :

*Chẳng biết rằng mình có tội chi ?
Tội chi đâu có có nao gì !
Phép thần công-Lý đành không hiệu,
Luật nước văn-minh gẫm cũng kỳ...*

VĂN-HÓA — SỔ 66

1421/11

Ở đây, người ta đem các cụ lên rừng bắt đốn cây, cắt củi... làm những việc nặng nhọc của hạng tù đó, tuy nhiên các cụ không vì vậy mà thôi chí, trái lại vẫn coi thường khổ-cực và vẫn quyết tâm hy-vọng một ngày quốc-vận vinh-quang.

Tình-hình chính-trị thế-giới mỗi ngày một căng thẳng, làm các cụ càng nuôi nhiều hy-vọng, cho nên dù là tù phạm, luôn luôn bị canh chừng đê ý, các cụ vẫn tìm cách thâm dò tin-tức ở ngoài.

Có một buổi chiều, ai nấy vừa nghỉ việc, Lý-Liêu ở đầu xống-xộc chạy vào trại tù reo lên :

— Vạn tuê cách-mạng Việt-Nam !

Ai nấy nhao-nhao xúm lại :

— Cái gì mà vạn-tuê ?

Lý-Liêu tỏ vẻ quan-trọng, ngồi phệt xuống, hạ giọng thì thầm :

— Một người Hoa-Kiều trong chi-điêm thương hội Anh Hoa vừa cho biết tình-hình cách-mạng Việt-Nam khá-quan.

— Sao ? sao ? ..

— Hần nói Kỳ-Ngoại-Hầu đã sang Âu-Châu với Đổ-Văn-Y để vận-động ngoại-giao, chính hần đã gặp tận mặt Đổ-Văn-Y năm ngoái tại Đức (1). Hiện nay Kỳ-Ngoại-Hầu đã trở về Trung-Hoa rồi, đã được Viên-Thế-Khải và

(1) Cuối năm 1913, Kỳ-Ngoại-Hầu có sang Đức với Đổ-Văn-Y thật, nhưng chỉ là chuyên đi du-lịch chứ không phải ngoại-giao. Lúc đó Nguyễn-Quang-Diêu, Lý-Liêu... bị giam tại ngục Hà-Nội, nên chưa nghe biết tin ấy.

Đổ-Văn-Y, người Hòa-An (Cao-Lãnh), có tình bà con với cụ Nguyễn-Quang-Diêu. Năm 1907, đang làm giáo-viên, được chọn đưa xuất-đương du học tại Trung-Đức học-đường Hồng-Kông, giỏi tiếng Tàu, tiếng Đức. Sau vụ bắt tạc-đạn tại Hồng-Kông, cụ theo làm thông-ngôn cho cụ Cường-Đề sang Âu-Châu rồi ở lại học tại Pháp.

Lúc ở Pháp mới về, có cụ Hùng - một đồng chí giỏi nho ở Hòa-An bày tiệc khoản-đãi cụ Y. Giữa tiệc có đồng đủ nhiều nhà ái-quốc, cụ Hùng muốn thử lòng và thử lại tài thơ của cụ, nên ra một đầu đề cho cụ Y làm. Đề là *Cả trống*, và hạn vận : *Mò, o, ô, cô, phu*. Đổ-Văn-Y làm ngay →

Đoàn-Kỳ-Thụy nhận viện trợ Việt-Nam để đánh Pháp, chúng ta chắc được phóng-thích nay mai !

Cái tin của Lý-Liêu làm không-khí trong trại tù nóng rực cả lên trong đêm ấy, và âm-âm luôn năm bảy ngày sau đó, nhưng dần-dần rồi im bật, không nghe thấy có chuyện gì xảy ra ở nhà tù cũng như ở Việt-Nam (1).

Lý-Liêu, như chúng tôi đã có dịp nói, là một sinh-viên du-học, bị liên-can trong vụ tạc-đạn nên bị đày. Cụ trẻ tuổi nhứt trong số các đồng-chí, giỏi tiếng Anh, tiếng Tàu và biết chút ít tiếng Tây, nên từ khi bị đày sang Guyane, xếp Tây ở trại tù miễn cho cụ những việc nặng-né của tù-phạm, để sai cụ liên-lạc những chuyện vặt từ trại tù xuống Cayenne. Trại tù ở ven rừng, cách xa Cayenne hàng chục cây số, cho nên Lý-Liêu thông-thả tới lui, có khi được ở đêm tại Cayenne, tha hồ đi lại với kiều-dân Trung-Hoa, Nhật-Bản.

← *Đêm khuya thức dậy tối đen mờ,
Cất tiếng kêu người gáy ó-o.
Rơi máu trường-trung lòng chẳng gớm,
Xấu mình chiến-hậu tiếng không ó !
Giống nòi quyết giữ ơn tròn- vẹn,
Cưa sắt nào nạt phận quá-cô.
Một độ ăn thua trời đất biết,
Ấn đèn nghĩa trả cái công-phu.*

Tiệc tan, có người báo Pháp, nói cụ Y về nước hội-hiệp nhiều người muốn tính đại-sự, người ta còn cất nghĩa những ẩn ý trong bài thơ. Cụ Hùng, cụ Y và cả bọn đều bị bắt.

Cụ Y bị giam sáu tháng, sau được tha về, có lúc làm Quản-lý Anh-Hà ăn-quản tại Cán-Thơ.

(1) — Tin này không phải hoàn toàn thất thiệt. Tháng 4 năm 1914, cụ Cường-Đề rời Anh về Trung-Hoa, vì có thư của Hồ-Học-Lâm gửi qua nói Viên-Thế-Khải có ý muốn gặp cụ để bàn về việc ủng-hộ cách-mạng Việt-Nam. Thượng tuần tháng 6 năm ấy thì cụ tới Bắc-Kinh, Đoàn-Kỳ-Thụy tiếp đón trọng hậu và hoạch-định chương-trình viện-trợ làm 2 thời kỳ : thời-kỳ chuẩn-bị và thời-kỳ tiến-hành. Nhưng về sau vì có chuyện lời-thời với Nhật, Viên-Thế-Khải bận chuyện ngoại-giao nên vấn-đề viện-trợ Việt-Nam hóa ra việc suông.

Ở xứ người xa lạ, tứ bề bị bưng-bít, mà biết được những cái tin như vậy các cụ cũng thấy vui.

Một lần khác, mọi người đang nghỉ trưa, Lý-Liệu từ Cayenne về, lay hai cụ Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh-Hữu-Thuật dậy bảo :

— Vua Duy-Tân đã hiệp với Trần-Cao-Vân chống Pháp, nhân-dân trong nước sôi-nổi hưởng-ứng khả-quan...

Đinh-Hữu-Thuật chặn lại :

— Lại khả-quan nữa ! Có xác thực không vậy chú ?

— Thì đây, một tờ báo Tàu có loan tin đó, các anh coi...

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu cầm tờ báo xem. Một bài đăng trang đầu; xét về tình-hình các nước nhợc-tiểu giữa thế-chiến, có nói phớt qua tình-hình Việt-Nam và tin tức trên.

Lại một phen nữa tung-bừng vui nhộn trong lòng các cụ dù là sau đó cũng chẳng có gì (1).

Thời-khắc cứ lặng lờ trôi, lòng yêu nước của các cụ vẫn không hề lay chuyển; tuy-nhiên đứng trước viễn-tượng mịt mờ của con đường trở về cò-quốc, có lúc không khỏi bối hối ngao-ngán. Một bức thư của cụ Nguyễn-Quang-Diêu từ Guyane gửi về gia-quyền, đã bộc-lộ ý đó trong mấy vần thơ :

*Mười năm đèn sách con nhờ mẹ,
Nghìn dặm non sông thiếp ngóng chàng !
Cam tui nổi mình còn thề mất,
Buồn cười cuộc thế hiệp rồi tan.*

Và trong một bài thơ khác của cụ Lý-Liệu gửi cho chị lúc bấy giờ :

*Đã rằng chung đội ơn trời đất,
Thôi chớ phân bì phận gái trai.
Ngoài cuộc phong-trần em gánh cả,
Trong khi hướn-cấp chị gồm hai !*

(1) Vua Duy-Tân khởi-nghĩa ngày 3 tháng 5-1916, việc thất-bại nên bị Pháp bắt đày sang đảo Réunion. Ngày 26 tháng 12 năm 1945, nhà vua bỏ mình vì một tai-nạn máy bay tại xứ Banghi, thuộc Phi-Châu. Cái chết thê-thảm của nhà vua có điều bí-ẩn đáng chú-ý!

1424/14

VĂN-HÓA — SỐ 66

Mọi lòng chờ đợi mà tình-thế Việt-Nam vẫn chưa có gì thay đổi lớn, mặc dù cuộc thế-giới chiến-tranh đã bùng nổ từ tháng 7 năm 1914, các cụ bàn nhau nhất quyết tìm cách vượt ngục.

VII. VƯỢT NGỤC SANG TRINIDAD

Trong thời-gian ở Guyane, Lý-Liệu có một vai-trò khá quan-trọng đối với các đồng-chí cách-mạng : kêu với Tây đề đòi quần áo, thuốc men là tay cụ ; bắt tin-tức bên ngoài đề hiểu biết tình-hình chính-trị là nhờ cụ ; gửi thư về thăm gia-quyền và nhận thư của gia-quyền gửi sang, cũng một tay cụ ; rồi nay tính chuyện vượt ngục, anh em cũng lại trông cậy vào cụ nốt.

Cụ vốn quen biết và có nhiều cảm-tình với một số kiều-dân Trung-Hoa. Một lần cụ đem ý định muốn vượt ngục đó nói cho vài bạn thân biết và ngỏ ý xin nhờ liệu cách giúp đỡ, cụ được họ ừ-liền.

Công việc sắp đặt bắt đầu từ giữa năm 1916, nhưng đến đầu năm 1917 mới có một chuyến khởi-hành.

Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh-Hữu-Thuật đi trước. Hai cụ được đưa xuống một chiếc mành đánh cá của thổ-dân đề từ bờ biển Guyane dong buồm sang đảo Trinidad (1). Mọi việc lo liệu tốn kém đều do mấy bạn Hoa-Kiều gánh chịu, họ còn tốt bụng viết thư giới-thiệu trước với một thương-hội ở Trinidad về tình-cảnh của các nhà cách-mạng Việt-Nam và yêu-cầu ủng-hộ,

Từ đó ở Guyane thỉnh-thoảng có người vượt-ngục và mấy tháng sau Lý-Liệu cũng trốn được theo anh em sang Trinidad.

Trinidad là một hải-đảo thuộc Anh, có nhiều kiều-dân Trung-Hoa như ở Guyane (2). Họ giúp các cụ có cơ-sở làm ăn : Nguyễn-Quang-Diêu coi về thư-từ giao-dịch cho một chi-điểm thương-hội, Đinh-Hữu-Thuật kiểm-soát hàng-hóa xuất-nhập cho thương-hội đó ; còn Lý-Liệu thì chỉ ở trong thương-hội một thời-gian rồi ra lấy vợ Anh ; nhờ của hồi-môn, vợ chồng mở riêng một hiệu buôn đề tự lập sinh nhai.

(1) Chuyến đi này khi gần đến Trinidad thì thuyền bị đắm, vài thổ-dân bị mất tích.

(2) Trinidad có 4822 cây số vuông, 530.800 dân, tỉnh-lỵ là Port of Spain. Sản-vật có dầu lửa, ca-cao, đường...

VĂN-HÓA — SỐ 66

1425/15

Việc ở ăn được yên-đơn, cụ Nguyễn-Quang-Điêu ban ngày làm cho thương-hội, ban đêm học tiếng Anh. Riêng về tiếng Tàu thì cụ đã lâu-thông từ trước nên được người Tàu trọng dụng.

Không-khí tự-do ở Trinidad đã làm các cụ dễ chịu về phần thể-xác, nhưng tâm-hồn các cụ luôn luôn quẩn-quại vì trách-nhiệm dờ-dang. Nhất là từ sau ngày thế-giới đại chiến chấm dứt tình-hình cách-mạng Việt-Nam vẫn im-lặng, các cụ càng thêm căm bực. Cụ Nguyễn-Quang-Điêu có lần nóng-nảy xin với thương-hội cho cụ nhiệm-vụ đi công-tác sang một chi-điểm bên Anh. Bề ngoài cụ làm việc cho thương-hội thật nhưng bên trong để cụ có dịp ngóng nghe tin-tức. Tuy nhiên cụ cũng thất-vọng hoàn-toàn vì không gặp được đồng-chí và cũng không tìm hiểu được gì xác-thực về tâm-hoài của các lãnh-tự cách-mạng nước nhà.

Thời-gian lại vẫn trôi, mà sự bồng-bọt trong lòng các cụ thì mỗi lúc mỗi mãnh-liệt. Khoảng năm 1920, các cụ họp nhau bàn định trở về. Cụ Đinh-Hữu-Thuật nói :

— Mục-đích vượt ngục của chúng ta là trốn cái khổ về tâm-hồn hơn là trốn cái khổ về thể-chất, nay thể-chất được sung túc mà tâm-hồn vẫn không hơn gì khi ở Guyane thì phỏng có sướng gì mà mãi ở đây, vậy tôi đề-nghị anh em tìm phương về nước

Cụ Nguyễn khoa tay :

— Đồng ý. Nhưng theo tôi thì không thể về nước ngay được vì hiện nay ta chưa rõ tình-trạng nước nhà ra sao ; tôi thấy ta hãy về ngay Trung-Hoa trước thì tiện hơn.

Lý-Liễu reo lên :

— Anh Cảnh-Sơn (1) nói phải. Chúng ta bây giờ bề ngoài là người Tàu cả, chúng ta hãy về Tàu rồi sẽ liệu cách hiệp-đoàn với Tàu mà về trong nước. Và hiện nay các nhà lãnh-tự chắc còn ở Tàu, chúng ta về đó đề may ra có cách gì hoạt-động được chăng !

(1) Cảnh-Sơn là một biệt-hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Điêu lúc vượt ngục và làm việc cho thương-hội.



MỘT TRANG BẢN CHỮ NÔM
trong « Cảnh-Sơn thi tập » của Cụ Nguyễn Quang-Điêu
(do môn-sinh Nguyễn Chính-Giáo chép lại)

Việc ở ăn được yên-ổn, cụ Nguyễn-Quang-Điêu ban ngày làm cho thương-hội, ban đêm học tiếng Anh. Riêng về tiếng Tàu thì cụ đã lâu-thông từ trước nên được người Tàu trọng dụng.

Không-khí tự-do ở Trinidad đã làm các cụ dễ chịu về phần thể-xác, nhưng tâm-hồn các cụ luôn luôn quẫn-quại vì trách-nhiệm dờ-dang. Nhất là từ sau ngày thế-giới đại chiến chấm dứt tình-hình cách-mạng Việt-Nam vẫn im-lặng, các cụ càng thêm căm bực. Cụ Nguyễn-Quang-Điêu có lần nóng-nảy xin với thương-hội cho cụ nhiệm-vụ đi công-tác sang một chi-diểm bên Anh. Bề ngoài cụ làm việc cho thương-hội thật nhưng bên trong để cụ có dịp ngóng nghe tin-tức. Tuy nhiên cụ cũng thất-vọng hoàn-toàn vì không gặp được đồng-chí và cũng không tìm hiểu được gì xác-thực về tâm-hơi của các lãnh-tự cách-mạng nước nhà.

Thời-gian lại vẫn trôi, mà sự bồng-bột trong lòng các cụ thì mỗi lúc mỗi mãnh-liệt. Khoảng năm 1920, các cụ họp nhau bàn định trở về. Cụ Đinh-Hữu-Thuật nói :

— Mục-dịch vượt ngục của chúng ta là trốn cái khổ về tâm-hồn hơn là trốn cái khổ về thể-chất, nay thể-chất được sung túc mà tâm-hồn vẫn không hơn gì khi ở Guyane thì phỏng có sướng gì mà mãi ở đây, vậy tôi đề-nghị anh em tìm phương về nước

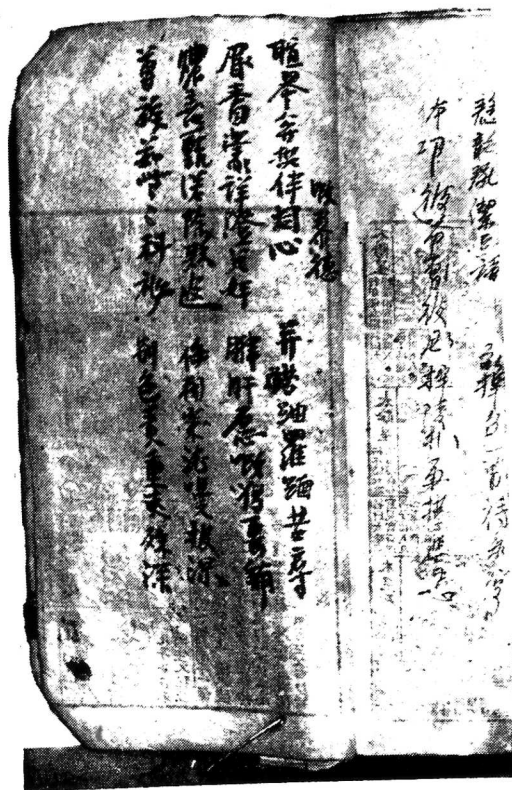
Cụ Nguyễn khoa tay :

— Đồng ý. Nhưng theo tôi thì không thể về nước ngay được vì hiện nay ta chưa rõ tình-trạng nước nhà ra sao ; tôi thấy ta hãy về ngay Trung-Hoa trước thì tiện hơn.

Lý-Liễu reo lên :

— Anh Cảnh-Sơn (1) nói phải. Chúng ta bây giờ bề ngoài là người Tàu cả, chúng ta hãy về Tàu rồi sẽ liệu cách hiệp-đoàn với Tàu mà về trong nước. Và hiện nay các nhà lãnh-tự chắc còn ở Tàu, chúng ta về đó để may ra có cách gì hoạt-động được chăng !

(1) Cảnh-Sơn là một biệt-hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Điêu lúc vượt ngục và làm việc cho thương-hội.



MỘT TRANG BẢN CHỮ NÔM
trong « Cảnh-Sơn thi tập » của Cụ Nguyễn-Quang-Điêu
(do môn-sinh Nguyễn-Chính-Giáo chép lại)



Chân-dung Cù NGUYỄN-THẦN-HIẾN

Các cụ tiếp tục bàn thêm và sau rốt quyết-định :

— Yêu cầu thương-hội cấp giấy tờ và giới-thiệu với các hiệu buôn lớn bên Trung-Hoa để khỏi bị nghi-ngờ trong việc hành-trình.

— Đi lần lượt từng người cho êm chuyện.

— Về Trung-Hoa để lắng nghe tin-tức chứ chưa về thẳng trong nước.

Trong mấy năm sống ở Trinidad, nhờ làm việc siêng-năng và chí-tiêu tận-tiện, bây giờ ai cũng dư tiền, cho nên chuyến này ra đi, các cụ khỏi phải nhờ các bạn Trung-Hoa quyên giúp.

Giữa năm 1920, Nguyễn-Quang-Điều đáp tàu lên Hoa-Thịnh-Đốn, cụ ở đó một lúc rồi đổi sang tàu khác mà về Trung-Hoa. Lần lượt các cụ khác đi theo.

Riêng Lý-Liệu phen này ra đi chắc là khờ-tâm chẳng ít. Cụ có vợ Anh như đã nói, và đã sanh với nhau được hai mặt con. Hôm ra đi, thừa lúc vợ con về quê ngoại, cụ lấy lấy một ít tiền, khóa kín các tủ lại, để lại một phong thư (1).

Tâm hồn cao thượng của các bậc chí-sĩ nhắc ra làm ta xiết bao kính-mến ; nhưng buồn thay, cụ sau này về nước, bị Pháp bắt được đày ra Côn-Đào và bỏ thầy luôn ngoài đó.

VIII.— SANG TÀU

Cuối năm 1920, Nguyễn-Quang-Điều về tới Hồng-Kông, cụ không tìm gặp đồng-chí nào cả, nên đi thẳng Quảng-Châu, vì nghe nói các cụ Cường-

(1) Bỏ vợ trẻ con ngoan ra đi, không được nói lên một câu từ già, mà là một chuyến đi vĩnh-quyết, ai lại không thấy lòng mình xót-xa. Cụ Lý-Liệu lúc về nước, trong một buổi chiều nhàn rỗi ngồi chơi nói chuyện với một bạn thân, than :

— Hiện bây giờ, bên kia trời xa vợ, vợ con tôi có dè dặt tôi ở đây ! Chắc chúng nhớ-nhung tôi dữ lắm !

Từ ngày cưới vợ cho tới lúc bỏ vợ ra đi, khoảng sáu năm, cụ chưa hề nói thật cho vợ biết mình người Việt. Vợ con cụ vẫn tưởng đâu cụ người Tàu !

Đề, Nguyễn-Hải-Thần, Phan-Bội-Châu và một số thanh-niên trong nước ở sang đang có mặt tại đó.

Nhưng khi tới Quảng-Châu, cụ cũng thất-vọng vì cụ Cường-Đề chờ đợi Đoàn-Kỳ-Thụy viện-trợ không được nên bỏ sang Nhật và cụ Phan-Bội-Châu đã đi Hàng-Châu để sinh-nhai bằng ngòi bút từ cuối năm trước. Cụ chỉ gặp cụ Nguyễn-Hải-Thần và một vài thanh-niên đồng-chí nhưng Nguyễn-Hải-Thần bấy giờ cũng không hoạt-động được gì ngoài công việc hướng-dẫn và giúp-đỡ các thanh-niên trong việc học.

Xét chung thì tình-thế cách-mạng Việt-Nam ở ngoại-quốc khoảng này thật là đáng buồn : số người ít ỏi, sống rời rạc, nghèo túng và còn phải lo tránh lú chó săn của Pháp. Cụ Cường-Đề có nói : «...Những người ở ngoài, hoàn-cảnh đã khôn khó, kình-tế lại thiếu-thốn, đành phải bó tay không làm gì được. Trái lại, những kẻ về thú tội thì lại trở ra hoạt-động rất dữ, toan tiêu-diệt hẳn cái chủ-động-lực chống Pháp ở hải-ngoại ». Thế nên dù nhiệt-huyết có thừa, vận-hội vẫn chưa cho phép các cụ làm sao khác được.

Cụ Nguyễn-Quang-Điêu trong tình-cảnh ấy, đành phải tìm sang Tứ-Xuyên, ở nhờ với một người bạn Trung-Hoa ; cụ chịu thiếu-thốn ít lâu rồi sau giúp làm tài-phụ cho một hiệu thuốc bắc lớn tại đó. Thỉnh-thoảng cụ có trở về Quảng-Châu để gặp gỡ anh em và gặp cô Trần-Bội-Trân, một nữ đồng-chí có phận sự liên-lạc (?), để tìm hiểu tin-tức.

Tuy-nhiên, đến mùa hè năm 1924, phong-trào cách-mạng bỗng lại dâng lên ; duyên-do là quả tạc-đạn của Phạm-Hồng-Thái ném ở Sa-Điện đề mưu-sát Toàn-quyển Merlin ngày 19 tháng 6 năm ấy.

Các cụ xôn-xao nhóm họp, bàn mưu đây mạnh thế-lực cách-mạng lên. Cụ Phan-Bội-Châu từ Hàng-Châu cũng được các đồng-chí mời về hội tại Quảng-Châu để thừa cơ hoạt-động.

Rồi nào in tuyên-truyền-phâm, tuyên bố dân-bản chủ-nghĩa, nào phái người về nước gọi thêm các đồng-chí ra, nào vận-động với Trung-Hoa Quốc-Dân-Đảng viện-trợ cách-mạng Việt-Nam... tình thế chung xem mòi dễ chịu. Một bài tuyên-truyền hồi đó tỏ vẻ lạc-quan :

*Sa-Điện gió âm hồn quỷ khóc,
Châu-Giang nước lạnh bóng hồng sa.*

1428/18

VĂN-HÓA — SỐ 66

*Non sông ba cõi kinh lòng giặc,
Trời đất năm châu mở mặt ta.*

Cụ Nguyễn-Quang-Điêu bấy giờ cũng hội về Quảng-Châu, cụ được các đồng-chí giới-thiệu vào nói chuyện tại trường «Hoàng-Phổ quân-quan học-hiệu». Đề-tài hôm ấy là «*Việt-Nam cách-mạng lưu-vong chư nhân-vật*» (các nhà cách-mạng Việt-Nam lưu-vong). Cụ nói bằng tiếng Tàu, trình bày tình-cảnh khôn cùng của một nòi dân vong-quốc và cái tủi-cực ê-chề của các nhà cách-mạng Việt-Nam trên bước lưu-vong, có mục đích khuyến-khích thanh-niên tha-thiết với tự-do độc-lập (1). Trong trường này, ngoài thanh-niên ngoại-quốc, có một số thanh-niên Việt-Nam được học miễn-phí

Nhưng rồi từ ấy trở đi cũng chẳng có gì thay đổi : Pháp vẫn đàn-áp bắt kê các cuộc bạo-động trong nước và các nhà cách-mạng hải-ngoại vẫn chỉ héo-hắt sầu mong (2).

Vào đề một bài *Trung-thu ngoạn nguyệt* giữa khi sống gởi đất người, người có tâm-hồn cứng-cỏi như cụ Nguyễn-Quang-Điêu, cũng phải đã tẩm-tức mạch lòng mà tha-hồ cho lệ tuôn đầu bút :

*Bao độ tròn trăng hội Á Âu,
Mà người cay đắng mấy mươi đầu !*

Cho tới cuối năm 1925 trở đi, tức sau ngày cụ Phan-Bội-Châu bị bắt, phong-trào xin ân-xá cho cụ nổi lên, cách-mạng mới lại có được một luồng gió mát.

Trong khi toàn-dân tranh-đấu cho cụ Phan được tự-do, thì báo-chí Trung-Hoa luôn-luôn theo dõi, loan báo tin-tức. Ngoài cái tin cụ được tha, còn có một tin khác nói cụ sẽ bị đưa đi an-trí ngoại-quốc. Nguyễn-Quang-Điêu đang ở Tứ-Xuyên, nghe tin vừa phấn-uất vừa thương-tiếc cụ Phan, có làm một bài khác tiễn, trong có mấy câu :

(1) — Theo tài-liệu của gia-đình Nguyễn-Quang.

(2) Khoảng này, để tránh sự theo dõi rất gắt của bọn mật-thám Pháp, cụ Nguyễn nhờ các bạn Trung-Hoa giúp gởi sang Nữ-ước. Khi đi qua mấy thương-phụ của Pháp, cụ phải giả làm bồi tầu cho khỏi bị tình-nghi.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1429/19

Mảng tin xiết nỗi bồi-hồi,
 Gớm cho mưu việc cừ-khôi rất thần !
 Sức nhớ chữ « bách thân mạc thực »,
 Ngọn lửa hồng càng dục càng nồng.
 Vô-tình chi bấy hóa-công,
 Tôi chi mãi khiến anh-hùng tiêu-ma ?
 Thương vì cụ đường xa gánh nặng,
 Trái bao phen cay đắng đủ mùi,
 Đêm thân cống-hiến giống nòi,
 Quyết sao quốc thê rạng ngời có khi.
 Hiềm vì nỗi thời kỳ vị ngô,
 Đành tự cam mật lộ anh-hùng !
 Nào-nễ sóng dập gió rung...

IX. — VỀ NƯỚC

Cụ Phan-Bội-Châu được « ân-xá » chưa bao lâu thì cụ Phan-Châu-Trình mất (1926). Đám táng cụ được cử-hành lễ truy-diệu rất long-trọng. Vì lễ đó mà phong-trào học-sinh bãi-khóa phát-sinh từ Bắc gậy một tiếng vang lớn-lao (1).

Các nhà cách-mạng của ta ở Tàu biết vậy ai cũng muốn tìm cách gây lại phong-trào, nhưng ngặt phương-tiện không có, thêm người ít mà tư-tưởng không đồng, tuy không khuynh-loát nhau nhưng chia ra nhiều phân-bộ làm việc với hệ-thống khác nhau ; cho nên phải thành-thật mà nhận rằng thế-lực cách-mạng Việt không có gì đáng kể như trước.

Trước tình-thế ấy, cụ Nguyễn-Quang-Diêu tình-nguyện trở về hoạt-động. Cụ nói cho cụ Nguyễn-Hải-Thần biết qua ý đó, cụ Nguyễn-Hải-Thần rất tán-

(1) Trong năm này (1926), cụ Nguyễn-Quang-Diêu lại từ Tứ-Xuyên về Quảng-Châu để hội họp với các đồng-chí. Cụ có sang thăm mộ Phạm-Hồng-Thái và viếng mộ 72 liệt-sĩ Trung-Hoa tại Hoàng-Hoa-Cương. Cụ làm nhiều bài thơ bằng Hán-văn, đề nơi phân-mộ các liệt-sĩ và có hai bài thơ Nôm, một bài truy-niệm Phạm-Hồng-Thái, một bài cảm-đề 72 liệt-sĩ Trung-Hoa. Các bài ấy nay đã lạc mất, chỉ còn sót một bài *Viếng Hoàng-Hoa-Cương* mà chúng tôi xin sẽ công-bố trong một dịp khác.

1430/20

VĂN-HÓA — SỞ 66

thành, khuyến cụ khi về nước nên liên-lạc rộng-rãi để may ra có thể gây lại phong-trào mạnh-mẽ được không. Cuối năm ấy, cụ từ biệt cụ Nguyễn-Hải-Thần và một vài đồng-chí thân-tín rồi xuống tàu về ngay Sài-gòn.

Cụ lấy giấy thông-hành Trung-Hoa với biệt-danh Nam-Xương, mặc đồ Tàu, nói tiếng Tàu, và lúc xuống tàu cụ chơi rông với người Tàu nên khi tới Sài-gòn không hề bị một ai đề ý.

Hôm ấy đúng vào trung-tuần tháng hai năm 1927, cụ đi thẳng về Sa-đéc, ghé nhà cụ Cử Võ-Hành. Lần đầu tiên gặp nhau, sau nhiều năm xa-cách, cụ Cử-Hành qua lần kính trắng, nhìn hồi lâu, vùng la lên :

— Chú Thầy năm !...

Cụ Cử tính nóng nảy gan ruột mà cụ Nguyễn cũng hăng hái ruột gan, nên hai người đã có lòng mến nhau từ trước. Nội ngày ấy, cụ Cử nhờ cụ Hai-Ký mang tin cho cụ bà Nguyễn-Quang-Diêu hay, đồng-thời cụ kêu thợ may đến nhà đo cắt cho cụ Nguyễn mấy bộ quần áo để hợp đi lại. Đồ mặc của cụ Nguyễn không thiếu, nào Tây nào Tàu, nhưng « mốt » Trung-Hoa không giống « mốt » Việt-Nam, sợ thấy lạ mà bọn lính kín Tây đề ý.

Cụ bà Nguyễn-Quang-Diêu đến Sa-đéc cùng hai người con. Vợ chồng con cái gặp nhau, tình không xiết nói. Cụ Nguyễn bảo :

— Tôi tưởng bỏ thân đất lạ, nay may mà được về đây, mừng rỡ gặp như vậy cũng là quý lắm. Thôi bà trở về lo-lắng nuôi con, còn phần tôi, bao giờ việc nước chưa xong chắc tôi chưa sum-vầy với gia-đình được.

Hai hôm sau, cụ Cử sai anh Hai — người nhà của cụ — đưa cụ Nguyễn vào sở đồn-diên của cụ tại Ba-Thê để tạm-trú (1). Mặt khác, người con trưởng của cụ Nguyễn lo việc giấy tờ hợp-pháp cho cụ : nộp cái giấy thông-hành cấp tại Trung-Hoa cho Ban-trưởng Long-Xuyên để đổi lấy giấy khác, cùng tên và xin đóng một giấy thuế thân tại xã Bình-Phước-Xuân lấy tên là Trần-Văn-Vện để tránh một phần trở-ngại trong khi hoạt-động.

Tính từ năm xuất-ngoại (1913) cho tới khi trở về (1927), cụ đã mất 14 năm dài dằng-dặng

(1) Cụ Cử có mướn một sở đất tại vòm Ba-Thê, phía trong núi Sập để làm ruộng.

VĂN-HÓA — SỞ 66

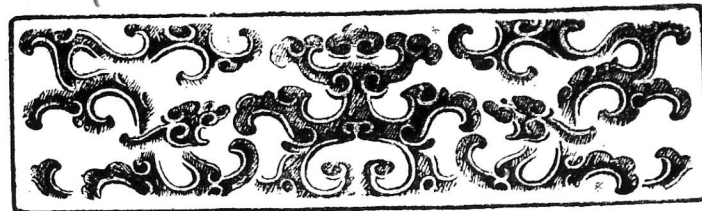
1431/21

Ôn lại đoạn đường đã qua của cụ Nguyễn ở hải-ngoại, trừ mấy lúc bị giam-cầm, đày ải, ta thấy trong cảnh bốn-tàu giang-hồ, cụ lúc đói no, khi sâu oán, lúc già bộ làm bởi Tàu nhem-nhuốc lênh-dềnh trên mặt sóng trùng-dương, khi chính-thức ngồi ghế tài-phú nghiêm-trang ở Trinidad hay giữa châu-thành Tú-Xuyên trù-mật, nhưng chẳng hề lấy đó làm toại-nguyện hay biến tiết nản lòng. Cụ khư khư ôm một hoài-bảo to-tát là phải làm sao phục-hưng dân tộc, đuổi sạch quân-thù, dù có phải chết đi về nghĩa-vụ, vẫn hơn là sống mà chịu cảnh nhục-thẹn đớn đau : Nhiều bài thơ cụ làm bằng Hán-Văn, đối họa với các chính-khách Tàu, nói lên cái hiên-ngang bất-khuất, cái túi-cực ê-chề trong tâm-hồn cụ mà khi về nước sau này cụ lại đọc cho nghe, nhiều nhà nho phải ngậm-ngùi đến rơi lệ. Tiếc thay những bài ấy đã thất-lạc hầu hết. Nay ta thử tạm đọc mấy câu này để xem cái chí quật-cường của cụ ra sao :

Thiên kinh phong-vũ vô vi yểm,
Địa thực kiên-trăng bất thiêu hoàng !
(Trời hay mưa gió, hăng vùng vẫy,
Đất choán gai chông, mưa phập-phồng).

Vũ-bão càng to thì sức hoạt-động càng hăng, gai-chông càng lắm thì con người gan mật nào đã có sợ gì ! Việc về nước của cụ phen này là cụ đã đâm chân vào chỗ gai chông, mưa gió đó.

(Còn tiếp)
NGUYỄN-VĂN-HÀU



NGƯỜI VÀ CẢNH

THANH-SƠN

Một trong các đặc-diểm của khoa sư-phạm cũng như của văn-chương, là mối tương-quan giữa người và cảnh, là sức tương-liên, tương-hỗ giữa tính-tình của cá-nhân và sự-vật bên ngoài. Phải chăng vì vậy, mà người ta thường nói : « Người ấy mà buồn, thì cảnh này còn vui sao được », tức là anh mà buồn, thì tôi và sự-vật chung quanh còn khơi sao được nguồn hứng-thú ? Trong Đoạn-trường tân-thanh, Nguyễn-Du cũng đã viết :

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Vậy thiết-tưởng nên lược-khảo vấn-đề này, để tìm ra một nguyên-tắc khả-dĩ áp-dụng trong giáo-dục, và riêng trong môn luận quốc-văn.

I — NỘI-TÂM VÀ NGOẠI-CẢNH

Tiếng « người » thông-dụng ở đây, theo triết-học được gọi là nội-tâm tức là cái thể-giới bên trong, bao gồm tất cả các hiện-tượng xảy ra trong tâm-linh của mỗi cá-nhân. Trái lại, cảnh là ngoại-giới, ngoại-vật. Trong Cung- oán ngâm khúc có câu :

Cái thân ngoại-vật là tiên trên đời.

Nội-tâm và ngoại-cảnh, tuy khác nhau, mà đều có một tính-cách vô cùng phức-tạp. Ai cũng biết câu ca-dao :

Sông sâu còn có kẻ dò,
Lòng người nham-hiềm ai đo cho tường ?

Thực ra, dù không nham-hiềm, nhân-tâm cũng là cả một vũ-trụ thâm-kín. Trước hết, các văn-nhân, thi-sĩ thường nhắc tới các tri-giác mong-manh, tế-nhị, các bất-khả lượng-vật (1), ta phải cảm thấy bằng trực-giác, chứ không sao mô-tả nên lời.

Khi Thúy-Kiều và Kim-Trọng, gặp-gỡ lần đầu, cảm-tình của hai bên mới chớm-nở, rất nhẹ-nhàng, kín-đáo, không có từ-ngữ nào nói lên được, nên nhà thơ cũng chỉ gợi ý, mà đặt thành những câu chưa chấm hết :

Tình trong như đã... mặt ngoài còn e...

Nội-tâm còn rất phức-tạp, vì chịu ảnh-hưởng của tiềm-thức và vô-thức.

Tâm-lý học cho ta biết rằng : một hiện-tượng nhắc đi, nhắc lại có ảnh-hưởng sâu-xa đến vô-thức của ta, mà thường ta không rõ. Mẹ thầy Tăng-Sâm đương ngồi dệt cửi, khi có người đến báo là con bà vừa mới giết người. Vốn biết con mình là người hiền, nên bà tin chắc có sự lầm-lẫn, và cứ thân-nhiên làm việc. Người thứ hai, rồi người thứ ba, đến cùng nhắc một hung-tín. Bà tự cảm thấy xao-xuyến, e-ngại, rồi bất-thần trèo tường đi trốn-tránh-tín. Bà tự cảm thấy xao-xuyến, e-ngại, rồi bất-thần trèo tường đi trốn-tránh-tín. Bà tự cảm thấy xao-xuyến, e-ngại, rồi bất-thần trèo tường đi trốn-tránh-tín. Phải chăng ý-niệm kia đã dần dần tiêm-nhiễm vào vô-thức, khiến bà tin, mà bôn-chôn trong dạ ? Tartarin tại Tarascon luôn-luôn khoe-khoang là đã từng qua thăm Thượng-Hải, nên rất cuốc, chính chàng cũng tưởng là thực.

Người ta cũng dựa vào nguyên-tắc này, nên hiện thời, tại các nước tân-tiến, các thương-gia, kỹ-nghệ-gia, và chính-khách, đua nhau quảng-cáo hay tuyên-truyền...

Một mặt khác, hoạt-năng có-thể ảnh-hưởng đến cảm-năng, gây nên luật phục-quỹ giữa cử-chỉ và tính-tình. Vì tha-thiết với bạn, nên tôi mới đến thăm; nhưng năng đi lại, thì đã thân, tình lại thêm thân... Từ thế-kỷ XVII, Pascal đã viết: « Hãy đi nhà thờ, thì anh sẽ trở thành mộ-đạo » (2). Một học-sinh chăm-chú đến đâu, mà ườn-oải tựa vào bàn, một cách lơ đãng, thì chẳng bao-lâu, sẽ sinh ra đáng trí, biếng lười. Trái lại, sớ-dĩ thanh-niên phải nghiêm-chính chào cờ, hay đứng dậy đón thầy vào lớp, là người ta biết rằng cái hành-động ấy có thể phát-huy lòng ái-quốc hay tình sư-đệ giữa đám tuổi xanh... Đức Khổng thừa biết thế-nhân hay có tính đổi-thay,

1. *Les impondérables.*

2. *Allez à l'église, et vous deviendrez dévot.*

tự buông mình theo hoàn-cảnh, nên mới tập-trung các lễ-nghi thành pháp-diễn và đặt ra các châm-ngôn, đề gây nên những đức-tính thủy-chung, cương-trực...

Triết-gia Freud còn tin rằng: những tính-tình bị ần-ức, thường ần-náu trong vô-thức của ta, mà chi-phối mọi hành-động, mà chính ta cũng không rõ. Ta bỏ quên một dụng-cụ, như ô, mũ, hay cặp sách ở nhà bạn ư? Nhiều khi là tại ta thăm muốn tái-ngộ kẻ thân-yêu, nên vô-thức mới gây thành sự lơ đãng như kia. Ta vô ý làm đổ vỡ một vật-dụng ư? Thường đó là tại ta không ưa gì thứ ấy, và trộm nghĩ bỏ thì thương, vương thì tội, nên vô-thức mới khiến ta lỡ tay như vậy...

Hình-hài ta chỉ chiếm một khoảng nhỏ bé trong không-gian; song, với những bất-khả lượng-vật, với những ảnh-hưởng của vô-thức, nội-tâm ta là cả một thế-giới âm-u, huyền-bí.

Từ thời thượng-tổ, Socrate đã khuyên mỗi cá-nhân nên tự tìm hiểu lấy chính mình, (*Connais-toi toi-même*). Về thế-kỷ XIX, Victor Hugo nói tới cái hồ sâu, vực thâm của tâm-tình (*Gouffre intérieur*). Gần đây, bác-sĩ Alexis Carrel viết cả một cuốn sách nhan-đề là « Con người chưa ai biết » (*L'homme, cet inconnu*); cũng như triết-gia người Anh Aldous Huxley, bác-sĩ cho rằng : thời nay, với sự tiến-triển của khoa-học, thế-nhân bị ngoại-giới và vô-thức chi-phối, gần như biến-thành máy-móc, mà vẫn tưởng rằng mình tự-do hoạt-động. Aldous Huxley và bác-sĩ Carrel đều khuyên ta nên thân-trọng suy-xét, mà giữ lấy sự tự-chủ trong cuộc sống tối-tân...

Ngoại-cảnh cũng không kém phần phức-tạp. Dù khoa-học đã tiến-triển rất nhiều, sự hiểu biết của ta vẫn không thấm vào đâu, đối với các hiện-tượng ta còn chưa rõ. Kiến-thức của thế-nhân đối với các huyền-bí của Hoá-Công, chỉ là những tia lửa đom-đóm đối với đêm tối mênh-mông. Montaigne viết : « Tất cả các điều tôi biết, là tôi chưa biết gì (1) ! » Pascal cũng tin là có hai thứ ngu-tối : sự ngu-tối của người vô-học, và sự ngu-tối của kẻ bác-nhã, càng nghiên-cứ bao nhiêu, lại càng thấy còn nhiều bí-ẩn... Thật đúng với câu :

*Giống tròn rạng cảnh hư-không,
Thông-minh càng thấy nổi lòng hoài-nghi...*

(Đoàn-Thâm — Từ-Thức)

1. *Tout ce que je sais, c'est que je ne sais rien.*

II — NGƯỜI VÀ CẢNH TRONG VĂN-CHƯƠNG PHÁP

Tại Pháp, trong suốt thế-kỷ thứ XVII, các nhà văn cổ-diễn chỉ chăm-chú vào nội-tâm, mà tỏ vẻ thờ-ơ với ngoại-cảnh. Corneille phôi-diễn những tính-tình cao-cả của các trang anh-hùng, liệt-nữ. Racine phân tích những say-mê tội-lỗi của thế-nhân, và cho biết những éo-le của tâm-hồn. Với một ngọn bút dí dỏm, tài-tình, Molière chế-giễu các thói hư, tật xấu, các sự lỗ-lãng, ích-kỷ của mọi giai-cấp trong xã-hội. Pascal, Fénelon cũng chỉ mô-xe con người... Vẫn biết La Fontaine nhắc tới hạt sương sa giữa các lá cây, ngọn cỏ, nhưng đó chỉ là những chi-tiết hữu-ích cho câu truyện được kể ra. Bà De Sévigné ngắm nhìn từng nụ hoa hay mầm lá đương chớm-nở trên cành cây xanh tốt; song đó chỉ là kêu-gọi trí tò-mò và sự hứng-thú của bà con gái thân-yêu, nhưng lạnh-đạm. Thực ra, cũng như tất cả các văn-nhân thi-sĩ đương thời, hai vị không bao giờ trực-tiếp tả ngoại-cảnh vì ngoại-cảnh... Nhân đây ta cũng nên hiểu biết tại sao người ta lại bảo các nhà văn cổ-diễn Pháp mô-tả các tính-tình chung của nhân-loại. Đã đành rằng họ chỉ nói tới một số nhân-vật ở chung quanh họ; song ngoài các chi-tiết riêng-biệt, chỉ phù-hợp với cá-nhân hay địa-phương, còn có những nhận-thức có thể áp-dụng với bất cứ người nào và thời nào, những tính-tình, tư-tưởng vĩnh-cửu và bất-diệt, bao giờ cũng đúng. Các văn-nhân thi-sĩ về thế-kỷ thứ XVII đã đặc-biệt chú-trọng đến những tâm-trạng chung ấy. Ti-dụ, Harpagon của Molière, luôn luôn sợ mất trộm, nên chôn vùi tiền của trong vườn; còn Grandet của Honoré de Balzac thì mang tiền ra kinh-doanh, để mỗi ngày một thêm lợi, đến nỗi muốn nắm cả độc-quyền bán rượu ở Saumur. Đó là các chi-tiết riêng-biệt. Còn điều bất-di bất-dịch ở thời nào và nước nào, cũng có thể nhận thấy, là cái tính biền lận quá đáng của cả hai người.

Phải chăng Victor Hugo cũng nhận-dịnh như vậy, nên đã viết: « Hỡi anh đồ-dại kia ơi, anh tưởng tôi không phải là anh sao ? ». (1)

Tới hậu-bán thế-kỷ XVIII, J. J. Rousseau mới là người đầu tiên say-sưa về đẹp của thiên-nhiên, và thường mô-tả những cảnh-vật muôn sắc, muôn hình. Theo các nhà phê-bình, ông đã pha màu xanh tươi vào thi-văn (2).

(1) *Ô insensé qui crois que je ne suis pas toi !*

(2) *Mettre du vert dans la littérature.*

Từ đó về sau, nhất là sang thế-kỷ XIX, với học-phái lãng-mạn các văn-gia rất chú-trọng tới ngoại-cảnh, cũng như tới nội-tâm. Hơn nữa, họ càng ngày càng nhận rõ mối tương-quan mật-thiết giữa hai bên.

Hiện nay, các văn-nhân thi-sĩ Pháp không đặc-biệt khảo-sát nội-tâm như các nhà cổ-diễn, mà cũng không say-sưa ngoại-cảnh như các nhà lãng-mạn. Họ thiên về triết-học, và ưa khai-thác tiềm-thức và vô-thức, tức là hai khu-vực riêng biệt, chứa nhiều bí-ẩn hồn-nhiên của tính-tình.

III — Ý-NIỆM VỀ NGƯỜI VÀ CẢNH, Ở ĐÔNG-PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG

Hiện-thời, ở cả hai đầu thế-giới, Đông và Tây, các nhà văn đều nhận thức rõ-ràng mối tương-quan giữa người và cảnh. Nhưng muốn đi sâu vào vấn-đề, thiết-tưởng nên xét qua ý-niệm của Tây-phương và Đông-phương đối với cảnh-vật ra sao.

Trong bài lược-khảo về Bà Thanh-Quan, tôi đã bàn qua về diềm này, xin tóm-tắt lại đây, các ý chính. Dưới trời Âu, các thi-sĩ thường nhân-cách-hóa tạo-vật, say-mê nhân-cách hóa, đến nỗi coi tạo-vật như một con người. Thế là họ chia ra làm hai phái: một phái coi cảnh-vật là một tâm-hồn thân-mến, một bạn gái lúc nào cũng trẻ-trung, kiều-diễm mà hiền-từ, lúc hào-cung yêu-đương, chung-thủy; một phái lại coi cảnh-vật là một kẻ thù, kiêu-hãnh, độc-ác hay mĩa-mại. Phái thứ nhất gồm rất đông các thi-nhân về hai thế-kỷ XVIII và XIX. Lamartine nghiệm rằng; trong các bước suy-vi, khi số phận ta long-đông, mà lòng người bạc-béo, thì cảnh-vật vẫn không thay đổi, vẫn giữ vẻ dịu-dàng, âu-yếm, như một khách chung tình. Con mắt triu-mến của ông ưa nhìn cả cảnh tiêu-sơ của mùa thu buồn tẻ. Từ Rousseau đến Musset, nhiều nhà văn cũng đều coi tạo-vật là một bạn lòng đáng quý đáng yêu.

Nhưng trái lại, biết bao văn-nhân đã nguyên-rủa, cho cảnh-vật là kẻ thù. Xavier de Maistre lấy làm phẫn-úat, khi tới khóc trên mồ bạn, giữa lúc cảnh-sắc chung quanh đùa rơn với gió mây, và phôi bày bao vẻ xa-hoa lộng-lẫy... Hơn nữa, Alfred de Vigny coi tạo-vật là một nghĩa-trang, để chôn cất thế-nhân. Theo ông, số-dĩ cỏ cây phơi màu xanh, sắc thắm, là tại loài thảo-mộc sinh-sống bằng xương thịt của những kẻ quá-cổ, bị chôn vùi dưới ba thước đất; giữa các làn nước trong xanh, ông cũng mừng-tượng như trong

thấy có giọt máu của người thiên-cô...

Quan-niệm chẻ-trách tạo-vật có phần phù-hợp với khoa-học nên càng ngày càng lan-trần trong văn-nghệ. Anatole France mỉa-mai, đùa-rỡn, nhắc ta rằng thiên-nhiên sinh ra bễ-khơi để chia rẽ năm châu nhưng con người đặt ra tàu bè để thắt dây liên-lạc; thiên-nhiên gây ra bệnh-hoạn để gieo-rắc đau thương, nhưng con người chế ra y-khoa để cứu nhân độ thế; thiên-nhiên bày ra sấm-sét để khùng-bố trần-gian, nhưng con người nghĩ ra thu-lôi để tự-vệ giữa cơn mưa gió... Thực ra ngày nay, khoa-học chứng-minh rằng trái đất là một bãi chiến-trường mênh-mông bát-ngát. Trong đó, các sinh-linh tranh-đấu không ngừng, mạnh được yếu thua, theo một định-luật đào-thải tự-nhiên, vô cùng gay-gò, tàn-nhẫn. Sự thân-yêu của tạo-vật, chỉ là một điều tưởng-tượng của thi-nhân...

Đối với các nhà văn Á-Đông, thì khác. Các thi-nhân nước ta, cũng như các văn-sĩ Trung-Quốc, đều có hai ý-niệm về vũ-trụ bao-la: một bên là Tạo-Hóa, tức là một năng-lực trừu-tượng vô hình, vô ảnh, đã cấu-tạo ra muôn vật, muôn loài; một bên là tạo-vật, tức là các hình-thể thiên-nhiên do Tạo-Hóa gây thành. Người ta cùng tạo-vật đều thuộc quyền Tạo-Hóa. Nhà văn, cũng như các dân quê chất-phác, vẫn chẻ trách Tạo-Hóa đã đặt ra bao nỗi tang-thương, bao điều éo-le, buồn-tủi, vì vậy nên mới có những tiếng: con Tạo, trẻ Tạo, và những câu đầy oán-hận:

*Trẻ Tạo hóa đành hanh quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi...*

(Cung-oán ngâm khúc)

hay:

*Song le, con Tạo trêu người,
Buộc nhau chỉ một chữ « thời » mà đau.*

(Bùi Kỳ)

Dân-chúng, trong khi hát:

*Trắng bao nhiêu tuổi trắng già,
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.*

cũng ngụ-ý trách ông Tơ, bà Nguyệt, tức là những vị về phía Tạo-Hóa, chứ không phải trách gì vùng trắng bạc, mà chẻ là già-nua, lăm-lẫn...

1438/28

VĂN-HÓA - SỐ 66

Cổ khi, người ta lại rủ nhau chống lại Hóa-công, mà sức tàn-nhẫn chỉ muốn lấy lại màu tóc xanh và nét trẻ-trung của nhân-loại:

*Xin chàng chớ có bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.*

(Chinh-phụ ngâm)

Oán hờn Tạo-Hóa bao nhiêu, nhà văn lại có cảm-tình với tạo-vật bấy nhiêu, vì cho tạo-vật, cũng như thê-nhân, thường bị trẻ Tạo bỡn cợt, rầy-vò. Tạo-vật và con người đều là các nạn-nhân của Tạo-Hóa, cùng chịu đựng một số-phận chung, tức là cùng hội cùng thuyền, thì tất nhiên dễ sinh ra tình đoàn-kết, dễ có sự cảm-thông, dù chỉ là một điều tưởng-tượng. Nhân đó, mới có những câu thương cảm cỏ cây, sông núi, như câu:

*Phong-trần đến cả sợn-khê,
Tang-thương đến cả hoa kia cỏ này...*

(Cung-oán ngâm khúc)

Tóm lại, thi-sĩ Âu-Tây coi tạo-vật như một bạn gái hiền-từ hay cay-nghiệp; còn văn-gia Á-Đông thì chỉ cho tạo-vật là nạn-nhân đáng thương của trẻ Tạo, chẳng khác gì số-phận con người. Tôi xin thêm: ở bất cứ nơi đâu, Đông, Tây, hay nơi khác, tâm-lý-học cho ta biết rằng: dù muốn hay không, con người cũng thường tha-thiệt với cảnh, và tuân theo luật di-chuyển cảm-xúc, di-chuyển vì tiếp cận, hay di-chuyển vì tương-tự. Khi hai hay nhiều hiện-tượng liên-tiếp nhau, thì cảm-tình của ta đối với một hiện-tượng, có thể chuyển sang các hiện-tượng khác. Ti-dụ, tôi thân-mềm một người bạn đồng song; tự-nhiên, tôi coi các phong thư, các bức ảnh, hay các kỷ-niệm khác của bạn gửi tới, là các bảo-vật... Vì thương tiếc Elvire, Lamartine nhắc-nhờ đèn tăng đá, chỗ nàng ngồi, đèn đọt sóng, chỗ nàng nhúng chân, và đèn cả mặt hồ, nơi thanh vắng mà nàng thường nguyệt cùng ai. Dực-Tôn, vì mơ tưởng giai-nhân, đã tìm bóng dáng hay hơi thừa của người quá-cô, trong mảnh gương, nẹp áo:

*Đập cổ-kính ra, tìm lấy bóng,
Xếp tàn-y lại, để dành hơi.*

Spencer cho rằng: nếu tiếng quạ khiến ta nhớ lại một cuộc du-lịch êm-dềm thì nó cũng dễ nghe... Một mặt khác, khi hai hiện-tượng giống nhau, cảm-tình của ta đối với một, cũng sẽ lan-trần ra cả hai. Người bạn đầu tiên của Descartes

VĂN-HÓA - SỐ 66

1439/29

Ngày 25 tháng 1 dương-lịch, vua Minh-Mạng ban bố Sắc-Lệnh diệt trừ các vị giáo-sĩ người Tây-Phương và những kẻ nào dung túng các vị giáo-sĩ ấy.

Ít lâu về sau, cha Sở làng Bách-Bạt xin lãnh Phê-Rô Hữu về để dạy dỗ; lúc đó Phê-Rô Hữu được 15 tuổi và cậu sẽ đeo đuổi học hành cho đến năm 20 tuổi, dưới sự chỉ dẫn của linh-mục Tiều.

Năm 1845, Phê-Rô Hữu vào Tiều-chủng-viện Vinh-Trị. Nơi này cũng là lý-sở của Tòa Giám-Mục miền Tây xứ Bắc-Kỳ (*Tonkin Occidental*).

Làng Vinh-Trị cách Phát-Diệm 20 cây số, đồng chừng vài trăm dân, có nhiều khe rạch thông thương với sông Hồng-Hà. Cuối làng có chủng-viện gồm có 50 học trò, vị giám-mục và nhiều giáo-sĩ qua lại.

Phê-Rô Hữu được cho học lớp đệ-tứ (*classe de quatrième*); vì lẽ nơi chủng-viện đã có một học-sinh tên Hữu, nên Cha bề trên quyết định đổi tên thành Phê-Rô Triêm.

Triêm đứng đầu lớp, học rất siêng-năng, học cả chữ Nho. Hồi đó vị Giám-mục Retord cai quản địa-phận Tây Bắc-Kỳ, gồm có lối 100 ngàn giáo-dân, 60 giáo-sĩ người Việt và phòng chừng 200 sĩ-tử chủng-viện (*séminariste*).

Phê-Rô Triêm học tại chủng-viện từ năm 1850 đến 1855. Năm 25 tuổi, sau khi lãnh bằng giáo-lý đại-chương (*catéchisme*), Phê-Rô Hữu được cử dạy tại chỗ, dạy như thế trong 5 năm dưới sự chỉ-dẫn của Cha Tịnh.

Năm 1855, vị Giám-mục quyết-dịnh cho Phê-Rô Triêm vào học Đại-chủng-viện (*Grand Séminaire*) Kê-Non. Lúc đó Ngài 30 tuổi, còn người em là Jean Pháp thì được vào Tiều-chủng-viện Vinh-Trị.

Phê-Rô ở Kê-Non 3 năm, 3 năm đầy biến-cổ. Trước tình hình nguy-biến do thái-độ bài đạo của Triều-đình Huế, Giám-mục Jeantet, phụ-tá Giám-mục Retord và là Giám-đốc Đại-chủng-viện bèn quyết-dịnh làm lễ thụ-phong cho tu-sĩ Phê-rô Triêm được phong chức phó phụ-tế (*sous diacre*) rồi chức phụ-tế (*diacre*).

Liên sau đó, vị Giám-mục và tu-sĩ Phê-Rô phải tản-cư đến Làng Mát; ngày 13-7-1858, cả làng bị vây và Phê-Rô bị bắt trôi dạt đi, chở bằng ghe tới Phủ-Lý, cách Làng-Mát vài cây số.

Trong số những người đứng trên bờ xem có một người đàn bà, thấy

vị tu-sĩ đói khát bèn đem cơm nước xuống cho. Ba mươi năm sau, khi Phê-Rô Triêm trở nên Cha Cả Phát-Diệm và được triều-đình Huế phong tước, người đàn bà này đến quỳ mọp dưới chân tại tỉnh-lý Ninh-Bình và xin Cha Cả can thiệp cho hai con đang bị tù được trả lại tự-do.

Nhờ sự hy-sinh của Cha Triêm mà Giám-mục Jeantet được thoát khỏi sự tìm kiếm của quân-lính. Đưa ra trước tòa án, do ông Hoàng-văn-Phu chủ-tọa, Cha Triêm bị tra hỏi và bị đánh đập đến ngất lịm mà Cha vẫn im lặng chẳng khai gì cả nên các quan triều-đình lại càng giận thêm, bắt đem giam cầm trong ngục.

Sau cùng biết rằng không hy vọng thắng nổi sự cương-quyết của Cha, người ta tuyên án đầy Cha lên Lạng-Sơn với các tù-nhân khác.

Đến Lạng-Sơn, Cha được may mắn gặp lại em ruột là Jean Pháp cũng bị đầy tại đó. Ít lâu sau, thì Jean Pháp vì không chịu nổi những sự hành-hạ tàn-nhẫn nên đã chết trên tay Cha Triêm.

Đời sống ở Lạng-Sơn rất là khô cực. Những kẻ bị đầy phải tự làm lấy tất cả các công việc cần-thiết cho sự sống. Nhờ trí thông-minh và đức-hạnh đạo giáo, Cha Triêm được lòng kính mến và sự tin-tưởng của các bạn đồng-giáo. Cho nên người ta đã tặng cho Cha một tên là: Cho Sáu. Tên này cha giữ mãi và người ta đã gọi Cha như thế cho đến lúc cuối cùng của đời Cha.

Sở dĩ người ta gọi là Thầy Sáu (*Maitre Six*) là vì hồi bấy giờ trong tu-viện, mỗi Thầy đều được gọi theo số thứ-tự về chức-vụ trong giáo-hội của mình, ví-dụ như Thầy minoré tên Thanh được gọi là Thầy Tư Thanh; thầy phó-phụ-tế (*sous-diacre*) được gọi là Thầy Năm; thầy phụ-tế (*diacre*) được gọi là thầy Sáu.

Nơi đây, Thầy Sáu tức là Thầy Sáu Triêm, về sau được phong Linh-mục nên gọi là Linh-Mục Sáu hay là Cho Sáu (*Père Six*).

Nhờ sự hiểu biết đặc biệt của Cha về chữ nho, sự tù đầy đã đưa Cha đến đài vinh-quang.

Những nhà chức-trách Lạng-Sơn đã nhờ cha viết và dịch các công-văn chữ Nho. Ông Tỉnh-Trưởng mời Cha dạy các con của ông ta, cho nên cha được ở tại tỉnh-đường, nhưng không vì thế mà cha lợi dụng gì. Cha chỉ lo dạy dỗ con cái ông Tỉnh-Trưởng và để ý nhận xét thời-cuộc.

Đến năm 1860, Đức Cha Jeantet biết những sự biến-cổ trong đời đạo-giáo của Cha Sáu, Đức Cha đã ngầm làm lễ phong cho cha làm Linh-Mục tại Lạng-Sơn. Kể từ đây về sau, Cha Sáu được toàn quyền điều-khiển việc thánh lễ ở trong tỉnh.

Đến năm này, thì tình-thế trong nước lại càng nguy kịch hơn. Quân của Lê-Phụng đã chiếm đóng ở miền Bắc-Việt và đã lên chiếm tỉnh-lỵ Lạng-Sơn.

Ông Tỉnh-Trưởng phải kêu gọi lòng ái-quốc của Cha Sáu và giao cho những người công-giáo giữ thành Lạng-Sơn.

Cha Sáu là người trông rộng thấy xa, khôn ngoan nên đã đánh đuổi quân địch ra khỏi Lạng-Sơn và Bắc-Việt. Cha Sáu đã thắng và được ông Tỉnh-Trưởng cho phép Cha tự do đi lại trong tỉnh để truyền đạo.

Sau những năm loạn lạc, tiều-chùng-viện Vĩnh-Trị hư hại rất nhiều; Cha Sáu được ủy-nhiệm tìm cách trùng tu nơi này với sự thỏa thuận của Chính-quyền địa-phương.

Lúc bấy giờ, Cha Sáu mới lấy tên là Trần-Vân-Lục (do chữ Sáu mà ra). Triều-đình Huế chấp thuận việc trùng tu ấy để tưởng thưởng công-lao của Cha Sáu trong việc tiêu-trừ giặc Lê-Phụng.

Về việc giáo-hội, vị Giám-mục Địa-phận Tây Bắc-Kỳ cũng muốn tưởng thưởng công-lao của ngài, bèn phong cho ngài làm Cha Sở Phát-Diệm, là nơi mà Ngài sẽ đem tất cả năng-lực để phụng-sự giáo-hội và giáo-dân suốt trong 35 năm trời.

Chính là vào năm 1865, Cha Sáu bắt đầu trùng-tu Phát-Diệm. Phát-Diệm chỉ là bãi bùn lầy mọc đầy cây lách và cây sậy. Không có bờ đê để-phòng ngừa lụt lội, lại không có sông đào để tiện việc khai-khăn đất đai. Ở đây thật là cơ-hàn đói khổ.

Những năm đầu, Cha Sáu phải ra sức xếp dọn và sắp đặt trong làng Phát-Diệm sau này mới phồn-thịnh: nhà cửa và đền thờ công-giáo được xây cất tốt đẹp, ngành buôn bán được mở mang rộng-rãi.

Nhưng sau rồi thời cuộc biến-cổ trong nước không để cho Cha Sáu ở yên tại Phát-Diệm. Ngoài việc đạo giáo, Cha phải lo lắng việc chính-trị.

Năm 1873, nhiều tai-biến xảy ra tại Bắc-Việt giữa quân Pháp và Triều-đình Huế. Cha Sáu, người thận trọng, khôn khéo đã trở thành một nhà ngoại-giao tài giỏi.

Nhờ Cha Sáu, mà chính-quyền Pháp và Triều-đình Huế đã ký nhiều Hiệp-định. Cha lại còn giảng hòa nhưng người lương cùng công-giáo. Về sau Vua ban khen Cha Sáu và cấp cho Cha văn-bằng chứng-minh lòng ngay thẳng của Cha.

Từ năm 1873 đến năm 1883, Cha Sáu đã thành công trong việc chinh-đốn Phát-Diệm. Cha bắt đầu xây các bờ đê để chặn nước biển tràn vào. Cha tổ-chức dẫn thủy nhập điền, trong nom xây cất các giáo-đường.

Tại Phát-Diệm, không có đá, không có gạch, chỉ có tre, thế mà với trí kiên-nhẫn và sự thông-minh của Cha, Cha đã làm những nhà thờ đẹp để mà nay ai đi qua đó cũng tấm tắc khen ngợi.

Chính trong thời-gian này mà Cha Sáu đã xây cất nhà thờ Phát-Diệm. Ban đầu Cha cho chở về những thân cây nặng tới 10 tấn lấy từ các vùng cách đó 200 cây số, những phiến đá to lớn tới 7 thước khối, lấy từ những ngọn núi, cách đó tới 30 cây số, nhiều tấm đá găm (cầm thạch) nặng 7, 8 tấn đã được đưa lên cao tới 5, 10 hoặc 12 thước, mặc dầu không có máy móc gì cả. Cha Sáu chỉ lấy sức người và trí óc của mình mà những việc có thể nói là vĩ-dại!

Xin nhắc lại là năm 1871, Cha Sáu bắt đầu xây cái điện (*Chapelle*) nhưng cái điện này chỉ có tính-cách tạm-thời cho đến năm 1891 thì Ngài đã hoàn-thành nhà thờ Phát-Diệm mà chúng ta trông thấy ngày nay.

Những vật-liệu cần thiết để xây cất nhà thờ, Cha Sáu phải đi tìm xa lắm: như đá thì phải lấy tại núi Thiên-Dương cách Phát-Diệm 30 cây số; còn gỗ thì phải tìm trong rừng Bến Thủy, cách đó 150 cây số.

Đá thì phải đẽo cây mà nạy ra và đẩy tới bến, rồi cho lên bè tre mà kéo về Phát-Diệm; còn gỗ đây là gỗ lim (*bois de fer*), một thứ gỗ rất cứng, chịu đựng mỗi một và thời tiết, một thứ gỗ nặng hơn nước (trọng tỉ: 1,2).

Ngày nay, du-khách tới nhà thờ Phát-Diệm phải lấy làm kinh ngạc khi trông thấy 48 cột lim, xoác được 2th.40 và cao tới 12 thước. Người ta thuật

lại rằng những khúc gỗ nào do trâu kéo ra tới bờ, rồi cột gỗ vào ghe bầu để kéo về sông Hồng-Hà.

Như thế, trong nhiều năm, Cha Sáu tích-trữ vật-liệu để xây dựng nhà thờ Rosaire (*Eglise du Rosaire*) tức là nhà Phát-Diệm, một kỳ-công của nền kiến-trúc Đông-Phương chịu ảnh-hưởng của Tây-Phương.

Ngày 15-7-1883, vua Tự-Đức băng. Lúc bấy giờ Cha Sáu được 60 tuổi; chính-tình trong nước rất hỗn-độn. Các quyền thần phế lập các vua một cách rất dễ dàng. Ở các tỉnh, phong-trào bài đạo nổi dậy.

Ngày 12-3-1886, phiến-loạn đánh phá tỉnh Thanh-Hóa. Triều-đình Huế bèn phong cho Cha Sáu làm Khâm-Sai. Một buổi sáng tháng tư dương-dịch năm 1886, đức Giám-Mục Puginier thấy Cha Sáu đến Kẻ Sở trình bằng sắc của nhà vua cử Cha làm Khâm-Sai. Thật là một trường hợp khó xử, vì việc đạo (*spirituel*) và việc đời (*temporel*) là hai việc không thể kiêm-nhiệm được. Nhưng biết làm sau bây giờ, khi nhà vua đã phong cho Cha Sáu làm Khâm-Sai ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-An và Hà-Tĩnh.

Sau 35 ngày thử thách, Giám-Mục Puginier khuyên Cha Sáu nên từ khước, để khỏi sinh thù oán với các quan tỉnh và Cha Sáu đã trở về Phát-Diệm.

Không những Cha Sáu có tài đặc-biệt trong các ngành hoạt-động chính-trị và kinh-tế thời bấy giờ, mà Cha lại tỏ ra một linh-mục rất tận tâm với đạo giáo. Cha dạy các tín-đồ, cha giảng đạo trong các ngày lễ, Cha rất tốt với mọi người nhất là với những kẻ nghèo hèn và yếu đuối.

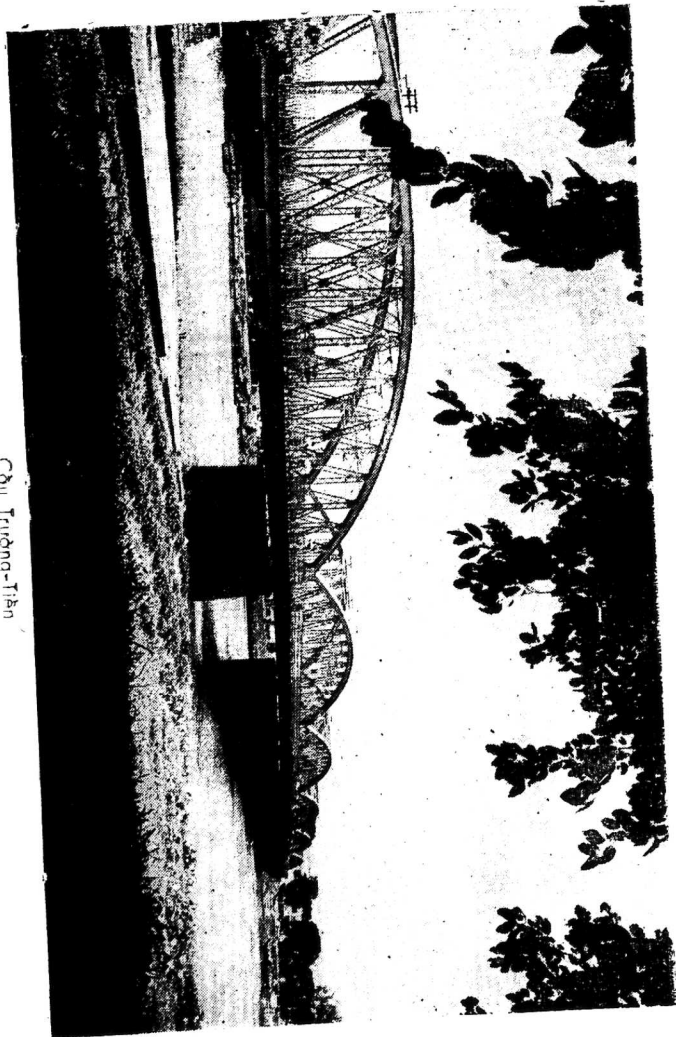
Lúc này, sức khỏe của Cha Sáu đã bắt đầu suy giảm. Trong đêm 5 rạng ngày 6-7-1899, Cha Sáu thấy mình sắp từ giã cõi trần. Khi trời sắp sáng, Cha Sáu bảo kéo chuông nhà thờ để báo tin cho bần-đạo biết: ai nấy đều xôn-xao kéo đến nhà thờ để chứng-kiến cái chết của Cha Sáu, lúc 6 giờ rưỡi ngày 6 tháng 7 năm 1899.

Đám tang của Ngài được cử hành long-trọng sáng ngày 7 giữa một số rất đông giáo-dân và đại-diện của Giáo-hội và Triều-đình Huế là vị Tổng-đốc Thanh-Hóa, tất cả đều rơi lụy vì tiếc thương một giáo-sĩ suốt đời đã tận tụy để phụng-sự giáo-hội và dân-chúng, không phân biệt Lương Giáo.

HƯƠNG-GIANG



LE PÈRE SIX.
Cure et Bâton de Phát-Diệm.
Évêque ensembler, Officier de la Légion d'honneur, Ministre honoraire des Rites.
à la Cour d'Annam, constructeur de l'église de Phát-Diệm
et curé de cette paroisse de 1866 à 1899.



CHÍ-SĨ VIỆT-NAM

NGUYỄN THÀNH

(QUÝ-HỘI 1863 — TÂN-HỘI 1911)

Thế-Nguyên
NGUYỄN BÁ-THẾ

Nguyễn Thành, có tên khác nữa là Hàm-tục gọi Ấm Hàm, hiệu Tiểu-la, tự Triết-phu, người làng Thạnh-Mỹ (nay là Bình-Quý), quận Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam.

Có tài văn-chương, nhưng trước cảnh nước nhà đang bị quân-đội Pháp xâm-lăng, từ năm 18 tuổi (Canh-thin 1880), Nguyễn đã từng cầm khí-giới chiến-đấu trong hàng ngũ nghĩa-quân, nghiêm nhiên là một chiến-sĩ chống xâm-lăng đặc lực.

Ất-dậu 1885, kinh-thành Huế thất thủ, vua Hàm-nghi xuất-bôn. Phong-trào cần-vương bành-trướng mãnh liệt. Trong hai tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Nguyễn giữ chức Tân-tương quân-vụ, triệu tập những người tiết-nghĩa dấy binh chống Pháp. Trước sau cánh quân do Nguyễn chỉ-huy đã giao-chiến với quân xâm-lăng trên sáu mươi trận lớn nhỏ. Uy-danh của Nguyễn lừng lẫy đến nỗi binh-sĩ Pháp đã thốt ra câu dặn bảo nhau : « *Gặp binh của Nguyễn Thành thì phải coi chừng* ». Cả đến Nguyễn Thân Cần-chánh-điện Đại-học-sĩ kiêm Tiểu-phủ-sứ hồi bấy giờ cũng phải nói : « *Phong-trào cần-vương Nam-Nghĩa chỉ có Nguyễn Thành là tay kiệt-hiệt hơn cả* ».

VĂN-HÓA — SỞ 66

1447/37

Nhưng chí lớn không thành, ngày ngày vì lực-lượng bị tiêu-hao, quân côi thế yếu, Nguyễn sa cơ. Nhờ Tiểu-phủ-sứ Nguyễn Thành bảo lãnh, Nguyễn được tha về nhà. Tuy nhiên, nhiều lần Pháp vờ ra làm quan Nguyễn đều khéo-léo khước từ. Rồi đó lại ngầm giao-du với Tăng Bạt-Hổ, Phan Bội-Châu, Phan Chu-Trinh, nghiêm-nhiên là mặt-hữu của hai cụ Phan. « Nam-Thịnh sơn-trang », tư-thất của Nguyễn, nghiêm-nhiên là trụ-sở mặt-đề các chí-sĩ, các nhà ái-quốc tới lui đăm đạo. Phong-trào Đông-du phát động. Cụ Phan Bội-Châu phụ trách từ Thừa-Thiên ra Bắc, Nguyễn thì phụ trách từ Thừa-Thiên trở vào Nam.

Ất-tị 1905, cụ Phan sang Nhật, Nguyễn ở lại quê cha đất tổ gánh trách-nhiệm nặng nề và càng được các bạn đồng-chí kính yêu mến phục.

Dân biến năm Mậu-thân 1908, thân-sĩ tỉnh Quảng-Nam trước sau bị bắt có hàng trăm. Nguyễn là người bị bắt trước nhất. Đầu tiên, Nguyễn bị tạm giam ở nhà ngục Faifo, trên ba tháng mới giải giao quan tỉnh xét hỏi rồi bị đày ra Côn-đảo ngày 6-6 năm ấy.

Như trên đã nói, Nguyễn vẫn nổi tiếng văn-học, nhưng binh sinh lưu tâm thực học, không hay làm thi văn. Mà đã đọc ra câu nào thi cũng đến đặc sắc.

Ngày thường, Nguyễn có hai câu vịnh con cóc, gần như là thơ ngũ-ý bạch chí, đến Phan Bội-Châu cũng khen hay và thường thích đọc :

Thiên địa bất bình nan bế khâu,
Phong vân vị chí thả mơi đầu.

(Trời đất bất bình khôn ngậm miệng,
Gió mây chưa đến hãy chun đầu).

Khi bị giam rồi nghe phong thanh tưởng phải đi đày Lao-bảo, chẳng được đi chung đường ra Côn-lôn với các bạn, Nguyễn vẽ vai Huỳnh Thúc-Kháng mà đọc một câu :

Đồng thị thiên nhai lộ bất đồng.
(Đồng cảnh ven trời lại khác đường)

Nguyễn ra đảo được mấy tháng, tiếp được tin nhà: Vợ chết ! Nghe tin, tuy nặng tình yêu nước mà nhẹ nghĩa vợ chồng, song nổi tử biệt vẫn khiến được anh-hùng thăm ngậm. Anh em vây nhau chia buồn với Nguyễn. Huỳnh Thúc-Kháng cảm khái :

« Nhị thập niên văn kê đãi đán, đóc chí hiền trợ vi đa, tráng chí vị thù, khứ quốc thử hồi thân nhất điệp ;

« Thiên lý ngoại kiến nhạn tư lương, đương thử ly hôn vị định, ai bưu thốc chí, khai giam vô ngữ lệ thiên hồng.

Nghĩa :

« Hai mươi năm nghe gà đọi sáng, vẫn nhờ hiền trợ giúp nhiều, chí lớn chưa đến, Ba nước tâm thân như chiếc lá ;

« Ngoài nghìn dặm trông nhạn nhớ nhà, đang lúc ly hôn chưa định, tin buồn vội đến, xem thơ không nói luống rơi châu.

Câu đối viếng của Huỳnh Thúc-Kháng trên đây, thật đã cực tả đúng nỗi lòng Nguyễn lúc bấy giờ, có thể nói rằng Nguyễn đã nhờ Huỳnh khác thay cho cảnh ngộ mình. Đặng Nguyên-Cần thì an-ủi Nguyễn bằng những lời hùng hồn.

« Đợi trượng-phu dt Ỡ-đại-lợi vi thể, khách lý khai giam, song duệ hiệp thu nhi-nữ lệ ;

« Hiền phu-nhân diệc Việt-nam nhất phần-tử, sơn đầu hóa thạch, nhất thình do hoán quốc-dân hồn.

Nghĩa :

« Đợi trượng-phu lấy nước Ý làm vợ nhà, đâu khách đưa từ, giọt lệ chã vì nhi-nữ chấy ;

« Hiền phu-nhân cũng Việt-nam một phần-tử, đầu non hóa đá, hồn thiêng sớm gọi quốc-dân về.

Cùng một ý với Đặng Nguyên-Cần, dùng lời lẽ tán dương, Dương Bá-Trạc cũng bồi-hồi cảm khích :

« Tử biệt sinh ly, thập tải sừ trường Nam-Mỹ khách ;

« Phu cừu quốc sĩ, cứu nguyên nghị phách Nữ-vương quân.

Nghĩa :

« Thác biệt sống lia, mỗi hận mười năm Nam-Mỹ khách ;
« Thù chông nợ nước, hồn thiêng chín suối Nữ-vương quân.

Tân-hợi 1911, kỷ-niệm ngày đi đày, anh em cùng nhau đề xướng làm thi « Ngày này năm ngoài đến Côn-lôn ». Huỳnh Thúc-Kháng làm hai bài bát cú, Ngô Đức-Kế làm 4 bài tuyệt đều hay. Nguyễn cũng cảm-khải làm một bài :

Tích niên kim nhật đáo Côn-lôn,
Thu vũ thu phong ám đoạn hồn.
Tự ngã suy đồi tâm vị lão,
Thị thủy kháng khái chí do tồn.
Phong vân biến huyễn chân kham sá ;
Thiên địa tuần hoàn bất đổi ngôn.
Mỗi ngộ tao-đàn cạo cõi xí,
Tự tâm kích cổ quá lời môn.

Huỳnh Thúc-Kháng dịch :

Ngày này năm ngoài đến Côn-lôn,
Mưa gió trời thu đề đoạn hồn.
Như tớ suy đồi lòng chưa chết,
Ấy ai, kháng-khải khí đang còn.
Gió mây tráo chác trăm hình đổi,
Trời đất vẫn xoay một quặng tròn.
Cao ngất đàn thơ cờ phất đầy,
Thẹn nghe cửa sẩm trống khua đồn.

Ấy là Nguyễn chỉ mượn văn thơ đề tạm khuấy khuấy nỗi sầu. Vì ra đảo được mấy tháng thì được tin vợ chết như trên đã nói ; năm sau lại tiếp được tin con gái mất. Kế đó được tin chính-phủ Nhật trục-xuất phái Việt-nam đông-học, đa số thiếu-niên ta ở Nhật bị giải-tán khỏi trường Đông-Á đồng-văn. Vợ chết, con chết, tuy lòng Nguyễn có buồn, song chỉ không không nao. Nhưng đối với tin phái Đông-du cầu học bị trục xuất, Nguyễn gan hầu ruột thắt. Vì chính Nguyễn đã cùng Phan Bội-Châu, Tăng Bạt-Hổ và các đồng-chí đã lao tâm tiêu tứ định kế-hoạch duy-tân, hy-vọng ở đám

1450/40

VĂN-HÓA -- SỔ 66

thanh-niên ra học nước ngoài. Nay kế-hoạch bị phá, thân thi ở trong cảnh đi đày không được cùng anh em cùng lo, Nguyễn ngồi đứng không yên, lâm bệnh thổ huyết.

Nguyễn không còn tự ngăn được khi phẫn-uất, mà có lúc thổ huyết cả bát. Sau vào nhà thương điều trị không khỏi, Nguyễn viết một bức thư quyết biệt đồng bối, trong có câu : « Thời cuộc xoay vần, cơ hội tốt sẽ đến ; guồng máy Đông-Á sau này còn nhiều cuộc biến đổi, anh em gắng lên! » Lại phụ một bài thơ đầy ý-khí hiên-ngang khích liệt :

Nhất sự vô thành mấn dĩ ban,
Thử sinh hà diện kiến giang san.
Bỏ thiên vô lực đàm thiên dị,
Tế thế phi tài tị thế nan.
Thời cuộc bất kinh vân biến ảo,
Nhân tình chỉ khủng thủy ba lan.
Vô cùng thiên địa khai song nhãn,
Tái thập niên lai thí nhất quan.

Nghĩa :

Một việc chưa thành tóc nhuộm màu,
Non sông ngoảnh lại thẹn mày râu.
Vá trời thiên sức bàn nghe dễ,
Cứu thế không tài tránh ở đầu.
Cuộc biến ngại gì mây đổi sắc,
Tình người e nỗi sóng thêm sâu.
Mở toang hai mắt xem trời đất,
Ngắm thử mười năm vẫn thế ru !

Không bao lâu, ngày 30 tháng chạp năm Tân-hợi-1911, Nguyễn mất trên Côn-đảo ! Đồng-chí mang hận than dài. Câu đối viếng rất nhiều, dưới đây xin sao lục một vài để công đồng lãm và tưởng-niệm :

1.— Cửa Đặng Nguyên-Cần :

« Nhất sinh vụ ái quân khi lạc vì kỳ dị giở tai, hưởng đương thử ngũ
đại châu thánh triết tri vụ chỉ thu, như thử vị hà anh-hùng tuế nguyệt ;

VĂN-HÓA -- SỔ 66

1451/41

« Tam phục dĩ chương ngã hữu khái hồ kỳ ngôn chí dã, bi kỳ ư sỗ bách niên dân-tộc uất tích bàng-bạc chí cừu, nãi kim nhi hậu, Đông Á phong vân.

Nghĩa :

« Ái-ưu tác dạ người há đành làm việc dễ ấy ru ? hưởng đương lúc khắp năm châu thánh triết ruổi dong, ngày tháng anh-hùng đâu chịu thể ?

« Di-chúc mấy lời ta rất cảm về câu nói ấy ! kia thử xem mấy trăm năm khi dân đồn chứa, gì mấy Đông-Á mới từ đây.

II — Cửa Huỳnh Thúc-Kháng :

« Hai mươi năm giống trái vẫn còn, nào kinh-tế, nào quân-lữ, nào bí-mật vận-dộng-gia, trăm lần uốn chẻ cong, đời cụ buổi tân, vị trí nghiêm nhiên giành một chiếu ;

« Đôi ba bạn ruột-rà thân thiết, kẻ sang đông, người sang tây, kẻ lại cũng hoang đàng, một ngày kia về nước, đỡ sau vùa trước, tiền trình buồn nỗi thiếu hai tay.

III — Cửa My-sinh :

« Thử còn khôn hà đảng thời da, nhân tác vũ đài nhất đượ, ngã tác địa ngục thiên trùng, tiền đồ liễu khách diếu mang, chí-sĩ nhiệt trường nan nhất tử ;

« Xuân thu thu tài tứ kỳ nhĩ, thủy nhi Át-dậu cần vương, kẻ nhĩ Giáp-thìn tôn đông, tráp tài kinh dinh thâm đạm, anh-hùng tâm huyết tức thiên thu.

Nghĩa :

« Trời đất này là buổi nào ? người thì vũ-dài một vọt, ta thì địa ngục mây trùng, ngắm đường sau quạnh-quẽ mênh-mông, chí-sĩ lòng nào đành một chết ;

« Xuân thu người chưa già mấy, trước đã Át-dậu (1885) cần-vương, sau lại Giáp-thìn (1904) tân-dảng, trải kiếp sống kinh-dinh sấp đặt, anh-hùng gương đủ để nghìn thu.

IV. — Cửa Nguyễn Văn-Ngôn :

« Quân hầu cần vương ưu quốc, kháng khái như thị tráp niên, tráng tại thư kiếm phiêu hồng, một hữu dĩ tương tâm sự thốc ;

« Ngô bối nhiệm trọng đầu gian, đản tịch khả đương chung cò, diếu hĩ hải thiên liễu khoách, tiền đồ bát vị tử sinh mang.

1452/42

VĂN-HÓA - SỐ 66

Nghĩa :

« Quân hầu cần vương lo nước, kháng khái trải mấy mươi năm, hăm-hở thay gương sách lạc loài, tâm sự trọn giao người bạn thiết ;

« Chúng ta gánh nặng đường xa, chiều sớm kéo dài trọn kiếp, bát-ngát nổi biển trời xa cách, tử sinh thẳng nhắm bước đường sau.

V. — Cửa Hy-Cao Nguyễn Đình-Kiên :

« Quân hầu kỳ Hoàn-sơn nam chí hào du, tiền cần vương sự, hậu ứng nghĩ triều, tráp tài kinh dinh, lợi lợi can trường lưu phiến mực ;

« Ngô bối vị Hồng-lạc tổ già tử nhĩ, hoàn hữu bát hoang, tung hữu thiên cò, đương niên tâm sự, nghiêm nghiêm dư luận phó nhòn vân.

Nghĩa :

« Quân hầu rõ là bậc hào phía nam núi Hoàn-sơn chăng ? cần-vương lớp trước, tân-dảng lớp sau, nửa kiếp kinh dinh, kháng khái tâm thành ghi nét mực ;

« Chúng ta chết vì tổ Hồng-Lạc đây, tâm côi bề ngang, nghìn xưa bề dọc, một bầu tâm sự, xô xao miệng thề phó chòm mây.

Cho đến năm 1957, khoảng tháng sáu, tháng bảy Dương-lịch, người cháu nội của Nguyễn là Nguyễn Hoàng-Huân đích thân ra Côn-đảo tìm kiếm hài cốt, rờng-rã nửa tháng, nhờ sự giúp đỡ của chính-quyền mới tìm ra. Bốn giờ chiều ngày 28-7-57, chiếc « Linh-giang » chuyên-vận-hạm của Hải-quân Việt-nam đưa hài cốt Nguyễn từ Côn-sơn về đến Sài-gòn. Và ngày 30-7-57 di-hải Nguyễn đã được rước về quê ở Quảng-Nam an-tàng.

NGUYỄN-BÁ-THÉ



VĂN-HÓA - SỐ 66

1453/43



KHẢO CỨU

TÊN MỘT SỐ ĐỒ-ĐỰNG Ở VIỆT-NAM QUA CÁC MIỀN

(Tiếp theo V.H.N.S. số 65)

NGUYỄN BẠT-TUY

II.— TRƯỜNG-HỢP NHỮNG TÊN ĐỒ-ĐAN

Từ đồ-gốm đến đồ-đan, những lí-do sai-biệt về tên-gọi cũng na-ná như nhau cả. Nước ta tre mây nhiều, nên kinh-tế thô-sơ, nên các đồ-đựng bằng tre mây chiếm phần lớn trong số các đồ-dùng hàng ngày. Đại-khái những đồ ấy làm bằng nan dày hay mỏng, to hay nhỏ, có miệng đan vát hay có vành, nức bằng lạt mây hay lạt tre. Các kiểu đan có vài loại chính :

Long-mốt, gọi là *lông-mốt* ở Nghệ-An và *lông-mốt* ở Quảng-Trị, Thừa-Thiên, là kiểu đan cứ chặn một nan lại bắt một ;

Long-hạt, gọi là *lông-hạt* ở Nghệ-An và *lông-hạt* ở Quảng-Trị, Thừa-Thiên, là kiểu đan cứ chặn hai nan lại bắt hai mà lần đi ;

Long-ba, gọi là *lông-ba* ở Nghệ-An và *lông-ba* ở Quảng-Trị, Thừa-Thiên, là kiểu đan cứ chặn ba nan lại bắt ba mà lần đi.

Nay ta có-thể phân-biệt ba trường-hợp về tên các đồ-đan : trường-hợp những tên không phải là tên Việt, trường-hợp mỗi tên Việt chỉ một vật và

1. Ở Trung và Nam, đan nói là *đương* : tôi đã có lần đề-nghị dùng *đan* khi chỉ bắt nan hay sợi qua lại, như *đan rỏ*, *đan áo*, và *đương* khi phải thắt gút cần-thận, như *đương lưới*, *đương tút ni-lông*. Như vậy là biệt-nghĩa được hai tiếng trùng-nghĩa.

1454/44

VĂN-HÓA — SỐ 66

trường-hợp hai hay nhiều tên Việt chỉ chung một vật qua các miền.

A. Trong số những đồ-đựng đan bằng tre hay mây mà tên không phải là tên Việt, ta kể được những đồ-dùng của người Thượng, của một nhóm người Lào và những dân di-cư từ miền núi Bắc-Việt vào, như Mường, Thái, Nùng, Mèo, Mán, v.v. Nhưng vì chỉ cốt nêu ra một ý-niệm khái-quát về những đồ ấy, tôi sẽ hạn-chế việc trình-bày trong phạm-vi những sắc dân ở hai tỉnh Quảng-Trị và Thừa-Thiên.

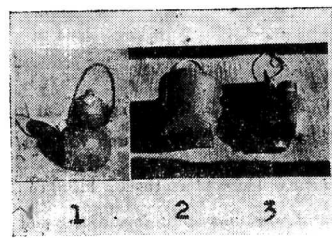
Dân miền Thượng, vì phải leo-trèo nhiều, ưa đeo và xách hơn cắp, gánh hay đội, nên đồ-đựng của họ thường có quai.

Người Lào ở Bản-Phường, ngoài cái / *nằm tôw* /, tức cái bầu để xách nước, đựng nước, và vài kiểu gùi của người Thượng (xem h.VII), có những đồ-đựng khá sơ-sài bằng nan :

Cái / *kà zành* /, một thứ giỏ to, có quai ngắn, để đàn-bà xách ở tay mà đi hái rau ở nương ;

Cái / *khonk phà* /, một thứ giỏ nhỏ mắc vào một ống tre, có quai dài, để đàn-ông đeo ở vai : trong ống tre thì cắm dao, còn trong giỏ thì bỏ những gì hái được.

Nhân đây tôi trưng thêm hình-ảnh cái bầu nước của người Lào, người Thượng để ta so-sánh cách khoét lỗ khác cách của người Việt ra sao và cũng đề bổ-túc cho bài trước về loại chai, lọ, v.v.



Hình VI.

1. Cái / *nằm tôw* / Lào (/ *aluôy* / Vân-Kiều)
2. Cái / *kà zành* / Lào
3. Cái / *khonk phà* / Lào

VĂN-HÓA — SỐ 66

1455/45

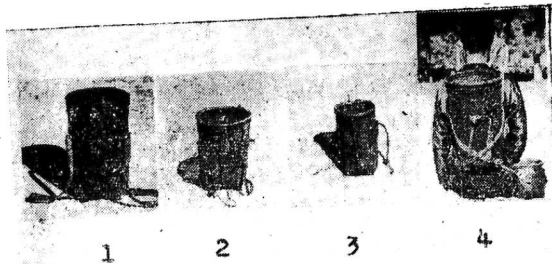
Người Văn-Kiều ở Khe-Sanh có vài món đồ bằng mây được thông-dụng ở nhiều miền Thượng khác, cổ-nhiên với những tên khác :

Cái /acoy/, cao tới 70 ph, rộng 40 ph, nan khít, có quai dài để đeo sau lưng mà chứa lúa hay các thứ hạt :

Cái /sang/, to bằng cái /acoy/, nhưng nan thưa, cũng có quai dài để đeo sau lưng mà chứa khoai, bắp, củi, vv., nghĩa là những thứ to mà không sợ lọt mất :

Cái /riê/, nhỏ hơn cái /acoy/, cũng đan khít, có quai vòng qua vai để đeo bên mình mà chuốt lúa bỏ vào :

Cái /adư/, nhỏ hơn nữa, cũng nan khít, có quai vòng qua bụng mà đeo thấp xuống bên mình để chứa những món ít.



Hình VII.

1. Cái /acoy/.
2. Cái /sang/.
3. Cái /riê/.
4. Người đeo /acoy/ ở lưng và /adư/ ở hông.

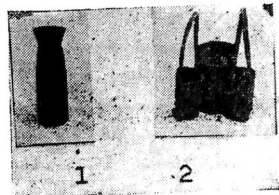
Riêng người Tiều ở Thừa-Thiên (nguồn Hữu) có thêm :

Cái /kào/, hình ống, dài mà loe miệng, để đeo một bên vai :

Cái /kâleg/, nan rất khéo, có 3 ngăn, ngăn giữa to mà cao, hai ngăn bên nhỏ mà thấp hơn, với hai quai để đeo sau lưng mà chứa nhiều món tách-biệt.

1456/46

VĂN-HÓA — SỐ 66



Hình VIII

1. Cái /kào/.
2. Cái /kâleg/.

B. Trong số những đồ-dan có một tên Việt nhất-dịnh, ta kể được những đồ chung cho mọi miền và những đồ riêng của một miền.

I. Các đồ chung cho mọi miền gồm có :

Cái *bồ*, nan to mà mỏng, đan khít, đáy vuông mà phẳng, hông đứng, vai thon, miệng rộng, có vành và nắp, cao rộng 60-80ph. Loại bồ to nhất gọi là *bồ-mười*, còn cái *bồ sứt-cạp* thì, khỏi phải nói, ai cũng biết là không gọn-ghe gì, nên ai đã được ví với nó ắt phải có một tấm thân *bồ-tượng* : tiếng *bồ* sau này không đồng-nghĩa với tiếng *bồ* trước, tuy hai tiếng cùng ngụ một ý « to ».

Cái *bịch*, nan to mà dày, thường là nan cật đan khít, hình dáng như cái *bồ*, nhưng đáy to phình ra bằng cái nông, để chứa lúa, bắp. Ở Quảng-Ngãi, cái *bịch* còn được trét dầu chai để chứa nước-mắm hay nước uống, và những ai đã từng đi thăm cửa Cồ-Lũy ở quận Tư-Nghĩa, không quên được cảnh-tượng những chiếc *bịch* lù-lù, chêm-chệ giữa những chiếc ghe to đi lấy nước ở nguồn về cho dân chài lưới dùng. Cái *bịch* này vốn đồng-tông với cái *bồ* nên thường đã nói *bồ* thì phải nói *bịch*. Nhưng khi hai người được coi là *bồ-bịch* với nhau thì tiếng *bồ* này chính là *bầu* (như trong *bầu-bạn*) biến thành và đã bị lẫn nghĩa với tên một đồ-dụng, khiến địa-vị tiếng *bịch* không khác gì địa-vị tiếng *tá* trong « người này *tướng-tá* oai-nghi ».

Cái *rỏ*, nan mỏng mà nhỏ, nan thưa, lòng sâu nhiều lắm là bằng nửa chiều ngang, có vành. Ngoài cái *rỏ-bọng* sẽ nói đến ở IIB2, *rỏ* có nhiều loại :

rỏ-sảo, to nan thưa lỗ, để sảo than sồi mà lọc những mảnh đi ;

rỏ-sẻ, rộng trên 1 mét, thường để vót cám ở ao ngoài Bắc. Riêng ở Huế,

VĂN-HÓA — SỐ 66

1457/47

rò này gọi tắt tên là sỏ, rộng tới 1,20 m, sâu 30 ph, có bốn chân bằng tre cao 40 ph, để sấy thuốc-lá ;

rò-rời, của hàng-rời dùng để gánh cá.

Cái *thúng*, sâu hơn cái rò, nan khít và thường to, để chứa gạo, muối, hay tất-cả những gì nhỏ mà lọt đi được. Có thứ *thúng-gia* chứa đúng một gia lúa, và khi một người được ví với cái thúng-gia thì nhất-định không phải là thuộc hạng mình liễu xương mai. Ở miền biển, cái thúng còn làm rộng trên 1 m, trét chai cho khỏi thấm nước, mà dùng được như một cái thuyền nhỏ, với mái-cheo hay không. Thâm-chí ở Thanh-Khê, cách Đà-Nẵng 5 cs., cái thúng còn được trang-bị buồm hân-hoi để thợ-câu ngời trong mà câu cá ngoài biển, chỗ gần bờ. Xứ-dụng cái thúng là cả một nghệ-thuật, nếu không nó chỉ quay tít ở nguyên một chỗ thay vì tiến lên. Cố-nhiên không nên lẫn cái thúng này với cái *thuyền-thúng* ngoài Bắc, vốn là một thứ thuyền nan gần giống hình cái thúng mà thôi.

Cái *mùng*, một thứ thúng nhỏ, trẹt lòng, nan nhỏ mà khít, thường đan và nức rất kĩ, để chứa những món in-it hay đập lên thúng như một cái nắp.

Cái *rá*, không ra thúng mà cũng không ra rò, rộng chừng 30-40 ph, hơi trẹt lòng, nan nhỏ mà dày, đan sao cho vẫn có khe hở mà vật chứa trong không lọt đi, thường để vo gạo.

Cái *rọ*, bằng tre hay nứa, để nhốt các loài vật, như lợn, cá. Trong nghề đặng, cái rọ còn là vùng nước vây quanh bởi cái lưới-đăng và cái lưới-bùng, trong đó cá chui vào và bị bắt. Lại như trong nghề ấp trứng, cái *rọ-trứng* chỉ là một miếng vải hay bao gai hình vuông, túm bốn góc lại, để đựng trứng mà bỏ vào lò khi phơi hay hấp. Còn cái « rọ voi » thì thật-tình ta chưa được thấy nó ra sao mà chỉ được nghe nói « trói voi bỏ rọ » !

Cái *vật*, thứ giỏ đựng cá tròn mà dài, có một đầu kín và một đầu cao lên làm miệng đập bằng nắp hay bằng toi, đôi khi có miệng cao ở cả hai đầu, không có hay có hai ống tre ở đáy để thả nổi trên mặt nước. Nếu « con vật » thuộc loài « màng-chân » thì « cái vật » lại thuộc loài « giò-oi », nên ở Thừa-Thiên người ta còn gọi là *oi-vật* (x. II C2). Cố-nhiên tiếng *vật* còn chỉ được bắt-cứ đồ-đựng nào, bằng sành hay bằng sắt, đồng, có hình gần như con vật, đôi khi chẳng giống con vật chút nào, và hàng ngày ta có cái vật dẫu, cái vật nước-mắm, v.v.

1458/48

VĂN-HÓA — SỔ 66



Hình IX

Cái thúng đánh cá.

2. Các đồ riêng của một vài miền gồm có :

Cái *trộn* ở Quảng-Trị, Thừa-Thiên, gần như cái bịch, để chứa lúa, mè, đậu. Dân hai miền này đã có câu : « Trong trộn mót ra ngoài trộn ».

Cái *còm* ở Hà-Tĩnh, đan bằng tre, rộng 30 ph, cao 40 ph, thường để gánh cau khô ở quê hay ở vựa Thượng.

Cái *bầu* ở Quảng-Ngãi, gần như cái còm, nhưng đan khít nan quang-dầu đi, ngoài có vành trên vành dưới và nhiều nẹp đứng gọi là *công*, trên có nắp đập, dưới không có hay có chân làm bằng hai thanh tre để đứng bần và chéo nhau, thường để chứa quần-áo thuốc-men bỏ theo ghe khi đi đánh cá xa. Có thứ thành đôi, gánh bằng gióng dây dừa và luôn-luôn có chân, gọi là *bầu-gánh*, và loại này cũng gặp ở Thừa-Thiên, những nơi qua lại miền Thượng. Như vậy, cái *bầu* đựng đồ khác cái *bầu* đựng nước đã đành, mà khi nghe nói ai « mang bầu » cũng phải hiểu rõ là cái *bầu* sau được ví với vì dáng tròn của nó, chứ sự thực cái *bầu* trước mới có có đúng kích-thước của vật đem ví. Hơn nữa tiếng đôi *bầu-gánh* phải thêm *cái* vào mới rõ là một đồ-dùng, vì nếu thêm *ông*, thêm *bà* vào trước thì lại là một chủ gánh-hát.

Cái *chong* ở Quảng-Trị ken bằng nan tre tròn hơn là đan, thành chếch, đáy phẳng, cao và rộng chừng 30 ph, để đựng cá, nhất là đem cá ở ghe vào bờ (x. h.X).

Cái *cầu*, có tên phát-âm là /kăw/ từ Bình-định trở vào, và được dùng từ Nghệ-An đến miền trong, là một thứ rò rộng 30 ph là cùng, sâu lòng, thưa nan, có một vành ở miệng và một nẹp ở lưng-chùng, gọi là *tiến*, để đựng rau hay cá

VĂN-HÓA — SỔ 66

1459/49

(x. h. X). Như vậy, nó lớn hơn cái *ngao* và nhỏ hơn cái *tràng* Thừa-Thiên, Quảng-Trị, hay cái *rò-bộng* Quảng-Ngãi (x. IICI).

Cái *ngao* ở Thừa-Thiên, Quảng-Trị, nhỏ hơn cái *cầu*.

Cái *sạo* ở Quảng-Trị, lớn mà sâu.

Cái *đũa* ở Quảng-Nam, trẹt lòng mà to nan, để đựng cá bán.

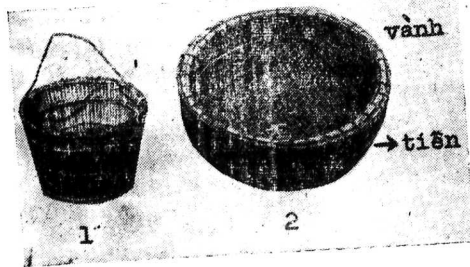
Cái *ép* ở Thừa-Thiên (cửa Tư-Hiền), bằng mây, đứng cao 30 ph, miệng nhỏ, hông bầu, để chứa rước mà ép cho ra nước.

Cái *bộng* ở Quảng-Ngãi, một thứ rò rất lớn, nan to mà thưa, rộng 1 m, cao 50 ph, trên có vành, giữa có tiến trong tiến ngoài, để trong khoang ghe-giã mà đựng cá.

Cái *lan* ở Quảng-Ngãi, đan long-mốt, lỗ thưa mà vuông, rộng 60 ph, dài 1 m, để chứa thuốc-lá và có bề cao tùy số lớp thuốc ở trong: 10 lớp, 20 lớp hay 50 lớp. Nhân đó nói một « lan thuốc » là nói số lớp thuốc-lá trong một lan, có thể tùy nơi mà là 10, 20, hay 50 lớp.

Cái *lào* ở Bình-Định, một đồ lợp đan bằng tre để đựng cá cơm mà mang về khi đánh được, miệng rộng 1 m, dài 1,50 m, đáy sâu 40 ph và trũng lòng theo chiều-dọc. Ở Quảng-Ngãi cũng có cái *lào*, nhưng đó lại là thứ bộng rất to, để vùa lòng nghe-mành, mà cũng dùng để chứa cá.

Cổ-nhiên ta không cần đề-cập vài món đồ-dan khác thông-dụng ở một phạm-vi lớn và đã nhiều người biết, như cái *sọt*, cái *lan* ở Bắc, cái *cần-xé*, cái *cà-ròn* ở Nam, vv., cả cái *nốp* ở những nơi bung-biên nhiều muối, vốn không phải hẳn là một đồ-dụng, nhất là « đồ-dụng người », mà có thể coi là một đồ che, cho cả một người nằm vào mà vùa làm chiếu làm mùng làm mền luôn.



Hình X
1. Cái chong. 2. Cái cầu

C. Trong số những đồ-nan chỉ bằng hai hay nhiều tên qua các miền, ta phân biệt trường-hợp khác nhau về phát-âm hay khác nhau hẳn.

1. Một số đồ thật ra có cùng một tên nhưng khi nói lên thì vì khác giọng mà nhiều khi hai người ở hai miền không hiểu được nhau. Ta đã có một nhận-xét về tiếng *cầu* ở IIB2, phát-âm là /kòw/ cho tới Thừa-Thiên và là /kâw/ từ Quảng-Nam trở vào. Tôi xin nói thêm về vài đồ khác với những cách gọi-tên gọi ra được nhiều chi-tiết tinh-phát nhất, chỗ đứng ra thì vài tên đã kể ở trên, tận-cùng bằng những âm-nóu như *vít*, *trộn*, *lan*, hay bằng âm-màng-cúa /k/ sau /i/, như *bịch*, cũng tùy miền mà nói bằng một giọng riêng:

Đơn-giản nhất là cái *cót* ở nhiều miền, chỉ mới là nan tre nứa đan thành tấm, mà người Quảng-Trị gọi là /gòd/, người Thừa-Thiên gọi là /góg/, người Nam-Ngãi gọi là /kòóg/ và người Bình-Định trở vào gọi là /kóg/. Những ai đã có dịp quan-sát chiếc nốc sông Hương đều thấy dưới tấm sáo ở mũi có một lớp gót, và khi nghe người ta nói *thay gót* thì chớ tưởng lầm là « thay gót những chiếc giày cao hàng tá của các bà các cô ». Nói riêng về âm-đầu, đó là sự sai-biệt về độ-chạm giữa /k/ trong *cót* và /g/ trong *gót*.

Kín-dáo hơn là cái *đụt*, hình-thù như một cái túi sâu bằng nan tre, dài ít nhất là 50 ph, rộng ít nhất là 15 ph, một đầu nhọn bít lại, một đầu để hở thành miệng tròn mà ráp vào cái *chờng* ở Quảng-Trị, hay cái *thùng đậy* ở các miền khác cho cá chui vào. Tiếng *đụt* này còn chỉ cái túi dài, nhọn đuôi ở cuối một số loại lưới, nhất là lưới giã, cũng để đón cá vào mà bắt, nhưng đương bằng nhợ gai.

Khi nghe một người phát-âm tiếng *cót* ta biết ngay là một người Bắc với giọng /kód/ hay một người Trung-Nam với giọng /kóg/. Nhưng nghe tiếng *đụt* ta còn phân biệt được hẳn người Trung với người Nam theo tiêu-chuẩn sau đây:

— Bắc và Trung Trên đến Quảng-Trị: /dud/, với /u/ thường và âm-nóu lỏng cuối /d/;

— Trung Giữa và Trung Dưới đến Bình-Tuy (trừ xã Hiệp-Hòa): /dug/, với /u/ thường mà âm-màng-cúa lỏng /g/;

— Nam (với thêm xã Hiệp-Hòa của tỉnh Bình-Tuy): /duk/, với /u/ ngắn và âm-màng-cúa chặt cuối /k/.

Ở Việt-Nam, số người nói /u/ với giọng thường trong /ung/ (un) /úg/ (út) có hàng mấy triệu mà không ai ngờ tới, vì người ta chỉ biết có /u/ ngắn trong ung /unk/, úc /úk/. Nếu dấu ngoặc trên a chỉ một giọng ngắn trong *cười sằng-sặc* thì lẽ ra cũng phải đề trên u ngắn trong *sôi sằng-sục* mới đúng, chớ khi cần ghi những u thường thì dùng dấu gì ?

Kể đến là cái *mẹt* ở nhiều miền là thứ đồ-dụng trệt lòng, nhỏ hơn cái nia, mà người Quảng-Trị gọi là /nɛd/ hay /trɛd/ và người Thừa-Thiên gọi là /nɛg/ hay /trɛg/ trong khi từ Quảng-Nam trở vào lại là /mɛg/. Ghi bằng chữ quốc-ngữ thường là *nét*, *trệt* và xét riêng về âm-đầu, ta thấy một đàng là sự sai-biệt về điêm-phát giữa cặp *mẹt* : *nét*, một đàng khác là sự sai-biệt về kiểu-phát giữa những cặp *mẹt* : *trệt* và *nét* : *trệt*.

Rồi đến cái *nong* ở nhiều miền là thứ nia rộng hàng sải, mà người Nghệ-An gọi là *nống*, người Bình-Trị-Thiên gọi là *nổống*, người Nam-Ngãi gọi là /nɔng/ với một âm /o/ lơ-lơ như /a/ vì có điêm-phát tiến lên. Như đã trình-bày trong quyển *Ngôn-ngữ-học Việt-nam*, bất-cứ âm-chính nào trong ngữ-Việt cũng có-thể thường hay ngắn, nên ta không lấy làm lạ thấy, như với các giọng của *đụt* trên kia :

- /o/ trong *nong* thì ngắn mà phải chua tiếng là /nonk/ ;
- /əo/ trong /nɔng/ thì thường và cứ y thể mà chua ;
- /ò/ trong *nống* thì ngắn mà phải chua tiếng là /nốnk/ ;
- /ò/ trong *nổống* thì thường mà phải chua tiếng là /nổống/.

Cũng như các âm ngắn, lẽ ra /o/, /ò/ trong *nong*, *nống* phải có dấu hoặc ở trên, không khác gì /á/ trong *nảng*, còn /ò/ trong *nổống* không khác gì /a/ trong *náng*, và ghi một âm-chính thường bằng một chữ 'kép ô' thật là vô-lí!

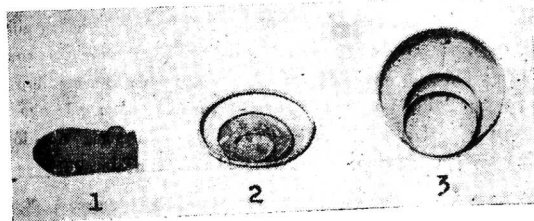
1. Đây chuyên là một biểu-biết đáng gọi là sơ-đẳng mà tiếc thay — người nước ngoài thì không nói làm gì — chính những nhà chuyên-môn về ngôn-ngữ của ta vẫn chưa có, mặc dầu tôi đã hết sức dẫn-giải, mà từ mười năm nay! Bởi vậy, thay vì 9 âm-chính căn-bản, người ta vẫn chủ-trương và vẫn dạy rằng ngữ-Việt có « 11 nguyên-âm » với *ă*, *a* là hai âm riêng, trong khi đó chỉ là hai giọng ngắn của /a/ và /o/. Biết bao giờ học-sinh và sinh-viên của ta mới có một ý-niệm chân-xác về tiếng mẹ-đẻ !

Sau cùng là cái *sàng* ở nhiều miền vốn là thứ mẹt thưa nan để sàng gạo, mà những người từ Nghệ-An vào đến Quảng-Ngãi gọi là *tràng* do một sai-biệt về kiểu-phát : /s/ : /t/. Nhưng đến đây sự rắc-rối bắt đầu :

Ở Hà-Tĩnh, cũng như ở Thừa-Thiên, cái *tràng* còn là thứ rỏ lớn, sâu lòng, có tiến, trông đúng như cái cầu ở h. X nhưng rộng hơn nhiều, để đựng cá, tôm, và người ta thường hỏi thăm nhau : « Hôm nay được mấy tràng cá ? ». Ở cửa Tư-Hiến, chuyên về nghề đánh cá tôm bằng đáy, còn có thứ *tràng-chứa* to nhất, để chứa tôm, và ở vài nơi khác, cái tràng lại gọi là *rỏ-bộng*.

Ở Quảng-Ngãi lại có cái *tràng-vĩ*, trệt lòng, nan to bằng ngón-tay mà đan khít, đường-kính 50 ph, có 4 nếp tre, để đựng cá hay đập lên cái rỏ-bộng. Như vậy tiếng *tràn* trong *Chánh-tả tự-uj* của Ô. Lê Ngọc-Trụ, chỉ « cái rỏ đương trệt lòng giống như cái sàng mà nhạt mặt » (*tràn bún*) nên viết là *tràng*, khác cái *tràn* chỉ gian « nhà chứa hàng-hoá » (*tràn hàng*).

Cùng loại *nong*, *nia*, *sàng*, *mẹt*, còn có cái *giần*, và tiếng này được dùng khắp mọi nơi không thay-đổi, để chỉ thứ sàng có lỗ nhỏ để « giần » cho tấm cám nhỏ lọt đi.



Hình XI

1. Cái *đụt* (/dɛd/, /dɛg/, /dɛk/).
2. Cái *nong* (nống, nổống) : to nhất
3. Cái *nia* (nén) : trung-bình
4. Cái *mẹt* (nét, trệt) : nhỏ nhất
5. Cái *sạ* (nống -sủa) : to nhất
6. Cái *sàng* (tràng) : lỗ to
7. Cái *giần* : lỗ nhỏ

3. Một số đồ khác có nhiều tên đề chỉ. Trên kia ta đã nói đến cái *tràng* ở chỗ này cũng gọi là *rồ-bộng* ở chỗ khác, nay còn vài trường-hợp nên kể nốt:

Cái *né* thưa nan đề phơi cau hay nuôi tằm ở Bắc là cái *sja* ở Bình-Trị-Thiên, và vì nó lớn gần bằng cái *nong*, nên ở Nghệ-An người ta gọi nó là *nống-sra* (x. h. XI) bên cạnh cái *tràng* cũng cùng một công-dụng như nó mà hình vuông. Nhưng cũng tên *sja* này lại chỉ thứ *mẹt* nhỏ chừng 20-25 ph, rất thưa nan, chồng lên nhau được đề *đựng* cá nhỏ mà bán đi bán ở Phan-Thiết.

Cái *nia*, nhỏ hơn cái *nong* mà to hơn cái *mẹt* gọi là *nén* ở Bình-Trị-Thiên (h. XI), nên ta có một loạt giếng đôi rất ngộ-nghĩnh qua các miền:

nong-nia ở Bắc đến Thanh-Hóa và ở Trung-Nam từ Bình-Định trở vào;

nống-nia ở Nghệ-An;

nống-nén ở Bình-Trị-Thiên;

/nong/nia ở Nam-Ngãi.

Cái *giỏ* đề *đựng* cá và nhiều vật khác thì gọi là *oi* ở Trung và Nam, và cái *oi* có-thể có nhiều hình-dáng khác nhau tùy công-dụng của nó:

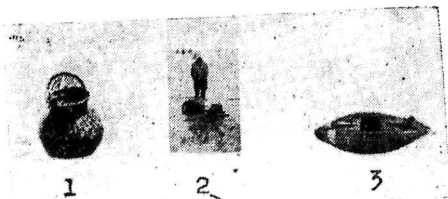
oi-xách có quai đề xách ở tay

oi-nồi có phao tre đề nổi trên mặt nước

oi-vật, tiếng Thừa-Thiên đề gọi cái *vật* ở các nơi khác

oi-rộng, tiếng Thừa-Thiên đề gọi cái *rộng* ở nhiều nơi khác, vốn là một đồ-dan hình thoi dài 50-60 ph, to 20-30 ph, có lỗ vuông ở khoảng giữa đề rộng cá hay rộng mồi, tức là nhốt cá hay mồi dưới nước mà giữ cho sống.

Vì cùng chỉ một vật, nên hai tiếng trùng-nghĩa ấy cũng thường đi với nhau trong tiếng đôi *giỏ-oi* hay trong câu tục-ngữ: *dòm giỏ ngo oi*, đề lâu ngày riêng hai tiếng *dòm-giỏ* đã thành *dòm-đỏ* do hiện-tượng hóa-đồng âm-đầu của *giỏ* theo âm-đầu của *dòm*, khiến tiếng *đỏ* mất cả nghĩa.



Hình XII

1. Cái *oi-xách*
2. Cái *oi-nồi* (ở bên cái *nôm*)
3. Cái *oi-rộng* (= cái *rộng*)

1464/54

VĂN-HÓA — SỔ 66

3. Một số đồ-dan khác nữa lại do cùng một tiếng chỉ, tùy rằng nó được dùng ở miền này hay ở miền khác. Trên kia, ta đã nói tiếng *tràng* chỉ hai thứ đồ-*đựng* sâu và *trẹt* khác nhau (x. IIC1) và tiếng *sja* chỉ hai thứ đồ-*đựng* lớn và nhỏ khác nhau (x. IIC2). Ở đây kể thêm tiếng *trạc* đề chỉ vừa thứ đồ xách đất bằng tre, nan nhỏ mà khít, có hai quai mà miền Nam gọi là *hét*, vừa thứ *rồ* không nắp ở Quảng-Ngãi, rộng 60-70ph, thả nổi trên mặt nước nhờ hai ống-phao tre đề *đựng* cua cá, nhất là nhum bắt được, trong khi người ta lặn xuống nước.

oOo

Xem vậy, chỉ trong phạm-vi những đồ-*đựng* đan bằng tre, mây, và không kể những đồ-*đong* đôi khi cũng đề *đựng*, ta thấy rõ khả-năng diễn-đạt của ngữ-Việt ra sao. Nếu ta xét rộng ra các đồ-dùng, đồ-nghề khác — công-việc này tôi sẽ xin tuân-tự trình-bày — ta thấy rằng những tự-vị, những sách-vở của ta tới nay chỉ là những hình-ảnh nghèo-nàn của một ngôn-ngữ rất súc-tích: Sự nghèo-nàn ấy càng bộc-lộ trong những tiếng khoa-học gần đây, cộp-nhật của Tàu hay rập-khuôn theo Tàu, hầu như phủ-nhận cả cái năng-lực sáng-tạo của dân-tộc.

Vấn biết trong những tên ấy còn nhiều tiếng trùng-nghĩa phải loại bớt đề thống-nhất lại tiếng dùng, nhưng chính trong việc thống-nhất này ta sẽ có dịp biệt-nghĩa một số tiếng thừa đề dùng vào sự diễn-đạt những ý-niệm khác. Và lại, dầu có bị đào-thải đi nữa, những tiếng ấy, nhất là những tiếng ghép, vẫn tự-hào được là những tiếng thuần-túy Việt-Nam về cách cấu-tạo, như ta có-thể thấy suốt trong bài này, và khiến ta tin-tưởng được ở tương-lai ngôn-ngữ ta, mặc dầu gần đây đã phát-sinh những công-thức quái-gở và lỗi-thời, kết-quả của lối học mượn nghĩ nhờ, tưởng-chừng như muốn bán đứt một phần ngôn-ngữ tổ-tiên cho một dân-tộc từ bao nhiêu thế-kỉ nay vẫn lăm-lẽ đồng-hóa ta mà không được.

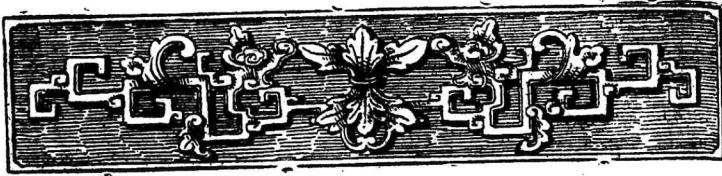
Đã đến lúc những người nghiên-cứu tiếng mẹ-đẻ phải nhận-thức được sứ-mạng thiêng-liêng của mình, cần hiểu rằng cái học ở trường-ốc chưa đủ, những thuyết trong sách-vở cộp-thiếu, và nên biết khảo-sát ngữ ta trong nó, bằng nó và cho chính nó.

NGUYỄN BẠT-TỰ



VĂN-HÓA — SỔ 66

1465/55



ÔNG TÒ TRUYỀN-TIN

TRẦN NGUYỄN-HÃN

BAO-LA CƯ-SĨ

Mở màn cho vụ án Lê-Chi-Viên thì ta thấy có vụ án của quan Tả-tướng 陳元杆 Trần Nguyễn-Hãn, cũng là một vụ đáng ca đáng khóc ! Nhưng khi người ta đổi ngược lên dòng lịch-sử của các triều-đại sau thời khai sáng, thì ta sẽ thấy có biết bao nhiêu vụ án « tru-lục công-thần », bấy giờ người ta lại có cảm-tưởng đó là một cái thông-lệ dĩ nhiên phải có !

Bởi vì ngày trước các vị anh-hùng hào-kiệt, sinh ra gặp lúc rối-ren, bốn phương vô chủ, thì ai cũng chung một quan-niệm « Chim khôn tìm tìm cây đề đậu » (良禽擇木而棲 lương cầm trạch mộc nhi thì), thì người hiền-giả cũng phải tìm vua để mà phò-tá ; đến khi tìm được một người mà mình cho rằng người ấy có thể thành được đại-sự, bấy giờ mình mới mở túi lược thao, trăm trận vào sinh ra tử, giúp cho nhân-chúa xây dựng cơ-nghiệp đế-vương, rồi sau trên gác Kỳ-Lân, các bậc khai-quốc công-thần sẽ được nêu cao danh tính.

Nhưng mà người đời có thể sống chết với nhau trong khi hoạn-nan, còn khi an-lạc thì lại rất dễ xa nhau, hướng chi cái ngày chim bay đã hết, đảo thổ chẳng còn, địch-quốc cũng đều phá vỡ, thì cung nỗ dẫu cứng cũng là vô dụng. Tàu cầu còn để làm chi, mưu-thần dững-sĩ cũng phải tìm cách tiêu dần, vì thế cho nên những bậc đạt-giả như ông Phạm Lãi

1466/56

VĂN-HÓA — SỞ 66

cũng phải trốn đi Ngũ-hồ, như Trương-tứ-Phòng cũng phải đi theo Xích-Tùng tìm phương tịch cốc ! (Thôi ăn cơm gạo).

Còn như những người hoặc vì cậy có công cao, hoặc vì tham miếng đỉnh chung, như Hoài-Âm Hầu bởi trước chẳng chịu nghe lời Khoái-Thông, đến khi ngồi trong tù-xa ở đất Văn-Mộng, rồi mới thở dài thì đã quá muộn !

Lại còn câu chuyện kể cũng kỳ khôi, như Ngũ-Tử-Tư và Văn-Chúng, sao lúc công-thành danh toại, chẳng sớm tri cơ để sau đến nỗi hàm oan ! Rồi lại hóa ra hai ngọn sóng cả bạc đầu, đuổi nhau trên sông Tiên-đường, găm lên như sấm như sét ! Thực cũng lạ đời !

Nhưng lạ thay ! các vị khai-quốc nguyên-huân ấy đều là những người túc-tri đa-muru, nhẽ nào lại chẳng « kiến cơ nhi tác » ngay từ lúc đầu, mà để về sau không còn lối thoát ?

Không, nhiều vị cũng đã tri-cơ muốn tìm lối thoát, nhưng thoát được đâu phải chuyện dễ ? chẳng thế mà Phạm Lãi cũng phải bỏ trốn trong lúc bắt ngờ ! Còn Trương-tứ-Phòng xin với Bái-công cho về ẩn-dật, thì Bái-Công bảo thẳng ngay rằng : « Tiên-sinh ở lại với Trẫm thì vua tôi cùng hưởng phú quý, bằng không thì Trẫm sẽ hạ lệnh tru-di ! » Như vậy đủ biết : Tiến là việc khó, mà đến khi thoát lại càng khó hơn gấp bội ! Bởi thế cho nên ông Trần Nguyễn-Hãn là vị khai quốc công-thần, cũng đã biết rằng vua Lê Thái-Tổ về phần tương mạo bên ngoài, và cả tâm-địa bên trong, đều giống Việt-vương Câu-Tiền ngày trước, thế mà ông cũng phải chịu chung một số-phận với Đại-phu Văn-Chúng ngày xưa, thì ai dám bảo ông là con người bất tri ? Vậy nay chúng tôi xin thuật lại một thiên tiểu-sử của ông, để các bạn đọc được rõ thêm về vụ án đó ?

Ông Trần Nguyễn-Hãn sinh quán ở huyện Lập-Thạch thuộc phủ Vinh-Tướng tỉnh Sơn-Tây (立石縣永祥府山西省), vốn là dòng-dõi của quan Tư-dò Trần Nguyễn-Đán nhà Trần, từ thời Dụ-Tông 1341 đến thời Nghệ-Tông 1370, là lúc nhà Trần suy yếu, quyền-chính dần dần lọt cả vào tay cha con họ Hồ. Ngài biết không sớm thì muộn thế nào nhà Trần cũng mất về tay Quý-Ly. Ngài dẫu là bậc tôn-thất danh vọng, nhưng vì vua đã quá tin họ Hồ, nên không còn cơ cứu vãn. Ngài sợ đến

VĂN-HÓA — SỞ 66

1467/57

lúc Quý-Ly thực hành thủ-đoạn cướp ngôi, thì dòng tôn-thất nhà Trần tất nhiên cũng bị đối xử như Trần-thủ-Độ đối với tôn-thất nhà Lý ngày trước, vì thế Ngài phải tính cách bảo toàn lấy một gia-đình, cáo lão lui về Côn-Sơn rồi đem con sang gửi Quý-Ly để tránh tai vạ, thành ra lúc ấy mới có câu rằng : « *Dem con gửi cái quạ già, biết rằng quạ có xót xa con mình* » (寄子與老鴉不識老鴉情愛不 kỹ từ dơ lão nha, bất thức lão nha liên ói phều !)

Thế rồi quả nhiên sau khi Ngài mất được hơn chục năm, vào thời Trần Thiếu-Đế năm thứ II tức năm 1399. Trước khi cướp ngôi, Quý-Ly 季犛 thẳng tay sát hại tôn-thất nhà Trần, thượng-tướng Trần Khắc-Chân thời bị chém ngay trên Đồn-sơn, còn 400 người thì chém tại chợ Thành-Hồ thuộc tỉnh Thanh-hóa. Riêng có con cháu của ngài thì được thoát nạn, mà Trần Nguyên-Hãn tức là cháu nội của Ngài vậy.

Nguyên ông là người học rộng lại tinh-thông cả tam lược lục thao, gặp lúc cha con nhà Hồ thất bại, quân Minh bắt sống đem cả sang Tàu, còn bên nước nhà thì chúng đặt nền đô-hộ, nhìn thấy non sông tan-nát trăm họ quần-quai trong cảnh lâm-than ! Ông vốn là người dòng-đối tôn-thất nhà Trần, sẵn có dòng máu anh-hùng hào-kiệt, đối với non sông tổ-quốc, không thể ngoảnh mặt làm thinh, thế quyết ra tay cứu quốc, nhưng vì chưa có cơ hội, nên phải đợi thời.

Thế rồi nhân một đêm, ông vào ngôi đền ở ngã ba Bạch-Hạc cầu khấn, bỗng thấy thần núi Tân-Viên bảo cho Thần Bạch-Hạc biết ở trên thiên-đình đã có mệnh lệnh cho Lê-Lợi 黎利 ở Lam-Sơn 藍山 thuộc tỉnh Thanh-Hóa 清化 lên làm Quốc-vương An-Nam ! Vì thế, ông mới vào Thanh tìm đến chỗ Lê-Thái-Tổ khởi binh để xin phò-tá.

Về phần vua Lê-Thái-Tổ, trước kia vẫn được nghe tiếng ông Hãn là người văn-võ song toàn, đương muốn sai người ra triệu, thì nay bỗng thấy ông vào. Ngài rất mừng rỡ tỏ lòng thân tín như thế tay chân, được bàn những việc quân-cơ bí-mật và thường theo vua đi đánh các mặt, lập được rất nhiều chiến-công được thăng đến chức Tư-Đồ.

Năm Ất-tị (乙巳, 1425) vua sai các tướng đem binh vây thành Nghệ-An, vì ngài xét thấy các vùng Tân-Bình Thuận-hóa đối với Nghệ-An, con đường giao-thông lâu nay đã bị gián-đoạn, cả mặt Đông-dô cũng thế, nên mới hạ lệnh cho ông cùng với Thượng-tướng Lê-Nỗ 黎考 đem hơn 1.000 binh và 1 voi trận, tới đó kinh-lược để nối lại sự liên-lạc như xưa.

Chẳng ngờ các ông vừa mới kéo quân vào đến khúc sông Bồ-chánh 市政 thì gặp đại quân của địch, ông liền chia quân đi mai phục các ngã rồi dùng cách giả thua, dụ cho quân địch đuổi theo, để đưa chúng vào cạm bẫy ! Quả nhiên quân địch trúng kế, tưởng rằng thắng trận cứ việc đuổi dài, khi đuổi đến địa-phận Hà-Khương, thì các phục-binh đồng thời nổi dậy, khiến cho quân địch chẳng kịp đỡ tay, bị giết và bị bắt sống không biết bao nhiêu mà kể !

Xét ra trận đại thắng này, dầu chưa phải là trận quyết định cuối cùng, nhưng về tính cách quan-trọng thực là đáng kể, bởi vì chẳng những nó đã mở lại được lối giao-thông giữa Nam với Bắc, mà những quan dân trong thành Tân-bình Thuận-hóa, lâu nay bị bọn quân Minh giày xéo, khạc nào đương ở ngục tối, mà nay bỗng được thấy ánh mặt trời. Trăm họ thấy đều hoan-hô nhiệt-liệt, tinh nguyện gia nhập các đạo nghĩa-binh được đến mấy vạn tinh tráng, làm cho thế-lực vương sư lại thêm bành-trương, mà bọn quân tướng nhà Minh cũng phải táng đờm kinh hồn, chẳng dám khoe khoang như cũ.

Năm Bình-ngọ tức năm 1426, Hoàng-thượng chuẩn bị tiến quân ra vây Đông-đô 東都, bèn sai Nguyên Hãn lãnh hơn 100 chiến thuyền đi trước, kéo ra Hát-giang 喝江 rồi thuận dòng nước tiến xuống sông Lô, đến Đông-bộ-đầu phá tan đại-binh của Vương-Thông 王通, bắt được hơn 100 chiến-thuyền và tất cả lương-thực khi-giới. Rồi ông thừa thắng tiến vây Đông-đô. Năm Đinh-vị (1427), ông được thăng chức Thái-úy, rồi phụng mạng hợp cùng các ông Lê-Sát 黎察 kéo sang mạn Bắc đánh thành Xương-giang 昌江, lúc ấy tướng chỉ-huy của Minh là bọn Kim-Dận 金胤 và Lý-Nhậm 李任, trấn-thủ tại đó, và cùng với các đạo binh ở Khoái-Châu

快州, Lang-giang 諒江 dựa vào với nhau làm thế ỷ-dốc, phòng thủ rất là chu đáo, vì thế quan quân tấn công đến hơn sáu tháng mà vẫn không hạ được thành!

Về phần Hoàng-thượng trong lúc chờ đợi tin tức quân nhà, thì Ngài lại tiếp được tin thám-báo viện-binh của địch sắp sửa kéo sang đến nơi, e rằng các tướng của ta sẽ lâm vào thế « phúc bối thụ địch », cho nên Ngài phải ra lệnh đánh gấp để chiếm thành-trị trước khi viện-binh địch tới. Vì thế các ông phải đem toàn-lực tấn-công, vận dụng hết mọi phương sách, như đào đường hầm để cho quân-sĩ tiến ngầm mặt dưới, dùng cầu liềm để leo lên thành, còn các khí-giới lợi hại như cung nỏ cứng và các thứ hỏa-tiến, các cỗ đại-bác thì dàn ra khắp bốn mặt, đồng thời bắn phá để cho quân-sĩ xung-phong. Lớp này ngã xuống lớp sau trùn lên. Chỉ sau nửa giờ thì 4 mặt thành và các địch-lâu, ngọn cờ của Bình-định-Vương đã cắm la-liệt. Bọn Dận và Nhậm đành phải tự sát! Thế là quan quân hoàn toàn chiếm được thành-trị, tịch thu được bao vàng lụa vật dụng. Ông đem thưởng hết cho các tướng-sĩ, làm cho ai cũng phấn khởi tinh thần. Đại-tướng Minh là Vương-Thông khi tiếp được tin thăm bại, chỉ còn một cách là bày đàn truy-điệu ở trong sân đình, tế các tướng-sĩ trận vong một tuần rượu và mấy câu văn đăm lẹ.

Thế rồi cách mười mấy hôm, quả nhiên Thôi-Tu 崔聚 kéo viện-binh sang, nhưng sang tới nơi thì thành đã vỡ! Bọn Tự lương cuống, chưa biết định thoát ra sao, thì ngay lúc ấy, các ông Lê-Sát đã được mật lệnh từ trước đem binh đi chặn hết các ngã đường, nay thấy Thôi-Tu, kéo sang bên ủa ra đánh, chém được Hoàng-Phúc 黃福 cùng tất cả các đạo viện binh. Trận thắng này thật là oanh-oanh liệt-liệt và nó cũng là một trận tối hậu để phá tan hết xiềng xích đô-hộ của nhà Minh, lấy tại độc-lập, vinh quang cho Tô-quốc vậy.

Về phần Vương-Thông lúc ấy đương ở Đông-đô, cũng định liều chết cố thủ để đợi cơ-hội, nhưng nay được tin các mặt đều bị tan rã, đoàn quân cứu-viện cũng bị tiêu-diệt hoàn-toàn, tự biết không còn cơ gì cứu vãn, nên phải vội vã sai sứ cầu hòa. Thượng cũng không muốn làm mất

thê-diện nhà Minh một cách quá đáng nên mới mở cuộc hội-minh ở phía thành Nam mà trên tờ minh-trúc, thì tên của ông Trần-Hãn đứng hàng thứ II, chỉ sau có một minh vua mà thôi. Như vậy đủ rõ danh-vọng của ông cao cả biết là chừng nào!

Thế là cuộc Lam-son khởi nghĩa của Bình-định-Vương Lê-Lợi đã được thành công một cách rực-rỡ. Hai bên ký kết hòa-trúc xong rồi, Vương bèn hạ lệnh mở rộng quan-ải, chuẩn-bị thuyền bè xe ngựa lương thực để cho Vương-Thông cùng các tàn-binh lục-tục rút về, rồi sang đầu năm Mậu-thân (1428) thì Ngài lên ngôi Hoàng-đế, lấy niên-hiệu là Thuận-Thiên. Bấy giờ ngài mới luận công ban thưởng cho các tướng-tá, ông Hãn được thăng Tả-tướng và ông Nguyễn-Trãi được phong tước Quan-Phục-Hầu, đều ban quốc-tánh theo họ nhà vua tức là Lê-Hãn.

Xét ra một người bề tôi làm quan đến chức tột phẩm và được dự phái Hoàng-gia, thực là vinh dự hiếm có, nhưng mà ông Hãn thì lại nghĩ khác. Ông nhận thấy tướng mạo vua mình giống hệt như tướng Việt-vương Câu-Tiền 句踐 ngày trước. Nghĩa là cái tướng mờ quạ chỉ thích moi ruột gan người, đối với con người có kỹ-tướng ấy thời chỉ có thể ăn ở với nhau trong khi hoạn nạn, mà không thể ở với nhau trong lúc an nhàn! Chẳng thế mà ông Văn-Chủng sau buổi thành công còn cứ ở lại để mang lấy vạ tru-di, nếu nghe Phạm-Lãi mà cũng tìm kế thoát thân thì đâu đến nỗi.

Thế rồi cách ít lâu sau, ông bèn dâng sớ xin về dưỡng lão. Vua chấp thuận ngay, và dụ cho ông mỗi năm hai lượt vào Kinh triều-kiến. Sau khi trở về vườn cũ, thì ông lập tức xây dựng nhà cửa, gọi thợ đóng thuyền và sắm khí giới. Vì thế có người đem việc tố-giác với Vua, rằng ông âm mưu khởi loạn. Vua tin là thực, sai đoàn lực-sĩ đi bắt. Chúng bắt được ông rồi đem xuống thuyền để chở về Kinh, chẳng ngờ khi thuyền đến bến đò xã Thượng-đông thuộc lĩnh Sơn-tây, ông quá phân-uất, ngửa mặt lên trời kêu rằng: « Tôi đây cùng vua đồng tâm giết giặc để cứu nhân dân, chẳng ngờ ngày nay công cuộc khởi-nghĩa vừa xong, thì vua lại muốn ghép tội để sát hại thần! Cúi xin trời cao soi xét, v.v... »

Lạ thay ông vừa khẩn xong mấy câu, thì bỗng nổi trận phong ba làm cho thuyền bị úp sập. Ông và 42 lực-sĩ đều bị chết chìm ! chỉ còn sót lại hai tên gia đồng, vì chúng vội được tẩm ván để ngoi lên bờ mà thôi. Nhưng khi Hoàng-thượng được tin thì lại cho rằng việc đắm thuyền ấy là do tự ông gây ra, nên Ngài lại càng tức giận, xuống chiếu bắt hết vợ con, và tịch thu tất cả tài-sản !

Việc này xảy ra vào khoảng tháng 2 năm Kỷ-dậu (1429) tức là năm Thuận-thiên nhị niên, đến đời vua Thái-tông Thiệu-bình nguyên-niên (1433) tháng 2, có thấy chép rằng : « Trước kia lúc Lê-thái-Tổ bị ốm, quận-vương Tư²Tề 思齊 là người ngộ-ngược, mà vua Thái-tông thì còn thơ ấu, Ngài thấy ông Hãn vốn là tôn-thất nhà Trần và Phạm-văn-Xảo 范文 巧 người ở Kinh-Lạc, đều là Tá-mạng công thần, vẫn được quốc dân tôn trọng, nên Ngài đem lòng nghi kỵ. Rồi bọn Hoàng-Bá 宏 栢 và Đinh-bang-Bồn 丁 邦 本, Lê-quốc-Khí 黎 國 器, Nguyễn-Chí 阮 贇, Lê-Đức-Dư 黎 德 興 dò biết ý-kiến của Ngài, dâng sớ mật tâu rằng ông mưu phản, nên ông Hãn mới bị hàm oan. Nhưng rồi Đế biết bọn đó là hạng tiểu-nhân gian hiểm, theo dật ra chuyện để hãm hại người, nên ngài ra lệnh cách chức cả bọn.

Đến thời vua Lê-Nhân-Tông năm Diên-Ninh thứ 11 (Ất-hợi 1455), Ngài có xuống chiếu đại xá, nhân tiện xét đến vụ án của ông Trần-Hãn năm xưa, thương ông là người vô tội mà phải ngậm oan, nên mới xuống chiếu trả lại điền-sản cho con cháu ông, đề nêu tấm gương huân-liệt, rồi dân địa-phương cũng lập đền thờ ngay chỗ bến sông, cầu khẩn điều gì cũng thấy linh-ứng. Về sau đến thời nhà Mạc, khoảng giữa thế-kỷ XV, có tặng phong là « Tả-tướng-quốc Trung-liệt Đệi-vương », tới nay hương khói vẫn còn chưa dứt, vì thế nên vua Tự-Đức trong khi vịnh sử, mới có bài thơ tú-tuyệt như sau :

越王奇相已先知
委贖軍門却不疑
可惜扁舟隨范蠡
五湖不到在江湄

1472/62

VĂN-HÓA — SỞ 66

Việt-vương kỳ tướng di tiên tri,
Ủy chí quân môn khước bất nghi.
Khả tịch biên chu tùy Phạm-Lãi,
Ngũ-hồ bất đáo, tại giang mi !

Tạm dịch

Biết vua giống tướng Việt-vương (1),
Mà còn theo dõi chiến-trường không nghi.
Cưỡi thuyền theo dấu Đê-Di (2),
Ngũ-hồ không đến, đến chi sông này !

Thiên lịch-sử của ông Trần-Hãn chúng tôi soạn-thuật trên đây, về phần tài-liệu toàn rút ở trong các bộ Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục Chánh-biên, từ quyển 13 đến quyển 14-15-16-17 và ở trong bộ Lịch-triều Hiến-chương về mục danh-tướng, và bộ Việt-sử tông-vịnh. Chúng tôi nhận thấy một là trong các bộ đó có điểm khác nhau về phần danh-tính ông Hãn, vì bộ nào cũng thấy có lót chữ Nguyên tức Trần Nguyên-Hãn 陳元拊 nhưng bộ Cương-mục Chánh-biên thì không thấy có chữ lót.

Hai là bài thơ vịnh sử trên đây, dấu chỉ gói ghém có 28 chữ, thế mà nó đã nói lên được cả tâm-sự của ông, và cả nguyên-do của vụ án đó, thực là một bài kiệt-tác về thể vịnh sử vậy. Ba là có người chê ông về điểm đã biết vua Lê có một tướng ác như vậy, còn ra giúp đỡ làm chi, đề cho đến nỗi mang tai mang vạ cho mình và cho vợ con vô tội !

Điểm này chúng tôi thiết-tưởng không ai có quyền được trách ông về chỗ đó, bởi vì như trên đã nói : Ông vốn là người tài kiêm văn võ, lại sẵn dòng máu anh-hùng ; vả lại là người nhiệt tâm cứu quốc, thì ông chỉ biết có nước chứ đâu nghĩ đến họa phúc riêng của gia-đình ? Giữa lúc quân địch đương giầy xéo lên quê cha đất tổ, bởi thế nên ông thấy ai có thể thành được đại sự thì ông phò-tá, phò-tá cho đến cuối cùng, chứ ông đâu dám vin vào cái tướng mô quạ hay mô điều hâu, để mà thoái thoái nhiệm-vụ thiêng-liêng của mình phải gánh.

(1) Tướng Việt-vương Câu-Tiền đã nói trên.

(2) Phạm-Lãi cũng có tên là Đê-Di-Tử.

VĂN-HÓA — SỞ 66

1473/63

Bốn là thuyết nói khi ông còn đi bán dầu, có nuôi đôi chim bồ-câu đã luyện cho nó biết đưa thư, đến khi ông vào Lam-sơn theo vua Lê-Lợi cũng có đem đi, rồi sau trong trận đánh ở Vũ-Ninh, ông bị giặc Minh vây kín, dù một con sẽ cũng khó lọt qua, các tướng không ai có tài phá được vòng vây để đi cầu cứu, ông liền thả một tờ biểu buộc vào chân chim cho nó bay về Thăng-Long hạ cánh ngay giữa sân rồng, v.v...

Thuyết này kể ra thì cũng có lý, nhưng bảo nó bay về thành Thăng-Long và hạ xuống giữa sân rồng, thì e nó không phù hợp với thời-gian tính, bởi vì lúc vua Lê-Lợi đã tới ngự-trị trong thành Thăng-Long tức là Ngải đã lên ngôi Hoang-đế, và đã quét hết quân Minh, thì còn đánh nhau với quân Minh nào nữa mà bảo rằng ông bị vây?

KẾT-LUẬN

Nói tóm lại cái chết của khai-quốc công-thần nhà Hậu-Lê, chúng tôi vừa thuật lại trên đây nó còn có điểm đáng nghi và lại đáng tiếc!

Điểm đáng nghi là cứ trong Khâm-định Việt-sử Cương-mục Chánh-biên quyển 15 trang 20, trên bài chính-văn thì chép: 逮右相國黎杆下吏自殺 (= đôi Hữu-Tướng-quốc Lê Hân hạ lại tự sát) = bắt quan Hữu-Tướng-quốc Lê-Hân để pháp-ty buộc tội, rồi Hân tự sát), thế mà quãng dưới thì lại chép rằng: 忽然大風覆船力士舍人四十二及杆皆溺死 (= hốt nhiên đại phong phủ thuyền lực-sĩ xá nhân tứ thập nhị cập gan giai nịch tử = bỗng nổi bão táp làm cho thuyền đắm, 42 lực-sĩ phái viên cùng Hân đều bị chết đuối). Như vậy là ông tự sát hay là Long-Vương đã đón cướp lại rồi, đưa ông xuống thủy-phủ là chốn Trùng-sinh bắt tử, để ông sống với tiếng thơm mãi đến ngày nay?

Còn điểm đáng tiếc là ở hai chữ nghi kỵ, bởi vì lúc ấy vua Lê Thái-Tổ đã nhiều bệnh tật, Ngải thấy tử thần đã đương hai cánh để đón rước mình, chỉ trong ngày một ngày hai thì Ngải sẽ từ biệt Tôn-miêu xã-tác, mà người sẽ được kế vị (tức là Thái-Tông) thì còn tho-ấu, biết đâu sau khi mình đã nhắm mắt thì ông Lê-Hân lại chẳng cướp lấy ngai vàng của ấu-

chúa để dựng lại cơ-nghiệp cho nhà Hậu-Trần. Vì thế nên Ngải bắt ông Hân phải chết trước, chứ sự thực thì Ngải cũng chẳng ghét bỏ chi ông, vì ông là người chỉ có những điểm đáng trọng đáng yêu, chứ không tìm đâu ra điểm đáng ghét vậy.

Hơn nữa trong thời-gian ấy, ví thử vua Lê-thái-Tổ vẫn còn trường-mạnh, ấu-chúa cũng đã trưởng thành, có lẽ ông cũng không bị chết bởi hai chữ « mưu phản » mà người ta đã nhần-tâm vu cáo cho ông; chẳng thế mà thầy Mạnh-Tử 孟子 ngày xưa đã phải dùng đến câu « tận tín thư bất như vô thư » nghĩa là « tin cả vào sách, chẳng thà không đọc sách nữa còn hơn » để làm phương-châm cho người đọc sử, bởi vì các nhà sử-bút có phải toàn thị là Đổng-Hộ cả đâu?

BAO-LA cư-sĩ

Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-Lý — Sài-Gòn

Điện-thoại : 24.633

- ※
- Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM
 - Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM
 - Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
 - Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

※

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

148-i, Đường Yên-Đề — Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ : THỐNG-NHẤT

329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — Sài-gòn

THÂN-THỂ VÀ THI-CA
CỦA MỘT NHÀ NHO CẬN-ĐẠI

DOÀN-UẬN (*)

(Tiếp theo V.H.N.S. số 61)

Tô-Nam
NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM
soạn-thuật

Trước kia chỉ nghe nói chuyện hồ Ba-Bè 巴 液, nhưng chẳng biết nó là bè gì; ngày nay nhân cuộc hành-binh, ông giữ nhiệm-vụ quan trọng nhất là phải trừ-liệu lương-thảo! Vì thế mới lên tới đây; khi đứng trên đỉnh núi trông ra bốn mặt thì thấy đằng xa có một cái hồ rất lớn, thồ-dân bảo đó là Ba-Bè, lại có tên là Bè-Ngòi, Bè-Tàu, v.v...

Bè này do các dòng nước từ Bằng-Thành Cổ-Đạo Cầm-Hoá rót về, rồi chuyên đi sông Thao 滔 江, cảnh trí thiên nhiên và hùng vĩ.

Cũng muốn trên dòng Xích-bích thả một con thuyền, nào hay mấy tiếng Tý-bà giục trên lưng ngựa. Đâu phải lúc nhàn du, thời hầy đợi kỳ tái ngộ; nghĩ mà đáng tiếc, ghi mấy vần thơ:

滿地	溪山	聚	連雲	樹	草	幽
峯頭	一以	眺	大澤	出	村	邱
土俗	傳三	海	平湖	控	四	州
安得	人無	事	携壺	試	泛	遊

(*) Bài này đã khởi đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San số 40, 42, 44 và 61.

1476/66

VĂN-HÓA — SỐ 66

Phiên âm

Mãn địa khê sơn tự, Liên vân thụ thảo u.
Phong đầu nhất dĩ điều, Đại trạch xuất thôn khâu.
Thồ tục truyền tam hử, Bình hồ không tứ châu.
An đắc nhân vô sự, Huê hồ thí phiếm du.

Dịch

Núi khe đầy mặt đất, Hoa cỏ ngắt từng mây!
Lên đỉnh buong tám mắt, Ai khơi vũng nước này?
Bảo rằng ba bề đây, Tóm cả bốn châu đây.
Ao ước khi nhàn rồi, Đeo bầu dạo cảnh ngay.

Giữa lúc ông đương mở đường tiếp-tế lương-thảo, thì được tin viên Tổng-Đốc Phạm-Đình-Phồ 范廷普 bị bại ở Bắc Phấn-Thông, Tham-tán Nguyễn-Công Trứ bị giặc chặn đánh ở Hồng-La 紅羅, nên phải gấp đem quân đi cứu viện. Trong lúc chuẩn bị giao tranh, nhân có hào hứng một bài:

Khi qua đồn Na-Dụ

日	月	飽	歲	瘴	久	亦	慣	風	沙
但	望	來	書	捷	穿	辭	去	路	賒
寸	山	阻	那	裕	一	路	梗	紅	羅
安	得	有	力	者	一	爲	挽	天	河

Phiên âm

Nhật nguyệt bão lam chướng, Cửu diệp quán phong sa,
Đãn vọng lai thư tiện, Ninh từ khứ lộ xa?
Thốn san trở Na-Dụ, Nhất lộ ngạnh Hồng-La.
An đắc hữu lực giả? Nhất vị văn thiên hà,

Dịch

Hằng ngày no chướng khí, Lâu cũng dạn phong sa,
Tin thắng mong đưa sớm, Đường nguy dám ngại xa!
Non cao cách Na-Dụ, Lối hẻm khuất Hồng-La.
Tráng-sĩ nào đâu tá? Kéo hộ dải thiên hà!

VĂN-HÓA — SỐ 66

1477/67

Khí vượt qua Kiều-Ca, vào thẳng Vân-Trung
là nơi sào huyệt Nông-vân-Vân

雲 中 在 何 許 見 說 阻 喬 歌
山 岩 豈 不 險 其 如 軍 今 何

Phiên âm

Vân-trung tại hà hử? Kiến thuyết trở Kiều-Ca.
Sơn nhâm khởi bất hiềm? Kỳ như quân lệnh hà?

Dịch

Vân-Trung đâu đó tá? Nghe nói cách Kiều-Ca.
Khe suối nào chẳng hiểm, Quân lệnh dám nể hà.

Khí ở Quán thú chợ Dã

野 市 軍 次

弓	劍	尋	常	少	未	聞	出	車	有	今	亦	行	軍
輕	囊	纓	帶	溪	邊	月	錦	級	朱	囊	嶺	上	雲
討	恭	功	由	天	子	斷	平	涯	碑	有	大	家	文
不	才	亦	濫	邊	疆	責	指	日	安	能	靜	塞	氛

Phiên âm

Cung kiếm tầm thường thiếu vị văn, Xuất xa hữu lệnh diệp hành quân.
Kính cừu hoãn dơi khê biên nguyệt, Cầm cấp chu nạng lnh thượng vân.
Thảo Thái công do thiên tử đoán, Bình Hoài bí hữu đại gia văn!
Bất tài diệp lạn biên cương trách, Chỉ nhật an nộg tnh tái phần.

Dịch

Kiểm cung sao chẳng luyện từ ngây, Nay phải cầm quân ấy mới rày!
Mặt suối dài vàng in bóng nguyệt, Dầu non túi gấm lần từng mây.
Công ghi thảo Thái còn ơn chúa, Bìa soạn bình Hoài sẵn có tay.
Gánh nặng biên cương tài nhỏ mọn, Bụi trần quét sạch buổi nào đây?

Đêm xuân trên chiến-địa

沙 場 春 夜

Ròng-rã mấy tháng ở trên đường ngược, khi thì dốc lương, khi thì vát
tiểu, nào hay đông đã sang xuân! Vì quá dầm sương dải tuyết, bị chứng

1478/68

VĂN-HÓA — SỐ 66

thương-hàn, đành phải só tẩu về triều đê xin tạm nghỉ. Trong khi thiêm-thiếp
nằm trên giường bệnh, chợt nghe tiếng pháo giao-thừa, ở nơi quân-thứ, làm
ông ợc nhớ đến câu: «Một năm thăm-thoát đêm hầu hết, Muôn dặm xa-xôi khách
chừa về!»! Càng ngâm càng thấy xúc-dộng, thành ra ông cũng cảm-tác mấy bài
như sau:

其 一

爆	竹	一	聲	知	是	春	回	頭	四	十	一	年	人
天	涯	風	俗	姑	行	樂	塞	上	山	溪	也	不	貧
煖	信	逼	香	來	幾	席	韶	光	隨	酒	著	衣	巾
邊	氓	曷	日	歸	安	集	慚	愧	無	能	一	遠	臣

Phiên âm

Bộc-trúc nhất thanh tri thị xuân!
Thiên nhai phong tục cô hành lạc,
Noãn tín bức hương lai kỳ tịch,
Biên manh hạt nhật qui an tập,
Hồi đầu tứ thập nhất niên nhân.
Tái thượng sơn khê dã bất bần.
Thiêu quang tùy sái trước y cân.
Tạm quý vô năng nhất viễn thần!

Dịch

Xuân sang một tiếng pháo đêm đầu,
Phong vị chân giời đã nếm đủ,
Hương đưa tin-tức lan tràn ghé,
Dân đến bao giờ qui tụ nhỉ?
Bốn mốt năm rồi nghỉ cũng mau!
Sơn khê mặt ai có nghèo đâu?
Áo nhuộm thiêu-quang mới mẻ màu.
Thần nay hồ thẹn thiếu mưu sâu!

其 二

春	宵	無	恙	倚	欄	杆	旅	夢	初	醒	漏	未	殘
半	夜	獨	知	山	月	靜	百	花	最	愛	嶺	梅	寒
漸	祛	俗	味	緣	多	病	未	了	塵	心	要	一	官
今	古	幾	多	賢	達	者	化	工	何	事	惜	人	間

Phiên âm

Xuân tiêu vô dạng ý lan can,
Bán dạ độc tri sơn nguyệt tnh,
Tiệm khứ tục vị duyên đa bệnh,
Kim cổ kỳ đa hiền đạt giả,
Lữ mộng sơ tỉnh lậu vị tàn.
Bách hoa tối ái lnh mai hàn!
Vị liễu trần tâm yếu nhất quan.
Hóa công hà sự tích nhân nhân.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1479/69

Dịch

Đêm xuân vô sự tựa lan can, Mộng tỉnh tha hương tối chửa tàn.
 Sáu khắc thấy im vầng nguyệt núi, Trăm hoa riêng thích đóa mai ngàn.
 Khem dần thế vị do nhiều bệnh, Vướng mãi trần tâm háo chữ quan.
 Hiền đạt xưa nay bao bực nhĩ? Hóa công sao tiếc chẳng cho nhân?

春日登山

欲學尋芳遺所思 所思人在水之湄
 岩溪以外無餘物 覆載之間豈有私
 衣頂帶錢嬰俗異 頭顛負板女粧奇
 芳遊不使春心負 且插梅花一兩枝

Phiên Âm

Dục học tìm phương dị sở ti, Sở ti nhân tại thủy chi mi.
 Nham khe dĩ ngoại vô dư vật, Phủ tải chi gian khởi hữu tư.
 Y đỉnh đới tiền 婴俗 dị, Đầu lư phụ bản nữ trang kỳ!
 Phương du bất sử xuân tâm phụ, Thả sấp mai hoa nhất lưỡng chi.

Dịch

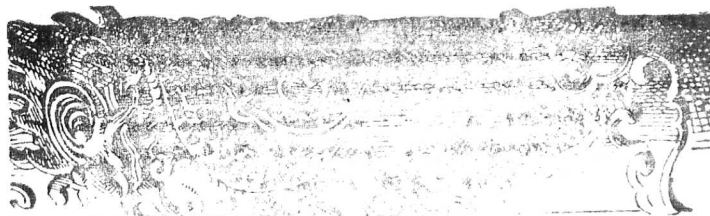
Những muốn tìm hoa giải tấm lòng, Nhớ người ta nhớ ở bên sông.
 Núi khe trước mặt còn chi thú? Giời đất trong vòng thực chí công.
 Đai áo đeo tiền coi lạ nhĩ (1), Đinh đầu đội ván có ghê không?
 Chơi xuân hỡi biết xuân chẳng tá? Giắt mấy cành mai khỏi phụ lòng.

(Còn tiếp)

Tô-Nam NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM



(1) Vùng thượng tỉnh Thái đều là giống Mán thất tộc, Mán này con giai bịt đầu, dải áo đeo mấy chục đồng tiền cổ, họ tin là để trừ tà ma! Đàn bà thì gọt tóc đầu, mỗi khi ra ngoài, họ đội miếng gỗ dán lên trên để thay nón. Chúng-tộc đó ngày xưa gốc-tích ở bên Trung-quốc, di-cư sang đây từ bao đời, nên tiếng nói và phong-tục cũng hơi giống Trung-Quốc.



CHÈO CỎ BẠC PHẠM

SỰ TÍCH VUA HÙNG-VƯƠNG

Phùng Văn

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Chèo là một môn hát thuần-túy của miền Bắc. Trong những buổi hội hè, đình-đám, ngoài các trò chơi như đánh vật, chọi gà, cờ người... những buổi hát chèo được dân quê ưa chuộng nhất. Rạp hát là sân đình che cốt, có một tấm vải ngăn ra để làm sân khấu. Buổi trò cũng được ngăn tạm bằng một tấm vải che rất sơ sài. Mũ măng, hia hốt, giấp trụ, áo mác thu gọn vào trong hai cái rương sơn đen do các kép hát thay phiên nhau gánh lang thang qua các làng quê xem chỗ nào mở hội thì vào xin «đám». Có mấy vở hát như Lưu-Bình-Dương-Lễ, Trương-Chi, Hạnh-Nguyên Cống Hồ diễn đi diễn lại mãi thành ra thuộc lòng. Thế mà dân quê vẫn muốn xem, muốn nghe, muốn thưởng thức một nghệ-thuật thuần-túy của đồng quê, vì lối trình-diễn nhiều lúc lộn-sộn, bừa bãi, ngô ngô, dường như phù-hợp với tâm-hồn mộc-mạc của họ.

Trong vở « Sự tích vua Hùng-Vương », chúng tôi tạm đưa ra vài chục điệu hát thường vẫn trình-bày qua làn sóng điện của Đài Phát-Thanh Quốc-Gia. Những điệu hát này đặt theo thể lục bát, câu cuối phải là sáu chữ. Cách trình-diễn một vở chèo thì đại khái như sau: Một người ra hát giáo-đầu nói

sử Bắc tóm-tắt vở chèo cho các khán-giả nghe, rồi ngâm 4 câu thơ Đường (hay 8 câu) khuyên răn người đời nên làm điều thiện, tránh điều ác.

Sen giáo đầu này thường kéo dài ra, cho đến khi nào các tài-tử trong buồng trò chuẩn-bị xong rồi, mới vào để bắt đầu vở chèo.

Cách phục-sức theo đời cò. Đàn-bà thường cầm chiếc quạt che miệng để hát. Nhạc-cụ gồm có đàn cò, đàn gáo, trống để, thanh la, nạo bạt...

Cách bài-trí các sen cũng sơ-sài, thiếu thốn, nhiều khi từ đầu đến cuối, chỉ một cảnh.

Sau này, cách trình-diễn có thay đổi nhiều theo đà tiến-triển của nghệ-thuật sân khấu, nhưng ở vùng quê, vì thiếu nhiều điều-kiện, nên người ta vẫn say sưa với những tiếng hát « Ồi ... a » nhịp nhàng, những tiếng trống bập-bùng hòa với tiếng đàn réo rất trầm bổng giữa cảnh đêm xuân lạnh lẽo quạnh hiu.

PHÙNG-NGỌC

oOo

SỰ TÍCH VUA HÙNG - VƯƠNG

I — Các vai chính

NAM : Vua Đế-Minh, Đế-Nghi, Lộc-Tục (tức Kinh-Dương-Vương) Sùng-Lãm (tức Lạc-Long-Quân).

NỮ : Long-Nữ (vợ Kinh-Dương-Vương), Âu-Cơ (Vợ Lạc-Long-Quân)

II — Các vai phụ — Vài quan hầu. Một số trai, gái đóng vai con Lạc-Long-Quân. Người hát giáo đầu.

III — Phong cảnh : Triều Đình.

Giáo đầu

— Này chị em ơi ! ta thường nói : nước có nguồn, người có tổ. Vậy, chị em có biết tổ chúng ta là ai không ?

— (Trong phòng trò) Là tổ Hùng-Vương !
(nói sử Bắc) Cõi lịch-sử từ đời Thượng-Cổ, vua Hùng-Vương là tổ

1482/72

VĂN-HÓA — SỞ 66

người Nam, hai ngàn năm trị nước Văn-Lang, thời hưng-thịnh về vang đã lắm.

— Ai sinh ra vua Hùng-Vương (trong phòng trò)

(nói sử tiếp) Sinh (ra) Hùng-Vương là ngài Sùng-Lãm, giữ ngôi vua hiệu Lạc-Long-Quân, cùng Âu-Cơ (mà) kết-nghĩa Châu Trần, sinh một bọc được trăm (trai) tươi tốt. Vì dòng giống Tiên, Rồng chẳng hợp, hai vợ chồng tính cuộc chia con, năm mươi người theo mẹ lên non, bốn mươi chín cha con xuống biển. Người con trưởng nối quyền cai-trị, mở kỷ-nguyên Hồng-thị bấy nay, đặt Văn-Lang tên nước từ ngày, đến đời Thục mới thay quốc-hiệu. Vậy có thơ rằng

Hơn bốn ngàn năm Sử có đây,
Cùng trên dải đất nước Nam này,
Ai là dòng-dõi Tiên, Rồng trước,
Giỗ tổ Hùng-Vương nhớ lấy ngày.

oOo

MÀN 1

Vua Đế-Minh và 2 con là Đế-Nghi và Lộc-Tục.

Vua Đế-Minh — (nói sử Bắc) Cháu 3 đời (vua) Thần-Nông Trung-Quốc, Trẫm Đế-Minh trị nước yên vui, cùng tiên-nương kết-nghĩa lứa đôi, sinh thêm được một trai (là) Lộc-Tục. Vì đất rộng dân-cư đông đúc, việc Triều-Đình chẳng lúc thành thời, cho 2 con mỗi đứa mỗi nơi, chia Nam Bắc thay trời trị quốc.

(Điệu hát cách)

Chia đôi Nam Bắc hai miền,
Đế-Nghi, Lộc-Tục trao quyền trị dân.
Nơi gương đạo đức Thánh-nhân,
Trong ngoài giữ được tình thân lâu dài.
Triều-đình riêng một góc trời,
Giang-son giữ vững muôn đời về sau.
Làm cho nước mạnh, dân giàu.

VĂN-HÓA — SỞ 66

1483/73

Đế-Nghi — Tàu Phụ-Vương, xin Phụ-Vương phân chia địa-giới rõ-rệt, để anh em con biết mà theo.

Vua Đế-Minh — À này, Đế-Nghi con. Con là trưởng Nam cai-trị phương Bắc, còn em con là Lộc-Tục cai-trị phương Nam ...nghe.

Đế-Nghi — Dạ.

Lộc-Tục — Tàu Phụ-Vương... phương Nam đất rộng dân thưa, lam-sơn chướng khí, con còn ít tuổi sợ không làm nổi việc lớn.

Điệu Vọng Nguyệt

*Phương Nam cây cối xác-sơ.
Dân-cư thưa thớt, lơ thơ xóm làng.
Cánh đồng chùm lấp cỏ vàng.
Rừng sâu núi hiểm thú ngàn đầy khe.
Lạt thêm khí hậu nặng nề,
Quanh năm ngập lụt tràn trề nước sông.
Nơi này con chẳng ước mong.*

Vua Đế-Minh (cười) — Con chưa bước chân tới nơi, sao dám nói liều như vậy. Nước của con cai-trị sau này là một vùng đất cát phi-nhiều sông dài núi hiểm. À này... Lộc-Tục con.

Lộc-Tục — Dạ

Vua Đế Minh — Con nghe đây !

Điệu trấn thủ

*Nước con Nam giáp Hồ-Tôn,
Phía Tây Ba-Thục, núi non chập-chùng.
Nam-Hật thì ở phía Đông,
Đường xa đi lạt lắm sông, nhiều đò.
Bắc-Phương giáp Động-Đình-Hồ,
Dân-cư trù-mật còn lo nổi gì ?
Khuyên con vui về ra đi.*

Lộc-Tục — Con xin tuân lệnh Phụ-Vương.

Đế-Nghi — (nói sử Bắc) Em ơi ! lời cha dạy nhớ chàng Lộc-Tục, về phương Nam dùng đức trị dân, anh em ta máu mủ tình thân, tuy Nam Bắc (mà) chẳng phân nói giống.

Điệu Giang-đình

*Anh em Nam Bắc một nhà,
Đừng vì quyền lợi bắt hoà với nhau.
Việc làm suy trước tính sau,
Dùng người kén chọn vàng thau kéo lằm.
Trị đời lấy đức, lấy nhân.*

Lộc-Tục — (hát tiếp...)

Via

*Trị đời lấy đức, lấy nhân,
Làm vua phải biết thương dân mới bền.*

Điệu Giang-đình

*Nhất tâm kính trọng người hiền,
Nơi gương tiết-kiệm, giữ-gìn của công.
Đắp đường, lấp chợ, đào sông,
Đề dân buôn bán, giao-thông để dàng.
Cùng anh bày tỏ can-tràng.*

Vua Đế-Minh — Thiết là đáng khen lắm. Cha mong hai con sẽ làm đúng như lời hứa. Sau này cha sẽ đi thăm các con luôn luôn để xem xét công việc và chỉ bảo thêm.

Điệu hát sắp

*Trong tay sẵn có binh-quyền,
Về vâng sự-nghiệp lưu-truyền thế-gian.*

Đế-Nghi (tiếp)

Hát sắp

*Anh em kẻ Bắc người Nam,
Nước non cách trở, quan-san nghìn trùng.*

Lộc-Tục : (tiếp) *Hát sắp*

*Ở đời muôn sự của chung,
Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.*

oOo

MÀN II

Lộc-Tục về phương Nam làm vua, hiệu là Kinh-Dương-Vương.
Lộc-Tục kết duyên với Long-Nữ sinh ra Sùng-Lãm.

Kinh-Dương-Vương — Long-Nữ — Sùng-Lãm.

Kinh-Dương-Vương — (nói sử Bắc) Trăm từ lúc về Nam cai-trị, gọi nước là Xích-Qủy chính tên. Kinh-Dương xưng hiệu vững bền, trong ngoài vẫn bình yên vô sự. Tinh kháng-khít kết duyên Long-Nữ, lại sinh ra nam tử tốt tươi, nay được con Sùng-Lãm nối ngôi, ngày mong ước lòng trời chẳng phụ.

Long-Nữ — Tàu Bệ-hạ, thần thiếp còn mong ước một điều nữa ?

Kinh-Dương-Vương : Hậu mong ước điều gì nữa ?

Long-Nữ — Thần thiếp mong rằng :

Diệu đào liễu một cành

*Con ta nay đã lớn khôn,
Phương phi điện-mạo tông-môn giống nòi.
Học hành từng đã theo đời,
Thông minh, chính trực trong ngoài đều khen.
Hiềm vì gia-thất chưa yên,
Ra vào vắng vẻ buồn phiền lắm thay.
Mong con phận đẹp duyên may.*

Kinh-Dương-Vương (cười) — Hậu không phải bận tâm về việc đó, ta đã kén chọn cho con một nơi xứng đáng rồi.

Long-Nữ — Tàu ... nơi nào vậy, sao Bệ-Hạ không nói cho thần thiếp biết trước ?

Kinh-Dương-Vương — Nay Hậu ơi !

Diệu phụng mạng quân vương

*Gần đây, chẳng phải mối mai,
Áu-Cơ con gái Đế-Lai đó mà.*

1489/76

VĂN-HÓA — SỐ 66

*Đáng vì trong đám quần-thoa,
Tuổi vừa đôi tám mặt hoa tốt vời.
Cầu thân ngõ một đôi lời,
Đề-Lai đường cũng xuôi xuôi tâm lòng.
Việc này liệu tnh cho xong.*

Long-Nữ — (cười) Thế mà, bệ-hạ cứ giấu thần thiếp mãi, bây giờ mới chịu nói. A... này Sùng-Lãm con

Sùng-Lãm — Dạ.

Long-Nữ — (nói sử) Nay con đã tới tuần khôn lớn, tuổi hoa-niên môn mơn ngày xuân, mong cho con xong việc hôn-nhân, (đề) cha mẹ khỏi bận tâm lo nghĩ. Mừng con con đã được người vừa ý, nàng Áu-Cơ trưởng nữ Đế-Lai, về yêu-khiêu có một không hai, duyên tiền định tra tai, gái sắc.

Via

*Mong con yên phận lứa đôi,
Sinh trai thừa kế, ngôi trời mai sau.*

Diệu hát hồi tiểu

*Nghi con vắng vẻ bấy lâu,
Lẻ loi chiếc bóng canh thâu cũng buồn.
Kiềm người bầu bạn sớm hôm,
Thâm cung định tính, thân hôn mới là.
Làm con hiếu nghĩa mẹ cha.*

Sùng-Lãm — Tàu Mẫu-hậu, việc hôn-nhân là do cha mẹ định đoạt, con đâu dám trái lời ...

Vua Kinh-Dương-Vương — Người ta thường nói : « Phụ tử, tử hiếu ». Con hiếu thuận như vậy đáng khen lắm thay. Ngày mai, con sắm sửa lễ vật sang thăm vua Đế-Lai, đề lo liệu việc hôn-nhân cho xong ...
A con.

Diệu hát sắp

*Chúc con mọi sự thành công,
Một lời hứa hẹn, vợ chồng tốt duyên.*

VĂN-HÓA — SỐ 66

1487/77

Long-Nữ (tiếp)

Hát sắp

Anh hùng sánh với thuyền quỳên,
Then mây mở lối Đào-Nguyên tìm vào.

Sùng-Lãm (tiếp)

Hát sắp

Hai bên cỏ cụ thâm-giao,
Thông-gia kết hợp, xiết bao ân-tình.

oOo

MÀN III

Lạc-Long-Quân, Âu-Cơ. Các con, Trưởng, Nam.

Lạc-Long-Quân — (nói sử Bắc) Trẫm, Sùng-Lãm tài hèn đức bạc, nối ngôi cha, hiệu Lạc-Long-Quân, nhờ hai bên văn võ quần thần, nên trong nước toàn dân mến phục. Kể từ thuở xum vầy mai trúc, sinh một lần một bọc trăm trai, trông đàn con diện mạo tốt tươi, mừng nay đã có người nối dõi.

Đường trường trách ai

Từ khi vui chữ duyên hài,
Sinh ra một bọc trăm trai tốt vời.
Mừng nay có kẻ nối ngôi,
Giang-son tiên tổ muốn đời về vang.
Ngồi thì gìn giữ biên-cương,
Trong thì chính-trị theo gương thánh hiền.
Thần dân sống cảnh bình yên.

Âu-Cơ — Tàu Bệ-Hạ, dân-chúng an-cư lạc-nghiệp thật là diễm lành cho đất nước. Các con trong nhà, huynh-đệ tương-thần tương-ái cũng là một điều đáng mừng cho Hoàng-tộc.

Điệu trấn thủ

Các con hiểu nghĩa đủ đường,
Biết dong kẻ dưới, biết nhường người trên.

1488/78

VĂN-HÓA — SỐ 66

Ra vào thừa gởi trước thêm,
Quạt nóng ấp lạnh ngày đêm chẳng rời.
Thầy người già cả đón mời,
Thầy người bệnh tật tỏ lời sốt sa.
Thầy dân nghèo đói đi qua
Cho quần, cho áo, tặng quà mời ăn.
Khắp nơi lòng lấy tiếng tâm.

Lạc-Long-Quân — Các con ta, trăm người như một, tính hạnh hiền hòa vậy Hậu xét xem nên truyền ngôi cho con nào hơn?

Âu-Cơ — Theo ý thần thiếp thì nên truyền ngôi cho Trưởng Nam là hơn cả.
Lạc-Long-Quân — Thật là hợp với ý của trẫm. Nhưng này, Hậu ơi!

Đường trường sa lệnh

Tiên Rồng vốn thực khác nhau,
Non cao Tiên ở, biển sâu Rồng nằm.
Sông chung chẳng được lâu năm,
Bà hòa gây chuyện khó khăn bận lòng,
Thôi đành dứt nghĩa vợ chồng,
Non cao, biển cả Tiên, Rồng đổi nơi.
Đàn con chia sẻ làm hai.

Âu-Cơ — Tuy thiếp là Tiên, mà Bệ-hạ là Rồng, nhưng đã kết-duyên phụ phụ và sinh hạ được trăm con. Nay chia đàn con cho mỗi người đi một đường thì thật đau xót quá.

Điệu Làn thần

Đàn con chia sẻ làm hai,
Xót xa hoàng-tộc, má mai quần thần.
Tiên, Rồng nay đã kết thân,
Lại còn tính việc chia phân giống nòi,
Chẳng qua muốn tự tại trời,
Sinh con sao nữ phỉ-hoài bỏ đi.
Đang vui bàn chuyện biệt-ly!

Lạc-Long-Quân — Trẫm đã quyết định rồi, Hậu đừng cản trở nữa. Bón

VĂN-HÓA — SỐ 66

1489/79

mtroi chín đũa theo ta xuống biển. Nam-Hải, còn năm mươi đũa theo mẹ lên núi. Đứa Trưởng-Nam ở lại cầm quyền cai-trị...A này các con.

Các con đồng thưa — Dạ

Lạc-Long-Quân — Các con nghe cho rõ :

Điệu trần tình

Cha Rểng sánh với mẹ Tiên,
Khác nòi, khác giống chẳng yên được nào.
Trăm trai chung giọt máu đào,
Đứa nào theo mẹ đứa nào theo cha?
Theo cha xuống biển không xa,
Theo mẹ lên núi chẳng qua vài ngày.
Trưởng-nam kê-vị từ nay.

Các con nhao nhao nói:

- Con theo cha.
- Con theo mẹ.
- Con theo cả cha, cả mẹ.
- Con theo huynh trưởng.

Trưởng Nam — Các em lặng yên để anh bày tỏ vài lời. Thưa cha mẹ, (nói sử Nam) Nghe cha dạy lòng con đau xót, cảnh gia-đình đang hợp mà tan (cha ơi) vì thờ cha chẳng hết tâm can, nên cha giận bỏ đàn con đại.

Điệu Lân thần

Chắc vì lỗi đạo thần hôn,
Nên cha giận bỏ đàn con lúc này.
Trình cha dạy bảo cho hay,
Xin đừng để lữ thơ ngậy mùi lòng.
Mẹ cha nuôi nấng bao công,
Bằng nhiên chia rẽ Tiên Rểng đôi nơi.
Con xin bày tỏ đôi lời.

Âu-Cơ (sút-sùi)—Lời của con trẻ thật là lâm-ly thống thiết xin bề-bạ nghĩ lại!
Lạc-Long-Quân — Xin đừng nhiều lời vô ích ... A này Trưởng-nam, nghe ta dặn đây :

1490/80

VĂN-HÓA — SỐ 66

Trưởng-Nam — Dạ...

Lạc-Long-Quân (nói sử Bắc) Ngồi cửa ngõ cha truyền con nối, trị nước theo đường lối của cha, có thiên-thời địa-lợi nhân-hòa, mới mong giữ nghiệp nhà bền vững.

Hát cách

Khi con nối nghiệp của cha,
Đổi thay quốc-hiệu tên là Văn-Lang.
Lấy tên dòng họ Hồng-Bàng,
Đổi đời niên-hiệu Hùng-Vương mới bền.
Phong-Châu, Bạch-Hạc, Vĩnh-Yên,
Kinh-Đô chôn ậy chớ quên sau này.
Cha truyền con nối mới hay.

— A này bà quan.

— Dạ.

— Trẫm sắp phải từ giã các quan. Vậy các quan phải hết lòng giúp tân quân trông nôm việc nước ...nghe.

— Dạ

— Bà quan nên nghe lời trẫm dặn :

Vọng Nguyệt

Cha truyền con nối mới hay,
Siêng năng công việc nối tay luật-hình.
Võ ban Lạc-Tướng việc binh,
Lạc-Hầu coi việc triều đình văn ban.
Sinh trai tên hiệu quan Lang,
Mỵ-nương con gái vẽ vang giống nòi.
Mấy lời truyền phẩn chớ sai.

— Dạ.

Âu-Cơ — (nói sử Bắc) Nay đã sắp đến giờ ly biệt, lòng thương con chẳng biết có nguôi, mẹ khuyên con khi đã lên ngôi, dùng nhân nghĩa thay trời trị nước. Trong dân-chúng chọn người thao lược, rồi sắc

VĂN-HÓA — SỐ 66

1491/81

phong chức tước cao sang, phải giữ-gìn mảnh đất Văn-Lang, đừng
nên để ngoại-bang xâm lấn.

Điều Tò Vò

Lời cha mẹ dặn chớ sai,
Giang-sơn gìn giữ trong ngoài cho yên.
Phải luôn gắn gũi người hiền,
Xa quân xiêm nịnh mới bèn ngôi vua.
Rượu chè, nữ sắc say sưa,
Tan nhà, mất nước chuyện xưa vẫn còn.
Vì dân một tấm lòng son.

HẠ MÀN

PHÙNG-NGỌC



Muốn biết rõ
tình-hình xuất-bản
trong nước
NHỚ ĐỌC :

TIN SÁCH

Ấn-hành mỗi đầu tháng, giới-thiệu đầy đủ tất cả các sách xuất-
bản trong tháng vừa qua trên toàn quốc.

TIN SÁCH 1961 lại có thêm một phần hợp-luận gồm nhiều bài
viết về Thư-Viện-học, Nghệ-thuật Đọc Sách, Thú Chơi Sách, Sinh-hoạt
Văn-hóa... của quý vị học-già danh-tiếng trong và ngoài nước.

TIN SÁCH 1960 và 1961 chỉ bán cho độc-giả dài hạn. Muốn hỏi
thê-lệ mua năm và được biểu không số nhất, hãy biếu thư cho :

Tòa-soạn TIN SÁCH, 60 Kỳ Con, Sài-gòn

1492/82

VĂN-HÓA — SỐ 66



HỒ XUÂN-HƯƠNG

THAN THI (HỒ VĂN TÀI)

PHẠM VĂN DIÊU

Trong nền văn-học cổ-diễn nước ta, Hồ Xuân-Hương 胡春香 là một nhà thơ đặc-biệt hơn hết. Đề có thể nhận-dịnh một cách tương-đối chần-xác những sắc-thái của văn-tài bà, tưởng ta cần phải giới-thuyết cùng đặt vấn-đề cho đúng và tìm vạch một lẽ-lối nghiên-cứu thích-hợp.

Điều rõ nhất, là đối với thân-thế bà, trước giờ tài-liệu rất thiếu-thốn, truyền-văn thất-chân, có nhiều thuyết thường vẫn trái ngược nhau. Về thơ-văn cũng thế, phần nhiều là do khâu-truyền. Bản nôm xưa nhất nay còn tìm thấy là bản *Xuân-Hương di-cảo* 春香遺稿 của một hiệu Hàng Cai khắc in mùa xuân năm giáp-dần, 1914. Bản in chữ quốc-ngữ xưa nhất là bản *Hồ Xuân-Hương thi-tập* do Xuân-Lan phiên-diễn, nhà Văn-minh Hải-phòng — Hà-nội xuất-bản, kỳ in lần thứ tư vào năm 1914. Tuy-nhiên, hai bản này, phần thì tài-liệu sơ-sài, phần thì xuất-xứ không được bảo-đảm, nên không đáng dùng làm tài-liệu căn-bản để kê-cứu. Năm 1917, nhà cựu-học Nguyễn Hữu-Tiến阮有進 trí-ý chép lại tiểu-sử và gom-góp thơ bà thành tập *Giai-nhân di-*

VĂN-HÓA — SỐ 66

1493/83

mặc 佳人遺墨 do nhà Đông-kinh-ấn-quán, Hà-nội-ấn-hành. Nguyễn Hữu-Tiến là người của hậu bán thế-kỷ XIX, vốn con một nhà cự-nho ở Hà-đồng là quê của nữ-sĩ, học-vấn lại quăng-bác (1), nên hơn ai hết, những hiểu biết của ông về Hồ Xuân-Hương có thể làm cho ta tương-đối vững tin được. Do đó, phần nghiên-cứu về thân-thế và thơ-văn của Hồ Xuân-Hương sau đây sẽ lấy sách *Giai-nhân di-mặc* làm tài-liệu căn-bản. Ngoài ra, còn hai bản nôm khác như *Xuân-Hương thi tập-lục* và *Quốc-văn tùng-ký* của Học-viện Đông-phương Bác-Cổ cũng là những tài-liệu quý để kê-cứu thêm. Những thuyết chép khác nhau về thân-thế của bà và các dị-bản về thơ-văn, người khảo sẽ tùy-nghi ghi rõ ở phần chú-thích dưới mỗi trang.

Một nhận xét rất quan-yếu nữa, là thơ Hồ Xuân-Hương luôn luôn đi khấn liền với thân-thế tiểu-sử của bà. Trong văn-học ta, hơn ai hết, thơ Hồ Xuân-Hương rõ-rệt là một loại văn-chương của trường-hợp (littérature de circonstance). Vì thế, nếu ta chỉ nghe đọc bài thơ mà không hiểu lai-lịch thì thơ-từ thành nhạt-nheo, nếu chỉ nghe nói thuần sự-tích mà không dẫn rõ thơ-văn thì tiểu-sử hóa mơ-hồ. Những tài-liệu về sự-tích thơ-từ Hồ Xuân-Hương sau đây là những tài-liệu xét ra rất cần-yếu để hiểu thơ bà, nhưng chưa chắc đều là chuyện có thực. Dù

(1) Nguyễn Hữu-Tiến, hiệu là Đông-châu 東洲, người làng Đông-gạc 東郭 tục gọi là Kê-Ve, huyện Từ-liêm 慈廉, phủ Hoài-đức 懷德, tỉnh Hà-đồng, sinh năm 1874, mất ngày 14 tháng 11 năm 1941. Ông là cháu nội cụ Nguyễn Hữu-Tạo 阮有造, tự là Ngạc-đình, đồ cử-nhân khoa tân-sử (1841), rồi tiến-sĩ khoa giáp-thìn (1844) về đời Thiệu-trị, làm Đốc-học tỉnh Sơn-tây rồi thăng Bô-chánh tỉnh ấy, có tài văn-chương trước-thuật. Cụ nguyên gốc-tích ở làng Nguyệt-áng 月盎, huyện Thanh-từ 靑池, trong tỉnh Hà-đồng. Nguyễn Hữu-Tiến là con thứ tư cụ Chiêu Cư, ông thi đỗ hai khoa tú-tài, khoa thứ nhất vào năm canh-tý (1900) triều Thành-thái năm thứ 12. Trước khoa này, ông có ngồi dạy học tại nhà cụ Nghệ Văn-đình Dương Khuê ở phố Hàng Gai, Hà-nội. Về sau, ông từng đi dạy học ở trường Đông-kinh nghĩa-thục, rồi giúp việc hiệu-tập quốc-văn cho nhà Đông-kinh ấn-quán. Năm 1917, tạp-chí Nam-phong ra đời, ông lại là một tay giúp việc biên-tập và dịch-thuật rất đặc-lực của tờ báo này. Bản thân của ông là hai ông Tùng-vân Nguyễn Đôn-Phục và Đôn-nam-tử Nguyễn Trọng-Thuật đều ở trong Nhóm Nam-phong.

1494/84

VĂN-HÓA — SỐ 66

rằng biết vậy song cũng không thể làm khác, vì với tình trạng sách-vở và sử-liệu ngày nay, ta chỉ có thể đi đến mức đó mà thôi. Và chẳng những tài-liệu ấy tuy không có giá-trị chân-xác của tài-liệu sử-học, nhưng nhiều khi vẫn giúp ta ý-hội và thường-thức đầy đủ những ý-vị mà chỉ trong thơ xưa mới có.

Trong phần khảo về thân-thế sau đây, ta sẽ trí-y dẫn-xuất những thơ-văn liên-hệ, đặt trả lại trong hoàn-cảnh-thoát-thai của nó, và diễn-giải rõ-y-nghĩa của mỗi bài. Sự thường-thức nhờ thế tất đầy-đủ và ý-vị hơn nhiều, mà những phần khảo-luận về các đặc-sắc văn-chương, những khuê-các riêng của văn-tài nữ-sĩ sau đó sẽ dễ-dàng quán-xuyến và có điểm tựa vững-chắc hơn.

Trở lên là những lẽ-lỗi, những điểm thuyết-minh cần-yếu mà ta sẽ áp-dụng để đặt vấn đề và tìm hiểu thi-tài Hồ Xuân-Hương trong các phần sau này.

I — THÂN-THẾ VÀ LAI-LỊCH, Ý-NGHĨA NHỮNG BÀI VĂN

Hồ Xuân-Hương, không biết sinh năm nào và mất năm nào, là con ông Hồ Phi-Điển người vốn tở-tích ở làng Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an và bà mẹ Hà-thị (1) Hai vợ chồng sống với nhau tại phường Khán-xuân, huyện Vĩnh-thuận, Hà-nội, nhà ở trông xuống Hồ Tây, ngọn trúc trắng tà, ngàn sương khói tỏa, tiếng chuông dịp chầy. Con cái hiếm-hoi, hai ông bà chỉ sinh ra được một gái. Hai ông bà mới nhân theo tên làng sở-tại và điểm mộng thần-nhân trao tặng chiếc gương tròn có bóng trăng trước lúc mang thai mà đặt tên cho con là Xuân-Hương 春香 (2).

Hồ Xuân-Hương mồ-côi cha từ thuở nhỏ, được mẹ yêu dấu chiều chuộng. Ở cạnh nhà bấy giờ có trường dạy học, bà thường hay sang lân-la nghe-ngóng. Bản-tính rất thông-minh, bà nghe đâu nhớ đấy. Mẹ bà thấy con sớm ham thích việc sách đèn, cũng chiều con, bèn đưa sang nhập môn ông thầy. Thuở ấy, bà mới khoảng độ bảy tám tuổi, học *Tam-tự-kinh* rồi *Minh-tâm*, học đâu nhớ đấy, thiên-tư dính-ngộ lạ thường. Sau đó, bà mẹ nghĩ rằng con gái học nhiều và hay chữ cũng chỉ làm gì, bèn bắt con

(1) Nhiều sách quốc-ngữ chép bà họ Hà quê ở Hải-dương. Theo một đời người thì bà này cũng có tài văn-thơ.

(2) Về sau, Hồ Xuân-Hương lại thiên-cư ra ở thôn Tiên-thị, tổng Tiên-túc, huyện Thọ-xương, tức là phố Nhà-thờ gần đền Lý Quốc-sư ngày nay.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1495/85

ở nhà tập-tành việc nội-trợ nữ-công, và không cho đi học nữa. Nhưng tính vốn ham học, bà vẫn ngắm-ngắm theo đuổi việc học-hành và văn-thơ. Tháng ngày qua, bà lớn lên, xuân-xanh thấp-thoáng đã đến tuần cài trâm, và trở thành một nàng con gái đáng-điệu tâm-thước, mặt tuy hơi rỗ hoa, mà nước da hơi ngăm-ngăm đen, thoạt trông thì không đẹp, trái lại nhìn kỹ thì mặt-mà có duyên thâm.

Ngày kia, trời mưa, bà đi chợ về, gần đến cửa nhà thì bỗng trượt chân ngã oạch một cái, nằm xoạc chân ra. Các cậu học trò láng-giếng trông thấy reo cười lêu lêu. Bà đỏ mặt tía-tai, vội-vàng đứng dậy, đọc hai câu chứa thẹn :

*Giơ tay với thử trời cao thấp,
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài.*

Té ngã đã đau lại nằm dang cả tay chân ra, rõ là cái ngã mà nói là đưa tay đo trời, xoạc chân đo đất. Thực là nhanh-trí và có tài ứng-đối. Vế trên chỉ chiều cao, vế dưới nói chiều ngang, cả hai vế hợp lại khá dĩ vẻ được cái hình-ảnh một người có cái tài ngang dọc hợp tung liên hoành, cái chí anh-hùng tang-bồng hồ thi. Lời thuần nôm, mạnh-mẽ, có khí-lực biết chừng nào !

Thấy người bạn thiếu-nữ mới học bập-bẹ năm xưa nay bỗng có tài ứng-khẩu như vậy, tất cả trong đám học-trò ai nấy đều nhìn nhau lấy làm kính-phục.

Ngày hôm sau, các cậu nhân dịp thầy đi vắng, bèn rủ nhau ra cửa sắn đón đề trêu ghẹo người tài-nữ duyên-dáng láng-diềng kia chơi. Nguyên trước cửa ngõ nhà học có cái giếng đất, trên bắt đôi ván làm cầu để múc nước, xung-quanh cây cỏ tươi tốt, mạch nước trong veo mát-mẻ. Xuân-Hương bấy giờ ra giếng gánh nước về nhà dùng, thì bỗng gặp hai ba người học-trò đứng chắn ngang đầu cầu trên bờ giếng mà không cho lên. Các cậu nhắc lại chuyện hôm qua và buộc hãy thử làm bài thơ vịnh cái giếng này thì mới thuận cho đi. Xuân-Hương lạnh-lẹ đáp bài thơ sau (1) :

(1) Sau mỗi bài sẽ đặt đầu-đề đóng trong hai dấu ngoặc để kẻ học để nhận-ý-nghĩa. Trong khuôn-khổ của bài khảo này, tưởng cách trình-bày như thế thì hợp-lý hơn. Những đầu-đề đều phân nhiều dựa theo các bản cũ, hoặc nôm hoặc quốc-ngữ đã đề, ngoài ra có những bài cũng đã tùy theo nội-dung mà đặt tên lại. Cần ghi-nhận rằng những nhan-đề này gần hết là do hậu-nhân tự đặt ra, và nay không có gì căn-cứ đề cho đó là nguyên-đề của tác-giả cả.

*Ngõ ngay (1) thăm-thăm tới nhà ông,
Giếng tốt thanh-thời giếng lạ lòng!
Cầu trắng phau-phau đôi ván ghép,
Nước trong leo-lẻo một dòng thông.
Cỏ gà lún-phún leo quanh mép,
Cá diếc le-te lách giữa dòng.
Giếng ấy thanh-tân ai đã biết,
Đố ai dám thả nạ rỗng-rỗng (2) ?*

(Cái giếng)

Đường ngõ sâu thăm-thăm ngay trước mắt. Vào ngõ có giếng êm-ả thanh-thời, giữa bắt cầu, hai miếng ván ghép lại trắng phau-phau. Dưới chân cầu nước trong leo-lẻo, lạnh-tanh, quanh bờ nước cỏ gà leo lún-phún. Trong nước, cá diếc nghiêng mình le-te lội vui sao ! Giếng ấy trinh-trắng xinh tươi, chưa ai biết. Nào đâu người dám thả cá nạ rỗng-rỗng. Nghĩ xem đã kém-cỏi chưa !

Bài thơ là bức tranh tả chân cảnh thực, nhưng cũng vừa là bức tranh tả cảnh-tình thời xuân mới dậy mà nhà thơ tuổi trắng tròn muốn gọi lên, nội-dung có hàm ý chế-giễu. Các cậu học-trò nghe thơ, thấy mình mắc hóm đều giãn cả ra và rút lui đi mất.

Xuân-Hương lừng tiếng văn-thơ từ bấy giờ, trong làng nhiều người đưa tin đến hỏi, nhưng chưa thuận lấy ai cả. Rồi một hôm, có người cai-tổng tên là Cốc nổi tiếng giàu-có và quyền-thế nhất trong tổng, mà lại góa vợ sớm, nghe tiếng Xuân-Hương, bèn qua chơi nhà đề xem mặt. Sau cuộc viếng thăm ấy, Tổng Cốc bèn cho người đến đánh tiếng hỏi Xuân-Hương. Hà-thị dò hỏi ý con, Xuân-Hương lại không thuận Tổng Cốc sai người đến dọa

(1) Khảo-di — Có bản chép là : *Ngõ ngang*, có bản chép là *Ngõ sâu*.

(2) *Nạ rỗng-rỗng* : Các bản ngoài Bắc thường viết là nạ giòng-giòng. *Nạ* là mẹ. *Nạ rỗng-rỗng* : là một thứ cá, miền Bắc gọi là cá chuối, miền Trung gọi là cá tràu. miền Nam gọi là cá lóc đẻ con rất nhiều, cá con ấy khi nhỏ gọi *cá rỗng-rỗng*. Tục-ngữ có câu : « Rỗng-rỗng theo mẹ ». *Trình-thử* có câu « Rỗng-rỗng theo nạ sớm trưa ». *Nạ rỗng-rỗng* ở đây còn có thể hiểu theo một nghĩa khác nữa.

hỏi đôi ba lần, chú ý muốn ép tình. Hà-thị không dám ra mặt khước-từ sợ bề mặt người ta và tránh không khỏi sinh chuyện, bà chỉ biết xin khất lần-lữa đề dỗ bảo con rồi sẽ xin nhận lời. Xuân-Hương từ khi lớn lên, mối-manh dập-dồn đưa tới nhưng lại không chịu hứa hôn cùng ai cả, thường vẫn cắm cung ở nhà, sớm khuya hầu mẹ, tháng ngày thoi-đưa chẳng mấy chốc mà đã ngoài đôi tám. Nhất là cái đạo ngày Tống Cốc bần tin dạm hỏi trở đi thì mối-manh lại bỗng im-bặt, không ai dám đến dạm hỏi gì nữa.

Ngày xuân kia, gặp tiết thanh-minh, nhà nào nhà nấy, theo thói-tục cô-truyền đều làm bánh trôi nước. Xuân-Hương bấy giờ vắng-về một mình, nhân ngồi buồn ngắm-nghía đĩa bánh, lòng trí băng-khuâng cảm cảnh riêng mà vịnh thơ rằng :

*Thân em thì trắng phận em tròn (1),
Bảy nổi ba chìm mấy (2) nước non.
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà (3) em vẫn giữ tấm lòng son.*

(Vịnh bánh trôi nước)

Bánh trôi bằng bột trắng, nặn hình tròn, giữa có nhân đường, thả vào trong nước lạnh, là thứ bánh mà người xứ Bắc xưa thường dùng vào tiết Hàn-thực (mùng ba tháng ba âm-lịch), ăn thơm và mát (4). Nặn bánh trôi phải cho tròn, rắn quá hay nát quá đều không ngon. vận-mệnh rủi may phó tùy tay kẻ nặn, biết đâu mà lường. Dầu kẻ nặn muốn thế nào đi nữa, dầu nổi chìm mấy độ, lòng em xin vẫn là phiến nhơn ngon ngọt, vẫn cứ giữ một lòng son-sắt, không hề sờn mà chờ đợi khách tình chung!

(1) Khảo-dị — Có bản chép : *Thân em vừa trắng lại vừa tròn*. Câu này với 5 chữ « vừa trắng lại vừa tròn » tả hết viên bánh trôi hơn. Lại có người chép : *Của em vừa trắng lại vừa tròn*. Chữ *của* xé ra thì « tục », song đúng lý và thích-hợp với văn-phong của nhà thơ họ Hồ hơn.

(2) Khảo-dị — Có bản chép khác : *vời*.

(3) Khảo-dị — Có bản chép khác : *Nhưng...*

(4) Vào tiết Hàn-thực, ngoài bánh trôi ra như trên đã nói, người Bắc còn làm một thứ bánh nữa gọi là *bánh chay*, hình cũng tròn như bánh trôi, song đẹp và lớn hơn mà lại thả trong nước đường.

1498/88

VĂN-HÓA — SỐ 66

Xuân-Hương vịnh thơ mà ngán ngấm cho cảnh một đèn một bóng, sớm khuya hầu mẹ, khi thung-dung nhân rồi thì xem sách làm thơ, tài-tử văn-chương hồ để thấy đâu người tri-ký, sự nhân-duyên chỉ là chuyện ép-uông chán-chường, mối-manh qua lại xưa nay toàn hạng tục-tử phàm-phu.

Một hôm, Xuân-Hương ngồi thơ-thần trong thư-phòng, cảm cảnh ngày xuân lần-lữa, ngắm-nghía bức tranh song tiên tổ-nữ, vịnh một bài thơ rằng :

*Hỏi bao nhiêu tuổi hỏi cô mình ?
Chị cũng xinh, mà em cũng xinh.
Đôi lứa như in tờ giấy trắng,
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.
Siêu-mai (1) chi dám tình trăng gió,
Bồ-liễu thôi đành phận mỏng manh.
Còn thú vui kia sao chẳng về ?
Trách người thợ vẽ khéo vô tình !*

(Vịnh tranh song tiên tổ-nữ)

Câu phá-đề và *thừa-đề* rất lạ và mạnh, làm sống dậy người trong tranh. Ưu-điểm ấy là ở hình-thức một câu hỏi trực-tiếp và thân-mật duyên-dáng như câu hỏi truyện một người quen-thuộc bằng xương bằng thịt. «Hỏi bao nhiêu tuổi hỏi cô mình ? » hỏi tuổi vì không biết tuổi bao nhiêu để định cho đúng. Mà làm sao định tuổi của người đẹp trong tranh ! Chữ «cô mình» vừa thân-ái, vừa đeo giọng ngây-thơ mà lại đượm cả vẻ bỡn-cợt mỉa-mai. «Chị cũng xinh mà em cũng xinh» với hai chữ điệp *cũng xinh*, chữ *mà* dùng đặc-thể và đặc-sắc, đọc lên ngấm đượm bao nhiêu tình-tử, ỡm-ờ đùa-bỡn, oái-oăm, rất thi-vị.

Câu thứ ba với ý « như in tờ giấy trắng » gọi được vẻ trong-trắng thanh-tân, nhất là chỉ rõ ý tranh vẽ.

Câu thứ tư với ý « còn mãi cái xuân-xanh » vừa chỉ vẻ đẹp duyên-dáng còn mãi mãi, cũng vừa nói được trường-hợp bức tranh.

Siêu-mai chi dám tình trăng gió : là tả cảnh-tình người con gái tuổi đã

(1) *Siêu-mai* : là thơ *Kinh-Thị* vịnh người con gái quá thì lỡ lứa vì với trường-hợp hoa mai đã kết-quả.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1499/89

lớn rồi nhưng vẫn giữ khuôn-phép phòng khuê và không dám đua-dời chuyện gió trăng cùng ai cả. Ý vẫn nói rõ là người đẹp trong tranh.

Bồ-liễu thổi đàn chuyen mông-manh: lại gọi lên hình-ảnh người khuê-nữ một hình một bóng, thâu ngày suốt tháng vô-vô, vì dù đã lăm phen thất bại, số-phận mông-manh mà vẫn cứ giữ một lòng trinh. Phận gái mà riêng lạ đàn phận mông-manh thì đúng là trường-hợp người con gái vẽ trên giấy.

Còn thú vui kia sao chẳng vẽ? Lời hỏi người thợ vẽ tác-giả bức tranh hóm-hình tinh-quái làm sao! Vì vẽ làm thế nào được thú ái-ân duyên-tình đê-mê kia ra trên giấy? Lời bất-ngờ, đột-ngột nhưng mạnh-mẽ làm nổi bật ý mong-mỏi thêm khát chuyện đời lứa của người nữ-sĩ tài-hoa tình xuân mới dậy.

Bài thơ ý-vị, vì mỗi câu đều chỉ rõ là trường-hợp bức tranh, nhất là hai câu trượng và hai câu luận. Hai chị em vẽ trong tranh xinh đẹp làm sao! Nào trăng treo, yêu-diệu nét-na, nào duyên-dáng thùy-mị, cái gì cũng có cả, duy còn thú-vui kia thì vắng thiếu không tìm thấy đâu. Rõ người thợ vẽ vô tình đáng trách!

Xuân-Hương bấy giờ đương mượn thi-thơ để giải sầu đui muộn thì bỗng đâu ở nhà ngoài, Tông Cốc lại đưa tin đến hỏi Bà mẹ Hà-thị thấy rằng bấy nay khát hẹn cũng đã nhiều, mà người ta thì cố tình đến hỏi, và chẳng Tông Cốc lại là một tay hào-trường quyền-thế, giàu-có chẳng kém ai, nên bắt đắ-dĩ bà phải nhận lời và định ngày cho ăn hỏi. Xuân-Hương lúc đầu cố tình không chịu, chỉ xin sớm khuya được ở nhà hầu mẹ, nhưng sau thấy bà Hà-thị ngày đêm mãi lo phiền ủ-rủ nói con đã quyết ở vậy, nên mới ti-tê khuyên mẹ hãy nguôi sầu và mình cũng xin vâng, nhưng lễ nghinh-hôn thì cứ hẹn lại một vài kỳ rồi sẽ liệu. Đến ngày ước-dịnh, Tông Cốc bèn đưa lễ vật đến ăn hỏi; và sau đó, năm bảy tin nhờ người đến nói xin cưới. Bà Hà-thị chiều ý con, lãn-lừa hẹn đến sang giêng năm mới, chọn được ngày lành tháng tốt rồi sẽ lay. Thời-giờ thời đưa thắm-thoắt, chẳng mấy chốc đã gần đến Tết. Trong cái cảnh rộn-riệp tung-bưng của ngày cuối năm, nhà nào nhà nấy đều sắm-sửa câu đối dán Tết. Chiều hôm ba mươi, Xuân-Hương bấy giờ nghĩ tới thân-phận mình, nhớ đến mùa xuân sắp-sửa, cũng viết một câu đối dán cửa như sau:

1500/90

VĂN-HÓA — SỐ 66

Tối ba mươi, khép cánh kiền-khôn (1) ních chặt lại, kéo Ma-vương (2) đưa quí tới;

Sáng mồng một, lỏng then tạo-hóa (3), mở toang ra, cho Thiều-nữ rước xuân vào (4).

Những chữ « ních chặt » « mở toang » khỏe-khoắn như mùa xuân nhựa sống căng trào. Chữ « thiếu-nữ » nói tác-giả đón tết duyên-dáng thanh-tân như tình xuân chớm dậy. Toàn câu, chữ nghĩa đều chỉ về ngày xuân, lời-lẽ mang ý-vị cảnh xuân, nhưng phảng-phất đâu đây những nỗi niềm lo-âu của thi-sĩ. Ních chặt cửa lại vì nỗi ngại Ma-vương sẵn-sở bức xông vào đem đại « quí » tới. Quí đây là cảnh ép duyên, là chàng Tông Cốc, nó làm cho Xuân-Hương luôn luôn lo-âu, sầu khổ. « Khép cánh kiền-khôn » « ních chặt lại » để xa đui những cảnh buồn nào-nhẽ ấy đi, để cho người phàm-phu nản chí mà buông tha nàng ra. Nhưng không, số mệnh oái-oăm, sự đời ngang-trái, rồi một ngày kia xuân đến, lại mở toang đôi cánh cửa để đón xuân vào. Vẽ trên nội-dung có ý gìn-giữ khép-nép, kín-đáo bao nhiêu như cả đoạn đời đóng cửa phòng khuê chờ người tri-kỹ mặc cho ong qua bướm lại, thì vẽ dưới trái lại có vẻ buông xuôi, phóng-túng, tha hồ cho cuộc thế vẫn xoay đưa-đầy.

Thế rồi, qua tháng giêng năm mới, Tông Cốc lại cho người đến thời-thức xin định ngày cưới. Bà mẹ Hà-thị và Xuân-Hương không còn biết từ-chối!

(1) *Kiền-khôn*: (*Kiền 乾*: còn đọc là *càn* là một quẻ trong bát quái dùng chỉ trời; *khôn 坤*: cũng là một quẻ trong bát quái chỉ đất) thường hợp-dụng với nhau để chỉ trời đất. *Cánh kiền-khôn* trong câu đối có nghĩa là *cánh cửa*, vì thói tục ngày Tết người ta thường viết hai chữ *Càn khai 乾 開* (nghĩa là *trời mở*), ở một cánh cửa, còn cánh kia thì lại viết hai chữ *Khôn hạp 坤 闔* (nghĩa là *đất đóng*).

(2) *Ma-vương đưa quí*: (*Ma-vương*: là kẻ cừu-dịch của Phật Thích-ca vẫn đưa loài quí khuấy phá không cho người ta làm điều lành). Theo sự mê-tín xưa thì vào ngày Tết, ma quí lại rủ nhau xuống trần-gian nhiễu-tác hại người ta trong khoảng từ đêm ba mươi đến ngày mồng 7 tháng giêng là ngày lễ *khai hạ*, tức ngày thuộc về người (nhân-nhật).

(3) *Lỏng then tạo-hóa*: đây có nghĩa là mở lỏng then cửa.

(4) *Rước xuân*: đón tết, đón xuân mới sang.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1501/91

thế nào được nữa, đành phải nhận lời. Khi cưới vợ về nhà mình rồi, Tổng Cóc phần thì vụng-về thô-lỗ, phần thì thói máu mê cờ bạc nên không sao cảm dỗ làm xiêu lòng người vợ trẻ tài-hoa ấy. Xuân-Hương bấy giờ bực mình tui phạt, nhiều lần can-gián chồng thói cờ bạc mà chồng không nghe, nên càng sinh ra dẫn-dối trăm chiều. Tổng Cóc thì không biết chiều dài vợ thế nào cả, chỉ biết đêm nào cũng đi, hết sông bạc này sang sông bạc nọ, cho đến một ngày kia gán mắt cả ruộng nương, tiếc của mà thành bệnh, thuốc-thang mãi không khỏi rồi chết. Xuân-Hương bây giờ khóc chồng có thơ :

Hỡi chàng ôi ! hỡi chàng ôi (1) !
Thiếp bên duyên chàng có thể thôi (2).
Nòng-nọc đứt đuôi (3) từ đây nhé,
Nghìn vàng khôn chuộc dẫu bời vôi (4).

(Khóc chồng Tổng Cóc)

Đây là một bài thơ khóc mát. Trong cảnh bực-bội tù đày, Xuân-Hương phải can rặng chịu đựng, thì bỗng đâu Thần Chết gõ cửa kêu Cóc về trời. Duyên thiếp bên cùng chàng chỉ bấy nhiêu thôi. Từ đây nòng-nọc đã đứt đuôi, lên châu trời, thì ví dù có tiếc dẫu bời vôi rồi đem nghìn vàng mà chuộc lại, nó cũng không sao trở về nữa. Những chữ *ôi* và *thề thôi* tuy ý nghĩa buồn-thảm thực, nhưng ở đây trái lại nó ngoắc-ngéo có vẻ mai-mĩa làm đề vọng gợi sầu vào đáy lòng người ta, nhưng thực ra đây nó vẫn có cái gì hiềm-hóc, khó chịu, kiêu-kỳ, bỗn-cợt thế nào ấy. Nòng-nọc đứt đuôi, thì ôi thôi dẫu có đem nghìn vàng chuộc lại cũng không ích gì ! Cóc có bời vôi, cóc đi thì cóc trở về chỗ cũ, dẫu này Cóc chết rồi, dù rằng có nghìn vàng đem đổi Cóc

(1) *Khảo-dị* — Có bản chép : *Chàng Cóc ôi ! Chàng Cóc ôi !* Lại có bản chép : *Chàng Cóc ơi, hỡi chàng Cóc ơi !*

(2) *Khảo-dị* — Có bản chép : *Con Cóc đi đâu chẳng báo tôi ?*

(3) Thoát-thai ở câu tục-ngữ : *Đứt đuôi con nòng-nọc.*

(4) Truyền-thuyết thông-tục kể rằng giống cóc có linh-tính, bắt nó bỏ đâu xa nó cũng tìm trở về chốn cũ. Người ta thử bắt một con cóc bời vôi vào mình nó để đánh dấu, nó sẽ trở lại chỗ cũ người ta đã thả nó đi. Riêng về Tổng Cóc ở đây đã chết xương địa-phủ thì dĩ-nhiên không còn hy-vọng gì để sống lại được nữa.

1502/92

VĂN-HÓA — SỐ 66

cũng không sao hy-vọng trở lại được nữa. Huống hồ, Cóc có chết đi thì cũng đáng kiếp, chết cho đỡ bận lòng, cho khuất mắt. Khóc Cóc nào đâu phải là nặng lòng tiếc thương gì Cóc !

Xuân-Hương về ở với Tổng Cóc vừa trong mấy tháng trời, duyên chưa bén duyên, ngờ đâu chồng lại bỗng dưng chết, mà phải mang lấy tiếng hồng-nhan bạc phận. Sau khi Tổng Cóc chết rồi, thi-sĩ nghĩ rằng duyên-số mình chẳng ra gì, vì chiều lòng mẹ mà ra đi có chồng, đến vãn nay thân vãn hoàn không, thói thì hãy trở về nhà sớm khuya nuôi mẹ là hơn. Bấy giờ bà Hà-thị cũng đã già yếu, sống với người con gái hoá chồng đau-khổ ấy chưa mấy năm thì mất. Xuân-Hương làm tang ma cho mẹ xong, nỗi buồn thương đang căn-rứt, thì bỗng đâu các bác Tổng-lý lại dập-diu đưa tin đến hỏi. Thi-sĩ lại càng thêm phiền-não, ngán nỗi thân mình bấy lâu chỉ gặp toàn bọn phạm-phu tục-tử, chưa thầy ai là kẻ văn-nhân tài-tử đến đưa hỏi. Nhân cảm-hứng than thận mà làm bài thơ sau :

Tiếng gà văng-vẳng gáy trên bom (1),
Oán hận trông ra khắp mọi chòm (2) !
Mở thăm không khua, mà cũng cóc,
Chuông sấu chẳng đánh, cứ sao om ?
Trước nghe nhưng tiếng thêm rầu-rĩ !
Sau giận vì duyên đề mồm-mòm (3) !
Tài-tử, văn-nhân ai đó tá ?
Thân này dẫu đã chịu già tom (4).

(Hòn duyên)

Lòng buồn khoái-khoái. Đêm tàn mà vẫn chưa nhắm mắt. Tiếng gà gáy sáng trên vòm canh đầu đây Chòm cây đồi núi, khắp nơi đều lạnh-léo, thăm-thê. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ! Nỗi duyên-phận trở-trêu, xưa nay chưa thấy ai là văn-nhân tài-tử, chỉ eo-óc toàn là bọn tầm thường đã được cực-tà trong hai câu trạng rất lạ và rất hay. Chữ « mở thăm » và

(1) *Bom* : vòm canh.

(2) *Mọi chòm* : chỉ cảnh-vật, những đồi núi cây rừng ở chung quanh.

(3) *Mồm-mòm* : chín mùi, chín nục ra.

(4) *Già tom* : già sụm, già cõi, có ngụ ý cả phí-phận nữa. Chữ *tom* là từ-vạn, đối-phương rất khó lòng họa lại được.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1503/93

« chuộng sấu » rất hợp cảnh, « không khua mà cũng cốc », « chẳng đánh có sáo om » hình-ảnh bề-bàng khác-khối vẽ rõ nổi buồn sâu-sắc day-dức người con gái một cách trớ-trêu, gọi lên một kiếp sống ngang-trái, chua-chát. Nỗi buồn oán ở đây là nỗi buồn duyên trách phận, trước vì những tiếng nức-nở ép duyên rầu-rĩ, sau là vì nỗi số-phận *môm-môm* dở-dang. Lời thơ đau-đớn nhưng không mệt-mỏi. Để bay lên một niềm hy-vọng trẻ mạnh, tin-tưởng. Rõ nhất là ở câu kết : « đầu đã chịu già tom ».

Bài thơ tâm-sự này được truyền ra rất rộng, song không một ai họa lại nổi. Các bác tông-lý kể từ ấy đều khiếp-phục và không dám nhân-nhe gạ-gẫm nhân-tình gì nữa.

Bấy giờ, có chú khách ở phố Hàng Đường cũng đi lại chơi, chực hỏi Xuân-Hương về làm vợ. Một hôm, chú ta đến viếng nhà, Xuân-Hương đọc cho chú ta một câu đối, hẹn -nếu đối được sẽ nhận lời. Câu đối như sau :

Chôn đi hài-hán, tay bán bánh đường ; miệng hát líu-lường,
ngôy-ngô, ngáy-ngô !

Chú khách xem bề không đối được, tìm cách thối-thác mà ra về. Khi chú ta từ-giã đi rồi thì bỗng đâu lại có người đưa một phong thư đến nhà. Xuân-Hương mở ra xem thì thấy có câu đối :

Người Cồ lại còn đeo thối Nguyệt !
Buồng Xuân chi đề lạnh mùi Hương ?

Xuân-Hương xem thấy câu trên có chữ Cồ 古 với Nguyệt 月 là chữ Hồ 胡 tức là họ mình, còn câu dưới có chữ Xuân-Hương là tên mình. Và chẳng, Cồ cộng với Nguyệt vừa là chữ Hồ, lại vừa ngụ-ý cho rằng người đứng-dẫn già-dạn mà còn trắng-hoa ân-ái. Gheo thế mới thần-tình. Chỉ trong 2 câu đơn-sơ như không chi hết mà nói đủ ba chữ Hồ Xuân-Hương một cách rất ý-vị, nhất là bày rõ được cái ý nói lớm nằng dang độ ưa tình trắng gió thì nở lòng nào lại để tháng ngày trôi xuôi tuổi xuân hồ-hững, buồn không lạnh-lùng !

Xem văn vốn-vẹn hai câu mà bộc-lộ thấy cả sức tài-cao học rộng, ý-khi thâm-trầm của người khách lạ. Xuân-Hương bấy giờ trong lòng khắp-khởi mừng thầm và rất lấy làm thán-phục, mới nhân người cầm thơ mời khách tạo-thân lại chơi nhà. Thực ra, thì còn ai hơn tài này ? Trong bao nhiêu lâu nay, nữ-sĩ chi gặp rất phường tục-từ, lòng những mong-mỏi chờ người « tài-tử », khách « văn-nhân ». Trải qua một đoạn

1504/94

VĂN-HÓA SỔ 66

đời chông-gai ưu-sầu, găng-gượng, nay tình-cờ gặp người « hữu-tình », rõ không hen mà nên.

Chiều hôm ấy, quả-nhiên người văn-nhân nọ tìm đến thăm. Đây là một bậc học-già văn-tài lỗi-lạc đời cuối Lê đầu Nguyễn, ở Thăng-long bấy giờ ai cũng đều biết tiếng. Ông tên là Phạm Đình-Hồ 范廷琥, tự là Tùng-niên 松年 hoặc Bình-trực 秉直, hiệu là Đông-dã-tiêu 東野樵, người xã Đan-loan 丹樂, huyện Đường-an 唐安 (nay là phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương). Thân phụ ông tên Giáp làm quan đến Thái-bộc tự-khanh đời Lê Cảnh-hưng, nên ông mới còn có tên gọi là Chiêu Hồ. Ông nổi tiếng hay chữ và sự-nghệp trừ-thuật rất vẻ-vang (1). Bấy giờ, nhân nghe tiếng Hồ Xuân-Hương là bậc tài-nữ hay thơ không ai địch nổi, sự tò-mò đã xui Chiêu Hồ đưa câu đối đến để gheo ý xem thì liền được người đẹp ân-cần mời lại nhà. Bấy giờ, Chiêu Hồ vừa đánh chén say-sưa, thì ngất-ngưỡng đến tìm Xuân-Hương. Xuân-Hương bèn rước Chiêu-Hồ vào nhà. Chiêu Hồ hỏi chuyện sách vở văn-thơ, Xuân-Hương đều đối-đáp lưu-loát như nước chảy. Chiêu Hồ thấy nữ-sĩ thùy-mị có duyên, lại thêm văn-chương tài-tình, nên tuy mới gặp nhau mà đã ra chiều triu-mến như đã biết nhau từ bao giờ. Đang khi say sưa, ông dở trò lời-lả, nghịch-ngợm, Xuân-Hương liền rầy bỡn bằng Lớn câu sau này :

Anh dở tình, anh dở say,
Sao anh gheo nguyệt giữa ban ngày ?
Này này chị bảo cho mà biết,
Chốn ấy hang hùm chó mó tay !

(Rầy bỡn ông Chiêu Hồ)

Ô kia ! anh dở đã khéo say chưa ? Anh say, anh lại dở trò gheo nguyệt giữa ban ngày, chả kể gì ai cả ! Chuyện trai gái làm càn là chuyện đêm hôm kín đáo, đâu phải thế này. Này, hãy nghe chị bảo cho mà biết chỗ ấy là hang cộp chó có đưa vào mà nó cắn đứt tay, đừng trách nhé ! Chữ *chị* ở trong câu thơ nghe rất ngộ, nó *láu-lỉnh* nhưng vẫn *có duyên và dễ thương*.

(1) Muốn biết tường-tế về tiểu-sử và sự-nghệp trước-thuật của Phạm Đình-Hồ, xin Xem Phạm Văn Diêu, *Văn-học Việt-Nam*, Quyển thứ nhất, Tân-Việt, Sài-gòn, 1960, trang 685-686.

VĂN-HÓA — SỔ 66

1505/95

Tên « cẩu chiêu » là Hồ. Và chẳng hồ với hùm thì vẫn như nhau. Thế mà Xuân-Hương lại bảo « chốn ấy » của mình là « hang hùm » hang hồ !

Trách nào Chiêu Hồ chẳng họa lại một cách hùng-hồ mà rất lớm-lở rằng :

*Này ông tỉnh, này ông say,
Này ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày !
Hang hùm ví bằng không ai mó (1),
Sao có hùm con bỗng chốc tay ?*

Chiêu Hồ dù chối phăng thì cũng chẳng ai bắt-bẻ lại. Nhưng không. Ông đã nói trắng trợn, nói trầy, nói « đại », nói « toát móng heo » ra. Này tôi say đây, này tôi ghẹo nguyệt giữa ban ngày đây ! Đố có hang hùm cũng mặc kệ. Muốn là cứ làm tới. Nếu không có gan thò tay mò đến đó, thì làm sao đúc nên hùm con đề mà bồng-bế đi chơi !

Xuân-Hương biết Chiêu-Hồ còn con say, bèn gọi pha chè liền rồi mời xơi. Chiêu Hồ uống nước xong, khi rượu tỉnh mới từ-giã ra về. Từ đó hai bên đều phục nhau và thường đi lại giao du, thơ từ qua lại thực là tương-đắc, tình càng thâm-sâu.

Ngày nọ, Xuân-Hương hỏi vay Chiêu Hồ năm quan tiền. Chiêu Hồ nhận lời, nhưng về sau lại đưa đến cho Xuân-Hương ba quan. Xuân-Hương mắng đùa Chiêu Hồ :

*Sao nói rằng năm, lại có ba ?
Trách người quân-tử hẹn sai ra !
Bao giờ thông-thả lên chơi nguyệt,
Nhờ hái cho xin nắm lá đa.*

Hẹn cho vay năm mà đưa có ba. Rõ người quân-tử sai lời đáng trách ! Mong rằng ngày gần đây quân-tử thông-thả hãy lên cung trăng chơi, xin quân-tử nhớ hái dùm cho nắm lá đa ! Chúc người ta lên chơi trăng để rồi gọi xin một nắm lá đa ! Rõ ngụ-ý nói cung trăng có Cuội, Cuội ngồi dưới gốc cây đa. Tục thường cho rằng Cuội hay nói dối và có lời thông-truyền : « Nói dối như Cuội ». Mượn lời chúc lên trăng gặp Cuội để nhắc Chiêu Hồ liên-tưởng tới Cuội và nhờ lại chuyện ông sai hẹn và đòi láo với mình. Chữ « quân-tử » ở đây dùng khéo.

(1) *Khảo-dị* — Có bản chép :

*Nào ai tỉnh nào, ai say ?
Nào ai ghẹo nguyệt giữa ban ngày !
Hang hùm ví chẳng thò tay được...*

léo, vì vừa trang-nhã lại vừa phảng-phất một vẻ mia-mại. Quân-tử đã sai hẹn mà vẫn nhỏ-nhẻ gọi là quân-tử, thì quân-tử ấy chỉ có cái vỏ ngoài bánh-bao mà thôi. Tiếng gọi thành ra chỉ là một lời nói mát, đả-đưa một cách ý-vị...

Chiêu Hồ không phải tay vừa, cứ theo nguyên-vận, làm thơ xỏ-xiên cái lại :

*Rằng gián thì năm, quý có ba (1),
Bởi người thực-nữ tính không ra.
Ừ rồi thông-thả lên chơi nguyệt,
Cho cả cành đa lẫn củ đa !*

Chiêu Hồ xảo mồm, nói quyết rằng mình không hề đòi láo. Ông đã nói ra làm sao thì làm làm vậy. Cần biết rằng có hai thứ quan : quan *gián* và quan *quí*. Ông đã giao cho đủ rồi, thiếu gì ? Ba quan quý vẫn bằng năm quan gián. Nào có sai đâu ? Thế thì ông quân-tử lắm. Dù sao, ông cũng chẳng kể chuyện ấy chi. Huồng nữa, nếu Xuân-Hương muốn ông lên chơi trăng để xin một nắm lá đa, thì ông chẳng những không từ chối nào mà còn sẵn lòng nữa là khác, và không những chỉ đem về cho một nắm lá đa mà lại biếu dèo thêm cả củ đa ! Rõ cậu Chiêu thực là tai-ác, quái-quác !

Rồi một hôm, Chiêu Hồ đánh chén say-sưa, lại ngật-ngưỡng đến thăm Xuân-Hương. Lần này, ông chỉ làm-le ga-gâm những sự nọ kia, và nhắc đến vấn thơ củ đa ngày nọ. Xuân-Hương bây giờ bèn cô-ý làm thơ hăm vận để chọc tức Chiêu Hồ chơi :

(1) Ở Việt-nam xưa, 36 đồng kẽm là một tiền, gọi là « sử-tiền 使錢 » ; 60 đồng kẽm là một tiền gọi là « Cồ-tiền 古錢 ». Mười tiền « sử-tiền » ăn sáu tiền « cồ-tiền », đồng làm một quan cồ-tiền. Mười tiền (nghĩa là một quan) « cồ-tiền » ăn 1 quan 6 tiền 40 đồng kẽm của « sử-tiền ». Sử-tiền còn có tên nữa gọi là tiền *gián*, « cồ-tiền » còn có tên nữa gọi là tiền *quí*. Chữ *gián* chữ *quí* trong câu thơ Chiêu Hồ là nói về tiền này. Ý bảo rằng 3 quan quý vẫn bằng 5 quan gián đó, chứ có thiếu đâu :

$$3 \text{ quan } \text{quí} (60 \times 10 \times 3) = 1800 \text{ đồng}$$

$$5 \text{ quan } \text{gián} (36 \times 10 \times 5) = 1800 \text{ đồng}$$

(Đã theo Hoa-bảng, Hồ Xuân Hương, Nhà thơ Cách-mạng, Xuất-bản bôn phương, Sài-gòn, 1950, trang 29, Lời chú 1 ở dưới trang).

Nhưng bấy lâu nay lưỡng nhẩn-nhe.
Nhẩn-nhe toan những sự gùn-ghe.
Gùn-ghe nhưnq vẫn còn chưa đám.
Chưa đám cho nên phải rứt-rè.

Lời thơ trêu tức. Xuân-Hương móm-mép lắm. Bấy lâu nay, ta thối-thác mãi, mà sao vẫn cứ theo đuổi gạ-gẫm sự nọ sự kia hoải. Gớm ! quanh-quẩn cũng chỉ có một chuyện « gùn-ghe » thôi ! Chữ « gùn-ghe » nói toạc rõ thâm-ý và đáng-điệu trắng-hoa của cậu Chiêu. Văn thơ lại là từ-vạn, rất hắc-búa khó họa để phá Chiêu Hồ.

Chiêu Hồ vẫn không chịu thua. Bị đón vào thề bí, ông dờ ngay cái giọng trắng-trợn « đui đục chầm nước mắt » để đáp lại :

Hỡi, hỡi cô bay, tớ bảo nhe !
Bảo nhe, không được gậy ông ghè.
Ông ghè chẳng vỡ, ông ghè mãi.
Ghè mãi, rồi lâu cũng phải rè.

Chiêu Hồ quyết « ghè », ghè chẳng vỡ thì ghè mãi, ghè cho đến một ngày kia phải rần, phải « rè », phải bẻ thì ông mới chịu thôi. Chữ « ghè » lặp đi lặp lại diễn rõ cái ý-chí đanh-đá, cái vẻ lý-lợm, và tất cả nỗi đam mê đeo-đàng... của một cậu Chiêu cuối thế-kỷ XVIII. Văn họa lại, văn bài xướng rất hay, và cũng là một điểm đặc-biệt của tài Chiêu Hồ.

Từ đó, Xuân-Hương càng nổi văn-danh. Trong buổi ấy, nhiều mặt-khách tao-nhân nghe « nước tiếng nàng tìm chơi ». Tuy vậy, có lắm kẻ hữu-tình song xấu số, bởi ngôn văn-thơ kém-cỏi, mon-men đến rồi lại đành trưng-hững ra về.

Có lần gặp tiết mùa hè nóng-nả, Xuân-Hương thơ-thẩn ra hiên nằm hóng mát, ngắm chuyện mình và chuyện đời, nhìn cái quạt trên tay. Xuân-Hương bèn cảm cảnh làm thơ vịnh rằng :

Mười bảy hay là mười tám đây ?
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay !
Mòng dầy chừng ấy chành (1) ba góc,

(1) Còn đọc là trành.

Rộng hẹp dờnq nào (1) cầm một cây (2).
Càng nóng (3) bao nhiêu, thời càng (4) mát.
Yêu đêm chưa phi (5), lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cây (6),
Chúa đầu, vua yêu một cái này !

Bài thơ tả một cái quạt thực. Net về đây-dù, tinh-tề làm ta hình-dung cái quạt ngay. Hình-ảnh hóm-hỉnh, thân-ái và linh-hoạt. Nhưng cái xảo-diệu không chỉ ở điểm ấy. Cái xảo-diệu chính là ở điểm tác-giả đã có-ý vịnh một cảnh-tình khác : cảnh ái-ân tương-đắc, cái vui thích của đôi lứa hoaniên. Câu phá-đề là một câu cật-vấn đột-ngột hỏi cái quạt mười bảy hay mười tám cái nan, mà cũng là lời hỏi cô con gái đẹp mười bảy hay mười tám tuổi ? Hình-thức cật-vấn này tăng thêm vẻ tinh-tứ và sống-dộng của mỗi tình. Chữ « ta » trong câu thừa-đề lạ vì dùng rất bất-ngờ, vì quá thành-thực, ngụ một ý đả-tình đặc-biệt. Câu trạng vừa rõ vừa ý-vị. Chữ cầm đối với chữ chành thực tân-kỳ. Mòng hay dầy chung-quì cũng đủ trong phạm-vi ba góc ; rộng hoặc hẹp cầm một cây vào là xong, thành hình cái quạt, sít-sao vừa-vẹn không hư-hỏng được. Câu luận vừa đúng, vừa đượm phong-tinh. Hai chữ « càng » câu luận thứ nhất đối với hai chữ « yêu » câu dưới rất tài-tình và nói lên tất cả vẻ say-sưa. Người ta yêu-dầu chẳng rời tay, yêu ban đêm chưa thỏa, lại yêu luôn cả ban ngày. Hai câu kết thích-thú. Cái quạt xinh đẹp duyên-dáng hấp-dẫn làm sao ! Chữ « một cái này » vừa gọn-gàng kin-đáo, đánh-đá, vừa thực-tình. Nó ám-ảnh và lời-cuốn bao nhiêu năng-lực, nó làm ma-túy bao kẻ cao-sang quyến-quí. Chữ dùng xúc-dộng và tài-tình, ai đọc đến là thấm-hiểu ngay sự-vật mà nó hình-dung. Bài thơ quả ngụ được bao nỗi vui thích không chán của nhà thơ !

(Còn nữa)

Giáo-sư PHẠM VĂN ĐIỀU

(1) Khảo-dị — Có bản chép : *ngán nào*.

(2) Cây : Nhài quạ, cái suốt quạt.

(3) Khảo-dị — Có bản chép : *càng nực*

(4) Khảo-dị — Có bản chép : *Càng nóng bao nhiêu càng muốn mát*. Câu này làm đúng luật Đường-thi hơn, vì chữ thứ sáu trong câu thứ năm là chữ trắc. Đọc qua thì nghe chỉnh-tề, nhưng lại không ý-vị bằng câu ở bài trên.

(5) Khảo-dị — Có bản chép : *chẳng chán*.

(6) Cây : Chặt nhựa dẻo lấy ở trái cây ra. Người ta dùng chất nhựa cây để phết lên quạt cho đẹp và bền.

KIM-THẠCH CHÍ BIỆT

(金石識別)

PHẠM HUỆ

Đọc truyện ngắn « *Ông Năm Chuột* » của cụ Phan Khôi, đăng nơi tập « Trăm hoa đua nở », trong Tủ sách Mặt-Trận Bảo-Vệ Tự-Do Văn-Hóa xuất-bản ở Sài-gòn 1959, thấy có đoạn :

« *Năm Chuột* còn nói cho tôi nghe về tính-chất của các thứ loài kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thành thứ gì, nghe rất thông-thạo như người có học chuyên-môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi :

— « Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều các thợ bạc khác hầu như không biết ?

« Anh ta vùng ngồi dậy, cười ra điều đặc ý, vỗ vào vai tôi :

— « Xưa nay có một người hỏi tôi câu ấy là ông ! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc một cuốn sách là cuốn « *Kim-Thạch Chí Biệt* ». Tôi từng-sốt nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kìa. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn *Kim-thạch Chí biệt* không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiểm đường nói, chứ không dám nói nghe ở *Năm Chuột*. Cho mắt đến hôm gần nay, đọc *Lỗ-Tấn* toàn tập tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học-thức viết báo viết biếu, mà tỏ ra cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá ».

Đọc đoạn văn trên tôi không sửng sốt và lấy làm thẹn như cụ Phan, song tôi chợt nghĩ đến một bản sao tờ Tàu của một nhóm quan văn (quí ông : Ngô-Quý-Đông, Nguyễn-Thuật, Lê-Đại, Tôn-Thất-Dược) dâng lên vua Tự-Đức, năm 1876.

1510/100

VĂN-HÓA — SỐ 66

Nội-dung của tờ tàu này gồm có hai phần :

Phần thứ nhất, nói về « *Phép ra đề trong các kỳ Hương-Hội thi, đề thi cần phải tham dụng các sách *Sử-ký, Địa-lý của ta...* »*

Mỗi đoạn của phần này đều có lời phê-chuẩn của nhà vua...

Phần thứ hai, nhắc nhà vua lưu-ý đến một số sách « của người Tây đã dịch ra Hán-tự » (gồm có 51 bản, trong đó có sách *Kim-Thạch Chí Biệt*, cùng phương-pháp phổ-biến loại sách này để đào tạo nhân-tài...

Đề quí vị có một ý-niệm rõ rệt hơn, tôi xin dịch lại phần tờ Tàu phần thứ nhì như dưới đây :

« Xin nhà vua xét lại các bản sách của người Tây đã dịch ra Hán-tự, mà lần lượt ta mua được 51 bản, hiện đề tại nội-các :

A) Âm Hán-Việt	B) Chữ Hán	C) Nghĩa
1. Thủy lôi pháo đờ	水雷砲圖	— hình vẽ thủy lôi
2. Vận trù ước chỉ	運籌約指	— ước chỉ về cách điều hành
3. Chế hỏa dược pháp	製藥火法	— phép chế thuốc súng
4. Khí cơ phát nhôn	汽機發軔	— làm cho xe hơi chạy
5. Ngự phong yếu thuật	御風要術	— thuật ngừa (?) gió
6. KIM-THẠCH CHÍ BIỆT	金石識別	— phân biệt các loại kim
7. Bác vật tân biên	博物新編	— sách bác-vật lối mới
8. Địa lý toàn chí	地理全誌	— sách địa-lý
9. Khai mỏ yếu pháp	開煤要法	— yếu pháp mở mỏ khoáng
10. Hàng hải giản pháp	航海簡法	— phép giản dị đi thuyền ngoài biển
11. Đại số học	代數學	— đại-số học
12. Phò Pháp chiến ký	普法戰記	— chiến ký Phò Pháp
13. Hóa học phân nguyên	化學分原	— Phân tách nguyên-chất hóa-học
14. Tứ quốc thông-thương thuế-tắc cách-vật nhập môn	四國通商 稅則格物 入門	— nguyên-tắc thuế khóa giữa bốn nước trong khi buôn bán với nhau

VĂN-HÓA — SỐ 66.

1511/101

15. Đại Anh-quốc chí	大英	國志	— chép chuyện nước Anh
16. Địa học thiên thích	地	理淺	— giải thích sơ về địa-lý
17. Đại vi tích thập cấp nội khoa tân thuyết	代	微積	— (?)
	級	內科	
		說	
18. Toàn chí tân luận	全	志新	— (?)
19. Khí tượng hiền chân	汽	象顯	— sách dạy xem khí-tượng
20. Hóa học giám nguyên	化	學鑑	— sách hóa-học giám nguyên
21. Khí cơ tất dĩ	汽	機必	— sách cần thiết cho việc sử dụng máy móc
22. Khí cơ phụ quyền	汽	機附	— quyền phụ về cơ-khí
23. Nhâm-anh tân thuyết	妊	嬰新	— thuyết mới về sự sinh đẻ
24. Tây y lược luận	西	醫略	— bản sơ về thuốc tây
25. Đại số thuật	代	數術	— phép tính đại số
26. Tây dược lược thích	西	藥略	— giải-thích sơ về thuốc tây
27. Sa-thị bãi lễ chế	沙	示罷	— (?)
		禮制	
28. Tây y tân pháp	西	醫新	— phép mới của thuốc tây
29. Doanh-hoàn chí lược	瀛	環志	— sách chép chuyện thế-giới
30. Hải quốc đồ chí	海	國圖	— Đồ chí hoàn hải
31. Thông thương điều khoản	通	商條	— các điều-khoản trong việc thông thương
32. Địa lý vấn đáp	地	理問	— Sách vấn đáp địa-lý
33. Quách-La-Quý san	郭	羅貴	— sách của Quách-La-Quý.
34. Anh nhân tự mẫu	英	人字	— chữ cái tiếng Anh
35. Phường hải tân luận	坊	海新	— (?)
36. Anh-ngữ tập	英	語集	— sách tiếng Anh
37. Tân nạp toàn thư	新	納全	— Sách tân-nạp toàn thư
38. Học tả tự	學	寫字	— sách học cách viết chữ
39. Khắc-lỗ pháo biểu	克	虜砲	— biểu đồ của súng Khắc-Lỗ
40. Thực vật học	植	物學	— sách thực-vật học.

41. Trung-tây kiến văn	中	西見	— sách Trung-Tây kiến văn
42. Tứ thư chính văn	四	書正	— sách chính văn tứ-thư
43. Anh Hoa hợp cước	英	華合	— sách Anh-Hoa hiệp cước
44. Thủy sư tháo luyện	水	師操	— sách luyện tập thủy quân
		練	
		附卷	
45. Hoa-Anh thông ngữ	華	英通	— tiếng thông dụng giữa Hoa-Anh
		語	
46. Trí hoàn khải môn	智	環啟	— sách trí hoàn khải môn
47. Gia dụng lương dược	家	用良	— sách thuốc gia dụng
48. Toán (?) tự tứ pháp	算	字四	— sách toán 4 phép
49. Đàm thiên	談	天	— nói về trời
50. Thái tây thủy pháp	泰	西水	— thủy pháp ở Thái-tây
51. Thực khóa	熟	課	— giờ (bài) học ở trường tư

« Trong ấy có bày vẽ, chỉ dẫn rõ ràng.

« Sách nào mà hoàn toàn không có điều sai lầm ! Nhưng trong các sách này, có nhiều loại kỹ-nghệ, cơ-xảo, thích hợp với sự thiết dụng của quân đội, của nhà nước, ta phải kịp thời thực hành theo những ý-chỉ trong ấy. Đồng thời phải chuyên tâm thâm lượm cái « sở-trường » của người làm cái « sở-dụng » của mình, thế thì cái gì của họ cũng thành cái của ta.

« Những cơ-xảo ấy, không phải một sớm, một chiều mà ta bắt chước ngay được.

« Có nghe rằng : mỗi người bên Tây họ đều có một nghề bên mình, và sẽ sống với nghề ấy suốt đời. Tất nhiên người làm nghề ấy sẽ xứng đáng rồi. Không phải nói suông mà cần đem đời chiếu với công việc làm. Do lẽ tâm có chuyên thì tư-tưởng, ý-kiến mới hay, công việc cũng sẽ ngày càng tinh xảo hơn.

Những kỹ-xảo người ta biên chép trong các bộ sách này, là kết hợp trí lực của nghìn vạn người, sự từng trải của muôn vạn đời, sức-lực của một người, thành công trong một bữa, thì đâu có đáng nói đến !

« Nhìn chung các sách đã mua được, ta thấy rằng của thu-hoạch tuy nhiều mà chưa phổ-biến rộng khắp.

« Thịnh-thoảng tuy có người hữu chí song cũng không có sách để

tham-khảo vì thế mà những kỹ-nghệ của người, những manh mối ở dưới tay ta, ta còn chưa thể biết, làm sao thi-hành cho đặng, chi bằng ta hãy tập tành trước đã. Lẽ tất nhiên như vậy rồi.

« Tập các nghề ấy ắt là tốn hao rất nhiều công-liệu (nguyên-liệu cần dùng trong công việc). Nhưng vật dụng nhiều khi ở nước người có mà nước ta không; với thể lực một anh học trò nghèo, làm sao chịu đựng nổi. Nếu thiếu sự trợ giúp của các quan (nhà-nước), nghề ấy khó thành tựu được!

« Ôi! Người ta chưa được học tập mà đặt khoa thi để chọn lấy người thì không sao tránh khỏi cái nạn « tuyển lão ». Tờ chức một khoa thi như thế cũng không thể căn cứ vào « chữ nghĩa » để chọn người có tài được! Sĩ phong làm sao cử-động lên nổi.

« Trước hết xin các quan trong nội-các hãy đem những bản sách Tây ấy kiểm-đuyệt lại thực kỹ, sách nào không thiết dụng nên để riêng ra, rồi giao cho các văn-quan xem lại... »

« Dời có chỉ-dụ của nhà vua xong hãy đem giao cho Sứ-quán Ấn-thư-cục tỉnh Hà-nội (sách nào có hình vẽ giao cho tỉnh Hà-nội khắc bản, sách nào không có thì giao cho Sứ-quán Ấn-thư-cục dùng hoạt-bản ăn loát.

« In xong, ban cấp cho các trường ở Kinh ngoại (các tỉnh) mỗi thứ một bản để làm tài-liệu giáo-huấn. Trong khi ấy các quan lo việc giáo-dục hãy đốc sức sĩ-tử trong hạt mình phải sao chép lại để tiện việc giảng cứu.

« Người nào kiêm trị (học một lúc hai thứ) thì cấp thêm cho họ một sách ngoài sách chuyên trị của mình. Phàm những sự-kiện trong sách phải dụng-tâm lý-hội. Nếu có người nào biết rõ được phương-pháp khả đi thi được, các quan phải sát biện và trình vẽ. Như có cần đến những công-liệu hay chuẩn-chi ngân quỹ mua sắm để cho công việc thi-hành được dễ dàng, tránh khỏi tình trạng « tay không đành chịu ».

« Năm ba năm sau, ai là người quả có thực tài, dùng được, các quan địa-phương sở tại phải sát tấu. Người nào có khả-năng kiêm trị xin làm thời hãy trọng-dụng họ. Kể chuyên trị xin cho họ chức quan hàng tứ, ngũ phẩm, cũng ưu sủng họ hơn các hàng khoa mục.

« Dời cho học-thuật ngày một tinh, nhân-tài ngày một lắm, mới nên mở khoa thi để tuyển chọn.

« Lâm thời xin tâu cùng nhà vua những điều ấy, người trong nước nghe ngóng được sẽ lo luyện tập, muốn được thành hiệu để có vinh-danh. Khi có nhiều người rồi thì nhà nước không sợ thiếu dùng ».

Tôi lấy làm tiếc vì chưa được đọc « Lỗ-Tấn toàn-tập » để xem tác-giả đã nói gì về sách « Kim-Thạch Chí Biệt ». Song với hai mẫu tài-liệu vừa trưng tại trên nó đã đặt tôi đứng trước nhiều vấn-đề :

— Nhân-vật « Năm Chuột » có thật hay không ?

— Nếu có thật thì làm sao ông có sách ấy để đọc ?

— Vua quan dưới thời Tự-Đức đã lưu tâm đến những bộ sách lạ này ra sao ?

— Thực giá của những bộ sách này thế nào ?

Mới đây tôi được hầu chuyện một cụ già, người cùng họ và cùng quê với cụ Phan Chương-Dần. Năm nay cụ đã ngoài bảy mươi. Cụ cho tôi biết rằng ông Năm Chuột là nhân-vật có thật; chuyện « Ông Năm Chuột » là chuyện đúng y với sự thật. Cụ còn tỏ vẻ ngạc-nhiên và thích-thú khi biết người viết thành chuyện lại là... Phan Khôi!

Ta thử xét về quan điểm niên kỷ xem những sự việc đã xảy ra có hợp lý không?

Cụ Phan Khôi sinh năm 1887. Trong chuyện « Ông Năm Chuột », cụ bảo : « Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú-tài..... Người (chỉ ông Năm Chuột) trạc dưới bốn mươi tuổi... » (T: H. Đ. N. trang 77).

Như vậy, Năm Chuột lớn hơn cụ cỡ 20 tuổi, nghĩa là ông ta ra đời vào khoảng 1867. Nhìn lại ngày các văn-quan làm tờ tập tấu dâng vua Tự-Đức, ta thấy rằng lúc này « Năm Chuột » đã được mười tuổi. Lúc chớm tuổi trưởng thành biết đâu ông ta chẳng là một trong những người « hữu chí », ham học-tập những khoa kỹ-nghệ cơ-xảo? Và với lẽ lối làm việc đầy lễ-tiết, kỹ-thuật ăn loát cỡ lỗ, giao-thông bất tiện ngày xưa, những bản sách Tây ấy nếu được ban hành, cũng phải mất hàng bao nhiêu năm trời. Năm Chuột, có đọc sách này, tất cũng đã lớn rồi.

Nếu căn-cứ vào bản sao tờ Tấu, ta còn thấy hình như vua Tự-Đức đã không chấp-chuẩn kế-hoạch phổ-biến các sách trên cùng cách đào-tạo nhân-tài, theo các văn-quan trình bày ở phần thứ hai ; chứng cớ là ở đoạn dưới ta không thấy có lời « châu phê » như đoạn trên.

Nếu quả vua Tự-Đức không nhận-thức được giá-trị của những sách này thì thực đáng trách ! Nội-dung lời Tấu, biểu lộ lòng ưu-tư thiết-thực đối với tiền-đồ dân-tộc, của các quan-văn thời bấy giờ.

Có lẽ vua Tự-Đức, hoặc các quan trọng nội-các (có nhiệm-vụ kiểm-duyet) đã thi-hành kế-sách ấy một cách thờ-ơ, tắc trách đáng phàn nàn. Biết đâu chính vì vậy mà số người may mắn có sách mà học tập, lại thiếu tất cả sự khích-lệ về tinh-thần cũng như những nâng đỡ về vật-chất, khả-dĩ giúp họ đi đến thành-quả hữu dụng. Ông Năm Chuột rất có thể là đại-biểu cho một lớp người hăm hở, có thừa thiện-chí đã dần dần trở thành hạng u-uất bất đắc-chí . . . tự cho mình là « sinh bất phùng thời » . . .

Về phương-diện thực-giá của các sách Tây ấy, nếu xét với con mắt người thời nay, nó có thể có một giá-trị « khiêm tốn » nhưng đối với triều-đình, với dân ta lúc bấy giờ, hẳn nó « tuyệt diệu » lắm mới phải !

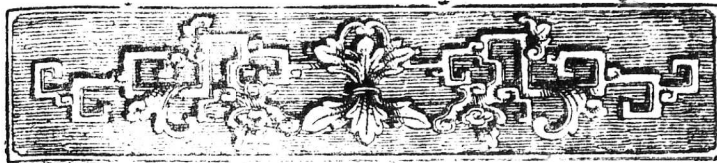
Thực vậy, đã có một « Ông Năm Chuột » biết được phép hợp-kim, chữa được súng liệt máy của Tây, thì hẳn phải có những « Năm Chuột » khác như Cao Thăng, đã chế được súng đạn, làm cho các « quan Tây » phải thần-phục và sợ-sệt :

« Quan Đĩnh-Nguyên Phan-Đình-Phùng có tài kinh-doanh việc quân binh, biết luyện tập sĩ tốt theo lối Thái-Tây, áo quần mặc theo một lối và đeo súng kiểu 1874, những súng ấy là súng của quan Đĩnh-Nguyên đúc ra thật nhiều và máy móc cũng hết như súng Pháp, chỉ vì lòng không xé rãnh, cho nên không đi được xa ». (Gosselin - Emplre d'Annam).

Cũng trong sách này, một chỗ khác Gosselin đã viết : « . . . chính các kỹ-sư Âu-Mỹ cũng phải kinh-ngạc ».

Với tài khéo cổ-hữu của người Việt chúng ta, nếu có được một triều-đại, một chính-phủ có thiện-chí, khéo tổ-chức, biết đào-luyện cho dân-chúng « Tinh-Thần Kỳ-Luật tập-thê » , thì những người như Năm Chuột không phải đem cái hiểu biết về phép hợp-kim để làm nữ-trang giả cho các nàng hầu của các quan lớn trong hạt mà thôi .

PHẠM HUỆ



LỤC HỒU TRẦN CẨM

Hay là

HÀN VÀ TỤC

Kịch thơ 3 màn

(Liếp theo V.H.N.S. số 64)

ĐÌNH HÙNG

HỒI THỨ BA

LỚP IV

Giáng Tiên — Tiều Phu — Sứ Giả Thiên Cung (tức Người đi săn) — thêm Hầu Nô cùng cả đàn khi

(Trong khi Tiều Phu vẫn hăm hăm quật roi vun vút vào mình Giáng Tiên thì Hầu Nô cùng Sứ Giả Thiên Cung chạy tới, ùa vào lời công, Hầu Nô chạy trước, nhưng vào đến sân thì người Sứ Giả rảo bước vượt lên trên, Giáng Tiên ngã đầu về một bên, nhắm mắt thiêm thiếp)

Sứ Giả (Sấn đến trước mặt Tiều Phu, giằng ngọn roi, ném xuống đất)

Quần hèn nhát, vũ phu !

Mi đang tâm ức hiếp

Kẻ liều yếu đào tơ !

Sao mi chưa đoạn kiếp ?

Tiều Phu (Lùi lại một bước, trợn mắt)

À ! Tên đạo tặc táo gan !

Mi muốn tôi đây tặng mệnh ?
Hầu Nô đâu ? Hãy nghe ta truyền lệnh :
Đem tên này xé xác đốt thành than !

(Hầu Nô chỉ chòen vờn nháy quanh, không nghe lệnh)

Sứ Giả *(cười chế nhạo)*

Mặc dầu mi . . . đốt than rừng chuyên nghề,
Nhưng riêng ta bất chấp lửa hung tàn !

(Chỉ Hầu Nô)

Còn Hầu Nô nay đã khá khôn ngoan :
Cứ truyền lệnh, tha hồ mi thất vọng,
Lệnh phi nghĩa, Hầu Nô không tôn trọng .

Tiểu Phu *(Tức giận, nhặt roi, nghiền răng quát)*

À ! Hầu Nô ! Quân phản chủ, lừa thầy !
Ta hiểu rồi ! Mi dẫn cướp tới đây,
Không tuân lệnh, phen này mi phải chết !
Cả bè lũ chúng mi, ta giết hết.

(Vung roi vạt Hầu Nô tui bụi, Hầu Nô nhảy tránh nằm được ngọn roi, quăng ra xa, Tiểu Phu vớ lấy cây búa dựng bên vách, xông vào đánh Hầu Nô)

Sứ Giả *(Gọi lớn)*

Hầu Nô, hãy coi chừng !

Tiểu Phu *(Gầm thét)*

« Coi chừng » , Mi cũng chết !
Cả một lũ giặc rừng
Phen này nằm chung huyệt !

(Hầu Nô nằm tay cầm búa của Tiểu Phu, và giằng lấy cái búa ném vào một góc. Tiểu Phu lùi dần vào sát vách, Hầu Nô nhảy lên hai tay bóp cổ Tiểu Phu. Trong lúc đó Sứ Giả cúi xuống cời trời Giáng Tiên)

Tiểu Phu *(Kêu thét thanh Tiếng kêu đứt đoạn dần dần tắt)*

Ài cứu ta ? . . . trời ơi !

Nó . . . giết . . . chết . . . tôi . . . ! *(ngã xuống)*

Giáng Tiên *(Chợt ngẩng đầu lên, mở chòang mắt ra, hoảng hốt kêu)*

Trời hồi trời ! Bóng tử thần khủng khiếp !
Có phải chăng Tiểu Phu lia số kiếp ?

Sứ Giả *(Cắm tay, dìu Giáng Tiên đứng lên)*

Nàng bình tâm ! Giông tố đã qua rồi !
Kiếp trăm luân trả lại thế gian thôi.
Bởi Tiểu Phu đã chết :
Nàng sắp được về trời..

Giáng Tiên *(Chấp tay trước ngực, từ từ lên trước xác Tiểu Phu, đứng nhìn cái đầu yên lặng một lúc đoạn ngẩng lên).*

Giây oan nghiệt từ nay cắt đứt,
Xin tạ ơn trời phật chí công.

(Quay về phía Sứ Giả nghiêng mình)

Và tạ ơn chàng, Sứ Giả thiên cung !

Sứ Giả

Mừng cho nàng từ đây xa tục lụy,
Hoa Tiên.Các lại đượm màu thanh quý.
Nét xiêm y còn gọn ánh nghề thường,
Mừng cho nàng giữ vẹn áng thiên hương,
Hồn Ngọc-Nữ vẫn nguyên tinh Ngọc-Nữ..

Giáng Tiên

Thâm tạ ơn người ra tay cứu trợ,
Đem đạo trời soi sáng ngục trần gian.
Vạn vật tung bừng, sông núi giao hoan..

Sứ Giả

Mừng tiên nữ sắp trở về Tiên giới,
Nàng hãy trông đóa mây vàng phơi phơi,
Cùng chim ngàn phiêu lãng đã ra đi,
Xin mời nàng rời gót ngọc lưu ly..

(Từ lúc bóp cò Tiểu Phu xong, Hầu Nô vẫn gườm gườm đứng trần gửi bên cạnh cái xác, chốc chốc lại cúi xuống như sợ người chết vùng sống lại. Chợt Hầu Nô kêu lên mấy tiếng nhảy nhót chung quanh các xác chết một cách vui mừng)

Giáng Tiên

Ồ Hầu Nô! Bạn cố tri chung thủy!
Thiếu chút nữa, ta quên người bạn quý;
Công ơn mi xin ghi tạc bên lòng...

Sứ Giả *(cười vỗ vai Hầu Nô)*

Chính Hầu Nô đã dũng cảm xung phong,
Lập công trước, diệt trừ phường hung bạo.
Mi tránh cho ta đúng tay vào máu:
Máu gian tà ứ tấp, máu hôi tanh!

Giáng Tiên *(Nắm tay Hầu Nô ngậm ngùi)*

Hỡi Hầu Nô! Mi chất phác, tâm thành,
Hồn man dã đã say máu chính đạo.
Sau một năm, Xuân rừng thay sắc áo,
Ta về trời, riêng vẫn nhớ thương mi.

(Hầu Nô cúi đầu buồn bã)

Sứ Giả

Hỡi Hầu Nô, thôi đành phải chia ly:
Mi ở lại, chúng ta về Tiên Giới.

(Hầu Nô ngược mắt nhìn hai người về luyện tiềc)

Giáng Tiên

Thôi Hầu Nô! Mi nên lòng gắng đợi,
Có dịp nào ta trở lại nơi đây.
Sẽ đón mi vượt chín tầng mây,
Về chung sống muôn năm trên hồng đảo

Sứ Giả

Nhưng giờ đây bóng mây trời huyền ảo,
Hai chúng ta xin tạm biệt đường trình.
Ta chỉ phỏng hai đôi cánh mong manh,

Thiếu phương tiện để mi cùng thượng lộ...
Hầu Nô ơi! Hãy chờ ngày tái ngộ!

(Tháo hai đôi cánh trao cho Giáng Tiên một)

Giáng Tiên

Hãy chờ ngày tái ngộ! Hỡi Hầu Nô!

(Giáng Tiên cùng Sứ Giả đang sắp quay gót đi bỗng từ ngoài cổng, cả đàn khi nắm tay nhau chạy ùa vào nhảy chung quanh hai người, vừa nhảy vừa kêu những tiếng vui mừng. Trên lưng con khi chạy sau cùng, phe phẩy một đôi cánh trắng muốt)

LỚP V

Giáng Tiên, Sứ Giả, Hầu Nô, cả đàn khi và cái xác Tiểu Phu

Giáng Tiên

Ồ! Lũ người bản chất hoang sơ
Cũng mừng ta thoát lao tù phạm gian?
Nhạc rừng nhịp bước tương hoan,
Niềm khừ lưu thẩm cung đàn tự do.

Sứ Giả *(Nhìn chăm chú con khi đeo cánh trắng. Tiên lại gán nắm lấy vai con vật, chỉ vào bộ cánh trắng)*

Thực ly kỳ! và cũng thực tình cờ!
Phải chăng đây đôi cánh tự chiều xưa?
Đôi cánh trắng bị các người lấy trộm,
Tưởng mất đi cùng ngày tháng xa xôi,
Ai ngờ tạo hóa an bài sẵn:
Vật cũ giờ đây lại phục hồi!

(Quay về phía Hầu Nô vui vẻ)

Hầu Nô ơi! Người sẽ được về trời!...

(Con khi đeo cánh tháo đôi cánh ra cầm tay đứng lên trước Sứ Giả và Giáng Tiên. Sứ Giả đỡ lấy cánh trao cho Giáng Tiên)

Giáng Tiên (giơ cánh lên trước mặt Hậu Nữ)

Người thành khẩn nên lòng trời không phụ,
Hỡi Hậu Nữ! Đây phần thưởng tuyệt vời!
Người sẽ cùng ta bay tít mù khơi...
Biệt trần lụy, phiêu diêu miền cực lạc!

*(Hậu Nữ rún rẩy gật gù, Giáng-Tiên đeo cánh vào vai Hậu Nữ, Hậu Nữ
vẫy tay, giơ cánh, nhảy lên sung sướng)*

Sứ Giả (Nói cùng đàn khỉ)

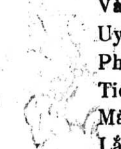
Lòng nhân thế lạc đường tìm biển giác,
Lũ các người muốn vượt bóng sương mù,
Hãy mau mau theo kịp gót Hậu Nữ!
Trên Thượng Giới sẽ có phần mai hậu...

Giáng Tiên

Kìa thánh thót tiếng sơn cầm hợp tấu,
Điệu hoan ca mừng Tiên Nữ về trời.
Muôn lời chim cùng trăm hồng hòa vui,
Hoa nở ngát khúc lâm hành tiễn biệt...

Tiếng Chim ca

Hôm nay Tiên Nữ về trời:
Lắng nghe tiếng nhạc tuyệt vời lên cao.
Hoa ngàn yêu điệu,
Mây núi thanh tao.
Suối rừng hề gieo Ngọc,
Cánh gió đưa duyên hề mùa nở hoa đào.
Thượng-Uyên bằng khuâng hề Curg Đỉnh mở hội,
Diêm ảo hồn xuân hề đẹp ánh chiêm bao.
Tiên Nữ sắp lên đường hề đường mây vàng phoi phới,
Mở cửa tình thương hề bến bể tiêu dao,
Hương ân tình thơm gió núi,
Mẫu hy vọng biếc trắng sao...
Lời ỷ nại khoan nhặt,
Tiếng ờng nhận lao xao.

Và sơn ca vọng cung đàn réo rắt,
Và họa mi nhíp lời thơ ngọt ngào.
Uyên Ương cùng vỗ cánh,
Phượng Hoàng cũng bay cao...
Tiên nữ sắp về trời, kia trời xuân diệu ánh,
Mẫu cô hoa lưu luyến cùng thiên nhiên ta hát chào.
Lắng nghe tiếng nhạc rạt rào,
Giáng Tiên ơi! Suối hoa đào là đâu?...


Sứ Giả

Điệu hát mừng nghe ân cần tha thiết,
Nhưng lòng Tiên đã gột sạch duyên trần,
Xin kịp đứng trình, như gót đứng vân,
Mau lánh khỏi miền ngục tù hạ giới.

Giáng Tiên (Tới trước xác Tiểu Phu, khẽ nghiêng mình)

Hỡi Tiểu Phu!

Nhà người đã đền xong tội lỗi,
Ta để người yên ngủ giấc ngàn thu.

(Quay lại phía Hậu Nữ)

Thôi Hậu Nữ! Hãy sửa soạn vân du!

(Chỉ tay lên cao)

Thiên Đường ngõ cửa đợi chờ,

Lòng ơi! Hãy vượt sông hồ lên khơi!

(Tiếng vang)

Hôm nay Tiên nữ về trời!

Gió đưa cánh trắng tuyệt vời lên cao...

MÀN TỪ TỪ HA

Hết

ĐÌNH HÙNG





ỨC-TRAI TƯỞNG-CÔNG DI-TẬP

DƯ'-ĐIÀ-CHỈ

(Tiếp theo V.H.N.S. số 65)

A-NAM sưu-dịch

CHƯƠNG THỨ 17

Đất vùng này là trắng xốp, nghi loại thuốc-lừa. Ruộng vùng này vào bậc thượng-thượng (tốt nhất). Cây vùng này có tùng, bách, hòe, liêu. Miền trung-lộ (giữa tỉnh hạt) sản dừa và cau. Hạt Ngải-Môn và Dương-Úc có nhiều sản-vật. Hạt Đường-Hào có cá đối. Hai hạt An có giống gà ò. Hạt Đông-Giáp có cam rất ngọt. Hoa-Triều và Kinh-Chủ sản đá hoa. Mao-Điền, Bát-Bế và Hội-Am sản vải thưa.

LỜI CHỮ-GIẢI

Nghi là những thứ thích hợp ở trong một Đạo.

Núi Yên-tử 安子 sản giống tùng bách. Hạt Chí-Linh sản cây hòe và cây liễu. Hạt Đông-Lại 同賴 sản giống cam ngọt và cau. Hạt Tứ-Kỳ 四岐 dừa ngon hơn các nơi. Ngải-Môn 艾門 thuộc về Đông-Lại 同賴, Dương-Úc 陽暉 thuộc về Tiên-Minh 光明, là tên hai cửa-biên. Đường-Hào 唐豪 là tên sông.

Cá đối tựa như loài Quy-diên-trùng 龜田虫 (?), móng chân có chất độc có thể giết người, khi bắt được phải cắt ngay những móng chân ném bỏ xuống sông.

1524/114

VĂN-HÓA — SỔ 66

Hai hạt An là An-Dương 安陽 và An-Lão 安老. Hai hạt này sản giống gà Chọi, tục gọi là Gà-ò.

Hoa-Triều 花潮 thuộc huyện Đông Triều 東潮, Kinh-Chủ 敬主 thuộc về Giáp-Sơn 峽山. Đá của hai núi này sắc như mây vờn, có thể dùng để làm khánh.

Mao-Điền 毛田 thuộc huyện Cầm-Giang, Hội-Am 會庵 và Bát-Bế đều thuộc huyện Đông-Lại, tức là Vinh-Lại ngày nay. Ba nơi này đều sản loại vải thưa, đẹp hơn lụa, dùng để may mặc rất đẹp.

BÀI BÀN CỦA HỌ LÝ

Hải-Dương đất tốt người khỏe, thời bình thì thuận theo giáo-hóa, thời loạn thì trái ngược giáo hóa Từ đời Đinh, đời Lê tới giờ, vẫn còn như thế, vậy những người cai trị nơi đó tất phải lựa chọn cẩn thận mới được.

oOo

CHƯƠNG THỨ 18

Đà-Dương 沱陽 và Tân-Viên 仝圓 là tỉnh Sơn-Tây 山西

LỜI CHỮ-GIẢI

Đà-Dương là tên sông (1), phát nguồn từ Lô-Giang 瀾江 (sông Lô), đến Trung-Hà 中河 và Thao-Hà 洮河, thẳng suốt Bạch-Hạc 白鶴, hợp với Nhỹ-Hà 珥河.

Tân-Viên tên núi : Ba ngọn đứng sừng, hình như cái tán, nhân đó đặt tên ; tức là một ngọn núi tổ của nước Nam ta vậy.

Sơn-Tây là quận Châu-Duyên 朱鸞 và châu Phúc-Lộc 福祿 thời cổ : phía đông và phía nam giáp với Thượng-Kinh 上京 (2) và Sơn-nam 山南 ; phía tây phía bắc giáp tỉnh Tuyên-Quang 宣光 và Hưng-Hóa 興化 : là thứ hai trong 4 kinh và là lộ đầu mạn tây-phiên (phên dậu miền tây của nước). Tỉnh này có 6 phủ, 24 huyện thuộc và 1368 làng xã.

KINH XÉT

Phủ Quốc-Oai 國威 có 5 huyện : — Huyện Từ-Liêm 慈廉 83 xã, 9 thôn, 6 châu, 4 sở và 2 trại ; — Huyện Đan-Phượng 丹鳳 35 xã, 5 thôn và 7

(1) Là Đà-Giang ngày nay.

(2) Kinh-đô Hà-Nội.

VĂN-HÓA — SỔ 66

1525/115

châu; — Huyện An-Sơn 安山 52 xã, 2 thôn, 2 trang và 2 trại; — Huyện Phúc-Lộc (là đất My-Linh 廩 冷 xưa) 50 xã, 5 thôn, 5 châu và 1 sở.

Phủ Quảng-Oai 廣 威 2 huyện: — Huyện Mỹ-Lương 美 良 45 xã, 4 thôn và 1 trại; — Huyện Minh-Nghĩa 明 義 46 xã, 2 thôn và 2 châu.

Phủ Đà-Dương (là Đà-Giang 沱 江) 2 huyện: — Huyện Tam-Nông 三 農 40 xã, nay gồm về phủ Lâm 臨 府; — Huyện Bất-Bạt 不 拔 36 xã, nay gồm về phủ Quảng 廣 府.

Phủ Lâm-Thao 臨 洮 4 huyện: — Huyện Sơn-Vy 山 圍 93 xã; — Huyện Thanh Ba 清 波 56 xã, 1 thôn, 1 trang và 1 châu; — Huyện Hoa-Khê 花 溪 55 xã, 1 thôn, 7 trang và 1 trại; — Huyện Hạ-Hoa 下 花 56 xã, trang.

Phủ Đoan-Hùng 端 雄 5 huyện: — Huyện Đông-Lan 東 蘭 (nay đổi là Hùng-Quan 雄 關) 70 xã và 3 trang; — Huyện Tây-Lan 西 蘭 (nay đổi là Tây-Quan 西 關) 54 xã; — Huyện Sơn-Dương 山 陽 42 xã và 4 trang; — Huyện Đương-Đạo 當 道 37 xã; — Huyện Tam-Dương, 三 陽 72 xã và 1 Trang.

Phủ Tam-Đới 三 帶 (là Phong-Châu 峯 州 trước) có 6 huyện: — Huyện Yên-Lãng 安 朗 (trước là Châu-Diên 朱 鳶), có 63 xã, 6 châu 1 sở, 3 trại; — Huyện Yên-Lạc 安 樂 có 101 xã, 2 thôn, 8 châu; — Huyện Bạch-Hạc 白 鶴 có 63 xã, 5 thôn, 2 châu; — Huyện Tiên-Phong 先 豐 có 50 xã; — Huyện Phù-Khang 扶 康 (nay là Phù-Ninh 扶 寧) có 68 xã; — Huyện Lập-Thạch 立 石 có 101 xã.

Phủ Quốc-Oai vào khoảng niên-hiệu Thiệu-Bình đời Lê (1434-1439), có Bùi-Hanh 裴 亨 làm chức Tham-tri Tây-dạo và Bạch-Khuê 白 圭 làm An-phủ Quốc-Oai, bọn hiền nhân tài tử không thích đồng hàng với hai người đó, nhân đề một câu đối ở hai bên cửa cửa đông như sau:

«Thiên địa bất lộ An-phủ 天 地 否 路 安 撫

Nhật nguyệt khuy đạo Tham-tri 日 月 虧 道 參 知»

Có ý nói trời đất nên bất lộ của quan An-ôhủ và mặt trời mặt trăng nên làm hồng cái đường của quan Tham-tri.

Về huyện Từ-Liêm thi khi đầu nhà Lê, có ông Lê-Triện 黎 篆 và ông Lê-Bí 黎 秘 bị quan Phương-chính nhà Minh đánh thua ở Quả-Động.

Về huyện Thạch-Thất, vào khoảng thuộc Minh (1414-1427), có Lộ-Văn-Luật 路 文 律 nổi quân ở đó, sau bị tướng nhà Minh là Lý-Bân 李 彬 đánh phá.

Về huyện Bạch-Hạc ở nơi Phong-Châu 峯 洲 có cây gỗ bạch-dàn, có con chim hạc thường đậu ở đó, nên đặt tên ấy.

Về phủ Đà-Dương vào khoảng cuối niên-hiệu Quang-Thiệu 光 紹 (1525), vua Chiêu-Tôn đi Sơn-Tây, bị Mạc-Đặng-Dung phé xuống làm Đà-Dương Vương.

LỜI BÀN CỦA HỌ LÝ

Vùng Sơn-Tây người hiền tục tốt, nên dẫu trải nhiều biến loạn mà chưa từng xảy chuyện ương ngang.

LỜI BÀN CỦA THU-HIÊN HỌ NGUYỄN

Thượng-lưu sông Đà có hai thác đá ở phía trên và phía dưới, những thuyền từ miền tây đi tới trông gần như cái bình nước giốc ngược, bọn lái buôn thường bị khổ về nỗi chèo chở qua đó.

Lại ở Việt-Châu có giống quýt vàng, cứ đến tuần tháng 9 thì sắc đỏ suốt tới ngoài da. Miền Mộc-Châu có giống dã-lư 野 櫨 (?), cứ kỳ tháng ba thì nảy rễ và sinh lá, các khe suối đều rải rác có cá, đến tận sông Đà; người miền đó uống phải nước ấy thầy điều bị trúng bụng ngay. Ngày trước vua Kiến-Xương 建 昌 (Sơn-Nam) bị quân Minh sai vào khu rừng, người cha làm bài thơ đề dặn rằng:

秋 末 橘 鮮 明
春 初 櫨 葉 生
父 子 好 相 見
早 晚 我 家 庭

Phiên âm

Thu末 quýt tiên minh,
Xuân sơ lư điệp sinh.
Phụ tử hảo tương kiến,
Tảo vãn ngã gia đình.

Đại ý nói: *Cuối mùa thu thì quả tươi đẹp.*

Đầu mùa xuân đã-lư này lá.

Cha con lúc đó sẽ gặp nhau.

Dù sớm dù muộn cũng là xum họp gia-đình.

Ông Kiến tuân theo lời cha dạy, nên mọi người đi về mạn đó thấy đều bị sốt rét ngã nước mà riêng ông được vô sự. Cờ-ngữ truyền ngôn « Sông Đà nước độc » thực là đúng lắm (Lại theo câu ngôn-ngữ có nói : « *Tháng chín quả gấc đỏ ngon, Tháng ba Lư mọc mẹ con tìm về* »),

BÀI BÀN CỦA NGO-PHONG HỌ NGÔ

Tản-Viên là tô-sơn, mạch núi trong nước đều khởi từ đó. Các triều-đại tế lễ cầu đảo, đều chú trọng từ nơi này trước.

Sông Đà có thần, gọi là Đà-quốc Công-chúa 沱國公主, có phép biến hóa ra con trai hoặc con gái, ở lẫn với dân gian trong miền rừng núi, người thường vô ý bị hại luôn luôn. Mãi tới Hà-Tôn-Huân 何宗勳 về triều nhà Lê ta, cưới về làm vợ, nên từ đó đỡ hại cho dân.

PHỤ CHÉP

Sơn-thần ở Tản-Viên gọi là Trụ-Quốc Đại-Vương 柱國大王, vốn có tiếng là bậc hiền linh. Đời vua Nhân-Tôn nhà Lý (1072) sai thợ dựng đền ở ngọn cao nhất trên núi, tất cả có 12 tầng lầu. Đến đời Tĩnh-Vương họ Trịnh đẹp yên miền Tây, muốn lên chơi trên đền, nhưng bỗng mưa gió ầm ầm kéo đến, mây mù che khắp một vùng, tướng-sĩ đều không nhận ra đường lối vì thế không thể lên được

oO

CHƯƠNG THỨ 20

Đất nơi đây là màu trắng, rất ưa hợp các bãi trồng dâu. Ruộng nơi đây vào bậc thượng và bậc trung.

Hạt Tiên-Phong sản lựa sống; hạt Bát-Bạt sản dầu nhựa, đay gai và các vật liệu dùng vào binh khí; hạt Mỹ-Lương sản gà voi và sừng tê.

Hạt Tam-Nông có giống chè tai mèo, sấp vàng và sấp trắng

Sông Hát có giống cá Anh-Vũ, Hạt Sơn-Vy có giống trư trắng sơn và tơ.

1528/118

VĂN-HÓA — SỔ 66

LỜI CHỮ-GIẢI

Hát-Giang ở về huyện Phúc-Lộc. Tương truyền sông Hát phát nguồn từ sông Giang-Hán 江漢, trong sông có một cây, gọi tên là Chiên-Đàn, cao hàng hơn nghìn trượng, lâu năm dài gốc, rễ bén liền sông Giang-Hán, vì thế cá Anh-Vũ ở Giang-Hán theo đó về được miền Nam. Trái các triều vua thường cống hiến để cung việc tế tự.

Sáp có hai thứ : thứ trắng để làm đồ trang sức và thứ vàng dùng để làm nến đốt đèn.

(Còn tiếp)

Á-NAM



DÃ PHÁT-HÀNH

CỔ-ĐỒ HUẾ

Lịch-sử — Cổ-tích — Thắng-cảnh — Thi-ca

do THÁI-VĂN-KIỆM biên-soạn

In trong tập-san Văn-Hóa Tùng-Thư

số 7 và 8 hợp-nhất

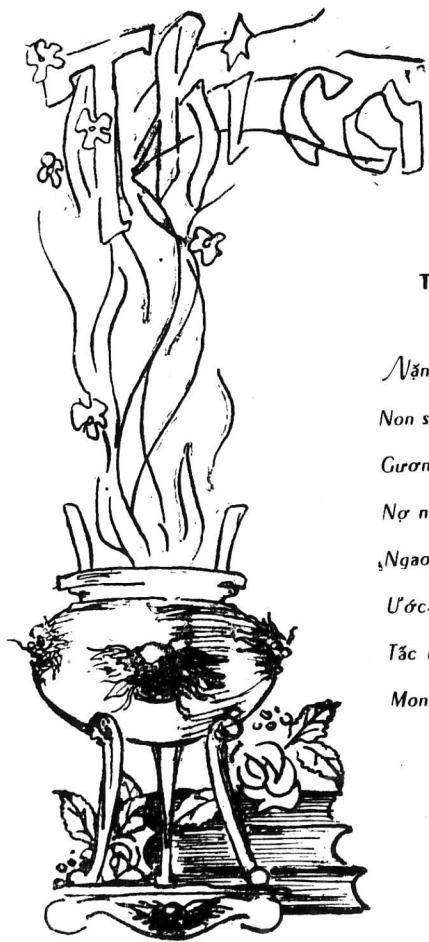
Đầy 487 trang, gồm 53 tranh-ảnh và bản-đồ

Giá bán : 70đ

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành THỐNG-NHẤT (329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn) và tại NHA VĂN-HÓA (266, Đường Công-Lý, Sài gòn).

VĂN-HÓA — SỔ 66

1529/119



TÌNH NON NƯỚC

*Nàng với non sông một mối tình,
Non sông biết có biết cho mình.
Gương nhà đã sẵn dương treo sáng,
Nợ nước còn mang chữa giả thanh.
Ngao-ngán mười năm cơn loạn-lạc,
Ước-ao một sớm cảnh thặng-bình.
Tấc lòng giữ vững niềm ưu-ái,
Mong được nghìn thu chẳng hồ danh.*

BÔNG-VIÊN

1530/120

VĂN-HÓA — SỐ 66

TẢ CẢNH LỤT KÊU CỨU

*Trẻ Tào đành hanh quá thế vầy,
Nước tràn sáu tỉnh tại miền tây.
Xóm làng trắng xóa lơ thơ nóc,
Vườn ruộng xanh rờn lác đác cây.
Thóc gạo không còn đành bộp bụng,
Bạc tiền chẳng có đến khoanh tay.
Hỡi nhà từ thiện ai ai đó,
Cứu giúp bà con những lúc này.*

Hy-Nhan NGUYỄN-ĐÌNH-UYÊN

TRỜI

*Kìa lớp cao xanh có phải trời ?
Bao trùm vũ-trụ khắp nơi nơi.
Thiên-liêng tạo được nên muôn vật,
Họa-phúc dành cho cả mọi người.
Được sáng xét soi đâu cũng thấu,
Máy huyền xoay chuyển lúc nào ngơi.
Có sao quen thói hay trêu cợt ?
Bày cuộc tang-thương dưới cõi đời ?*

Đông-Viên PHẠM-HUY-TOẠI

VĂN-HÓA — SỐ 66

1531/121

DI-CUR GẶP BẠN MONG SỚM HỒI-CUR

(Tiếp theo V.H.N.S. số 65)

Lý Thánh-Tông là nguồn nhân-ái,
Thấy rét nhiều ái-ngại cho dân.
Lòng thương đến cả tội-nhân,
Một hôm bảo những cận-thần như sau :
« Nơi cung cấm, trăm bao nhiêu áo,
Mà rét kia còn thâu đến người,
Nghĩ như tù-phạm giam hoài,
Đói cơm thiếu áo rét thời chịu sao !
Đương cứu xét kè bao nhiêu kẻ,
Ai gian ngay chưa để biết nào,
Lỡ khi chết rét thì sao !
Lòng thương trăm những nao nao vì người ».
Vua cảm-động, nói rồi truyền lệnh :
Phạm-nhân đều được lĩnh chiếu chặn,
Ngày ngày cho đủ cơm ăn,
Cơ-hàn chẳng sợ thiết thân mà phiền.
Lại một hôm ngự đến Thiên-Khánh,
Xét án-từ so sánh oan-khiên.
Chỉ vào công-chúa Động-Thiên,
Bảo thân-thần đứng hầu bên mấy điều :
« Trăm yêu dân như yêu con Trẫm,
Chỉ hiểm vì dân thậm là ngu,
Lâm cần nên bị cầm tù,
Trẫm thương, trẫm định từ giờ trở đi :
Khoan giảm tất, tội gì cũng vậy,
Trẫm họ cần coi đấy mà suy,
Khôn thì cải quá ngay đi,
Biết ơn trên, phải hành vi giữ-gìn » .

oOo

1532/122

VĂN-HÓA — SỐ 66

Ấy nước thịnh dân yên vì thế,
Vua quan dân như thề một nhà,
Nước yên cùng hưởng vinh-hoa,
Nhà khi giặc đến, cùng ra chiến-trường.
Triều Trần Lê noi gương triều Lý,
Cũng Thánh Tông hai vị nhân từ,
Anh-minh trí dũng có thừa,
Cùng dân giữ vững cơ-đờ đẽ-vương.

oOo

Lý Trần Lê tấm gương còn đấy !
Ta nên cùng tỉnh dậy mà soi.
Dù nay duy-vật ngoại lai,
Duy-tâm cứ vững thì rồi cũng yên.
Lấy đạo-lý mà khuyên nhau trước,
Có nhân-luân mới được là người,
Tinh-anh hơn hết muôn loài,
Làm thân trâu ngựa chi hoài tấm thân !
Duy-tâm lấy tinh-thần làm nhất,
Duy-vật rằng vô vật bất linh,
Đã là dòng giống văn-minh,
Chớ theo tà-thuyết tự mình hại nhau.
Ướm hỏi trời còn lâu hay chóng ?
Dân di-cur ruột nóng lâu rồi,
Cổ-hương ngàn dặm bồi-hồi . . .
Hồi hương phú quý trông trời vỗ tay ! !

Sài-gòn, ngày 8 tháng 8 năm 1961

THÙY-THIÊN

VĂN-HÓA — SỐ 66

1533/123

VỊNH CẦU NGUYỄN-HOÀNG

(tục danh : Trường-tiền) (*)

Mông hồng sáu dịp gác dòng Hương,
Kiểu cảnh hòa hai khéo đẹp đường !
Xe bộ qua về ba lối thẳng,
Bắc nam giao tiếp một con đường.
Bụng nhìn mặt nước tình lai láng.
Lưng đỡ bầu trời sức nhẹ nhàng...
Khinh trọng mặc ai chuyển với chớ,
Trái lòng vì thế, lợi không màng.

DI-SƠN

NHÃN KHÁCH SÔNG HƯƠNG

Sông Hương lai láng bóng trăng xưa,
Lấp loáng thuyền ai, mái nhật thưa ?
Thơm ngát nguồn đào, duyên lá thắm,
Sáng ngời cung quế, mối tình thơ.
Ni-non đêm ngấn, câu tâm sự,
Riu-rít canh trường, giọng trúc tơ.
Bến cũ cây đa, dù lối hẹn,
Giọng neo, đây vẫn cố công chờ.

AN-ĐÌNH

(*) Cầu này làm chính giữa kinh-dô Phú-xuân (dưới thời kỳ Toàn-quyền Doumer lạc-thành năm 1900, trước cầu Nhị-Hà ở Hà-Nội hai năm 1902).

Nguyên tên là « Cầu Thành-Thái ». Bị bão năm Thìn đánh đổ xuống sông, làm lại. Đến năm 1917, vua Khải-Định đổi tên là « Cầu Clémenceau ». Năm 1945, quân Việt-Minh phá hư ba vãi. Năm 1949, cầu được tu bổ lại, và đổi tên gọi là « Nguyễn-Hoàng ».

1534/124

VĂN-HÓA — SỞ 66

THAO-THỨC

Tiếng chó đèm nào lại cắn đèm ?
Lại đèm nay với mảnh trăng liềm,
Gió phơ ngọn trúc, người phơ tóc,
Sương xuống lầu hoa, lạnh xuống rèm.
Cõi mộng im.lìm bao cặp mắt,
Cuộc đời thao-thức một con tim !
Muôn ca mấy khúc tri-âm vắng,
Giờ biết phương nao gióng được tìm ?

ĐÔNG-XUYÊN

BÓNG NGUYỆT TÀ

Sông núi muôn trùng vạn dặm xa,
Trời xanh lờng-lộng biển bao la.
Hỏi ai, ai biết ai mà hỏi ?
Chỉ thấy chênh-chênh bóng nguyệt tà.

THẦN-LIÊN

ĐỌC THI-PHẨM « TƠ TẦM » CẢM ỨNG (*)

Bao nhiêu năm tháng biệt quê hương,
Một mối « Tơ Tầm » mối vấn vương.
Vượt bể trèo non thân chẳng quản,
Mài gươm đợi nguyệt chí khôn lường.
Văn chương Âu-Á càng tô chuoát,
Non nước Lạc-Hồng khéo diễm trang.
Tiếng quốc bên trời còn khoắc khoái,
Trời Nam anh kiệt đây là gương.

HÔNG-THIÊN

(*) Thi-phẩm « Tơ Tầm » của cụ Trương-Anh-Mẫn, cử-nhân Hán-học (hiện nay ở Hương-cảng)

VĂN-HÓA — SỞ 66

1535/125

TRÔNG TRỜI CẢM-TÁC

I

Cao chín từng mây, hẳn có trời ?
Soay thời soay thế, thiếu gì nơi . . .
Bốn mùa chuyển mát, thay bao tiết,
Muôn vật sinh ra, tạo cả người.
Quyền họa-phúc cầm, nguyên đúng mực,
Tuồng hưng-suy diễn, chẳng hề ngơi.
Trăm ngàn vũ-trụ, Tam-quang chiếu,
Sot tỏ khuôn thiêng, xếp cuộc đời.

II

Sot tỏ khuôn thiêng, xếp cuộc đời,
Đèn trời sot sáng, xét không ngơi.
Đoạt quyền tạo-hóa, ngóng bao kẻ ?
Gieo vạ tiêu-vong, ác mấy người ?
Chính-đạo vị nào lo mở lối ?
Trừ-đồng-xuân ai đó biết tìm nơi ?
Còn ai tu-tĩnh theo thiên-lý,
Rõ máy huyền-vi, rõ đạo trời.

HOÀI-QUANG

1536/126

VĂN-HÓA — SỞ 66

GIẤC HƯƠNG QUAN

Nằm mộng đêm qua thấy trở về,
Trên đường hiu quạnh chôn thân què,
Một mình lủi thủi đang dấn bước,
Không-khí bao quanh quá nặng nề.
- Lặng nhìn thấy cảnh mà ghê.
Lòng càng uất hận, nẻo nẽ hơn xưa.
Tre già mây khóm xác-xơ,
Đồng quê vui thú bấy giờ còn đâu.
Tang tóc giang sơn nhuộm một màu,
Nỗi niềm tâm sự nghĩ càng đau,
Bên đường, quán nước nay vô chủ,
Dạ với phong sương, đứng dãi đầu.*
- Đau lòng ngẫm nghĩ hồi lâu,
Vội vàng rảo bước cho mau tới nhà ;
Cổng làng vừa mới bước qua.
Thoáng trông phong cảnh nay đã khác xưa !
Dán tình thông khổ, cảnh tiêu-sơ,
Đống ruộng hoang vu, cỏ vượt bờ,
Tựa cửa, bao người ngồi đăm lẽ,
Trẻ già đời rách, sông bơ vơ.
- Dừng chân đứng lại thẩn thờ,
Họ hàng lưu lạc, bấy giờ hỏi ai ?
Còn đâu những buổi hôm, mai,
Véo von tiếng sáo ngân dài trên không !
Đò ngang thừa thớt khách qua sông,
Vắng bóng trên đê, lữ mục đồng,
Làng xóm im lìm trong khổ cực,
Đợi ngày tươi sáng vẫn hằng mong.
- Hương quan một giấc nảo lòng,
Căm hờn tỉnh dậy, chỉ mong ngày về,
Thanh bịnh mang lại cho què,
Giải niệm uất hận, chẳng nể tử sinh.

TRƯƠNG-HUYỀN

VĂN-HÓA — SỞ 66

1537/127

ĐỀ

VŨ-ĐỨC-TRINH

Đê cao ngăn nước Nhị-Hà,
Vẫn yêu quý đất phù sa tốt mẫu.
Mấy người không biết nghĩ sâu,
Khoét đê lấy nước, gieo sầu vỡ đê.

Đê ngăn nước lũ dạt dào ;
Nước nguồn chảy xiết, xoi đào hai bên.
Nước to thử sức đê bền ;
Gian nan thử sức chí trên bậc thường.

Đê kiên cố giữ thủy triều,
Không cho tràn ngập, gây nhiều tai ương.
Phòng nguy biến, phải đo lường ;
Đấu tranh, nên hiểu đối phương thế nào.

Con đê lẫn với con đường ;
Hai bờ giữ nước, cũng thường đón chân.
Việc hay có ích nhiều lần ;
Người khôn tính toán xa gần, mới khôn.

1538/128

VĂN-HÓA — SỞ 66

THE DIKE

By VŨ-ĐỨC-TRINH

High dikes dam up the waters of the Nhị River,
(But) still esteem its fertile silt.
Some people, not knowing how to think deeply,
Make a hole in the dike to get water, (thereby) sowing sadness over the broken dike.

Dikes hold back the brimming, surging waters ;
The waters, coming down from the mountains rush * forcefully. bore and dig
[at either side.

High waters test the strength of a strong dike ;
Danger tests the strength of a will above the common run.

Solid dikes control the tides,
Not letting them overflow and flood, causing many misfortunes.
Taking precautions against disasters, one must measure and estimate ;
Struggling, one ought to understand how (strong) one's adversary is.

A dike is (often) taken for a road 1 :
The two banks, controlling the waters, ordinarily also welcome feet.
Adroit deeds have many uses 2 ;
Wise men calculate far and near — only then are they (really) wise.

1. In Vietnamese, *Con đê lẫn với con đường*, literally : A dike is confused with a road.

2. Have many uses : In Vietnamese, *có ích nhiều lần*, literally : are useful several times.

VĂN-HÓA — SỞ 66

1539/129

桐庚成 此那傷切岳鄭無坐
 江辰泰 日堪心齒患黎窮策
 潘會丙 還讀燕烏爭自人興
 文副申 今竟北南誇作事亡
 心榜秋 又桑馬鵬得離奈一
 拜光仲 百滄僮郡腐膏何搶
 題祿後 年俸軌劍蒿蟹天然
 少學

題後

卿

Phiên âm

Tọa sách hưng vong nhất thẳng nhiên,
 Vô cùng nhân sự, nại hà thiên.
 Trĩnh, Lê tự tác li cao giải,
 Nhạc, Huệ tranh khoa đắc hủ diên.
 Thiết-sĩ Ô-nam Bằng quận kiếm;
 Thương tâm Yên-bắc Mã đồng chuyên.
 Na kham độc cánh tang thương truyện,
 Thử nhật hoàn kim hựu bách niên.

Hoàng-triều Thành-Thái, năm Bình-Thân, mùa Thu
 Phó-Bảng Quang-Lộc-Tự thiếu-khanh,
 Đồng-giang Phan-vân-Tâm bái đề.

Dịch bài thơ đề cuốn « Truyện bề dẫu »
 của cụ Phó-Bảng Phan-Vân-Tâm

Ngẫm cuộc hưng vong lưỡng giết mình,
 Việc người thế mãi hử trời xanh!
 Trĩnh, Lê của đề lia mai báo,
 Nhạc, Huệ điều khoe được miếng tanh.
 Bằng-quận nghiêng răng, gươm Thuận-Hóa;
 Mã-Đồng xót ruột, gạch Yên-Kinh.
 Bề dẫu truyện đó khôn xem hết,
 Thử ầy nay chừng thế kỷ linh.

ĐẠM-NGUYỄN

Điều : con diều-hâu.

1540/130

VĂN-HÓA — SỞ 66

** HAI NGÀ **

« Túc kim Giang Bắc hoàn như thử

« Sầu sát Giang Nam ly biệt tình

Thường-Kiến

Trăng ngăn lối mộng, gió ngăn mơ

Ai tóc tơ gì ! Hỡi tóc tơ

Cánh bướm phai màu quên ý cũ

Lòng hoa tàn nhụy nhạt hương xưa

Trời xa nay đã mờ sương khói

Đất vắng dẫu còn vọng nhạc thơ

Buổi ầy băng khuâng tình chiết-liễu

Tiếng tiêu ai oán lạnh đôi bờ

Em nhuộm màu xanh vào giấc mộng

Anh tìm ý thắm dệt vần thơ

Đôi ta gặp giữa con đường bụi

Một sớm trao nhau kiếp sống hờ

Vì chuyện bắc nam thành đi-vãng

Đề tình năm tháng thấy bơ-vơ

Đèn tàn đêm ầy dẫu vơi ngấn.

Ai lật trang đời chép Gió Mưa

BÙI-KHÁNH-ĐÀN

VĂN-HÓA — SỞ 66

1541/131

BÀI THƠ LUÂN LẠC

(Thơ liên-ngâm của Mai-Đình, Ngân-Giang, Phong-Vũ-Muội)

- Mai-Đình *Thương kiếp hoa bông sớm đoạn căn
Nửa đời phiêu lãng mãi chôn chân
Bóng dâu báng-lãng ngoài quan-ải*
- Ngân-Giang *Hồn mộng bâng-khuâng chôn tử-phần
Đôi ngả những e trời lộng gió*
- Phong-Vũ-Muội *Ngàn trùng đâu biết chôn nương thân
Buông trong Cao-Rộng lời tâm-huyết*
- Ngân-Giang *Lạc giữa Bao-La kiếp nhọc-nhân
Chứa ven thể-nguyên câu bạch-phát*
- Mai-Đình *Đã tàn thân-thể tuổi thanh-xuân
Tóc tơ lỗi hẹn đành sai nhịp*
- Phong-Vũ-Muội *Nghiên bút vô duyên khéo lạc vắn
Đường dẫu còn mờ muôn vạn dặm*
- Mai-Đình *Lòng xin cũng gắng một hai phần
Hoa hương xin chớ cười tâm-sự
Ba chiếc chìm trời lỡ ái-ân*
- Ngân-Giang *Bèo nước lênh đênh luông ngại ngần*

1542/132

VĂN-HÓA — SỞ 66

*Biết tìm đâu được chôn yên thân
Thề rồi buổi ấy cùng qua bên
Đâu phải chiều tà đã nghỉ chân
Hồng phần kỷ nhân vì quả phụ
Bạch đầu nan lão Trác-Vân-Quân
Sao ai trách mãi người đau khổ
Chẳng hẹn trăm năm lấy một lần*

Mai-Đình

*Nổi trôi bên Sở sông Tần
Muôn xa sương gió chò gần nước mây*

Phong-Vũ-Muội

*Trăng ở phương nào đưa tới đây
Lòng không tâm-sự khó vui đây
Tình trao bên lạ, hoa chưa thắm
Ý gửi trời xa, mộng đã say
Luân-lạc sá gì muốn quán gió
Ngán-ngờ khôn kín một tờ mây
Bao nhiêu hư-ảnh mùa thu cũ
Cũng đã tàn theo với tháng ngày*

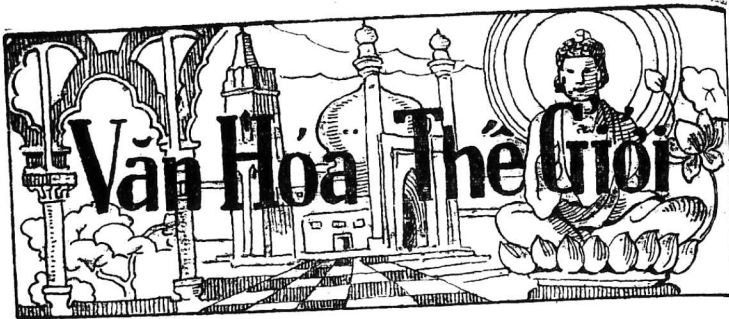
Bến gió tha hương
Một chiều thu năm Thìn

BÙI-KHÁNH-ĐÀN
sao-lục



VĂN-HÓA — SỞ 66

1543/133



VĂN HÓA THẾ GIỚI

(Tiếp theo V.H.N.S. số 64)

Nguyễn Đình Hòa
Giảng-sư Đại-học Văn-khoa (Sài-gòn)

I. CHUYỂN-HÓA

Những tiếp-ngữ chuyển-hóa đều là những ngữ-vị không độc-lập. Anh-ngữ có 12 là nhiều, chứ La-tinh-ngữ có tới hơn 200 tiếp-ngữ chuyển-hóa. Tiếng Âu-Tây dùng danh-từ « declension » để chỉ những chuyển-hóa của danh-từ và đại-danh-từ, còn « conjugaison » thì dùng để chỉ những chuyển-hóa ta thấy rõ khi ta phải chia động-từ. Mỗi thứ đều theo một mô-thức riêng-biệt, gọi là *mô-thức chuyển-hóa* (paradigm).

A. — Ta lấy thí-dụ những danh-từ trong Anh-ngữ, thường được sắp-xếp theo mô-thức chuyển-hóa sau đây :

Cán-ngữ	Cán-ngữ + [-Z ¹]	Cán-ngữ + [-Z ²]	Cán-ngữ + [-Z ¹ Z ²]
horse	horses	horse's	horses'
cat	cats	cat's	cats'
dog	dogs	dog's	dogs'

Danh-từ *horses* /hɔrsəz/ là số nhiều của *horse* /hɔrs/ vì âm-vị cuối-cùng của cán-ngữ là một từ-âm gọi là sát-âm có ản-tượng xi-xèo (sibilant). Khi nào cán-ngữ tận cùng bằng một « âm xi-xèo » như /s z c j s z/ thì ngữ-vị, [-Z¹], là

1544/134

VĂN-HÓA — SỐ 66

một tiếp-ngữ để chuyển-hóa danh-từ, sẽ thực-hiện thành /-əz/ -es : *horse horses* ; *prize prizes* ; *church churches* ; *bridge bridges* ; *marsh marshes* ; *garage garages*.

Khi nào cán-ngữ tận cùng bằng một âm điếc không phải là « âm xi-xèo » thì ngữ-vị chuyển-hóa [-Z¹] có hình-dạng /-s/ -s : *cup cups* ; *cat cats* ; *book books* ; *roof roofs*.

Còn khi nào cán-ngữ tận-cùng bằng bất cứ một từ-âm nào khác hai loại nói trên (nghĩa là nó là từ-âm tổ mà không phải là âm xi-xèo) hoặc bất-cứ một mẫu-âm nào, thì ta nghe thấy (-Z¹) được thực-hiện thành /-z/ -s. Thí-dụ : *tub tubs* ; *bed beds* ; *dog dogs* ; *wall walls* ; *car cars* ; *cow cows* ; *boy boys* ; *bee bees* ; *eye eyes* ; v.v...

Ba ngữ-thê không độc-lập /-iz, -s và -z/, ta gọi là ba biến-thái thường thấy nhất của ngữ-vị (-Z¹) là tiếp-ngữ chỉ số nhiều của danh-từ trong Anh-ngữ.

B. — Ngữ-vị [-Z²] chỉ sở-hữu-cách của danh-từ, chẳng hạn, của những tiếng *Rose* (tận-cùng bằng -z), *Dick* (tận-cùng bằng -k) hay *Bob* (tận-cùng bằng -b), cũng có ba biến-thái nói trên là /-iz ∞ -s ∞ -z/ : *Rose's, Dick's, Bob's* ; *horse's, cat's, dog's*.

Cả đến ngữ-vị [-Z³], chỉ ngôi thứ ba số ít của động-từ Anh-ngữ, cũng giống như vậy, nghĩa là biến-thái của nó là /-iz ∞ -s ∞ -z/ : *he kisses, he talks, he begs*.

C. — Đa-số các danh-từ trong Anh-ngữ đổi sang số nhiều bằng cách thêm một trong ba biến-thái nói trên, song số nhiều của danh-từ trong ngôn-ngữ ấy cũng còn có thể lập-thành bằng cách đổi mẫu-âm hạt, đổi từ-âm, thêm -en, thêm ngữ-vị -f) (số không), hoặc, trong trường-hợp tá-ngữ mượn của ngôn-ngữ khác, nhất là La-tinh, thì theo lối trong ngôn-ngữ cho mượn.

Đây là một vài trường-hợp mẫu-âm hạt thay-đổi : *man men* (æ đổi thành e) ; *woman women* (u đổi thành i) ; *foot feet* (u đổi thành iy) ; *goose geese* (uw đổi thành iy) ; *mouse mice* (aw đổi thành ay). Hiện-tượng biến-âm này gọi là *mutatton, umlaut* hoặc *metaphony*.

Từ-âm cuối của danh-từ đang điếc hóa tổ trong trường-hợp tiếng *house houses* (s → z), 12 tiếng như *knife knives* (f → v) ; và độ 8 tiếng như *path paths* (θ → ð).

VĂN-HÓA — SỐ 66

1545/135

Trong vên-vên ba tiếng *ox, child, brother*, ta thấy thêm tiếp-vi-ngữ *-en /-ən/* ; *oxen* ; *children* (có thay-đổi cả mẫu-âm), *brethren* (có thay-đổi cả mẫu-âm). *

Một vài danh-từ chỉ động-vật thì cứ việc thêm ngữ-vị *(-)*, nghĩa là thêm số không hay không thêm gì cả : *deer deer, sheep sheep*.

Những tiếng mượn của La-tinh có số nhiều đặc-biệt : *alumna alumnae, alumnus alumni* ; *index indices* ; *datum data*. Thí-dụ mượn của Hy-lạp : *criteron criteria*.

D. — Trong trường-hợp mà ba ngữ-vị *[-Z₁]*, *[-Z₂]* và *[-Z₃]* thay-đổi hình-thái âm-vị tùy theo hoàn-cảnh âm-thanh trong đó nó xuất-hiện, ta bảo rằng đây là một sắc-thái hình-thái âm-vị-học :

	(-Z ₁)	(-Z ₂)		(-Z ₃)	
	horse	horses		horse's	/-iz/
	book	books		book's	/-s/
	wall	walls		wall's	/-z/

Những danh-từ mới đặt ra chẳng hạn sẽ theo thông-lệ này, hay, nói khác đi, sẽ gia-nhập hàng-ngữ đồng-đạo của những danh-từ « theo qui-tắc », và ta chỉ cần nhớ cái mô-thức chuyển-hóa trên đây là sẽ dùng đúng.

Những danh-từ kia, lập-thành số nhiều bằng cách « không qui-tắc », chỉ là thiểu-số thôi, song ta cũng phải nhớ từng trường-hợp một, vì hình-thái của *[-Z₁]* sẽ tùy thuộc hoàn-cảnh ngữ-thái : nếu danh-từ là *man* thì cần đổi /æ/ thành /e/ ; nếu danh-từ là *knife* thì đồng-thời đổi f thành v và thêm -z ; nếu danh-từ là *ox* thì cần thêm /-ən/ (chứ không thêm /-iz/ như trong trường-hợp *box, fox*) ; nếu danh-từ là *deer, sheep* thì thêm *zero*, tức là không thêm gì cả ; nếu danh-từ là *alumnus* thì đổi /əs/ thành /ay/ (chứ không thêm -iz) ; v.v.

	(-Z ₁)
man	men
knife	knives
ox	oxen
deer	deer
alumnus	alumni

* *brethren* dùng trong tôn-giáo, còn số nhiều *brothers* dùng trong trường-hợp thường.

1546/136

VĂN-HÓA — SỐ 66

E. — Ngoài sự chuyển-hóa để chỉ ngôi thứ ba, số ít, các động-từ trong Anh-ngữ còn chịu sự chuyển-hóa để chỉ thể quá-khứ, thể quá-khứ phân-từ, và thể hiện-tại phân-từ.

	[Z ₃]	[-D ₁]	[-D ₂]	[-in]
like	he likes	he liked /-t/	he has liked	liking
wait	he waits	he waited /-id/	he has waited	waiting
smile	he smiles	he smiled /-d/	he has smiled	smiling

Ngữ-vị chuyển-hóa để chỉ thì quá-khứ, mà ta gọi là *[-D₁]*, có ba biến-thái chính /-t ∞ -id ∞ d/. Hình-thái âm-vị của mỗi cái tùy theo hoàn-cảnh âm-thanh : /-t/ xuất-hiện khi từ-âm cuối cùng của cán-ngữ là một từ-âm điếc và không phải là một từ-âm răng (hay nứu) như /t và d/ ; /-id/ xuất-hiện khi từ-âm cuối cùng của cán-ngữ là một từ-âm răng (hay nứu) như /t và d/ ; còn ngoại-trừ trường-hợp khác (từ-âm cuối tò và không phải là âm răng hay nứu ; hoặc mẫu-âm) *[-D₁]* sẽ có hình-dạng /-d/.

Đó là trường-hợp các động-từ « theo qui-tắc » hay « yếu » và trong chính-tả ta đều ghi ngữ-vị *[-D₂]* và *[D₂]* bằng -ed. Còn các động-từ « bất qui-tắc » hay « khỏe » thì có thể *[-D₁]* khác *[-D₂]*, thí-dụ : (*drink*) *drank, drunk*, (*eat*) *ate eaten* ; (*forget*) *forgot forgotten* ; có thể *[D₁]* và *[D₂]* giống nhau : (*send*) *sent sent* và 5 động-từ khác ; (*cost*) *cost cost* và 18 động-từ khác.

Ta có thể phân-loại các động-từ trong Anh-ngữ, căn-cứ vào hình-thái của hai ngữ-vị *[D₁]* và *[D₂]*. Ta sẽ có 53 loại, loại thứ nhất gồm đa-số và không thể kê-khai hết được, và 52 loại khác, mỗi loại chỉ có từ 1 đến 19 động-từ thôi*.

F. — Hình-dung-từ trong Anh-ngữ cũng có chuyển-hóa để chỉ thể so-sánh tương-đối (« hơn ») và so-sánh tuyệt-đối (« nhất ») : *long longer longest ; short shorter shortest* ; v.v. Hai ngữ-vị chuyển-hóa của hình-dung-từ trong Anh-ngữ là /-ər/ và /-əst/, nhưng lại có một biệt-lệ rất « đặc-biệt » là hình-dung-từ *good* chuyển-hóa thành *better* và *best*.

* Riêng động-từ *to be*, có tới 8 thể : *be ; am, is, are ; was, were ; being ; been* ; động-từ *to go* có tới 5 thể : *go ; goes ; went, gone, going*.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1547/137

G. — Hệ-thống đại-danh-từ trong Anh-ngữ cũng có 4 mô-thức chuyên-hóa (xếp vào bốn cột trong bản dưới đây) để chỉ cách chủ-từ, cách túc-từ, cách hình-dung-từ sở-hữu và cách đại-danh-từ sở-hữu, theo thứ-tự đó :

I	me	my	mine
we	us	our	ours
you	you	your	yours
he	him	his	his
she	her	her	hers
it	it	its	its
they	them	their	theirs
who	whom	whose	whose
(thou	thee	thy	thine)

H. — Các ngôn-ngữ thuộc ngữ-phái (hay chi) Rô-măng trong ngữ-tộc (hay họ) Ấn-Âu còn nhiều ca chuyên-hóa hơn là các ngôn-ngữ thuộc ngữ-phái Germanich (Nhật-nhi-man), trong số đó có Anh-ngữ, Đức-ngữ, v.v. Chẳng hạn, Pháp-ngữ vẫn còn phân-biệt cách chủ-từ, cách túc-từ trực-tiếp và cách túc-từ gián-tiếp của đại-danh-từ :

je	me	me
tu	te	te
il	le	lui
elle	la	lui
(nous	nous	nous
vous	vous	vous)
ils	les	leur

Bên cạnh tiếng *on* < La-tinh *homo*, Pháp-ngữ còn giữ *homme* < La-tinh *hominem*. Thí-dụ khác : *gars* « gã » < *garçio* bên cạnh *garçon* « con trai » *garçonnet*, *pâtre* « mục-đồng » < *pastor* bên cạnh *pasteur* « mục-sư » < *pastorem*; *sire* « Hoàng-thượng » < *senior* bên cạnh *seigneur* « chúa » < *seniorem*; v.v.

Hệ-thống chuyên-hóa động-từ trong Ý-ngữ (để chỉ ngôi-thứ) còn phức-tạp hơn là trong I-pha-nho-ngữ và Pháp-ngữ nhiều; thành-thứ khi học « chia

véc-bò » trong Pháp-ngữ khó thể nào thi học « chia vé-cờ » trong Ý-ngữ còn khó hơn nữa. Mà khó là tại vì trong tiếng mẹ đẻ của chúng-ta không có hiện-tượng chuyên-hóa.

Cũng có khi, sự chuyên-hóa được thực-hiện bằng cách bỏ đi một âm-vị. Thí-dụ, hình-dung-từ trong Pháp-ngữ mà là loại có qui-tắc thì dù danh-từ mà nó đi kèm thuộc giống-đực hay giống-cái, nó cũng chỉ có một thể thôi : *rouge* /ru : z/ « đỏ » trong *un livre rouge* và *une porte rouge*. Tuy nhiên, những hình-dung-từ bất qui-tắc thì lại có hai thể khác nhau : *un livre vert* với thể giống đực /vɛ:r/ và *une porte verte* với thể giống cái /vɛ:r/. Thêm thí-dụ :

	GIỒNG ĐỰC	GIỒNG CÁI
'xám'	gris /grɪ/	grise /griz/
'thấp'	bas /ba/	basse /bas/
'phẳng'	plat /pla/	platte /plat/
'dài'	long /loŋ/	longue /loŋg/
'say rượu'	soul /su/	soule /sul/

Ta có hai cách để miêu-tả hiện-tượng kể trên. Hoặc là ta căn-cứ vào thể giống-đực (cột bên trái) và cho biết thể giống-cái cần thêm từ-âm nào, như thể sẽ phức-tạp lắm. Hoặc là ta lấy thể giống-cái làm căn-cứ, thì chỉ cần nói rằng thể giống-cái chuyên thành thể giống-đực bằng cách bỏ một cái gì đi : bỏ từ-âm cuối hay bỏ khóm âm /-kt/ (như trong trường-hợp *distincte* : *distinct*). Nếu ta chọn cách trình-bày thứ hai, ta sẽ tránh cho câu nói về « văn-phạm » của hình-dung-từ Pháp ngữ đỡ phần rườm rà.

J. — Dù sao chăng nữa, học những ngôn-ngữ có một cấu-thức khác cấu-thức của Việt-ngữ, chúng ta sẽ có lợi là chân-trời ngôn-ngữ được mở rộng. Kiến-giải của chúng-ta về ngôn-ngữ nói chung sẽ thêm phần sâu-sắc vì ta thấy những ngôn-ngữ dẫn trên kia (Anh, Pháp, La-tinh, v.v.) cấu-tạo khác với mẫu-ngữ của ta. Trong một câu như « Pierre thầy Paul », hình-thái của hai tiếng chỉ hai người ấy không thay-đổi trong Việt-ngữ. Hai tiếng ấy phải có một vị-trí nhất-định kéo người nghe sẽ lầm là Paul thầy Pierre, chẳng hạn. Nhưng trong La-tinh thì lại khác hẳn : hai tiếng Pierre và Paul có thể đặt ở bất-cứ vị-trí nào trong câu, miễn là nếu Pierre thầy thì ta phải dùng thể *Petrus* và nếu Paul là người được nhìn thầy thì ta phải dùng thể *Paulum*. Tại sao thế ? Tại vì tiếp-ngữ

-us chỉ chỗ-từ, còn tiếp-ngữ -um chỉ túc-từ.

Những ngôn-ngữ như Việt-ngữ, Hán-ngữ, Thái-ngữ, v.v. không có chuyên-hóa, còn những ngôn-ngữ trên kia có chuyên-hóa. Thế thì ta phải kết-luận thế nào? Ta chỉ có thể kết-luận rằng mỗi ngôn-ngữ được cấu-tạo một cách khác, và ta không thể nói cái gì chung cho tất-cả các ngôn-ngữ được. Đúng đầu ở một cực-đoạn ta có những ngôn-ngữ như Thổ-nhi-kỳ, Cree (tiếng da đỏ nói tại Ca-na-đa), v.v. trong đó động-từ có hàng nghìn thể khác nhau. Cực-đoạn kia có những ngôn-ngữ như tiếng Lo-ma (ở xứ Liberia), chẳng hạn, tuy động-từ chỉ có 4 thể để chỉ hiện-tại, liên-tục, quá-khứ gần và quá-khứ xa, nhưng mỗi đại-danh-từ lại có tới 6 thể khác nhau, để chỉ hiện-tại, tương-lai, tiền-diễn, tùy-thuộc, phủ-định và tập-quán. (Động-từ trong Anh-ngữ, ta đã thấy, chỉ có 5 thể khác nhau thôi).

Tính-chất và phạm-vi của hiện-tượng chuyên-hóa đã đa-loại như thế, thì mỗi hình-thức phân-tích và miêu-tả chỉ có thể ứng-dụng cho một ngôn-ngữ nhất-định nào thôi. Trước đây, bắt-luận ngôn-ngữ cần phân-tích là ngôn-ngữ nào, người ta cũng cứ gò ép nó vào khuôn-khò tiếng La-tinh: người ta nhận ra các « cách », các « từ-loại » của tiếng La-tinh ở ngay các ngôn-ngữ không hề có nó. Đó là một việc làm sai-lầm lắm, vì mỗi ngôn-ngữ lại có một cấu-thức riêng, mỗi ngôn-ngữ là một hệ-thống riêng.

Ta cần có một nhận-xét cuối cùng về hiện-tượng chuyên-hóa thầy trong một vài ngôn-ngữ. Một ngôn-ngữ không có hiện-tượng ấy, thí-dụ, Việt-ngữ, Mã-lai-ngữ, đâu có phải không đủ khả-năng diễn-tả ý-nghĩa một cách tề-nhị. Ngôn-ngữ ấy sẽ dùng cách khác. Việc so-sánh hai ngôn-ngữ căn-cứ vào sự có mặt và vắng mặt của một sắc thái nào đó hoàn-toàn không có ý-nghĩa. Vì ngôn-ngữ nào cũng đủ khả-năng để đáp-ứng nhu-cầu của đoàn-thể những người nói ngôn-ngữ ấy.

(Còn nữa)

NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA



HỒI-GIÁO

(Tiếp theo V.H.N.S. số 65)

NGUYỄN-KHẮC-NGŨ

A.— NHỮNG CHƯƠNG GIẢNG Ở MECCA

Trong những chương này Mahammed thường nói về mục-đích cao cả của đạo. Thời-kỳ này tin-đồ còn ít và nhiều người chưa tin-tưởng lắm vào giáo-lý của ông nên ông hay nói về ngày « thánh xét » và sự phục-hồi kiếp khác (1) của những người đã chết. Ông chỉ-trích những kẻ ngu-xuẩn không theo đạo của ông và đe họ sẽ bị trừng-phạt nặng-nề. Ông cũng không quên dùng những lời vô cùng đẹp-đẽ tả những cảnh hạnh-phúc giàu sang ở chốn thiên-đường đầy hứa-hẹn cho những tin-đồ của ông.

Ở Mecca, ông không chỉ-trích Do-thái-giáo mấy vì trong thời-kỳ ông ở đây, ông hãy còn công-nhận một số điều của tôn-giáo này.

Đối với Thiên-chúa-giáo cũng vậy, một số các nhân-vật thánh thần ông nói đến đều thấy có trong Cựu-Uớc (2).

Phân-tách kỹ suốt thời-kỳ ông giảng đạo ở Mecca, người ta có thể chia làm 3 giai-đoạn :

— *Giai-đoạn thứ nhất*, ông giảng một cách say-mê nhưng vô cùng mãnh-liệt những bài không dài lắm về Thượng-đế (3). Lời văn trong mỗi

(1) Đầu thai.

(2) Kinh Thiên-chúa-giáo viết về thời-kỳ trước Thiên-chúa giáng sinh.

(3) Ông giảng 48 bài nhưng chỉ từ 20 đoạn nhỏ đến 50 đoạn nhỏ mà thôi.

bài giảng của ông đều được « gọt rửa » cẩn thận nên đọc lên rất nên thơ.

Thượng-Đế trong giai-đoạn này, ông trình bày như Thượng-Đế trong kinh Cựu-uớc Thiên-chúa-giáo và để giữ được lòng tin-tưởng của thính-giả, ông luôn luôn dùng những lời lẽ dưới đủ mọi hình-thức để chứng-minh sự xác-thực trong những lời thánh dạy truyền qua ông.

— Ở *giai-đoạn thứ hai*, ông nói đã bớt say mê nhưng sự trân-tĩnh làm lời nói của ông có hiệu-quả hơn. Ông không giảng những bài dài lắm, lời văn cũng bớt gọt rửa như trước. Gần như lối trình-bày trong giai-đoạn thứ nhất ông đã hoàn toàn bỏ hẳn. Ngay cả đến những lời lẽ thường dùng trong giai-đoạn đầu ông cũng không thể bừa bãi nữa mà chỉ thốt-thoảng nhân danh linh-thánh Coran mà thôi.

— Đến *giai-đoạn thứ ba*, Mahammed gần như không nói nữa mà ông lại làm thơ. Ý-tưởng chỉ nhắc đi nhắc lại nhiều lần những điều ông đã nói trong các giai-đoạn trên mà thôi.

B. — NHỮNG CHƯƠNG GIẢNG Ở MEDINA

Với tư-cách giáo-chủ một tôn-giáo và một lãnh-tụ chính-trị, ông nói nhiều về tổ-chức hơn là về giáo-lý. Ông nói nhiều về sự chọn lựa và địa-vị một giáo-trưởng, giảng nhiều vấn-đề dân sự cũng như nghi-lễ rất tỉ-mỉ.

Địa-vị của ông lúc đó đã khiến lời nói của ông đương-nhiên trở thành những điều luật căn-bản của luật Ả-rập hay Hiến-pháp xứ này. Tuy nhiên, những điều trên không phải do ông tự nghĩ ra mà do ông tham-khảo luật các nước mà nói lại, nên luật Ả-rập ảnh-hưởng nhiều của luật Do-Thái.

Về lối trình-bày, ông vẫn giữ nguyên giọng văn của giai-đoạn thứ ba ở Mecca — nói một cách nên thơ — có lẽ vì ông đã giảng nhiều quá, quen quá nên cứ nói là có âm-điệu như thơ vậy.

Trong thời-kỳ này, ông nói rất nhiều vấn-đề, nói rất dài, không ngắn như giai-đoạn đầu. Ông tra dùng những chữ mới để diễn-tả các ý mới mà ông vừa tung ra dưới một hình-thức cũng rất tân-kỹ.

oOo

Tóm lại ta có thể nói :

Về *hình thức*, Kinh Coran chỉ là một mớ những đoạn nhỏ thu tập những lời Mahammed giảng, sắp-xếp theo thứ-tự thời-gian nên sự trình-bày không đồng nhất về văn-thê cũng như về bố-cục.

Về *ý-tưởng*, Kinh Coran có nhiều đoạn rất lộn-xộn hay nhắc đi nhắc lại quá nhiều lần, có nhiều đoạn ý-tưởng ngược hẳn nhau.

Song, trong cái mớ lộn-xộn đó người ta đã khai-thác được rất nhiều, biến đổi ra thiên hình vạn trạng để trình-bày mọi vấn-đề của đạo Hồi dưới nhiều hình-thái khác nhau.

Cũng vì lẽ đó các nhà lãnh-đạo Hồi-giáo rất sợ người đọc hiểu lầm giáo-lý đạo Hồi nên chỉ cho phép các thầy tu Hồi-giáo — những người được coi là thấu hiểu giáo-lý đạo này — mới có quyền đọc kinh ấy mà thôi. Họ sợ rằng kinh này vào tay các tín-đồ mới, còn mờ mịt về giáo-lý sẽ gây ra những sự hiểu lầm.

II. — SÁCH SUNNA

Sunna theo tiếng Ả-rập có nghĩa là « đức-tính » là « phép xử-thế hay ». Sách Sunna dựa theo đức-tính cũng như phép xử-thế của giáo-chủ Mahammed mà viết ra. Người Hồi-giáo lấy giáo-chủ làm gương mẫu nên bắt buộc các tín-đồ phải theo các đức-tính cũng như phép xử-thế của ông. Bởi thế người ta có thể bảo rằng Sách Sunna cũng là một nguồn khai thác các điều-luật Hồi-giáo sau cuốn kinh Coran.

Để thực hiện sách Sunna người ta đã dò hỏi tất cả những người trong quyền-tộc, những bạn-hữu cùng những người chung quanh Mahammed từ thuở nhỏ đến lúc lâm-chung về tất cả những chi-tiết liên-quan đến ông.

Sau đó người ta đem phân-tách, xếp-loại và ghi-chú thêm để dùng làm mẫu mực cho hậu-thế.

Chính trong Sunna các nhà sưu-tập có ghi chép cả những lời phê-bình sống động về đời Mahammed cũng như về kinh Coran.

Do đó, ngay từ thế-kỷ đầu tiên của Hồi-giáo (1) người ta đã nói rằng :

« Sách Sunna có thể vượt kinh Coran được chứ kinh Coran không thể vượt sách Sunna được. »

Ý nói với những điều Coran và Sunna đều có ghi nhưng khác nhau, người ta có thể theo sách Sunna mà không theo kinh Coran vì họ cho rằng kinh Coran chỉ ghi những lời Mahammed nói, còn chính Sách Sunna mới là sách ghi những điều Malammed đã làm.

III. — SÁCH HADITH

Ngoài kinh Coran và sách Sunna, sau này người ta còn sưu-tầm tài-liệu để viết sách Hadith.

Hadith theo tiếng Ả-rập có nghĩa là « tập-quán (đ-truyền) ». Trong sách *Hadith* người ta sưu-tập các lời nói, cử-chỉ, hành-động hoặc của giáo-chủ (những điều chưa nói trong kinh Coran và sách Sunna), hoặc của các đồng-bạn của ngài, hay các giáo-trưởng, các nhà lãnh-đạo Hồi-giáo kể tiếp ngài, cũng không ngoài mục-dịch để dùng làm mẫu-mực cho hậu-thế. Các nhà truyền-giáo Hồi-Hồi sau này đã coi Hadith là những nguyên-tắc căn-bản cho luật giáo-hội, những phong-tục luật khẩu-truyền bao-trùm lên cả những luật thành văn đã tìm thấy trong kinh-thánh vì họ cho rằng điều luật trong Kinh-thánh chỉ có giá-trị lý-thuyết chứ không có giá-trị thực-hành, còn Hadith mới là những điều-luật của các nhà lãnh-đạo tôn-giáo đã thực-hành qua nên có tính-cách thực-tế hơn.

Chính người Hồi-giáo đã dùng *Hadith* để làm tiêu-chuẩn mà phân-biệt những tín-đồ trung-thành với những kẻ thờ-ơ với đạo. Việc sưu-tầm những Hadith này không làm cùng một lúc mà được thực-hiện trong một thời-gian khá lâu và ở nhiều nơi khác nhau.

Chính vấn-đề này được nêu ra từ thời-đại Omayya nhưng kéo dài đến thế-kỷ thứ IX mới hoàn thành.

Công cuộc sưu-tầm này thành-công là nhờ một phần lớn ở các học-giả Ba-tư.

(1) Thế-kỷ thứ VII, kỷ-nguyên Thiên-chúa.

Vì sự sưu-tầm ở nhiều nơi và nhiều lúc khác nhau nên có rất nhiều sách Hadith khác nhau cả về hình-thức lẫn nội-dung. Có những tác-giả xếp các sự-kIỆN theo từng vấn-đề và có những học-giả lại xếp theo thứ tự thời-gian.

Nhận thấy rằng sự không thống-nhất có thể gây tai-hại nên các nhà truyền-giáo đạo Hồi mới đem 6 bản Hadith được coi là đầy đủ nhất đúc-kết thành 2 bản chính gọi là *Çahih*.

Bản *Çahih* thứ nhất do Al Bokhari hoàn thành năm 870. Bản thứ hai do Ibn Maja, Abou Bâoud, At Tirmidh và Al Nasai hoàn thành năm 875.

Trong 2 bản này các tác-giả không những chỉ thu-tập, xếp-loại mà thôi, họ còn cố tìm cách loại trừ những sự-kIỆN không chính-xác do óc tưởng-tượng của một số những người Hồi-giáo thời đó bịa ra mà các nhà sưu-tầm Hadith đã lầm-lẫn ghi cả vào.

oOo

Tuy đã có sự thống-nhất về Kinh-sách nhưng các nhà giáo-luật sau cũng vẫn giải-thích các Kinh-sách trên theo nhiều lối khác nhau, do đó ta mới thấy trong Hồi-giáo có nhiều trường (école) khác nhau, đại-diện cho nhiều chi-phái khác nhau.

(Còn tiếp)
NGUYỄN-KHẮC-NGŨ



GIAO DỤC



GIAO-DỤC TRÁNG-NIÊN VÀ THANH-NIÊN (UNESCO)

SỰ BẤT-THÍCH-CẢNH XÃ-HỘI VÀ NHỮNG TRUNG-TÂM THANH-NIÊN (*)

Tác-giả : HELGA TIMM
Dịch-giả : NHƯ HẠNH

Sự phân chia thành hai loại những khó-khăn phát sinh do sự bất-thích-cảnh xã-hội của các thanh-niên rất hữu-ích dù nông cạn : thật vậy, trong nhiều trường-hợp, sự bất-thích-cảnh được biểu-thị bởi sự thiếu khả-năng để thiết định các mối bang-giao có giá-trị, có thể là các mối bang-giao với những thanh-niên khác hay là với các kẻ tráng-niên. Một điều thông thường là những thanh-niên nào cảm thấy nhiều nỗi khó-khăn trong khi giao-thiệp với người khác sẽ có một thái-độ đặc-biệt. Chúng đứng tách riêng một mình dù đối với các người đồng-niên ; hoặc chúng

(*) Dịch-thuật theo bài « *L'Inadaptation sociale et les Centres de jeunes* » của Helga Timm.

1556/146

VĂN-HÓA — SỐ 66

tự hợp với những kẻ đồng-niên để lập thành một « đoàn », kết-hợp bởi các giây liên-lạc chặt chẽ. Lẽ cố nhiên hai thái-độ chỗi từ ấy phát-biểu thái-độ bất-thích-cảnh xã-hội ; giữa chúng chỉ có một sự khác-biệt về trình độ.

Tuy nhiên, đó là một điều quan-trọng nếu biết được rằng thái-độ ấy do một biến-động tinh-cảm sâu xa gây nên, một tinh-cảm có lẽ bắt nguồn từ lúc còn thơ ấu và liên hệ đến các xung-đột trong gia-đình, hoặc giả không phải là một sự bất-thích-cảnh thật sự, nhưng là một biểu-hiệu của các nỗi khó-khăn thường gặp trong lịch-trình diễn tiến của sự lão luyện. Thường thường đưa ra sự phân-biệt trong một trường-hợp cá-nhân là một điều khó. Vấn-đề lại càng phiền-toái hơn nữa khi những thanh-niên của xã-hội tự-do và kỹ-nghệ-hóa của chúng ta thường hay gặp các nỗi khó-khăn tương tự trong thời-gian tiến-triển của chúng hơn là thời xưa, cho nên hiện nay một số đông thanh-niên lâm vào tình-trạng bất-thích-cảnh.

Tuy nhiên, trong khi xét xem giới-hạn mà những trung-tâm thanh-niên có thể phòng ngừa sự bất-thích-cảnh xã-hội, chúng ta lưu ý đến những thanh-niên mà sự bất-thích-cảnh phát sinh không phải từ những biến đổi tâm-lý cá-nhân, mà chính từ địa-vị bất định và vô giới-hạn của thanh-niên trong xã-hội của chúng ta. Họ không biết rõ những cái gì mà người ta đang mong đợi nơi họ, và hạng người tráng-niên thì không biết người thanh-niên có thể và phải đem lại cái gì. Đó là một trong các duyên-cớ chính yếu của sự bất-thích-cảnh và của thái-độ phức tạp của thanh-niên, thái-độ này có thể biến thành lòng bất mãn và xui khiến họ vi phạm tục-lệ và pháp-luật.

Để có thể hoạt-động dễ dàng, một xã-hội lành mạnh tùy thuộc vào những hạng người sẵn sàng đảm nhận các trọng trách được thiết-lập không phải chỉ ở trên các quyền-lợi có tính-cách thương-môi và tài-chánh. Cũng vì vậy mà thường thường các cá-nhân có thể đoán trước thái-độ của nhau và sự chấp-nhận hỗ-trương những trách-nhiệm bất chi phó. Tuy nhiên, chúng ta sống trong một thế-giới mà tiền bạc chiếm một địa

VĂN-HÓA — SỐ 66

1557/147

vị chủ chốt trong lãnh-vực giá-trị. Đối với thanh-niên, tiền bạc là điều đáng kể nhất. Một sự nhận-xét nông cạn làm làm cho họ đinh ninh rằng mọi sự đều có thể thực hiện được nếu có tiền.

Vậy một trong các liều thuốc hiệu-nghiệm nhất của cái « bệnh xã-hội » ấy là giảng giải cho thanh-niên hiểu rằng trên thực-tế, xã-hội được thiết lập trên các căn-bản khác, chẳng hạn trên các mối liên-lạc giữa loài người với nhau và trên các gánh nặng cùng chịu đựng. Tuy nhiên trách nhiệm lại cho các quyền, vì rằng hai sự-kiện ấy bề-túc lẫn nhau.

Chính trong địa-hạt đó mà các trung-tâm thanh-niên có thể và phải đóng một vai trò quan trọng nhất. Không nên định giá-trị những thắng lợi thu hoạch được theo phẩm-chất của cách trang-bị các trung-tâm ấy; phải định giá theo những phương-tiện mà chúng ban tặng cho các thanh-niên để thực-hành các quyền và trách-nhiệm của họ.

Tất cả những tư-tưởng trên đều đã được các nhà mô-phạm công nhận từ lâu; tuy nhiên trên thực-tế, những tư-tưởng ấy chưa hề được đem thực hành và sự quan-trọng của chúng thường bị lãng quên. Người ta xét rằng sự cố gắng để nâng cao giá-trị của các trung-tâm ấy quá bấp bênh; tuy rằng nếu hành-động như vậy người ta sẽ đi ngay vào trung-tâm của các mối bang-giao xã-hội. Thanh-niên trước tiên phải tập-sự trong các nhóm nhỏ-nhỏ và phải tự ý thức giá-trị thật sự của thời-gian luyện tập ấy.

Lẽ dĩ nhiên, công tác giáo-huấn đó không thể thực-hành trong khoảng không; cần phải có nhà cửa, dụng-cụ trang bị, sự giúp đỡ những kiến-thức kỹ-thuật và một cơ-quan điều-khiển. Khi ấy người ta mới thể tổ-chức các hoạt-động thể-thao, các nhóm thảo-luận, những « dự án », và có thể áp dụng mọi phương-pháp đứng đắn; nhưng đó, chỉ là các phương-tiện để đạt được mục-đích cốt yếu.

Khi lập các trung-tâm « mở rộng », nếu chúng ta muốn tặng cho thanh-niên một nơi gặp-gỡ tự do, chúng ta cũng phải để cho họ tự do chọn lựa bạn bè. Vậy nếu các thanh-niên gia nhập một cộng-đồng và chịu

nhận một thái-độ đứng đắn, điều đó không đủ; cần phải giải quyết vấn-đề rất phức-tạp liên-quan đến các mối bang-giao giữa những tập-đoàn. Trong một trung-tâm tiếp nhận từ 60 đến 300 thanh-niên, có thể có từ 12 đến 100 tiểu tập-đoàn; sự chấp-nhận hay xa lánh nhau của những tập-đoàn này và những mối liên-lạc bằng hữu thường thay đổi luôn. Sự từ chối không chấp nhận hạng người « dị thường », nghĩa là hạng người không theo các quy-tắc của chúng, là một điều thông thường trong bất cứ tập-đoàn nào: tại công-xưởng, trong những buổi họp được tổ-chức một cách tự nhiên hay tại trung-tâm các tập-thể địa-phương. Nhưng cũng cần nhận thức rằng thanh-niên thường hay có tính cố chấp đối với nhau. Khi chúng ta cho phép họ tự do hội-hợp, chúng ta phải sẵn sàng công nhận rằng những hội-viên của các tập-đoàn khá quan-trọng có thể từ chối không chịu chấp nhận đoàn khác. Vấn-đề nội bộ về các mối giao thiệp giữa các đoàn-thể thanh-niên với nhau có lẽ có tầm quan trọng vượt quá sức tưởng-tượng của các cấp chỉ-huy và các cơ-quan liên hệ. Những « người mới » và ngay cả những « người có tư cách » thường được chấp nhận dễ dàng hơn là đối với các thanh-niên khác vẫn thường hay lui tới các trung-tâm.

Những thanh-niên mà sự thích-cảnh tỏ ra khó khăn, không cảm thấy được lời cuốn hay bị xô đuổi bởi trung-tâm. Chúng lưu ý trước tiên đến hạng người (thanh-niên hay tráng-niên) mà chúng gặp ở đó. Trong đa số các trường-hợp, vấn-đề của chúng liên-quan đến mối bang-giao với tha nhân. Cấp chỉ-huy biết rằng trước khi quyết định gia-nhập trung-tâm, một đoàn-thể thanh-niên luôn luôn phải một hay hai đoàn-viên đến trước để « dò xét ». Họ sẽ tìm thấy các kẻ « đồng đảng » không? Họ có thể thiết-lập các mối bang-giao bằng hữu với các người này không? Cấp chỉ-huy có phải là người về phe họ không? Đó là tất cả các mối thắc mắc thường được nêu ra.

Từ các thí-nghiệm được thi hành trong nhiều quốc-gia, có thể rút các kết-luận căn-bản sau:

1 — Không có các trung-tâm « được mở rộng » theo nghĩa hoàn toàn

của nó, nghĩa là những trung-tâm được mọi tầng lớp thanh-niên lui tới và ưa thích, ngoại trừ những tiệm nước hay những nơi tương tự.

2 — Phương-pháp « khuếch-trương » dùng các hoạt-động và các xí-nghiệp vô-danh và kêu gọi một số đông thanh-niên, phương-pháp ấy có thể đặc-biệt phong-phú trong sự xúc-tiếp đầu tiên. Nhưng những phương-pháp và phương-tiện được áp dụng không giống các phương-pháp cần-thiết cho giai-đoạn thứ hai, nghĩa là vào thời-kỳ đào tạo « cực lực » những sự giao-thiệp cá-nhân.

3 — Những trung-tâm hiện tại chắc chắn lam thỏa-mãn các nhu-cầu của phần đông thanh-niên. Vài thanh-niên tính nết khó khăn cũng có thể chấp nhận chúng.

4 — Nhưng người ta có thể nghi ngờ rằng phương-kháp « cực lực » có thể áp-dụng trong khuôn khổ một trung-tâm quan-trọng.

Sự biến đổi các phương-pháp và phương-tiện do các giai-đoạn của sự huấn-luyện thích-cảnh gây nên đã biến-hóa đến mức cần phải trở lại điểm khởi hành. Tuy nhiên dần dần trung-tâm có xu-hướng muốn tiếp nhận một hạng khách « chọn lọc » một *đoàn-thể* 'đá số ít khi chịu chấp nhận các « thiểu số » mới được thành lập.

5 — Vậy tiếp nhận mọi hạng thanh-niên là một điều không thể có được, cần phải thiết lập một hệ-thống trung-tâm có các hình-thức hoạt-động khác biệt (« cực lực » và « khuếch-trương ») mà những phương-pháp sẽ thay đổi tùy công-tác phải thực hiện hay tùy những đoàn-thể chỉ định.

6 — Ở trung-tâm hệ-thống ấy, một sự diễn-tiến liên tục phải làm dễ dàng việc đào tạo thường xuyên các đoàn-thể nhỏ mới: một trong các khó khăn chính yếu mà các thanh-niên bất-thích-cảnh xã-hội thường gặp, phát sinh từ điều mâu-thuẫn giữa sự tự-do cùng là an-ninh vật-chất và sự kém cỏi về sức-mạnh và ảnh-hưởng của họ trong xã-hội. Vậy phải cho họ cơ-hội để xây-dựng một cái gì thuộc quyền sở-hữu của họ, để họ cảm thấy trách-nhiệm và để họ có thể phụ-trách việc chỉ-huy. Người ta đạt được mục-tiêu ấy bằng cách tán trợ sự thành lập các tập-đoàn

nhỏ tại đó, trong ba hay bốn năm, thanh-niên sẽ có thể hoạch-đắc được các tài-năng và đảm-nhận các trọng trách trên lãnh- vực xã-hội. Nhưng kinh-nghiệm của một tập-đoàn như vậy không thể truyền lại cho một tập-đoàn khác: mọi tập-đoàn mới đều phải đào tạo hoàn cảnh của mình do các phương-pháp riêng.

7 — Chấp nhận sự thành lập mãi mãi của các đoàn-thể mới đòi hỏi sự thông-cảm của cấp chỉ-huy. Các vị này có thể, trong, mỗi trường-hợp, tiếp xúc với hạng thanh-niên có nguyện-vọng và các mục-dịch hoàn toàn mới lạ. Nếu các tổ-chức thanh-niên muốn thành công trong phận-sự ấy, chúng phải tập trung các cố gắng vào sự đào tạo các đoàn-thể mà sự hiện tồn có lẽ rất ngắn-ngủi, và trước hết chúng phải lưu tâm đến việc làm thỏa mãn những nhu-cầu của các kẻ cảm thấy khó-khẩn khi phải có một thái-độ xã-hội đứng đắn trong một xã-hội càng ngày càng phức-tạp.

Những trung-tâm thanh-niên hiện tồn được hướng-dẫn bởi một hay hai vị hữu-trách, có rất nhiều hoạt-động khác biệt, khó làm thỏa mãn toàn thể các nhu cầu. Nếu không sẽ làm một yêu sách quá đáng không những đối với các cấp chỉ-huy mà đối với cả trung-tâm, vì rằng cách cấu-tạo của trung-tâm cũng như các cơ-sở của nó không phù-hợp với tất cả các công-tác đặc-biệt ấy.

Trái lại, nếu có đủ các tài-nguyên cần thiết, người ta có thể hy vọng thành công. Trước tiên phải có một số nhân-viên khá đông và được huấn-luyện kỹ càng, nói khác đi, một tập-đoàn mà các hội-viên đều muốn cho công-trình xã-hội su-phạm ấy được thành-tựu, và có đủ các đức tính cần-thiết như lòng tận-tâm và sự thông-cảm. Họ lại phải luôn liên-lạc với các tổ-chức thanh-niên khác và sẵn sàng cộng-tác chặt chẽ với các vị cố-vấn về tâm-lý và các y-sĩ chữa bệnh theo tâm-lý-học.

Những trung-tâm thanh-niên và nhất là các cấp chỉ-huy hiện đang đóng một vai trò « hoãn xung »: khi nhận coi sóc các thanh-niên bất-thích-cảnh, họ phải chống đối về cả hai mặt.

Họ tiếp xúc với hạng thanh-niên xung khắc với xã-hội và có những mối bang-giao bất thường với xã-hội ấy, vì vậy phát sinh ra nhiều điều oán

ghét và cố-chấp giữa hai bên. Người nào muốn giúp hạng thanh-niên ấy để chúng có thể thích-ứng với hoàn-cảnh, sẽ làm trung-gian cho chúng và người ấy cũng phải tìm cách giải-thích cho cộng-đồng các tráng-niên biết tại sao trước một hoàn-cảnh được chỉ định, chúng sẽ có một phản-ứng riêng biệt. Và lúc đầu, người ấy có thể trông cậy vào sự thông-cảm của xã-hội chung quanh mình.

Xã-hội này, đối với ông ta, được trọng-trung bởi các dân-cư lân cận cũng như bởi các nhà chức trách hành-chánh mà ông ta lệ-thuộc; những nhà chức trách hành-chính này muốn chứng-minh rằng những định-chế của chính-quyền được công-quỹ tài trợ thu hoạch được các kết-quả xác thực.

Tuy nhiên, chóng hay chầy, những người đảm-nhận trọng-trách ấy — dù là đoàn-viên của các tổ-chức công hay tư — phải chống đối lại các mối bất-trắc phụ thuộc. Nếu muốn đem các thanh-niên trở lại với xã-hội, xã-hội này phải quy định những mối bất-trắc mà nó sẵn sàng đối-phó. Vậy cấp chỉ-huy có bổn-phận giải-thích cho công-chúng hiểu bản-chất của trách-nhiệm của chúng. Họ phải làm sao cho một số đồng công-chúng (gồm cả giới thuộc chính-quyền và những kẻ hữu-trách về các tổ-chức thanh-niên) hiểu rằng những kết-quả của công việc của mình không thể đánh giá bằng những con số hay những bảng thống-kê.

Vì rằng những hoạt-động như vậy đang còn có tính cách thực-nghiệm, nên sự thất bại chiếm phần lớn và những biện-pháp áp dụng chỉ có hiệu-lực trong một vài trường-hợp thôi. Ngoài ra, công-tác « cực lực » chỉ có ảnh-hưởng đối với các tập-đoàn nhỏ, chỗ nên sự « thành công » lượng theo những phương-pháp thường xuyên không biện minh được các kinh-phí về vật-liệu và nhân-viên.

Những phương-pháp thực nghiệm mới lạ và táo bạo cần phải được chính đốn lại. Nhưng người nào có thể thực hành những thí-nghiệm ấy? Người nào dám có những sáng-kiến như vậy? Cần phải cầu viện đến người nào? Ai là người phải đảm-nhận trọng-trách thì hành một công-tác khắt-cấp như thế?

Có rất nhiều lý-do để công nhận rằng trong địa-bạt ấy, các kẻ tình-nguyện có thể đóng một vai trò rất quan trọng. Những tổ-chức thanh-niên thỏa mãn đa số các điều-kiện cốt-yếu. Chúng thường tụ họp các tập-đoàn khác-biệt và nhờ thế mỗi tổ-chức có thể chuyên về nhiều loại hoạt-động và tiếp-xúc với các thanh-niên có các nhu-cầu khác-biệt. Chúng cũng có đủ nhân-viên cần-thiết; cấp chỉ-huy thanh-niên thường làm đầy đủ phận-sự và rất tận tâm với chức-vụ của mình vì rằng hoạt-động của họ bắt nguồn từ các lý-do tôn-giáo hay thuần lý, điều đó làm cho công việc của họ thêm dễ dàng, nhất là khi họ phải tiếp-xúc với hạng thanh-niên bất-thích-cảnh. Và lại, với tư cách là thành-phần của tổ-chức, họ luôn luôn có thể nhờ đến bạn bè hay kẻ đồng-nghiệp để tán-trợ họ trước dân-chúng; vì rằng họ tranh-đấu ở « tiền tuyến » nên sự tự-do hoạt-động rất cần-thiết và nếu cần, họ phải được phép thực-hành các cuộc thí-nghiệm.

Tuy nhiên, người ta có thể nhận thấy ngoài các cơ-quan đã được dự-tính, một vài cơ-sở của chính-quyền cũng muốn hoạt-động trong lãnh-vực ấy, và đôi khi chúng lại sẵn sàng hơn để thi-hành các thí-nghiệm. Thường thường rất khó có một dự-án do dân-chúng tài trợ được chấp-thuận nếu nó chỉ có chừng 50% phần thành-công. Nhưng người ta cũng biết rằng bệnh-nhân sẽ chịu giải-phẫu khi không còn chịu nổi sự đau đớn nữa. Khi công chúng quá lo ngại về thái-độ của các thanh-niên, họ sẽ chấp-nhận sự thực-hành một công-trình cải-huấn lâu dài, không cần kể đến các nỗi bất-trắc.

Những cơ-quan công và tư chăm lo đến thanh-niên, cố-nhiên sẽ đóng một vai trò quan-trọng về phương-diện ấy. Chúng ta chỉ còn hy-vọng rằng các cơ-quan ấy sẽ đảm-nhận trọng-trách xã-hội đó với tất cả lòng hăng-hái và thâm-quyền cần-thiết.

UNESCO



BẢNG KÊ
MỘT SỐ DANH-TỪ VIỆT TẮT
(Tiếp theo V.H.N.S. số 58)

BAO-LA CU-SI

CIE	Centre International de l'Enfance
CIE	Comité International des Echanges
CIF	Cout. Assurance and Fret
CIGB	Congrès International de Grands Barrages
CIJ	Cour Internationale de Justice (ICJ)
CIME	Comité Intergouvernemental pour les Migrations d'Europe (ICEM)
CINCAFMED	Commander in chief, Allied Forces in the Mediterranean (Commandant en chef en Méditerranée)
CIO	Comité International Olympique
CIO	Congress of Industrial Organization (Organisation syndicale ouvrière des Etats-Unis)
CIR	Comité Intergouvernemental des Réfugiés
CISC	Confédération Internationale des Syndicats Chrétiens
CISL	Confédération Internationale des Syndicats Libres (ICFTU)
CIT	Comité International des Transports par Chemins de Fer
CIVAC	Camp International de Vacances des Anciens Combattants
CNAE	Comité National de l'Aide Extérieure (V. N.)
CNI	Commission Nationale d'Importation
COCEM	Commission de coordination des Nations de l'Europe occidentale
COMIS	Comité international des Partis socialistes
CPA	Cour Permanente d'Arbitrage de la Haye

1564/154

VAN-HOÀ — SỐ 66

CRM	Comité du Riz et du Mais
CRST	Centre des Recherches Scientifiques et Techniques (V. N.)
C.S.	Conseil de Sécurité
CSMC	Conseil Supérieur de la Monnaie et du Crédit (V. N.)
CSP	Communauté Socialiste Populaire (Cambodge)
CT	Conseil de Tutelle
CVTC	Confédération Vietnamiennne des Travailleurs Chrétiens
DCE	Direction du Commerce Extérieur
DSc	Doctor of Science
DSIR	Department of Scientific and Industrial Research
ECA	Economic Cooperation Administration Administration pour la Coopération Economique (Plan Marshall)
ECAFE	Xem CEAE0
ECE	Economic Commission for Europe (CEE)
ECITO	European Central Inland Transport Organization (Office Central des Transports Intérieurs Européens)
ECOSOE	Economic and Social Council (Conseil économique et social des Nations Unies) (CES)
ECSC	European Coal and Steel Community: Schumann Plan (CECA)
EDC	Xem C. E. D.
EFAC	Exportation Frais Accessoires Compte
EPU	European Payments Union (UEP)
FAO	Food and Agricultural organization of the United Nations Organisation internationale pour l'Alimentation et l'Agriculture (OAA)
FAS	Free Along side
FAVN	Forces Armées du Vietnam
FIA	Fédération Internationale d'Astronautique
FIDES	Fonds d'Investissement pour le Développement Economique et Social (des territoires français d'Outre-Mer)
FINEBEL	Entente Economique franco-italo-hollando-belgo-luxembourgeoise
FISE	Fonds international des Nations Unies pour le Secours à l'Enfance (UNICEF)
FME	Fonds de Modernisation et d'Equipeement (France)

VAN-HOÀ — SỐ 66

1565/155

BẢNG KÈ
MỘT SỐ DANH-TỪ VIỆT TẮT
 (Tiếp theo V.H.N.S. số 58)

BAO-LA cư-sĩ

CIE	Centre International de l'Enfance
CIE	Comité International des Echanges
CIF	Cout. Assurance and Fret
CIGB	Congrès International de Grands Barrages
CIJ	Cour Internationale de Justice (ICJ)
CIME	Comité Intergouvernemental pour les Migrations d'Europe (ICEM)
CINCAFMED	Commander in chief, Allied Forces in the Mediterranean (Commandant en chef en Méditerranée)
CIO	Comité International Olympique
CIO	Congress of Industrial Organization (Organisation syndicale ouvrière des Etats-Unis)
CIR	Comité Intergouvernemental des Réfugiés
CISC	Confédération Internationale des Syndicats Chrétiens
CISL	Confédération Internationale des Syndicats Libres (ICFTU)
CIT	Comité International des Transports par Chemins de Fer
CIVAC	Camp International de Vacances des Anciens Combattants
CNAE	Comité National de l'Aide Extérieure (V. N.)
CNI	Commission Nationale d'Importation
COCEM	Commission de coordination des Nations de l'Europe occidentale
COMIS	Comité international des Partis socialistes
CPA	Cour Permanente d'Arbitrage de la Haye

1564/154

VĂN-HÓA — SỐ 66

CRM	Comité du Riz et du Mais
CRST	Centre des Recherches Scientifiques et Techniques (V. N.)
C.S.	Conseil de Sécurité
CSMC	Conseil Supérieur de la Monnaie et du Crédit (V. N.)
CSP	Communauté Socialiste Populaire (Cambodge)
CT	Conseil de Tutelle
CVTC	Confédération Vietnamiennne des Travailleurs Chrétiens
DCE	Direction du Commerce Extérieur
DSc	Doctor of Science
DSIR	Department of Scientific and Industrial Research
ECA	Economic Cooperation Administration Administration pour la Coopération Economique (Plan Marshall)
ECAFE	Xem CEAE0
ECE	Economic Commission for Europe (CEE)
ECITO	European Central Inland Transport Organization (Office Central des Transports Intérieurs Européens)
ECOSOE	Economic and Social Council (Conseil économique et social des Nations Unies) (CES)
ECSC	European Coal and Steel Community: Schumann Plan (CECA)
EDC	Xem C. E. D.
EFAC	Exportation Frais Accessoires Compte
EPU	European Payments Union (UEP)
FAO	Food and Agricultural organization of the United Nations Organisation internationale pour l'Alimentation et l'Agriculture (OAA)
FAS	Free Along side
FAVN	Forces Armées du Vietnam
FIA	Fédération Internationale d'Astronautique
FIDES	Fonds d'Investissement pour le Développement Economique et Social (des territoires français d'Outre-Mer)
FINEBEL	Entente Economique franco-italo-hollando-belgo-luxembourgeoise
FISE	Fonds international des Nations Unies pour le Secours à l'Enfance (UNICEF)
FME	Fonds de Modernisation et d'Equipement (France)

VĂN-HÓA — SỐ 66

1565/155

FMI Fonds Monétaire International (IMF)
FOA Foreign Operations Administration
 Administration des opérations étrangères
FOB Free On Board
FR Firm Request (Demande Ferme)
FRS Fellow of the Royal Society
FRITALUX Union Economique France — Italie — Bénélux.
FSM Fédération Syndicale Mondiale
 World Federation of Trade Unions (WFTU)
GAOAC Groupe d'Avions d'Observation et d'Appui aux Combats
GATT Général Agreement on Tariffs and Trade.
 Accord général sur les tarifs douaniers et le commerce.
GAW Salaire annuel garanti
GCL Groupe de Combat et de Liaison (Aviation)
GCL General Confederation of Labour (Confédération générale du Travail)
GMT Greenwich Meridien Time (Heure du Méridien de Greenwich)
GSA Service général d'Administration
GTVN Groupe de Transport Vietnamien
IARA Interallied Reparation Agency (Agence Internationale de Réparation)
IATA International Air Transport Association (Association Internationale des Transports Aériens)
IBRD International Bank for Reconstruction and Development World Bank (BIRD)
ICA International Cooperation Administration
 Administration de la Coopération Internationale
ICAO Xem OACI
ICAR Internation Committee for Arab Refugees
ICC Xem CIC
ICFTU International Confederation of Free Trade Unions (CISL)
ICJ International Court of Justice (CIJ)
ICRC International Committee of the Red Cross (CICR)
IDHÉC Institut des Hautes Etudes Cinématographiques
IE Institut d'Emission

1566/156

VÂN-HÓA — SỐ 66

IFC International Finances Corporation
 Corporation pour les Finances internationales
IFC Institut Français du Caoutchouc
IFTA Institut Français du Transport Aérien
IGAE Inspection Générale de l'Aide Extérieure (V. N.)
IGN Institut Géographique National
ILO International Labour Organization
IMF International Monetary Fund (FMI)
INED Institut National d'Etudes Démographiques
INETOP Institut National d'Etude du Travail et d'Orientation Professionnelle
INSEE Institut National de la Statistique et des Etudes Economiques
IOSTA Institut d'Organisation Scientifique du Travail en Agriculture
IRAE Inspection régionale de l'aide extérieure (V. N.)
IRC International Rescue Committee
 Comité international de secours aux réfugiés
IRCI Institut des Recherches sur le Caoutchouc en Indochine
IRF International Road Federation
 Fédération routière internationale
IRHO Institut de Recherches pour les Huiles et Oléagineux
IRO International Refugees Organization (OIR)
IRSID Institut de Recherches de la Siderurgie
IRU International Road Transport Union
 Union internationale des Transports routiers
ITA Institut de Transport Aérien
ITERG Institut Technique d'Etudes et de Recherches des corps gras
ITU International Télécommunications Union (UIT)
JAYCEE Junior Chamber International (J. C. I.)
 Jeune Chambre Internationale
JCI Xem JAYCEE
KCNK Korean Committee for Neutralization of Korea
 Comité coréen pour la neutralisation de la Corée
KOMINFORM Bureau d'Information Communiste
M. Member
MAAG Military Assistance and Advisery Group
 Groupe d'Assistance et de Conseil militaire
MCC Mennonite Central Committee
VÂN-HÓA — SỐ 66

1567/157

MDAP	Mutual Defense Assistance Program
MEA	Mission Economique Américaine
MRC	Medical Research Council
MSC	Master of Science
MSA	Mutual Security Administration
	Administration pour la Sécurité mutuelle
NATO	North Atlantic Treaty Organization (OTAN)
NBC	National Broadcasting Corporation (Radio et Télévision) (USA)
NPL	National Physical Laboratory
OAA	Xem FAO
OACI	Organisation de l'Aviation Civile Internationale
	International Civil Aviation Organization (ICAO)
OCC	Office de Coopération Commerciale
OEA	Organisation des Etats Américains
OEC	Organisation Européenne du Charbon
OECE	Organisation Européenne de Coopération Economique
	Organization for European Economic Cooperation (OEEC)
OEPMO	Organisation Economique du Proche et du Moyen-Orient
OIC	Office Central des Transports Internationaux par chemins de fer
OIR	Organisation Internationale de Commerce
OIR	Organisation Internationale des Réfugiés (IRO) remplace L'UNRRA
OIT	Organisation Internationale du Travail
	International Labour Organization (ILO)
OMC	Organisation Mondiale du Commerce
OMM	Organisation Météorologique Mondiale
	World Meteorological Organization (WMO)
OMS	Organisation mondiale de la Santé
	World Health Organization (WHO)
ONC	Office National des Changes
ONIC	Office National Interprofessionnel des Céréales
ONT	Office National du Tourisme
ONU	Organisation des Nations-Unies
	United Nations Organization (UNO)
ORA	Organisation Régionale pour l'Asie

1568/158

VÂN-HÓA — SỔ 66

ORE	Organisation Régionale pour l'Europe
ORIT	Organisation Régionale Interaméricaine des Travailleurs
OROEE	Office de Rééquipement des Installations de Production et de Distribution de l'Energie électrique
OTAN	Organisation du Traité de l'Atlantique Nord North Atlantic Treaty Organization (NATO)
PA	Procurment Airthorization
PAM	Programme d'Assistance Militaire
PEAT	Programme Elargi d'Assistance Technique
Ph D. Sc	Doctor of Philosophy in Science
PRE A	Procédure A
PRE. B	Procédure B
RA	Réarmement Moral
RS	Royal Society
SA	Société Anonyme
SACEUR	Supreme Allied Commander in Europe (Commandant suprême allié en Europe)
SACLANI	Supreme Allied Commander Atlantic Naval Forces (Commandant en chef des Forces navales atlantiques)
SAM	Société des Auxiliaires des Missions
SARL	Société A Responsabilité Limitée
SDN	Société des Nations
SEATO	South East Asiatic Treaty Organization
	Organisation du Traité du Sud-Est asiatique (OTASE)
SGDG	Sans Garantie Du Gouvernement (Brevets)
SHAPE	Supreme Headquarter of the Allied Powers in Europe Quartier Général des Puissances alliées en Europe
SIERE	Société Indochinoise d'Etudes de Reconstruction et d'Equipe- ment Economique
SMIG	Salaire Minimum Interprofessionnel Garanti
STAE0	Société des Transports Aériens d'Extrême-Orient
STEM	Special Technical and Economic Mission Mission Technique et Economique Spéciale
SUNFED	Special United Nations Fund For Economic Development Fonds spécial des Nations-Unies pour le développement économique

VÂN-HÓA — SỔ 66

1569/159

TAA	Technical Assistance Administration Administration de l'assistance technique
TAB	Technical Assistance Board
TCA	Comité de l'assistance technique Technical cooperation Administration
TRIM	Training Relation and Instruction Mission Mission d'entraînement militaire
TUC	Trade Union Congress (Fédération des Syndicats britanniques)
UAT	Union Aéronautique des Transports
UEBL	Union Economique Belgo-Luxembourgeoise
UEDE	Union Economique et Douanière Européenne
UEO	Union de l'Europe Occidentale (WEU)
UEP	Union Européenne des Paiements
UGTT	Union Générale Tunisienne du Travail
UFI	Union des Foires Internationales
UIC	Union Internationale des Chemins de fer
UINE	Union Internationale de la Navigation Fluviale
UIOOT	Union Internationale des Organismes Officiels de Tourisme
UIT	Union Internationale des Télécommunications (ITU)
UNAC	United Nations Appeal for Children (Appel des Nations Unies en faveur de l'Enfance).
UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization Organisation des Nations-Unies pour l'Education, la Science et la Culture (ONUESC)
UNICEF	United Nations International Children's Emergency Funds Fonds des Nations Unies d'Assistance à l'Enfance (FISE)
UNISCAN	Entente Economique Anglo-scandinave
UNKRA	Organisation des Nations-Unies pour la Reconstruction de la Corée
UNO	Xem ONU
UNRRA	United Nations Relief and Rehabilitation Administration (Xem ASRNU)
UNRWA	United Nations Relief and Works Agency for Palestine Refugees in the Near East (Agence de secours et de travaux des Nations Unies pour les Réfugiés de Palestine en Proche-Orient)

1570/160

VĂN-HÓA — SỐ 66

UNTAA	Administration et Assistance technique des Nations-Unies
USAPIC	Union des Syndicats et Associations Professionnelles d'Indochine
USOM	United States Operations Mission Mission d'opérations de Etats-Unis
WAY	World Assembly of Youth Assemblée mondiale de la Jeunesse
WCS	World Church Service Service de l'Eglise mondiale (Protestante)
WEU	Western European Union (UEO)
UFTU	Xem FSM
WHO	Xem OMS
WMO	Xem OMM

BAO-LA cu-sĩ



ĐỜI THỨC-GIA

Tập thơ của Cụ UNG-BÌNH THỨC-GIA-THỊ

- Tập thơ tiêu-biểu cho một thế-hệ qua.
- Là mối tình-thần nối liền cho hai thế-hệ liên-tục nhau, nhờ đây mà giòng Thơ không gián-đoạn.
- Đây không chỉ là những áng thơ hay mà còn là những bản di-chức, những lời gửi-gắm cho thế-hệ hiện-thời.
- Bóng ngày đẹp nhất vào lúc chiều tà, tập thơ **ĐỜI THỨC-GIA** hiện ra giữa đời là một bóng quái rợ-rờ buổi hoàng-hôn của Trời Thơ cũ.
- Sách do Nhà xuất-bản Bốn-Phương và Nhà in Thư-Lâm Ân-Thư Quán trình-bày trang-trọng thanh-nhã cùng loạt với tập thơ « Mưa Gió Sông Tương ».
- Sách phát hành tại **Yiêm-Yiêm Thư-Trang**

113-115, Nguyễn-Thái-Học, Sài-gòn.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1571/161

KỸ-THUẬT TỐI TÂN HIỆN ĐẠI

- *Vũ Lang* -

Không hề bao giờ trong lịch-sử nhân-loại người ta lại thấy sự dồi dào về các sản-phẩm mới và những phương-pháp kỹ-thuật tối tân có thể đảo lộn cả đời sống con người !

Sự quá dồi dào về các sản-phẩm mới cho chúng ta một hứa hẹn về sự thịnh vượng và hoạt động của mọi ngành kỹ-nghệ trong vòng 10 năm sắp tới. Không một khía cạnh nào trong đời sống hàng ngày của chúng ta thoát khỏi khối óc minh-mẫn, phong-phú của các nhà sáng-chế, phát-minh ; họ cố gắng không ngừng để khám phá đủ mọi phương-tiện, vừa rẻ tiền, vừa mau lẹ hay hoàn mỹ hơn để phục vụ nhân-loại.

Không một sự sáng-chế nhỏ-nhoi nào là không dùng làm căn-cứ-điểm cho sự xuất phát một nền kỹ-nghệ phồn thịnh và người tiêu-thụ không thể tưởng tượng rằng chỉ mới cách đây có vài năm mà bao nhiêu sản-phẩm mới, bao nhiêu phương-pháp kỹ-thuật tối tân ào ạt tới, làm cho thiên-hạ lóa mắt !

Ở Mỹ nói riêng và ở Âu châu nói chung, năm 1960, là năm phong phú nhất trong lãnh- vực sáng-chế về kỹ-thuật, hoặc là để áp dụng cho các ngành kỹ-nghệ, cho các công cụ làm việc hàng ngày, hoặc là sử-dụng cho công cuộc nghiên-cứu, tìm tòi về khoa-học. Loại thứ nhất đã dự một phần lớn vào sự phát triển kinh-tế quốc-gia. Các nhà chuyên-môn đã dự đoán rằng trong vòng 3 năm tới đây, việc tung các sản-phẩm mới ra thị-trường sẽ tăng 75%, nguồn lợi doanh thương của Mỹ. Loại thứ hai thường phải theo một kế-hoạch lâu dài và chưa có lợi tức hiển nhiên !

Kỹ-thuật gồm rất nhiều ngành và thường cùng một quan-điểm là phục vụ chung cho đại gia-đình kỹ-nghệ. Sự tiến triển của mọi ngành kỹ-thuật đều theo một đường lối riêng biệt, có khi 2 đường lối trái ngược hẳn nhau !

VĂN-HÓA — SỐ 66

1572/162

Như ngành Điện-tử hiện nay đang đi theo đường lối « nhỏ-xít hóa » các yếu-tố căn-bản (đèn tăng-di-to, hệ-thống tương tự), nhưng ngành kỹ-nghệ hàng không lại đang đi theo đường lối « không-lồ hóa » ! Cả ngành kỹ-nghệ hóa-học cũng đang tiến bộ vượt mức về việc xuất vốn khai thác và kiến-thiết các nhà máy đồ sộ, như là kỹ-nghệ hóa-học về chất lát-tích (plastique).

oOo

Đây là những sáng sáng-chế về kỹ-thuật tối tân nhưt :

1 — *Westinghouse* mới phát minh ra một hệ-thống điều khiển bằng điện thoại các máy dùng về việc bếp nước. Đi đi vắng nhà, người nội-trợ đảm đang vẫn có thể sửa soạn bữa ăn theo đúng giờ giấc ! Bất kể là ở đâu, xa hay gần bà chỉ việc quay số giây nói của mình và thêm một vài số công-thức nhưt định : tự nhiên bếp lò sẽ bật cháy để chiên gà hay hầm vịt !

2 — *Hộp mở tự-động không cần chìa khóa* : Alcoa vừa tung ra thị-trường những hộp nước cam bằng nhôm mà nắp hộp tự động mở ra khi ta kéo một cái giây gắn ở phía trên.

3 — *Thuốc lá khói cần quẹt* : Hãng Continental ở Virginia sắp bán thứ thuốc lá đặc-biệt, có dầu cháy rất nhạy, không hề có mùi vị gì : khi muốn hút ta chỉ việc quẹt đầu điếu thuốc vào cạnh hộp, thuốc sẽ phụt cháy liền.

4 — *Máy quay đĩa hát bỏ túi* : Hãng Emerson đã bán những máy quay đĩa tối tân, không cần đến cái đỡ đĩa và có thể chạy những đĩa cỡ lớn, bằng 4 cục bin chạy 2 số và nặng không tới một ký !

5 — *Máy tăng-di-to (transistor) lớn bằng miếng đường* : Hãng R C A. đã phát-minh thứ máy này cho quân-đội Mỹ dùng đeo ở cổ tay, như một cái đồng hồ, một cái máy thu và phát thanh.

6 — *Máy tăng-di-to dùng để khám bệnh* : do bệnh-nhân có thể nuốt vào bụng để dò tìm các nguyên-nhân hay triệu-chứng về bệnh đau dạ dày.

7 — *Trung-ương điện-tử về điện-thoại* : Do hãng Bell chế-tạo, trung ương điện-tử về điện-thoại này sẽ gọi đi các nơi 1 ngàn lần nhanh hơn là dùng hệ-thống hiện tại.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1573/163

Có thể tập trung vào trong một khối óc điện-tử tất cả những số giấy nói thường dùng đến của mỗi khách hàng thuê bao, để khi họ cần gọi đến sẽ đỡ mất thì giờ. Các nhà kinh-doanh có việc phải vắng mặt ở bàn giấy có thể báo cho óc điện-tử biết mình sẽ đến chỗ có giấy nói số mấy; khi có ai gọi điều chỉ óc điện-tử sẽ tự động truyền lời đến số giấy nói chỉ định từ trước.

Máy dịch: Do hãng T.B.M. chế tạo, máy này có thể dịch chữ Nga ra chữ Anh bằng một số ngữ-vựng 100 ngàn tiếng thường dùng. Nhiệm-vụ thứ nhất của máy này là hằng ngày dịch nhật báo Pravda của Nga ra tiếng Anh cho không-quân Mỹ. Mỗi phút, máy dịch được 2.400 tiếng, tuy là một thứ Anh ngữ sơ sài nhưng cũng đủ dùng và dễ hiểu.

9 — *Máy dò ngư-lôi*: Do hãng Vitro chế-tạo cho Hải-quân Mỹ, máy này là một thứ quái vật để thăm dò đáy biển bằng 4 cái đèn chiếu 500 oát và 1 máy ca-mê-ra vô-tuyến truyền hình. Khi gặp một quả ngư-lôi hay bất cứ vật gì khác được chỉ định dò tìm, nó sẽ giơ cặp càng của không lồ ra, quắp lấy vật đó và đem lên mặt nước.

10 — *Máy nhặt cà chua*: Do hãng Wlackivelder sáng-chế, máy này giúp cho 13 người làm công việc nhặt cà chua của 60 người thường. Cũng như các sáng-chế khác, máy này lại phát-minh ra một điều mới lạ: Một thứ cà chua mới, vỏ rất dày cùng chín một loạt rất có thể hái bằng máy mà không bị xây xước gì cả.

11 — *Máy đóng bánh rơm cỏ cho bò*: Do hãng Harvester chế-tạo, máy này đóng ngay thành bánh rơm hay cỏ ở ngoài đồng. Đối với nông-dân, rất đỡ tiền chuyên chở rơm cỏ từ đồng về nhà và mất ít chỗ khi xếp vào kho. Hơn nữa, các bánh rơm, cỏ này rất thuận tiện cho việc tiếp tế tự động các máng ăn của bò ngựa.

12 — *Động-cơ nhỏ xiu*: Do hãng Research chế-tạo, động-cơ này dày 25 phân, dài 48 phân, nặng 22 kí và mạnh 75 mã lực. Hiện động-cơ tiny hơn này đã được lắp vào các xe hơi « Díp » của Lục-quân Mỹ.

13 — *Truyền điện-lực khỏi cần giây*: Chính là nhờ có những sự tiến-bộ mới mẻ và mau lẹ về kỹ-thuật các làn sóng điện cực-ngắn mà ngày nay người ta đã có thể thực hiện được giấc mộng của các nhà bác-học, từ 50 năm nay, là sự truyền điện-lực khỏi cần

giây. Đó là hệ-thống một cái ống có làn sóng điện cực-ngắn, giòng điện rất mạnh do hãng Raytheon chế-tạo: Những làn sóng điện cực-ngắn tức là những làn sóng vô-tuyến-điện có thể truyền đi bằng những chùm tia sáng rất nhỏ. Năng-xuất của các ống điện tử này bằng 80./' điện-lực do nhà máy điện cô-đi-ên sản xuất. Tuy mới là bước đầu mà kỹ-thuật điện-tử này đã có một tương-lai đầy hứa hẹn!

14 — *Máy lọc dầu lưu động*: Để giúp đỡ cho các nhà sản-xuất có những giếng dầu ở xa các ống dẫn dầu, đường xe lửa hay thiếu phương-tiện chuyên chở đến các nhà máy lọc cô-đi-ên, hiện đã kiến-tạo một máy lọc dầu lưu động, nặng 15 tấn, chở trên một xe cam-nhông dài 12 thước. Hằng ngày có thể lọc được 200 thùng cỡ lớn đủ các loại dầu lửa, xăng, gas-oil. . .

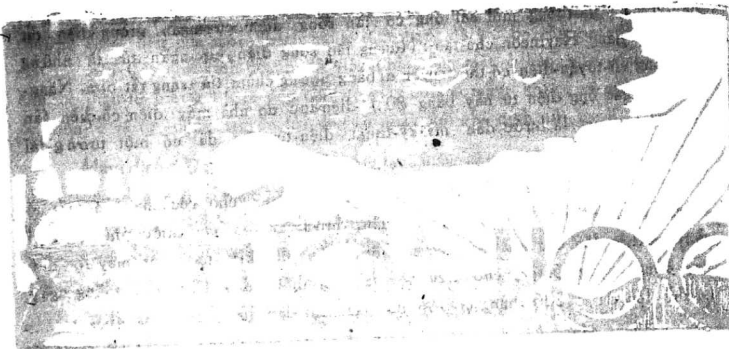
15 — *Máy điện lưu-động*: Hãng Lockheed mới hoàn tất một nhà máy điện nguyên-tử, chở trên phi-cơ và có thể bay đi khắp mọi nơi trên hoàn cầu. Hàng giờ sản-xuất được 1 ngàn kilo-oát điện lực, đủ cung cấp ánh sáng và sức mạnh cho 4 xưởng máy can hệ hay 2 ngàn gian phòng. Nhờ có nhà máy điện « bay » này người ta có thể kiến-thiết các thị-trấn mới hay khai thác những nguồn lợi mới về khoáng chất trong các miền hoang-vu, cần-cối.

16 — *Người máy*: Hãng Hughes mới chế-tạo một người « máy » để thay thế cho người « thực » trong các sự cứu cấp nguy hiểm: chữa cháy, tai nạn trong hầm mỏ, nổ hơi khí. . . Người máy này cũng sẽ dùng vào việc thám hiểm không gian. Ngoài các cơ-thể máy ra còn có cặp mắt « thần », 1 máy V. T. T. Hình và 2 tai điện có gắn máy thu thanh. Trong một xưởng thợ ở New Mexico 1 người máy nặng 2 tấn rưỡi, tay dài 90 phân có thể mang các kiện hàng nặng 68 kí và cầm những vật quá nóng bỏng đối với tay người. Các người máy kiểu mới sau này sẽ nặng tới 50 tấn,

(Còn tiếp)

VÕ LANG





Tuy nhiên, sự lựa chọn ấy đã rất may mắn. Bất tay vào việc, «Đại Tá» Drake đã tỏ ra hoạt-động xuất chúng, bất chấp mọi trở-ngại, san bằng mọi nỗ, khó, coi thường những lời chế-nhạo. Ông biết dùng tay đào giếng giỏi nhất vùng là «Bác Billy» Smith.

Họ khởi công đào ngày 9-6-1859. Ngày 28 tháng 8, đến độ sâu 20 mét thì gặp dầu. Sáng hôm sau, Billy chào «Đại Tá» bằng một câu giản-dị : «Thưa ông, đã tới dầu». Câu nói lịch-sử này được phổ-biến trong ngôn-ngữ, đến nay vẫn được người Mỹ dùng để chỉ những cuộc thành-tựu bất ngờ.

Thế là đến lượt những ông láng giềng trước đây còn chế-nhạo Drake đồ xô đi dọ dẫm tất cả mọi suối, hang, kẽ, ngách mà họ nghĩ có dầu hỏa. Ba tháng sau, cuộc đột-khởi của phong-trào khai-thác dầu hỏa tại Mỹ-Quốc đã lên đến tột-độ. Với cái giá cắt cò 20 đô-la một ba-rin dầu chưa lọc, vụ tìm «vàng nước» này còn lợi gấp bội đi tìm vàng thực trước kia. Nhưng giá ấy xuống lần, bốn năm sau còn có 10 xu một ba-rin khiến bao nhiêu tay dầu cơ-khuyh gia bại sản... Kỹ-nghệ dầu hỏa trước cơ suy-sụp gắng tìm một cơ-sở kinh doanh vững chãi hơn...

Cuộc Nam-Bắc phân-tranh tại Mỹ đã làm cho nền tài-chính bị đảo-lộn, kể đến cuộc thành-tựu may mắn của Đ. A. B. Funk bỗng đột-nhiên làm cho giá dầu hạ thêm nhưng cũng đồng thời mở ra một kỷ-nguyên mới : Khi giếng dầu 78 mét chiều-sâu của ông tại Township bị cạn, ông cho đào liêu-thêm tới 120 mét thì bỗng gặp một lớp dầu rất phong-phú, mỗi ngày lấy lên không dưới 300 ba-rin. Lưỡi khoan của ông đã đục qua địa-tầng của đệ-tam thời-dại đến nơi ẩn của những mỏ dầu vĩ-dại, lấy hoài năm ấy sang năm khác vẫn không hết. Nhiều lớp dầu khác được người ta đào tới, và nhờ số-lượng khai-thác giá tăng cực-nhanh, nên tuy giá dầu hạ mà kỹ-nghệ dầu hỏa vẫn phát-đạt vô-song.

Dầu hỏa rẻ tiền tràn-lan làm chết những hãng nhỏ chuyên cất-dầu than đá. Nó chiếm-tất cả thị-trường dầu thấp-dèn, và ngày-càng được khách-hàng đòi hỏi trên toàn-thế-giới, nhờ đấy các hãng lọc có thể một-mặt hạ thêm giá bán, một-mặt nâng-cao kỹ-thuật biến-chế sản-phẩm.

CÁT DẦU

Chiếc nồi cất-dầu của Đ. Kier về sau thay-hình-biến-dạng nhưng nguyên-tắc vẫn không-đổi. Nguyên-dầu hỏa không-phải là một-mà-gồm rất-nhiều-loại từ-thời-hơi-đến-thở-đặc-quánh-mỗi-loại-có-một-độ-sôi (point d'ébullition) khác-nhau. Ô. Kier cho cất-dầu mỏ-vào-nhiều-nhiệt-độ-khác-nhau, để-phân-ra-từng-loại-dầu. Về-sau-máy-móc-tinh-vi-thêm-nhưng-phần-lớn-công-phu-đều-đồn-vào-việc-chế-máy-kiểm-soát-điều-động-nhiệt-độ-cho-hữu-hiệu.

Các thứ hơi hay dầu nói trên đều-toàn-là-hợp-chất-của-hai-yếu-tố-hít-rô-và-các-bon, gọi-chung-là-hít-rô-các-bua (hydrocarbures). Những hơi-mê-tan (CH_4), ê-tan (C^2H^6), prô-pan (C^3H^8) và bu-tan (C^4H^{10}) tan ở trong-dầu, nhưng-hâm-nóng-là-nó-bốc-ra-ngay. Những-hơi-ấy-thường-dùng-để-đun-nấu-hoặc-để-lấy-muội (noir de fumée) dùng-làm-mực-đen-hay-để-biến-chế-cao-su-cho-thêm-bền-bì.

Những hơi-dầu-còn-lại-khởi-điềm-của-nhiều-cuộc-tổng-hợp-hóa-mà-chúng-tôi-sẽ-đề-cập-đến. Hơi-butane-rất-tiện-chuyên-chở-trong-những-bình-không-cần-dây-cho-lắm, được-ưa-dùng-trong-kỹ-nghệ-và-nhất-là-nó-đá-là-nguyên-liệu-để-chế-chất-butadiene-cần-thiết-kỹ-nghệ-cao-su-nhân-tạo-buna.

Nhiệt-độ-gia-tăng, những-hít-rô-các-bua-nặng-hơn-lần-lượt-thoát-ra. Sau-các-hơi, là-loại-dầu-náp-tơ (naphthes) rất-nhẹ-và-rất-dễ-bốc-thường-dùng-để

tây vết trên quần áo hoặc trong kỹ-nghệ cao-su và kỹ-nghệ sơn. Hai thứ chính là pen-tan (C_5H_{12}) và hec-xan (C_6H_{14}).

Đợt tiếp theo là ét-xăng chạy máy cũng gọi là « gasoline », gồm các thứ hít-rô các-bua mà mỗi phân-tử có từ 6 đến 10 nguyên-tử các-bon. Người ta cất chúng ở khoảng 200 độ bách-phân.

Khi nhiệt-độ lên tới 300 độ bách-phân thì đến lượt những hít-rô các-bua mà mỗi phân-tử gồm từ 10 đến 15 nguyên-tử các-bon. Trong hạng này có thứ dầu « kérosène » mà ta thường nói đến vì nó được dùng để phóng nhiều loại hỏa-tiến.

Nhiệt-độ vẫn tăng, đến lượt người ta cất ra đợt dầu nặng hạng trung. Ngày nay, dầu này thường được pha trộn với thứ dầu có từ 6 đến 10 nguyên-tử các-bon nói trên, để biến thành xăng chạy máy.

Kể đến thứ pa-ra-fin nhẹ và nặng dùng chế các huyệt-liệu (lubrifiant) và làm nến. Sau đó còn lại trong nồi một thứ nhựa quánh có thể dùng làm nhựa trải đường. Nhưng cũng có thể cất một lần nữa để đi đến một thứ than coke sắp dùng làm than điện hay để lọc những quý kim.

Thực là chẳng còn bỏ phí đi đâu tí nào. Nhưng không phải ngay từ buổi đầu người ta đã biết tận dụng như thế.

SỬ DỤNG SẢN-PHÂM

Người năm bầy đặng, thì dầu hỏa cũng không phải chỉ có một. Nó thường bị pha trộn với nhiều ngoại-chất như diêm-vàng, dưỡng-khí hoặc khinh-khí, nhiều ít tùy từng mỏ. Màu sắc cũng không đồng, thứ đỏ, thứ đen lại có thứ xanh màu lá. Mùi cũng thơm, hắc không chừng. Tỷ-lệ pha trộn các thứ dầu cũng khác nhau tùy từng nơi: Mỏ Texas nhiều xăng còn mỏ Pennsylvanie thì lại nổi tiếng về các thứ huyệt-liệu.

Trong những năm 1860 đến 1880 người ta chú trọng đến dầu kérosène mà thôi. Trong dầu mỏ của Mỹ, trung bình chỉ có 15 o/o là kérosène còn toàn là những chất hoặc chưa biết dùng, hoặc chỉ dùng rất ít: hơi 4 o/o, dầu náp-tơ và xăng 25 o/o, dầu nặng hạng trung 40 o/o, pa-ra-fin 12 o/o và chất quánh 4 o/o. Những chất « quá dư » này đã đặt ra cho kỹ-nghệ dầu hỏa những vấn-đề nan giải. Thực thế, chất hơi còn dùng được cho lò nấu dầu, các chất dầu,

1578/168

VĂN-HÓA — SỐ 66

pa-ra-fin v. v. còn tích-trữ và dùng dần được, chứ loại dầu náp-tơ và xăng vừa nhiều lại vừa dễ nổ, đốt thì không dám mà chứa thì chẳng dễ vào đâu cho hết, lại thêm mối nguy hoả-hoạn. Lúc đầu người ta còn đồ xuống suối, xuống sông, nhưng về sau nhân-dân hai ven bờ phản đối dữ nên có lệnh cấm làm ầu như thế. Bí quá, một chủ hãng lọc dầu phải nhờ nhân-viên của mình tìm mọi cách tống khứ cái của nợ ấy đi, cứ mỗi nghìn ba-rin sẽ thưởng cho một bộ « com-lê » mới. . . . Đối với chúng ta một giọt ét-săng cũng quý không muốn bỏ phí, câu chuyện trên đây quả là vô lý nhưng biết dầu ít năm nữa, khi tìm được cách khai thác mọi phó-sản phóng-xạ của kỹ-nghệ nguyên-tử, người ta chẳng cũng kinh ngạc khi hồi tưởng lại những nỗi khó-khăn hiện nay để chôn vùi những « vật thừa » phóng xạ cho khỏi đi hại đến các sinh-linh. . .

ÉT-SĂNG VƯỢT LÊN HÀNG*ĐẦU

Gà đẻ ra trứng, trứng lại nở ra gà. . . Trong cái vòng luân-quần ấy ai mà nói được gà hay trứng có trước tiên ?

Người ta biết chắc là ét-săng trở nên giá-trị là nhờ động-cơ nổ ra đời nhưng cũng không ai rõ sự thừa mứa ét-săng « vô dụng » đã làm nảy ra cuộc phát-minh máy nổ hay chính máy nổ đã có và người ta tìm đủ mọi cách dùng chất ét-săng ? Có lẽ cả hai điều đều đúng.

Hiện nay sản-phẩm quan trọng nhất của dầu hỏa chính ét-săng, mà xăng chỉ chiếm trung bình có 25 o/o tổng số các chất khai tự mỏ dầu lên. Riêng xăng tiêu-thụ tại Mỹ-quốc hàng năm đã lên trên 100 tỷ lít. Thứ sản-phẩm này gồm nhóm hít-rô các-bua từ 6 đến 10 nguyên-tử các-bon. Ta có thể tưởng-tượng ra số lượng khổng lồ những thứ nhẹ hơn như hơi và náp-tơ (dưới 6 nguyên-tử các-bon) hoặc nặng lượng hơn như « kérosène », pa-ra-fin v. v. (trên 10 nguyên-tử các-bon) không dùng chạy máy nổ thường được.

Khoa-học không đành lòng bỏ phí nên dần dần xường lọc dầu biến thành những phòng thí-nghiệm khổng lồ. Ngoài số xăng lọc được theo lối đun cất thường, người ta đã nhờ đến những phương-pháp hóa-học để « làm thêm » ét-săng với những nhiên-liệu nhẹ hơn hoặc nặng hơn ét-săng nói trên. Kết-quả đẹp đẽ là hiện nay quá nửa số xăng ta dùng đều được « chế-tạo » ra.

CHE-TẠO XĂNG VÀ BIẾN CHE PHÂM-CHẤT XĂNG

Khi thấy giá xăng lên vùn-vọt và bao nhiêu cũng tiêu-thụ hết, phản-ứng

VĂN-HÓA — SỐ 66

1579/169

đầu tiên của các nhà lọc dầu là gắng tách ra khỏi hơi dầu những phân-tử gồm từ 6 đến 10 nguyên-tử các-bon. Lối này, từ 1920, đã nhật nhanh thêm được mỗi năm chừng 9 triệu ba-rin sáng, riêng tại Mỹ-quốc, và tới nay thì đã lên tới con số không lồ trên 55 triệu ba-rin.

Tuy vậy, xăng vẫn thiếu, vì số máy nổ chế tạo ra rất nhanh. Một con số ta không thể ngờ được là từ năm 1914, Hoa-Kỳ đã có tới 3.750.000 xe hơi, chưa kể các thứ máy nổ kỹ-nghệ . . . Tất nhiên, phải « kiểm » thêm xăng bằng lối khác . . .

Vào khoảng 1860 chi đó, có một tay lọc dầu mà người ta đã quên mất tên đã mở đường cho lối biến chế dầu nặng ra dầu nhẹ. Nguyên hồi đó chưa ai biết dùng xăng, thị-trường chỉ đòi hỏi có dầu thấp đèn. Ông này một hôm bỏ quên nồi nấu dầu trên lò trong khi đi vắng, lúc về thì nồi đã nóng đỏ lên thành thử cả dầu nặng cũng đã được cất. Dầu này thành phải cất lại, thì lạ thay số lượng dầu thấp tăng thêm 20 o/o. Từ đấy ông ta dùng luôn lối cất hai lần để có được nhiều dầu thấp và kẻ khác lần lần đều bắt chước.

Đến khi cần xăng hơn dầu thấp, thì người ta cũng lại áp-dụng cùng một phương-pháp này cho các dầu nặng và kết-quả là phân lượng xăng cũng tăng một cách tốt đẹp.

Nhưng đến đây, người ta cũng mới dựa vào kinh-nghiệm chứ chưa đi đến một phương-pháp chính-xác. Các xưởng lọc dầu nghĩ rằng sự-kiện trên đây phát xuất do những phản-ứng hóa-học nên lác đác họ đã vờn đến các hóa-học-gia nghiên cứu. Năm 1889, hãng dầu Standard Oil Company của ông Rockefeller thuê được một chuyên-viên lỗi lạc là ông William Meriam Burton. Ông này đem những sở-nghiệm trong phòng nghiên-cứu áp dụng vào kỹ-nghệ dầu và chính ông đã là người phát-minh ra được phương-pháp biến chế chính xác và khả dĩ kiểm soát được để cho dầu nặng trở nên ít-săng. Sự-nghiệp của ông đã đưa ông 6 năm sau lên chức tổng giám-đốc nhà máy lọc dầu lớn tại Whiting (Indiana) và về sau ông thành Giám-Đốc Hãng Standard Oil Company ở Indiana. Đây là lần đầu tiên, chức vụ tối quan trọng trong kỹ-nghệ dầu hỏa được giao phó cho một nhà hóa-học.

Ngoài phương-pháp Burton ra, còn nhiều phương-pháp khác. Năm 1907, tại vùng Santa Maria, dầu khai ở mỏ lên lại bị pha trộn với nước, không sao dùng lối đun cất thường mà phân ra được. Đây là một đại họa cho hãng dầu

Sunset Oil and Refinery, nên chủ-nhân hãng này, ông Jesse A. Dabbs cho chế một thứ nồi nấu làm mất chất nước. Nồi này có điếm đặc-biệt là hơi dầu không được cất ra dưới áp-lực của không khí như mọi nơi khác, mà dưới áp lực của chính hơi dầu. Sản-phẩm của ông cũng khác với sản-phẩm của các nhà máy khác vì đó là thứ hơi dầu đã bị biến, thuộc loại « gasoline ». Đến khi hay tin phương-pháp Burton nhằm biến dầu nặng ra xăng chạy xe hơi, ông và cậu con liền áp-dụng phương-pháp của mình vào việc « chế-tạo » xăng. Ông mở một phòng thí-nghiệm tại Independance (Kansas) và xin cấp nhiều bằng phát-minh.

Ngoài lối biến chế bằng sức nóng, người ta còn dùng những vật xúc-tác (catalyseur) để khiến các phân-tử dầu nặng phân thành những phân-tử đơn giản hơn loại gasoline.

Trong vòng 27 năm, từ 1913 là năm đầu tiên một nhà máy dùng phương-pháp Burton, cho đến 1940, riêng tại nước Mỹ đã lợi ra được 14 tỷ 500 triệu ba-rin. Con số này tiến nhanh với những cơ-sở tối tân hiện nay. Riêng trong một năm 1940, nước Mỹ tiết kiệm được 2 tỷ ba-rin. Một nhà máy lọc dầu tối tân mỗi ngày cất chừng 30.000 ba-rin dầu là lấy ra được 21.000 ba-rin sáng, tức là 70 o/o tổng số. Tỷ lệ này thực vượt xa cái tỷ số 25 o/o xưa kia. . .

Một phương-pháp hoá-học thứ hai đi ngược lại đó là phương-pháp trùng-hợp (polymérisation). Phương-pháp này kết tụ nhiều phân-tử nhẹ của hơi dầu lại thành phân tử ít-săng, và kết-quả quan trọng hơn cái phương-pháp « nhật nhanh » xưa kia nhiều. Lối vét các chất dầu lẫn trong hơi chỉ lấy ra khoảng 55 triệu ba-rin sáng, còn lối trùng hợp này thì biến nổi 125 tỉ thước khối dầu hơi (phần lớn là hơi propane và hơi butane) thành 200 tỉ ba-rin sáng. Một con số ghê-gớm.

Ngoài ra cũng còn một phương-pháp hoá-học thứ ba là cho thêm nguyên-tử hít-rô vào những phân-tử hít-rô các-buay sản có (hydrogénation), một phương-pháp phát sinh tại Âu-châu và được Mỹ-quốc áp dụng đại quy mô. Lối này đã mở đường cho việc kết hợp hơi hít-rô với than đá thành dầu sáng, một biện-pháp tốn kém nhưng đã từng được Anh-quốc và Đức-quốc dùng đến trong thời kỳ đại-chiến để bù đắp vào chỗ thiếu hụt xăng cần để tác chiến.

Có một điều ta cần nói đến là các phương-pháp lý hay hóa trên đây không những làm tăng số lượng dầu sáng mà còn giúp cho các máy tiết-kiệm được xăng nữa, bằng cách nâng cao chỉ số ốc-tan (indice d'octane) lên.

Chỉ số ốc-tan là gì ?

Nguyên trong các máy nổ, ết-săng và không-khí pha trộn càng được ép dồn lại với áp-lực lớn bao nhiêu thì khi nổ ra càng mạnh bấy nhiêu, và năng-xuất của máy càng hữu hiệu. Nhưng không phải thứ săng nào cũng có thể dồn ép thực mạnh được, vì thường khi chúng nổ trước khi phát tia điện để đốt. Sự nổ trước thời-kỳ này làm máy chạy trục-trặc, năng-xuất xút hẳn đi. Tuy người ta đã tìm ra phương-pháp ngăn cho khỏi nổ sớm, chẳng hạn như pha thêm chất benzol vào. Nhưng cái « độ dễ nổ » của săng rất sai biệt tùy theo từng mô, cần phải có một lối đo-lường để khách hàng chọn được thứ săng đúng với nhu-cầu của máy họ sử-dụng.

Các nhà chế dầu nhờ hóa-học-gia phân loại mọi thứ hít-rô các-bua để cho nổ thứ trong máy. Sau cùng họ nhận thấy có một thứ chậm nổ nhất là iso-octane (C^8H^{18}) và một thứ nhạy nổ nhất là heptane (C^7H^{16}). Đem pha trộn hai thứ với nhau người ta có thể chế ra những chất dầu từ dễ nổ nhất đến khó nổ nhất.

Khi nói một thứ săng có chỉ số ốc-tan 75, ta biết rằng săng đó có một độ nhạy nổ tương đương với thứ dầu gồm 75 phần iso-octane và 25 phần heptane. Thứ có chỉ số ốc-tan 100 tức là nguyên chất iso-octane, như vậy có nghĩa là thứ này « tốt nhất », năng-xuất cao nhất.

Tuy về sau này, khoa-học tiến-triển có những thứ máy cần năng-xuất cao hơn ốc-tan, người ta chế được những thứ dầu chậm nổ hơn ốc-tan, nhưng ốc-tan vẫn được giữ làm bản-vị để so sánh. Chẳng hạn có thứ săng tàu bay chỉ số ốc-tan tới 110. Nếu ta so sánh sự tiết-kiệm bằng đường dài chạy được với cùng một số lượng săng thì càng thấy rõ sự chênh lệch năng-xuất: Một chiếc xe hơi Mỹ có thể đi xa 20 km với 4 lít xăng 69 ốc-tan chẳng hạn, thì nếu đổi máy dùng xăng 100 ốc-tan, nó có thể đi nổi 35 km cũng chỉ hết 4 lít. Nghĩa là tiết-kiệm được gần 1 nửa.

Những người dùng săng hiện nay may mắn hơn Lindbergh xưa kia nhiều. Hồi 1927, lần đầu tiên vượt qua Đại-Tây-Dương đây cạm bẫy hiểm nguy, Lindbergh chỉ có được thứ săng « hảo hạng » với 60 chỉ số ốc-tan, thế mà hiện nay, dùng lại bất cứ cây săng nào bạn cũng có được thứ săng chỉ số ốc-tan 75, hoặc 85 nếu bạn kén thứ tốt. Săng dùng cho thủy-quân chỉ số 100, cho không-quân chỉ số 90.

1582/172

VĂN-HÓA — SỐ 66

Trộn độ-nhị thể-chiến đã là nguyên-nhân thúc-dẩy mọi kỹ-nghệ, nhất là kỹ-nghệ dầu hoả, tiến vượt bực trên địa-hạt sản-xuất, kể cả về lượng lẫn phẩm. Nhờ đây riêng nước Mỹ, hồi 1937 đã tự hào với 28 triệu lít hàng năm chỉ số ốc-tan 100, đến 1940 đã đạt mức 560 triệu lít. Con số này cho ta lượng ra những cơ-xưởng cần thiết vì thứ săng « thượng thặng » này đều do người chế ra.

ÍT ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ PHĂM-CHẤT SĂNG

Người ta thường có một quan-niệm sai lầm là mật-độ săng càng thấp thì săng càng nhẹ và càng tốt. Thực ra có nhiều thứ săng mật-độ trung-bình mà lại ít dễ nổ và có một chỉ số ốc-tan khá cao. Nhưng như thế không phải cứ săng nặng khó nổ là năng-xuất bắt buộc cao hơn, vì nếu săng đó phải cất với một nhiệt-độ cao thì khi nổ thường bốc cháy không hết và phí nhiên-liệu. Các máy nổ hiện nay được nghiên-cứu để chạy tốt với các thứ săng mật-độ xê xích từ 0,72 đến 0,74, vậy không nên dùng thứ mật-độ cách xa quá.

Duy có một điều chắc là mật-độ săng liên quan mật thiết đến nhiệt-năng của săng. Năng-xuất các máy phân-lực tùy theo nhiệt-năng nên điểm này rất được các nhà kiến-trúc phi-cơ phân-lực lưu-ý: Đối với những phi-cơ chuyên chở lớn, vấn đề khối lượng không quan hệ cho lắm, phạm-vi hoạt-động chỉ tùy theo trọng lượng săng mang theo, nhưng các phi-cơ quân-sự thì khác, cần có nhiều năng-lượng trong một khối săng nhỏ, nên người ta chú trọng đến thứ nhiên-liệu nặng, có nhiều nhiệt-năng.

Trở lại các máy nổ, ta biết rằng săng được phun vào lòng máy dưới hình thức những bụi săng lỏng pha trộn với khối-lượng không-khí. Khi qua những ống dẫn đang nóng, bụi săng bốc thành hơi và trộn rất kỹ với không khí nên khi nổ thì cháy hết, với năng-lượng tối đa. Nhưng nếu săng là một thứ khó bốc hơi, đã phải cất ở một nhiệt-độ cao, thì những bụi săng đó không biến tất cả thành hơi mà một phần vẫn ở thể bụi săng lỏng, khó cháy.

Căn-cứ vào những nhận-xét trên đây người ta nghiệm ra rằng thứ săng nào trong đó 10 o/o dầu được cất với một nhiệt-độ thấp thì mở máy rất dễ dàng, vì tuy khi máy còn nguội mà số săng bốc được thành hơi đủ nhiều cho máy nổ dễ. Thứ săng có được một nửa cất ở nhiệt-độ trung bình (khoảng 100

VĂN-HÓA — SỐ 66

1583/173

độ bách phân) thì khi xe đang chạy hãm ngừng có thể mở máy trở lại rất dễ dàng. Nếu là xăng cất ở một độ cao hơn, chỉ 5 đến 8 độ, cũng đủ cho người dùng xe cảm thấy đôi chút khó khăn, vì xăng chậm bốc thì mở máy lại cũng chậm, và xả máy xe cũng không vọt lên kịp theo ý muốn.

Ngoài ra, nếu xăng cất được 90 o/o ở một nhiệt độ cuối cùng không cao lắm thì máy chạy tốt và đỡ hao. Trái lại, nếu nhiệt độ cất cao thì khi vào máy, bụi xăng ở thể lỏng còn nhiều, khó cháy hết, nhất là khi mới mở máy, các ống dẫn còn nguội. Phần xăng lỏng còn dư không cháy lại có một tác dụng tai hại là đánh loãng huọt-liệu, làm giảm công dụng của huọt-liệu. Hơn nữa, một phần xăng dư ấy lại bị phân ra thành những hạt các-bon đóng cặn trong xy-lanh. Sau hết, vỏ trong của xy-lanh chóng hư mòn vì những hóa-chất, nhất là nhiều thứ át-xít, do xăng cháy dở gây nên. Một trong những công-dụng chính của huọt-liệu là bao các bộ-phận bị cọ xát trong ống nổ khỏi vì các át-xít nói trên làm hư hao, thì tai hại thay, chính vì xăng hư đánh loãng huọt-liệu mà sự hao mòn thành ra tới đa.

Những máy nổ không khai-thác quá 20 o/o năng lượng của xăng vì 10 o/o đã phí vì sự cọ-xát giữa các bộ-phận, 40 o/o vì phải làm nguội máy bằng nước hay gió, 30 o/o theo hơi phun ra. Tỷ số 20 o/o thực là thấp, nên các kỹ-sư không ngớt nghiên-cứu để tăng thêm năng-xuất của xăng trong máy. Người ta tìm ra được ba lối: chuốt kỹ các bộ-phận để bớt 'cọ-xát', sửa đổi hợp lý các hình dáng bộ-phận trong máy và nhất là nâng cao sức dòn ép của hơi xăng và không khí khi bắt nổ. Hiện nay hai điềm trên dường như đã hoàn hảo và chỉ còn có điềm cuối là hy vọng thay đổi được bằng cách nâng cao chỉ số ốc-tan mà thôi.

Muốn nâng chỉ số ốc-tan, ngoài phương-pháp thay đổi hóa-tính của xăng ngay khi cất như trên kia đã nói, người ta còn tìm ra lối chế thêm những chất làm cho chậm nổ như benzol, aniline, cétone v.v... nhất là thứ « chì » tétraéthyle do phòng thí-nghiệm hãng General Motors tìm ra cách dùng từ năm 1922, nhờ nó mà ta có được thứ xăng rẻ tiền với chỉ số ốc-tan cao.

HƠI DẦU

Sau xăng, có lẽ phó-sản đáng lưu ý nhất của mỏ dầu là những thứ hơi dầu. Thời xưa, trong khi phong-trào tìm mỏ dầu mới phát khởi ào-ạt, những

hơi dầu trong mỏ, có một áp-lực rất cao, thường chỉ dùng để bắt đầu vọt lên mặt đất và sau khi hoàn thành nhiệm-vụ này, hơi dầu trở nên mới bắn-khoăn của các nhà sản dầu vì nó rất dễ nổ dễ cháy. Đến khi người ta biết lấy ra khỏi hơi ấy những thứ dầu nhẹ thì nó mới bắt đầu được chuồng, và thứ hơi đã lấy xong dầu được dùng ống chuyên đi nơi xa để thấp đèn và đun nấu cho nhiều tỉnh.

Tuy vậy, thấp bằng hơi dầu vẫn nguy hiểm nên người ta đã dồn nỗ lực vào việc lọc dầu hòa thấp đèn, vừa tiện mang đi, vừa chắc chắn. Hơi dầu dùng để đun nồi nấu dầu nhưng chính việc lọc dầu cũng lại sản ra thêm rất nhiều hơi nên các kỹ-sư càng lưu ý khai-thá: triệt-đề nguồn nhiên-liệu này. Kết quả là hiện nay hơi dầu thành một phó-sản rất quan trọng không những dùng làm nhiên-liệu trong nhiều công việc mà còn là nguyên-liệu chính của ngành hóa-phẩm.

Nhiều người đã rất quen với hai thứ hơi dầu propane và butane là hai thứ hơi được bán trên thị-trường dưới thể lỏng, chứa trong những bình kim khí. Dưới áp-lực không khí, cả hai đều là hơi. Nguyên-chất, chúng không có mùi gì, tuy nhiên những thứ bán trên thị-trường đều có một mùi đặc-biệt, đó là gì người ta đã dụng tâm lưu lại trong hơi một chút-xít chất mercaptan, có một mùi rất mạnh, để nhớ có vô ý để hơi thoát ra là người ta biết ngay. Tuy hai chất hơi này không làm ngạt và cũng không độc, nhưng mật-độ của nó lớn hơn khí giời (propane gấp rưỡi và butane gấp đôi) nên nếu để nó thoát ra và đọng lại ở những chỗ thấp, như hầm nhà chằng hạn, nó sẽ xua hết khí giời và làm ta ngạt, hoặc gây ra hỏa-hoạn.

Ở 15 độ Lách-phân, chỉ còn một áp-lực 7 kg/cm² đủ làm cho propane thành chất lỏng, và 2,6 kg/cm² đối với butane. Lên đến nhiệt độ 50° bách-phân, cần áp lực 20kg/cm cho propane và 7kg/cm² cho butane. Do đấy, với những bình thép mỏng chịu nổi áp-lực 30 kg/cm² và 15 kg/cm² người ta có thể chuyên chở dễ dàng không nguy hiểm hai thứ hơi lỏng propane và butane. Mỗi kí-lô hơi lỏng sẽ bốc ra thành khoảng nửa thước khối hơi đốt, thật là tiện.

Nói về nhiệt-lượng, thì ta vẫn biết là khinh khí đốt rất nóng nhưng thứ này cần đến áp lực rất lớn mới thành lỏng, vì thế vỏ bình dày, mang đi bất tiện. Nếu ta tính trọng-lượng cả hơi lẫn bình chứa, thì muốn có 1.000 ca-lo chỉ cần mang đi có 160 cà-ram nếu là butane hoặc 167 cà-ram nếu là propane

còn hơi đất đèn (acétylène) phải 1.160 cà-ram, méthane 1.440 cà-ram và hít-
rô . . . 4.20 cà-ram.

Đem so với hơi than đá thì mỗi thước khối hơi này cho ta khoảng 4.880
đến 5.250 ca-lo, bu-tan từ 28.000 đến 31.000 ca-lo, propane từ 21.500 đến
24.200 ca-lo.

Propane lỏng sôi ở - 44 độ bách-phân và butan sôi ở 0,5 độ, do đấy
mỗi thứ tiện-dụng một khác : propane tuy phiền vì vỏ đựng phải dày, nhưng
được ưa dùng nơi xứ lạnh, ngay tại Pháp, luật-lệ còn bắt buộc phải để bình
ở bên ngoài nhà cửa, vì tuy vậy nhiệt-độ của không khí vẫn còn đủ để bù đắp
vào số nhiệt-lượng mất đi khi propane lỏng bốc thành. Còn butane thì tiện dùng
nơi xứ nóng và có thể để trong nhà nên ở Pháp cũng thường dùng butane, không
khí trong nhà tại Pháp không mấy khi dưới 10 độ bách phân, đủ cho hơi
butane bốc.

Hơi butane dùng vào công việc đun nấu đã làm thay đổi hẳn nếp sống
của bao gia-đình xa nơi thành-thị, không có phương-tiện dùng hơi than đá.
Lần đầu tiên hơi butane được dùng tại Pháp vào năm 1932, do các tàu chở
dầu đưa từ Mỹ-quốc tới. Chỉ trong 7 năm, thứ nhiên-liệu mới này đã chinh-
phục được một số khách hàng quan trọng : một triệu rưỡi người mua dài hạn và
tiêu-thụ hàng năm 45 ngàn tấn. Con số này sau đại-chiến lại tăng, đến 1952
đã tới 200.000 tấn và còn tăng mãi. Ngày nay, với những mỏ hơi thiên nhiên
khai thác ngay trên đất Pháp như mỏ Lacq, Saint Marcet . . . sự dùng hơi được
bành-trướng mau lẹ và nhờ nó mà Pháp-quốc nay mai sẽ hoàn toàn tự túc về
dầu hoá và có thể còn xuất-cảng nữa, nhờ tổng-số dự-trữ khổng lồ trong khu-
vực Pháp : 621 triệu tấn dầu và 1.000 tỷ thước khối hơi dầu. Ít điều này
cho ta thấy cái địa-vị quan trọng của hơi dầu trong nền thịnh-vượng của một
quốc-gia.

Tại nước nhà hơi butane và propane sử dĩ ít người biết đến vì các nhiên-
liệu như than củi rom rạ vốn sẵn, và kỹ-nghệ cũng chưa mở mang mấy. Một ngày
kia mức sống toàn dân cao và kỹ-nghệ trở nên quan trọng thì ắt hẳn hơi dầu cũng sẽ
được hoan-ngheh và phổ-biến chứ không còn như ngày nay chỉ được dùng
vèn-vẹn ở một vài gia-đình nơi đô-thị hay trong mấy chiếc bật lửa hạng sang
của vài tay nghiện thuốc lá.

NHỚT

Nhớt đã quá thông thường nên ít người chúng ta lưu ý tới. Nhưng
1586/176

VĂN-HÓA — SỔ 66

thực ra có thể nói là nó đã đứng hàng đầu trong nền văn-minh cơ-khí hiện tại.

Máy-móc vốn có sẵn đã tự thuở xa-xăm đó là sinh-vật, động-cơ đầu
tiên do thiên nhiên tạo thành, và trong thời cồ thú động-cơ này đã được xài
một cách phí-phạm và vô nhân-đạo. Không kể đến trâu bò lừa ngựa cùng bao
sức vật khác đem ra mang kéo đồ vật, ngay nhân-lực cũng đã là nguồn năng-lực ghé-
góm mà các thời vua chúa độc đã sử-dụng để thực hiện những công-trình
vĩ-dại còn làm cho thế-kỷ máy-móc tân tiến chúng ta phải kinh ngạc như Kim
tự-tháp Ai-Cập, Đê-Thiên Đê-Thích chẳng hạn. . . Nhưng cũng bao người đã bị
đầy dọa, chết chóc mới để lại được ít tiếng vang về những thời-đại ấy. Riêng
một Đại Kim-Tự-Tháp, theo Hérodote, đã làm thiệt mạng trên 100.000 sinh-
linh dưới sự đàn áp của Chéops.

Máy-móc đã đến thay thế cho con người nhưng sử dĩ nó đi được đến
chỗ kỳ-diệu hơn cả con người, không phải riêng vì có những nguồn năng-lực
mới thay thế cho bắp thịt, mà còn là do máy có thể hoạt-động lâu dài, ít phí
năng-lực và diêm này thì hoàn toàn nhờ ở kỹ-thuật chế-tạo chính-xác và các
thứ nhớt giảm đến mức tối thiểu sự cọ-xát trong máy. Một hình ảnh còn lưu
trong trí nhớ chúng ta từ vài chục năm về trước, đó là những chiếc xe một
bánh bằng cây mà ngoài Bắc vẫn gọi nôm-na là xe cút-kít chở lợn (heo).
Người đẩy xe mồ hôi nhễ nhại, bắp tay phồng cứng, mà nào có chở được là
bao, thậm chí với những chiếc xe hai bánh nhỏ hiện nay người ta thường dùng
chở kiện hàng rất nặng mà người sử-dụng trông có vẻ nhẹ nhàng, đó là nhờ
những ổ bi ở bánh và nhờ dầu nhớt hảo hạng. Hai hình ảnh, hai trình-độ
tiến-hóa.

Nếu ta không dùng nhớt của dầu mỡ nữa thì đột nhiên nền văn-minh
của ta sẽ thụt lui lại trình-độ mấy ngàn năm về trước. Một số lớn máy móc
tinh-vi sẽ bỏ đi vì chất dầu mỡ của động và thực vật xưa kia dùng bôi vào
ò trục những chiếc xe thô kệch sẽ quện lại làm máy không chạy nổi. Ti như
chiếc máy đồng hồ đeo tay của ta chẳng hạn, làm sao chạy được với vài giọt
dầu đậu phộng ?

Số dầu nhớt và mỡ chiếm 2 o/o tổng số sản-phẩm của các nhà lọc dầu,
thỏa mãn từ 95 đến 96 o/o nhu cầu huợt-liệu của nhân-loại và hàng năm
lên đến gần chục triệu tấn. Mấy con số nói trên đủ cho ta thấy tầm quan-trọng
của huợt-liệu lấy từ các mỏ dầu hóa.

VĂN-HÓA — SỔ 66

1587/177

PHẨM CHẤT HUỚT-LIỆU

Dầu nhờn lấy ở mỏ lên thuộc loại hít-rô các-bua có từ 23 đến 50 nguyên-tử các-bon trong mỗi phân-tử, trong khi các loại nhiên-liệu như xăng, dầu hoả v.v... chỉ gồm dưới 23 nguyên-tử các-bon. Nói một cách khác, phân-tử nhờn lớn hơn phân-tử dầu xăng, và phân-tử lớn thì nhờn càng quánh.

Khi hai bề mặt cọ-xát vào nhau mà một lớp dầu nhờn được tra vào giữa thì chính tính-cách quánh của nhờn chống lại không để cho áp-lực ấn bẹt ra dễ dàng, do vậy mà hai bề mặt không chạm được vào nhau. Lược nhờn đệm giữa làm giảm sức cọ-xát, khiến sự chuyển động thêm dễ dàng, đỡ phí sức đồng thời máy đỡ hao mòn. Xem như thế ta hiểu ngay là khi các ổ trục chịu một sức nặng lớn, tỉ như trục xe lửa chẳng hạn, thì lớp nhờn cần phải khá quánh. Trái lại trong những ổ trục nhẹ nhàng như trong chiếc đồng hồ đeo tay chẳng hạn, nhờn quánh không cần mà sẽ quện lại làm cho bánh xe không chuyển động được nên người ta mới dùng thứ nhờn rất lỏng. Độ quánh của nhờn được người ta đo lường cẩn thận so với độ quánh của nước: bằng cách so sánh tốc-độ chảy của nhờn và của nước.

Độ quánh này còn biến đổi theo nhiệt-độ: càng nóng nhờn càng lỏng và càng lạnh nhờn càng quánh. Hiện không có một thứ nhờn nào giữ vững được độ quánh ở ngoài ảnh hưởng của nóng và lạnh, chỉ có thứ thay đổi nhiều thứ thay đổi ít mà thôi. Người ta đã ấn định một « chỉ số độ quánh », chỉ số lớn dùng cho những nhờn nào ít thay đổi với nhiệt-độ. Nhớt lấy ở các mỏ Texas và Venezuela có một chỉ số độ quánh khoảng 30 đến 40, vài thứ nhờn hiếm ở xứ Pensylvanie có chỉ số 100.

Ngoài tính-chất quánh, nhờn còn một tính-chất khác gọi là « độ nhuyển »: Tính-chất này làm cho nhờn bám chặt lấy các bề mặt, đệm giữa hai mặt kim khí một lớp nhờn rất mỏng, đôi khi chỉ dày gấp đôi ba lần đường kính của phân-tử, nó giữ cho hai bề mặt kia khỏi chạm hẳn vào nhau và có thể trượt đi không mất mát. Độ nhuyển tùy theo cách cấu-tạo của nhờn và giảm dần khi nhờn dùng đã lâu.

Cơ-khí tinh xảo đặt ra cho kỹ-nghệ lọc nhờn những điều-kiện ngày thêm khó khăn. Tuy người ta đã hoàn thành nhiều cách lọc, tạo ra những thứ nhờn ở mọi độ quánh và độ nhuyển, nhưng nhiều khi còn phải gây cho nhờn ít nhiều đặc-tính mới, chẳng hạn thứ nhờn không đông được để dùng trong máy lạnh

thứ nhờn nước không trộn được dùng trong các tua-bin (turbine) thủy lực, có thể chạy liên mấy năm không cần thay, thứ nhờn đánh tan các chất cặn trong máy nổ (huiles détergentes) v.v. Nhiều khi nhờn dầu hỏa còn pha với một số xà-bông kim khí (tức hợp-chất của át-xít nhôm và một thứ kim loại nào đó) để thành chất mỡ máy, hoặc pha với những thức dầu lấy ở động hay thực-vật ra để dùng vào một số kỹ-nghệ đặc-biệt (kỹ-nghệ kéo sợi len, làm giấy, v.v...) Cả thứ dầu chề vào với nước thành sữa loãng dùng trong ngành phay, tiện v.v... cũng thuộc loại này.

NGÀNH HÓA-HỌC DẦU HỎA

Ngành này, tuy ít người biết đến, nhưng nó đã can-thiệp ngày một sâu đậm hơn vào đời sống chúng ta, và không thể nói hết trong khuôn khổ một bài này. Chỉ xin kể qua là chính các hóa-chất dầu hỏa đã đem lại cho ta nào là nylon, orlon, dacron v. v... may quần áo, nào là sợi nhân-tạo, cao-su nhân-tạo Buna Neoprene v. v... nào là các chất plát-tíc như plexiglas, bakélite làm đồ dùng trong nhà, văn-phòng v. v..., nào là những túi nhựa polyéthylène, nào là màn cửa bằng polychlorure de vinyle v. v., và xin hẹn cùng các bạn trong một bài sau.

NGUYỄN-ĐỨC-LÂM



MỤC-LỤC TỔNG-QUÁT
VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

LOẠI MỚI

1955 — 1960

SỐ 1-57

- I. — Mục-lục phân-tích (theo mẫu-tự ABC)
II. — Mục-lục các tác-giả (theo mẫu-tự ABC)
III. — Mục-lục các tranh-ảnh.

Thiết-lập do NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN

(Tiếp theo V.H.N.S. số 65)

- II. — **MỤC-LỤC PHÂN-TÍCH**
(theo mẫu-tự ABC)

L

Lạc-Do Tài-liệu triết-học : Liên-tưởng, 13, 1445-1449.

Lạc-Quang Xuân Thanh-bình, 27, 1103.

Lâm-Tấn-Phác

Đi tìm tài-liệu về thi-hào Tagore, 39, 312-319; 40, 472-477.

Lê-Bá-Chuẩn

Sang thu, 34, 1007.

Lê-Hữu-Giáp

Thơ Đường, 5, 606-607; 6, 723-725. — Tiết thanh-minh, ngày thanh-minh, (dịch thơ Trung-hoa), 9, 1057-1058.

Lê-Thêm Hôn-nhân giữa đồng-bào Thượng, 20, 318-322.

Lê-Chí-Thiếp

Gốc-tích dân-tộc Việt-Nam, 24, 738-742, 33, 764-770; 34, 760-763;

1590/180

VĂN-HÓA — SỐ 66

35, 1125-1128; 38, 87 91; 39, 214-220; 40, 373-377; 43, 927-930.
Hiền-triết Hy-lạp, 49, 288-291; 50, 459-462; 51, 621-625; 54, 1124.
1130; 56, 1502-1506.

Lê-Thước Nguyễn-Trãi và Nguyễn-Du cùng thuộc một dòng họ và chung một ông tổ, 57, 1620-1622.

Lê-Vân-Trang

Hẹn tang bằng, 19, 151-153.

Lê-Thành-Trị

Tư-tưởng Trung-hoa từ hơn một thế-kỷ nay, 2, 234-239; 5, 588-592.

M

Mai-Anh Những văn-thân lịch-sử Việt-Nam, 8, 835-842. Địa-vị và sức tranh-dấu của phụ-nữ, 10, 1069-1077.

Mai-Oanh Kinh buổi sáng, 28, 96. — Bốn mùa, 29, 30. — Trở về, 230, 368.

— Trăng Đà-lạt, 32, 696 — Mừng mẹ đã tới, 33, 851. — Trung thu, 34, 1007-1008. — Thu với thi-sĩ, 34, 1051. — Trông vờ cõi Bắc, 35, 1147. — Con chim lạc bạn, 36, 1323. — Xuân đã về, 37, 1452. —

Tiếng dịch đồng quê, 38, 113. — Đề bài hát « Lỡ chuyến đò », 39, 294. — Trăng trên mặt hồ đêm, 40, 445. — Cảnh cầu đá, 41, 606.

— Hồ-Tây buổi chiều tà, 42, 790. — Thu về, 43, 968.

Minh-Đức Nhớ công-đức quốc tổ cảm tác, 39, 282.

Minh-Lý Chúc tết, 37, 1382.

Minh-Tâm Thân-thế và phương-pháp giáo-dục của Henri Pestalozzi (1746-1827), 57, 1681-1690. — Nền giáo-dục tại nước Phi-lật-Tân, 29, 260-263.

Minh-Tuyết

Đời phiêu-lưu của Hitler, 2, 245-255; 3, 367-371; 4, 461-467; 5, 576-583. — Khảo-cứu về đầu-hoà, 5, 608-616.

N

Nam-Hưng Nguyễn-công-Trứ với tinh-thần quốc-gia, 12, 1305-1314.

Chấn-hưng đạo đức, 12, 1319-1326. — Nhà giáo qua các thời-đại, 15,

VĂN-HÓA — SỐ 66

1591/181

1712-1721; 1740-1746. — *Gương đạo-đức, hay tiêu-sử Đức Khổng*, 15, 1747-1750. — *Chu-văn-An hay gương tiết-tháo* (+ 1370), 18, 43-50. — *Đồng bào Bahmar tại Kontum*, 20, 262-276.

Đề nghĩa-trang từ-sĩ, 10, 1124. — *Nữ-sĩ Thanh-Quan*, 10, 1124. *Đời sống đồng-bào Thượng-Xuân Cao-nguyên*, 11, 1240-1241. *Qua bến Sài-thành*, 13, 1472. *Dự lễ giao-thừa với sĩ-quan*, 17, 1941. — *Tâm suối Đáy-Linh*, 20, 324. — *Nhấn về giúp nước*, 21, 392.

N.V X Đồng-bào Thượng miền Nam, 20, 338-345; 24, 748-757.

Nam-Xương Bằng phát-minh sáng-chế, 22, 556-565.

Ngọc-Cầm Di-cư cảm-tác, 19, 154.

Ngô-bằng-Giục, Thùy-Thiên

Tường-niệm cụ Từ-Long Lê-Đại, 47, 1617-1624; 48, 74.82; 49, 249. 258. — *Ca-đạo*, 21, 404. — *Hưng-đạo-Vương*, 43, 961. — *Vãng cảnh Long-Hải*, 43, 965. — *Thất-thập-nhị tự-thuật*, 43, 968. — *Thất-thập tự-tho*, 43, 990. *Lại qua Ô-Cấp*, 44, 1121. — *Đà-lạt hữu-cảm*, 44, 1126. — *Tâm biên*, 46, 1490. — *Cổ-Quốc tân-xuân*, 47, 1653.

Thùy-tiên, 47, 1660. — *Bà Trưng-Trắc tế ông Thi-Sách sau khi phục-quốc*, 48, 118. — *Việt-Nam Văn-hóa*, 50, 446. — *Hạ thiên hữu-cảm*, 51, 594. — *Kỷ-niệm hoàn-thành nghĩa trang...* 56, 1456. — *Nha-trang giai-cảnh*, 57, 1638.

Ngô-Mậu-Lâm

Tứ đồ tường, 11, 1242-1243.

Ngô-Quang-Lý

Ngày xuân nhớ bạn, 19, 130.

Ngô Tổng-Thống

Diễn-văn khai-giảng niên-khóa 1955-1956, 8, 937-938.

Diễn-văn buổi lễ đặt viên-gạch Thư-viện quốc-gia, ngày 3-7-1956, 13.

Nguyễn-Hữu-Bằng

Nền giáo-dục Thái-lan, 36, 1370-1373.

Nguyễn-Mạnh-Bảo

Định-mệnh con người, 53, 909-913, 54, 1061-1067.

1592/182

VĂN-HÓA — SỐ 66

Nguyễn-Bính

Cò lái dò (có bản Pháp, Anh), 30, 369-370.

Nguyễn-Văn-Bình dịch

Văn chiêu-hồn nước của Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền 1909, 3, 355-357. — *Tư-tướng quốc-gia (trích Âm-băng văn tập)*, 12, 1391-1394.

Văn-tế vua Quang-Trung, 9, 1016-1017. — *Hịch tướng-sĩ, dịch Trần-hưng-Đạo*, 11, 1245-1249. — *Văn-tế trận-vong tướng-sĩ Đống-Đa*, 17-1946-1947.

Nguyễn-Văn-Bửu

Thân-thế và sự-nghiệp Cấn-trai Trịnh-hoài-Đức (1764-1728), 55, 1212-1217.

Nguyễn Cát Cuộc lễ tặng phong tiến-sĩ danh-dự, 7, 735-739.

Nguyễn-Thành-Cung

Tổng-luận về « Bốn ngọc-nữ miền Nam », 43, 904-906. — *Hương-sắc miền Nam*, 46, 1406-1426 — *Võ-trường-Toán*, 55, 1201-1212

Nguyễn-Cương

Tập-quán, 19, 137-143 — *Những cải-cách của nhà Hồ (1400-1407)*, 21, 349-354. — *Cuộc cách-mạng giáo-dục cuối thế-kỷ XVII*, 22, 522-526. — *Văn-hóa và phong tục Việt-Nam*, 23, 634-646.

Nguyễn-Hùng-Cường

Các hệ-thống thư-viện thế-giới, 48, 124-128.

Nguyễn-Minh-Châu dịch

Giáo-dục trước thực-tế hiện-đại, 55, 1330-1339. — *Thật có sự khủng-hoảng của nền giáo-dục tráng-niên không ?* 57, 1669-1675.

Nguyễn-Văn-Chức

Tòa Ngũ-giác, 6, 704-706.

Nguyễn-Đình-Diệm

Thi-sĩ bình-dân Trần-tế-Xương (1870-1907), 13, 1423-1436. — *Lược-khảo lịch-sử văn-hóa nước Triều-Tiên*, 25, 920-922; 26, 1079-1082;

VĂN-HÓA — SỐ 66

1593/183

29, 264-266 ; 32, 728-732. — Những tài-liệu mới lạ của Đoàn-Trường Tân-Thanh, 34, 979-983 ; 35, 1139-1142 — Thân-thế và thi-ca của nhà nho cận-đại : Doãn-Mấn, 40, 413-416 ; 42, 732-738 ; 44, 1111-1117.

Qua đèo Hải-vân cảm-tác, dịch Trần-Bích-San, 8, 886-887 ; 9, 1022. — Bài hát tòng quân dịch Dương-Quỳnh, 12, 1410. — Khuê-oán, dịch thơ Đường, 28, 93. — Xuân khuê, dịch thơ Đường, 28, 105. — Xuân-oán hay Oán-xuân, dịch, 30, 383. — Xuân-Vọng (dịch Đỗ-Phủ), 31, 587. — Vịnh Đoàn-Trường Tân-Thanh, 33, 851. — Qua thôn Minh-Phi hoài cổ, dịch Đỗ Phủ, 33, 900. — Vịnh Hoạn-Thư, 36, 1326. — Vô đề, 37, 1531. — Cầm sắt (dịch thơ Đường), 38, 157. — Tô-vô-miếu (dịch Ôn-đình-Quần), 39, 306-307. — Qua nhà cũ ông Giã-Nghị (dịch Lưu-trường-Khanh), 43, 997.

Nguyễn-Thọ-Dực

Vũ-trụ và nhân-sinh, 53, 1001.

Nguyễn-Dương-Đôn

Thống-nhất ngôn-ngữ, 15, 1647-1650. — Diển-văn khai-mạc Hội-nghi
Thống-nhất ngôn-ngữ, 16, 1774-1776.

Nguyễn-Văn-Giu

Trên bờ Cửu-Long, 5, 1699.

Nguyễn-Đình-Hải

Tờ-chức Unesco là gì ? 29, 253-255.

Nguyễn-Trọng-Hàn, Bằng-Vân

Cầm-thông và gián-cách, 2, 290-292. — Ban từ-ngữ địa-phương thuyết-trình, 16, 1782-1785. — Danh sách các từ-ngữ địa-phương, 16, 1786-1802. — Á-Đông tư-tưởng, trích « Đông-lai bác-nghị », 21, 457-458.

Nguyễn-Văn-Hàn

Cái điệp trong văn, 36, 1290-1296. — Hình-ảnh trong văn, 40, 417-421
41, 600-604 — Trĩnh-quang-Nghị là ai ? 46, 1444-1449. — Thiên-hộ
Vô-duy-Dương, 50, 377-384 ; 51, 562-568.
Tám gương chí-sĩ, 44, 1124-1126. — Nhớ người « hành-dịch tại ngoại »
45, 1300. — Quê tôi, 48, 122-123.

1594/184

VĂN-HÓA — SỐ 66

Người lạ Thất-Sơn : ông Hai-Lãnh, 54, 1098-1103.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Vịnh bức địa-đồ rách, 31, 523. Tống Biệt (có bản Pháp, Anh), 31, 524-525.

Nguyễn-Đình-Hòa

Thân-thế và sự-nghiệp nhà văn Pearl Buch, 21, 420-428.
Thân-thế thi-sĩ Henri Wadsworth Long Fellow, 27, 1198-1203.
Ngữ-học đã tiến đến đâu ? 39, 256-262 ; 40, 359-363. — Phương-pháp
so-sánh các ngôn-ngữ, 41, 566-572. — Ngôn-ngữ và thơ-ngữ, 45, 1237-1242.
Khoa-ngữ-học ở Hoa-Kỳ, 55, 1301-1305 ; 57, 1657-1661 (còn tiếp).

Nguyễn-Hoài-Hối

Tình Sơn-cước (kịch thơ), 21, 381-391.

Nguyễn-Công-Huân

Nói truyện rươi, 1955, 1, 47-54.
Truyện trâu-cau (văn-hóa và khoa-học), 2, 185-191.
Văn-đề cải-cách điền-địa qua lịch-sử Việt-Nam, 2, 147-155 ; 3, 318-322 ;
4, 401-405. — Tết Đoàn-ngộ nhuộm móng tay, 4, 429-432. — Thế nào
là học-thuyết Măng-đen trong khoa sinh-học, 4, 456-460 ; 6, 696-699.
Một người trị giá là bao ? 6, 652-654. — Quan-niệm nông-dân về tinh-
tú trên trời qua ca-đạo, 7, 765-769. — Lịch-sử trái Sầu-riêng, 7, 790-
793. — Cầm-tướng về năm Thân, 8, 843-845. — Tết nói truyện Hoa
Mai vàng, dưa Hấu đỏ, 8, 846-849. — Trái cây với sức khỏe, 9, 989-
992. — Thủy-tò loại người phải chăng là cá Cò-la-căng ? 11, 1271-1273.
Sông Hương, 12, 1343-1351. — Đóa hoa Quỳnh với mùa thu, 15, 1664-
1665. — Đập nước lớn nhất hoàn-cầu: đập Assouan, 15, 1703-1705.
Hoa Mai vàng của miền Nam, 17, 1923-1925. — Cốc-tích đồng-bào Rha-
de, 20, 310-312. — Nha-Trang du-ký, 21, 368-377. — Triết-lý người
đi cầu, 22, 498-500. — Vài màu truyện về năm Tuất, 27, 1114-1120.
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa... 28, 19-24. — Venice thành-
phố mơ-mộng xây trên mặt biển, 31, 578-582 ; 34, 1052-1056. —
Tết Kỳ Hợi, nói truyện Heo, 37, 1391-1393. — Tết Đoàn-ngộ,
nói truyện Khuất-Nguyên và tục giết sâu-bọ, tục khào-cây, 40, 364-372.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1595/185

Thân-thể và sự-nghiệp Nguyễn-công-Trứ, 42, 701-707; 44, 1056-1060.
Năm Tý nói chuyện chuột 47, 1511-1559. — Tết với hoa mai, 47, 1587-1593.

Nam Bắc một nhà, 2, 231-232. — Kho vàng bí mật ở đất Việt-Nam (khoa-học phiêu-lưu tiểu-thuyết), 1, 51-67; 2, 205-214; 3, 334-346; 4, 437-444; 5, 552-560; 6, 666-674; 7, 783-789; 9, 993-1000; 10, 1114-1118; 11, 1123-1228; 13, 1459-1460; 14, 1569-1573; 16, 1673-1675. — Đà cuống hay con một quế (kịch ngắn), 22, 545-550.

Nguyễn-Hưng

Biên-cương về thời Nhà Lý, 19, 113-119.

Nguyễn-Văn-Kiệt

Sương-nguyệt-Anh, một nữ-sĩ miền Nam, 18, 13-36. — Thi-sĩ miền Nam, 31, 435-448; 32, 616-625; 33, 804-810; 34, 970-978. — Long-Khánh, 45, 1282-1287.

Nguyễn-Cao-Kim

Mùa Xuân với dân Việt, 27, 1121-1126. — Những trang-sử vẻ-vang của dân-tộc Việt-Nam, 28, 75-79. — Thân-thể và sự-nghiệp Trương-vĩnh-Ký 1837-1898, 33, 751-763; 771-783.

Thu dạ lữ hoài ngâm (dịch Đình-nhật-Thận), 34, 984-988.

Nguyễn-Văn-Kính

Trở lại Thần-Kinh, 36, 1369.

Nguyễn-Khắc-Kham

Những giả-thuyết về tiếng Việt cổ-hữu, 16, 1861-1865.

Nguyễn-Khoa

Thử so-sánh Chinh-phụ-ngâm khúc với Đoạn-Trường Tân-Thanh, 54, 1093-1098; 55, 1268-1273.

Nguyễn-Văn-Khoan

Đêm trừ-tịch (truyện), 8, 876-882.

N. L. X. Lam-Sơn điệu-cờ, 34, 969.

Nguyễn-Thiệu-Lâu

Cuộc nội-chiến giữa Nguyễn-Vương và nhà Tây-Sơn (1779-1789), 2, 192-202.

1596/186

VĂN-HÓA — SỞ 66

Nguyễn-Đình-Liệu

Tứ đồ trường, 11, 1242.

Nguyễn-Đắc-Lộ

Tế bái chiến trường cũ (dịch Lý-Hoa), 22, 566-569.

Ngọc-Lý Xuân về, 38, 109.

Nguyễn-Bích-Mạc

Toà nhà của tổ-chức giáo-dục, khoa-học, văn-hóa Unesco, 30, 389-393.

Nguyễn-Quỳnh-Ngọc

Tết của đồng-bào Thượng tại Việt-Nam, 37, 1463, 1467.

Nguyễn-Khắc-Ngữ

Chiêm-thành và người Chăm, 20, 329-331.

Pô-Mê (dã-sử), 20, 332-335.

Hoà táng, 23, 629-633. — Ảnh-hưởng văn-hóa Chăm qua Việt-Nam, 25, 898-905; 26, 1037-1046. — Một đám cưới Chăm theo đạo Bà-la-Môn, 30, 334-336. Cờ-tích Chăm: Thần-lửa, 38, 67-74. Một giả-thuyết về truyện Tấm-Cám, 41, 587-590; 42, 724-731; 44, 1100-1104. — Ngải Chăm, 46, 1473-1476; 48, 88-95. — Bao giờ có điện Nguyễn-tử, 49, 312-315. — Những khởi-ốc nhân-tạo, 50, 463-467. Bà Xá-Y-nữ (dã sử Chiêm-Thành), 51, 569-572. — Tại sao người Chăm Bà-ni kiêng thịt heo và thịt nhông? 53, 987-990. — Phù-Nam về phương-diện địa-lý, 54, 1086-1092; 55, 1262-1267. — Pô-Khong Gia-rai (dã-sử Chiêm-Thành), 22, 493-497.

Thủy-Liêm thần-nữ (dã sử Chiêm-thành), 31, 503-505.

Nguyễn-Nhiên

Chữ Việt cải-cách, 25, 890-897; 26, 1022-1029; 27, 1179-1187; 28, 85-91; 29, 179-185.

Nguyễn-Văn-Phúc

Gỡ ban-sa, 1, 38-42. — Gương cần-lao, gương nỗ-lực, 2, 285-286. — Nhà vật-lý học trứ-danh Albert Einstein, 3, 372-374. — Máy chữ, 13, 1510-1513.

Nguyễn-Quang

Nghề ăn-loát ở Việt-Nam, 25, 885-889. — Tâm hồn phụ-nữ qua những

VĂN-HÓA — SỞ 66

1597/187

ca-đao, ngân-ngũ, 27, 1175-1178. — Xuân đồng quê trong ca-đao, 28, 80-82. — Thi-sĩ Hàm-mạc-Tử, nhà thơ cam chịu nhiều đau-khổ nhất trong đời, 29, 196-201. — Phùng-tụy-Bạc, một hàn-sĩ đất Hoài-Châu, 30, 421-427. — Thân-thể và sự-nghiệp cụ Phan-thanh-Giản, 32, 648-658. — Thân-thể và sự-nghiệp Hoàng-kế-Viêm, 38, 75-81; 39, 246-251; 41, 579-583.

Nguyễn-Xuân-Sơn

Tiếng Việt-Nam, 9, 977-982.
Cây nêu và cột phướn, 17, 1887. — Lên núi ngắm xuân, 17, 1942-1944. — Bướm và Sâu (ngụ ngôn), Bướm và Hoa (ngụ ngôn), 22, 506. Tâm-Xuân và hoa Hồng (thơ ngụ-ngôn), 23, 646. — Nhị Trưng kháng chiến, 28, 94-95. — Hội đèn Hùng, 29, 229. — Thời bà Triệu, 29, 263. — Hai cảnh hoàng hôn (dịch thơ Pháp), 32, 740-741. — Ngắm trăng trên sông, 33, 847-849. — Hưng-đạo-Vương, 34, 1001-1004. — Quang-Trung đại-phá quân Thanh, 37, 1485-1487. — Nhấn hồn Thục-Đế, 41, 607. — Ông lão gieo mạ (dịch V. Hugo), 43, 838. — Vị quốc vong thân (dịch V. Hugo) 42, 841.

Nguyễn Chung-Tú

Câu chuyện hộ-tinh nhân-tạo, 8, 916-920. — Thiên bắt dung gian, 10, 1150-1152. — Tia vũ-trụ, 14, 1635-1638. Tết và lịch, 17, 1967-1972. Văn chuyện hòa-tinh, 21, 431-434. — Kim-cương nhân-tạo, 13, 1503-1505.

Nguyễn-Quảng-Tuân

Nobel và giải-thưởng Nobel, 2, 256-263. — Bà Pearl S. Buck, 3, 375-379, 4, 474-477. — Một nhà nữ bác-học hai lần được giải Nobel: bà Curie; 8, 921-927. — Thi-sỹ Sully Prudhomme, 1839-1908; 11, 1266-1270. Thi-sĩ Rabindranath Tagore (1861-1941), 19, 177-178.

Nguyễn Bạt-Tụy

Ban phát-âm và chính-tả, 16, 1803-1834. — Chúng ta gọi « Mười xu » là gì? 16, 1878-1879.

N. T. Trương Chiêu thứ-tư của vũ-trụ, 38, 138-149; 39, 308-311.

1598/188

VĂN-HÓA — SỞ 66

Nguyễn-St.Thêm dịch Nguyễn-Trãi.

Bình-ngô đại-cáo, 12, 1362-1367; 13, 1474-1477; 14, 1596-1599. Vĩ nước, 14, 1595. — Hùng khí, 15, 1746.

Nguyễn-Thiệu

Âm-nhạc: một cửa dân đền chân-lý, 29, 161-166; 30, 279-288, 31, 464-473.

Nguyễn-Thị-Thườn

Thời-gian, 24, 800-816. — Giáo-lý nhà Phật và Khoa-học, 25, 939-953. Khoa-học và công-lý, 26, 1084-1093; 27, 1204-1210.

Nguyễn-Đông-Thục

Sứ-mạng văn-hóa phương Nam, 1, 1-15. — Văn-hóa thế-giới theo con mắt của sứ gia Arnold Toynbec, 1, 91-101. — Dân-tộc-tinh, 2, 156-169. Xã hội-học khái-luận, 3, 313-317; 4, 433-436; 5, 538-542. Mặc-học, 4, 468-473. — Đạo-học hay là Triết-học, 6, 655-665. — Khái-luận về thời đại triết-gia ở Trung-hoa, 8, 910-915; 9, 1047-1052; 10, 1147-1149. Triết-lý Tuân-tử, 13, 1497-1502. — Triết-học Phê-đà, 19, 188-191. Triết lý chính-trị của Khổng-Tử, 22, 551-555. — Giá-trị trường-cửu của tư-tưởng Khổng-Mạnh, 25, 827-838. — Lý-tích đại-đồng ở Khổng-Tử và Descartes, 26, 990-993; 27, 1153-1160. — Tìm hiểu triết-học và văn-hóa dân-tộc Ấn-độ, 32, 716-719; 33, 866-869. — Vũ-trụ nhân-tính-hóa hay là vũ-trụ-quan nghệ-thuật, 35, 1065-1070. — Tinh-thần Việt-hóa, 38, 12-20. — Văn-nghệ Việt-Nam với triết-lý Phật-giáo, 39, 194-201.

Nguyễn Triệu

Quốc-hiệu nước ta, 40, 395-401; 41, 573-578. — Miên Nam đọc Trương-tân-Bửu (1752-1827), 44, 1092-1099; 45, 1274-1281. Âm-lịch với đương-lịch, 47, 1603-1607; 48, 83-87; 49, 259-264. — Cờ tiến Việt-Hoa, 53, 962-970; 55, 1274-1278; 56, 1472-1445.

Thân-thể và sự-nghiệp Ngô-nhân-Tĩnh (+ 1823); 55, 1217-1220. — Thân-thể và sự-nghiệp Lê-quang-Định (1759-1813); 55, 1220-1222. — Hữu-quân quận-cộng Nguyễn-văn-Nhân (1702-1822); 57, 1579-1588.

Nguyễn-Gia-Trụ, Đông-Xuyên

Thuyền thơ, 10, 11-25. — Hạt cát sông Thao, 11, 1244. — Trung-thu

VĂN-HÓA — SỞ 66

1599/189

di-cư, 14, 1610. — Xuân Cộng-Hoà, 17, I. Gió Xuân, 17, 11. — Xuân húng, 18, 42. — Gánh nước đêm, 22, 513. — Lại Tết Trung-Thu, 23, 647. — Nước non và ta, 24, 710-771. — Dưới nắng, 29, 230-231. Mây, 30, 367. Sang hè, 31, 522. — Chiều Bàn-cờ, 32, 645. — Chiều đông thu, 33, 850. — Tiếng lòng thu, 33, 861. — Muốn ở gần nhà Nguyễn-Chân, dịch Bạch-cư-Dị, 33, 899. — Xóm thu diều sáo, 34, 1006. — Cung đế đến đức Trần-hưng-Đạo, 34, 1006. — Buổi chiều sang đó, 35, 1163. — Nắng, 36, 1326. — Tết miền Nam, 37, 1447. — Mai vàng, 37, 1478. — Xuân nhân, 38, 43. — Kỷ-niệm hai Bà, 38, 106. Đề . . . ảnh, 38, 107-108. — Mưa rào, 39, 274. — Núi xa (dịch Au-dương-Tu), 39, 334. — Tháng Tư, 40, 440, ; — Thơ giầy, 41, 605-606. — Ngày hè tạp đề (dịch Lục-Du), 41, 664. — Thú quê (dịch Chu-Quyên), 42, 712. — Yêu Trúc, 42, 787. — Qua chơi chùa Tây-Hồ (dịch Nguyễn-long-Cát), 42, 792. — Đêm trung-thu, 43, 959. — Chơi quê, 44, 1129. — Tết móng 9 tháng 9 lên Vệ-Sơn (dịch Đỗ-Mục) 45, 1347-1348. — Xuân, 47, 1659. — Tết mưa, 48, 122. — Ra khơi, 49, 274. — Tạ bạn làng thơ, 50, 447. — Cảnh quê đầu hè (dịch Lục-Du) 51, 669. — Đêm nghĩ thơ, 52, 790. — Giai-nhân và thi-sĩ, 54, 1116. — Tết thu, 55, 1295. — Hoa Hoàng-Lan, 56, 1456. — Ngẫu-thuật, 57, 1645.

Nguyễn-Văn-Trung và Nguyễn-Hữu-Ngư

Trường-hận-Ca, 44, 1184-1194 ; 45, 1349-1363.

Nguyễn-Văn-Trước

Bài-thị-Xuân, 1, 83-84. — Lê-thái-Tò, 1, 84.

Nguyễn-Hiến-Văn

Thơ Đường, 8, 928.

Nguyễn-Khoa-Vy

Những câu hò mái đay, 32, 693 ; 33, 849-850.

Nguyễn-Vỹ Điệu hát đэм trên sông Hương (dịch thơ Pháp) , 32, 738-739.

Nguyễn-Khắc-Xuyên

Chung-quanh vấn-đề thành-lập chữ quốc-ngữ, 39, 167-177 ; 42, 685-

693 ; 43, 991-997 ; 44, 1150-1155. — Chung-quanh vấn-đề thành-lập chữ quốc-ngữ Chữ quốc-ngữ vào năm 1645, 48, 1-14.

Nguyễn-Quang-Xương

Văn-học cổ-điển Mã-lai, 5, 584-587. — Văn-chương với nhân-sinh qua văn-học-sử Trung-Hoa, 18, 85-88. — Thi-ca đời Đường, 21, 435-437.

Nghi-Ba Địa-vị toán-học trong nền giáo-dục mới, 15, 1735-1739. Edmond Halley, nhà thiên-văn nghiên-cứu các sao chổi, 19, 217-220. — Bông sọt, một nguồn lợi của Việt-Nam, 29, 214-228. — Thuốc nam, 30, 351-366 ; 31, 509-519 ; 32, 673-676 ; 698-710. — Vấn-đề giáo-dục và chương-trình của Unesco 1959-1960, 35, 1211-1214.

Nghi-Tàm Học-đường trung-lập, 12, 1327-1330. — Nguyễn Khuyến với thơ năm, 14, 1559-1568 ; 1579-1590.

Nghiêm Toàn

Đạo-đức-Kinh, 3, 358-366 ; 4, 448-455 ; 5, 568-575 ; 6, 683-691 ; 7, 799-807 ; 8, 896-909 ; 9, 1032-1042 ; 10, 1126-1138 ; 11, 1250-1257 ; 12, 1373-1380 ; 13, 1478-1483 ; 14, 1600-1610 ; 15, 1706-1711 ; 17, 1948-1954 ; 18, 77-84 ; 19, 172-176 ; 21, 409-419 ; 22, 517-521 ; 23, 651-657 ; 24, 773-778 ; 25, 909-914 ; 26, 1051-1057 ; 28, 99-105 ; 29, 233-240 ; 30, 377-383 ; 31, 528-532 ; 32, 711-715 ; 33, 851-861 ; 34, 1010-1014 ; 35, 1171-1181 ; 37, 1498-1500 ; 38, 117-121 ; 39, 283-294 ; 40, 454-461 ; 41, 612-616 ; 42, 793-798 ; 43, 982-990 ; 44, 1145-1149 ; 46, 1491-1498 ; 47, 1674-1680. — Quốc-gia dân-tộc và tổ-quốc, 12, 1315-1318 — Rượu trong thơ-văn Hoa, Việt, 14, 1629-1634 ; 17, 1955-1965 ; 1973-1983. — Chen dưới hai ngọn bút thần của Racine và của Nguyễn-du, 23, 678-692 ; 24, 784-796.

Nghiêm Thạc

Phong-trào hướng-đạo ở thế-giới và Việt-Nam, 41, 626-634.

Nghiêm-Thâm Nhân-chúng-học : một vấn-đề văn-hóa quan-trọng, 48, 15-32. — Nguồn-gốc văn-minh Việt-Nam, 51, 513-520 ; 52, 683-690. — Đi thăm kho-tàng của các vua Chăm, 56, 1359-1366 ; 57, 1567-1575.

Nhất-Chi Một vị Bồ-Tát Âu-Tây hiện-dại : Albert Schweitzer. 1, 102-112.
Lịch-sử tiến-hoá xã-hội kinh-tế (tiếp V.H.N.S. cũ số 18), 1, 113-122.

P

Phó-Quân Thả tù, dịch Âu-dương-Tu, 21, 449-450.

Phạm-Cương Nhà Nguyễn với Trung-quốc hay một ngộ-nhân tai-hại, 15,
1651-1655.

Phạm Văn Diêu

Văn-thơ Tân-Đà, 24, 743-747. — Tình yêu thiên-nhiên trong văn-chương Tự-lực văn-đoàn, 25, 867-868. — Về vấn-đề bảo-tồn cổ-tích, 26, 994-997. — Giá-trị nghệ-thuật trong ca-dao, 27, 1135-1144 ; 28, 59-69. — Văn-đề giảng văn, 29, 173-178 ; 30, 308-314 ; 32, 663-670. — Chữ nôm và chữ quốc-ngữ, 34, 964-969 ; 35, 1096-1101. — Ngọc-Hân Công-Chúa với bài ai-tư-văn, 36, 1261-1174. — Truyện cổ Việt-Nam, 37, 1429-1438 ; 1448-1452 ; 38, 61-66. — Khảo-luận về Nguyễn-bình-Khiêm 1492-1587, 39, 228-237. — Khảo-luận về Lê-thánh-Tông, 40, 378-394. — Khảo-luận về truyện Hoa-Tiên, 41, 513-533 ; 42, 713-723 ; 43, 931-951. — Khảo-luận về Cung-Oán ngâm-khúc, 44, 1078-1087 ; 45, 1243-1259 ; 46, 1450-1464 ; 47, 1068-1616. — Khảo-luận về Chinh-phụ-ngâm, 49, 213-225 ; 50, 367-376 ; 51, 521-537 ; 52, 747-761 ; 53, 939-955. — Văn-tế thập-loại chúng-sinh, 54, 1033-1047 ; 55, 1228-1240 ; 56, 1367-1378. — Văn-phái Hồng-Sơn và vị-trí ti-đối của sách Đoạn-trường Tân-Thanh trong văn-phái ấy, 57, 1533-1544. Sầu, 38, 107.

Phạm-Xuân-Độ

Ảnh-hưởng của một nguồn-gốc, 4, 395-400 ; 5, 518-525. — Thi-văn thuần-túy và bà Thanh-Quan, 8, 863-869 ; 9, 966-976. — Mục-dịch và công-việc của Hội-nghị Thống-Nhất ngôn-ngữ, 16, 1771-1773. — Thượng và Kinh, 20, 231-242 ; 250-261. — Cuộc Nam-tiến dưới triều Trần, 22, 467-470. — Cảnh-vật với thi-ca, 23, 626-628. — Suong-Nguyệt-Ánh (1863-1921), 24, 758-768. — Nền giáo-dục mới tại Âu-Mỹ, 25,

923-929. — Công cuộc bồi-túc học-đường, 26, 1058-1063. — Đoàn-thị-Điền, 27, 1145-1152 ; 28, 51-58 ; 29, 167-172 ; 30, 328-333 ; 31, 492-496. — Một quan-niệm quốc-gia, 30, 302-307. — Nhà giáo-dục, 32, 637-645. — Một quan-niệm mới về Giáo-dục, 33, 818-822 ; 34, 953-959 ; 35, 1119-1124. — Nền giáo-dục mới với hiệu-đoàn học-sinh, 36, 1257-1261 ; 37, 1414-1448 ; 38, 50-56 ; 39, 202-207. — Bóng nga trong Cung-Oán ngâm-khúc, 40, 402-407. — Mấy nét tế-nhi trong truyện Kiều, 41, 540-547. — Triết-lý của giáo-dục, 45, 1207-1214. — Kỹ-thuật với giáo-dục, 47, 1580-1586 ; Đức Tin với giáo-dục, 49, 197-206. — Khiếu thích-nghi, 55, 1241-1248 ; 56, 1396-1402. Vịnh sử Việt-Nam, 2, 230. — Cảm-tưởng khi tới Cao-nguyên, 2, 231. Đề ảnh Hồ Gươm, 6, 680. — Mái trường xưa, 18, 76. — Thác Đáy-Linh, 20, 524. — Nhớ quê, 40, 441. — Trên bãi Nha-Trang, 42, 787. Màu sắc Nha-Trang, 42, 789-790. — Cảnh trường xưa, 51, 597-599. Cảm-tưởng khi nằm bệnh-viện, 53, 1060. — Qua Vũng-Tầu, 54, 1112. Cầm-Xuân, 57, 1642-1644. — Hợp bạn cảm-tác, 57, 1647.

Phạm-Văn-Hạnh

Nguyễn-Cao (truyện dã-sử), 15, 1685-1688. — Vịnh Trần-Hưng-Đạo, 43, 960. — Nhớ quê-hương, 43, 965. — Vịnh Huyền-Trần Công-Chúa, 44, 1104.

Phạm-Kỳ Kim cổ nhạc-thơ, 32, 671-672.

Phạm-Đình-Khiêm

Theo dấu hai bà Ngọc-Liên, Ngọc-Đình, 43, 882-902.

Phạm Hoàn-Mỹ

18 vị vua dựng nước ta là Lạc-Vương hay Hùng-Vương, 50, 414-423 ; 51, 573-581 ; 52, 762-769 ; 54, 1104-1108 ; 55, 1279-1288.

Phạm-Văn Quang dịch

Kinh đô thế-giới (truyện ngắn của Herwingway), 50, 497-500 ; 51, 664-668 ; 54, 1166-1171.

Phan-Mạnh Danh

Tây-hồ, 2, 232-233.

VĂN-HÓA — SỔ 66

1603/193

Phan-Khoang

Những việc đối với tiết xuân, 17, 1908.1912.— Dự-luận và thanh-nghị, 19, 144-147.— Nguy-hại của phong-kiến, 22, 529-540.— Tinh-thần dân-chủ cổ-truyền tại Việt-Nam, 24, 728.731.— Đức-dục và công-hung dân giáo-dục, 25, 969.871. Ấn-độ và Việt-Nam trong công-cuộc Phục-Á-châu 25, 9.5.916.— Văn-hóa, văn-minh và văn-hiến, 26, 967-972. Mùa thu với người Á-Đông, 34, 915-924, 35, 1086 1094. — Công cuộc truyền-thụ văn-hóa cho Nhật-Bản, 36, 1328-1336.

Phan-Khôi Tình già, 35, 1168-1169.

Phan-Sào Nam

Nhấn bàn, 12, 1359-1360. — Đêm khuya cảm-tác, 12, 1360-1361. Đập đá, 12, 1361.

Phan-Quân Trước thềm Mậu-Tuất 28, 17-18.

Phùng-Bá-Khôn

Người Nùng : một thành phần của quốc-dân Việt Nam, 9, 983.988; 10, 111'.1113.

Phương-Khanh nữ-sĩ

Cảm-vịnh hai bà Ngọc-Liên và Ngọc-Đĩnh, 43, 903.

Q

Quách-Tấn

Đôi nét về Hàn-mạc-Tử, 46, 1377-1405. Hoàng-hạc-lâu, 50, 331-334.

Quang-Khánh

Ôc thực-tế của mấy vị danh-nho ngày xưa, 3, 323-328.

Quang-Linh

Nền Mỹ-Thuật V. N. 30, 320-327.

Quốc-Khánh

Nguồn gốc đồng-bào Thượng, 20, 243.250.

Quốc-Tân Ngày xuân chúc ai, 27, 1107.

Quyên-Lân Mùa thu trong thi-ca, 15, 1676-1689 ; 1689-1698. — Mấy tiết-

1604/194

VĂN-HÓA — SỐ 66

lễ chính trong tháng Giêng, 18, 7-12. — Câu-đối xuân xưa và nay, 17, 1897-1900.

Quyên-Lâm Đêm xuân cảm-tác, 27, 1195.

S

Sài-Nhạc Hai cảnh hoàng hôn (dịch V. Hugo), 31, 586-587.

Sơn-Trung Địa-thế và kinh-tế Cao-nguyên Trung-Phần, 20, 281-290 ; 301-304.

Sư-Lễ Trăng trung-thu, 43, 939.

T

T. S. Bên lề Hội-chợ Ban-mê-thuật, 20, 325.

T. V. Một nguồn-gốc của nền giáo-dục Âu-Tây, 28, 670-677.

Tạ-thức-Khải, Sa-Minh

Cung-đề Thánh-miếu, 34, 946.— Cung-vịnh Phan-Sào-Nam, 34, 1008.

Vịnh Phan-Đình-Phùng, 35, 1170.— Vịnh Hoàng-Hậu, 36, 1326.—

Chào xuân Kỷ-hợi, 37, 1484. — Ngày kỷ-niệm Hai Bà Trưng, 38, 91.

Kỷ-niệm ngày giỗ đức Hùng-Vương, 39, 207.— Câu đối về dịp lễ

Phật Đản, 40, 444.

TCHYA Nếu... (dịch thơ Anh — Pháp), 41, 668-669.

Tam-Chi Văn-dề hôn-nhân, 36, 1297-1302 ; 39, 238-245.— Hoa-ngàn... cỏ

nội, 35, 1170 — Bóng xuân qua, 37, 1525.— Cánh đồng chiều, 40,

442.— Khát-vọng trời xanh, 41, 608.— Lệnh-Đệnh, 45, 1296-1297.—

Cảnh chùa thôn quê, 51, 602.

Tam-Hoá Lược-thuật về tục lệ ăn tết từ Đông sang Tây, 28, 109-113.

Tam-Tính Công-chúa H'Biá và con cóc (truyện cổ-tích Đê), 20, 323.

Tăng-Chi Hưng-Đạo Đại-Vương, 11, 1245.

Tăng-Xuân-An

Phụ-nữ Ấn-độ qua các thời-đại, 6, 692-695. — Mười năm lịch-sử của nguyên-tử-lực (1945-1955), 7, 808-815.

Tế-Vân Hai trang sử Cao-nguyên, 11, 1185-1190

Tế-Xuyên Học-thuyết « tam-vô » của đạo Không, 33, 826-827.— Khi đức

Không-Tử chấp-chính, 39, 330.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1605/195

Nhân vợ chồng Ngâu, 13, 1471. — Tứ-đồ-tường 14, 1682. — Kỷ-niệm Trần-hưng-Đạo 15, 1665. — Xuân Đinh-Dậu, 17, 1944. — Lên Cao-nguyên, 20, 325.

Tế-Xương Di-cư trông trăng, 23, 650.

Tế-Xuyên Xuân Mậu-Tuất, 27, 1194. — Cuộc đời, 32, 695. — Rằm tháng bảy, 33, 810. — Nhân vợ chồng Ngâu, 33, 813. — Kỷ-niệm Đức Trần-Hưng-Đạo, 34, 924. — Dân di-cư nhớ « rươi » 35, 1165-1166. — Mừng năm Hợi, 1484.

Xuân Kỷ-Hợi, 38, 81. — Kỷ-niệm Trần-Hưng-Đạo, 43, 960-961. — Tết Cộng-hòa, 44, 1155.

Tổ-Nguyên Người và ta trong học-thuyết Khổng Mạnh, 38, 44-49.

Tôn-Thất-Cảnh, Thiết Mai.

Vua Quang-Trung đã mưu đánh Trung-Hoa bằng cách nào ? 51, 555-561
Những ngày oanh-liệt của quân-cảng Hương-Giang, 53, 956-961. —
Diệu-Liên nữ-sĩ, 57, 1556-1566.

Tu-Trai Những bài ca trên đường đời Khổng-phu Tử, 34, 1015-1019. — Thân-thể Lý-Bạch, dịch, 41, 648-652 ; 42, 817-826 — Cỗ-tích danh thắng Việt-Nam, 36, 1303-1305 ; 38, 103-105 ; 40, 448-453 ; 48, 96-101 ; 52, 781-784, 56, 1446-1452. — Mùa xuân và năm Kỷ-Hợi, 37, 1383-1390 ; 1406-1413. — Thoại-ngọc-Hầu (dịch Đại-Nam liệt-truyện chánh-biên), 46, 1468-1472. — Những năm Tuất qua lịch sử Việt-Nam, 27, 111-113. — Thành-tín, 29, 147-151 ; 30, 289-293. — Tình nghĩa vợ chồng qua các câu ca-dao, 31, 459-463. — Qui hạc là gì ? 43, 952-958 ; 44, 1105-1110. — Lê tài-Hầu Nguyễn-hữu-Chính, 47, 1649-1652. —

Tùng-Phong Vài lời điệp tiếng trong thi-ca Việt-Nam, 19, 162-151.

Tuyết-Ngân Lòng yêu nước và mền chuộng hoà-bình của dân Việt, 2, 203-204.

Tư-Hương Lễ anh-đào tại Nhật-bản, 34, 1020-1024.

Tư-Nguyên Hát trống quân, 23, 595-601. — Nguyễn-trường-Tộ 1828-1871, 26, 1013-1021. — Ngày xuân với chí-sĩ Việt-Nam, 27, 1161-1174. — Tưởng-niệm về ngày quốc-tử, 29, 202-213. — Đời cách-mệnh của nhà

chí-sĩ Trần-cao-Vân (1866-1916), 30, 337-350 ; 31, 497-502. — Một bác kỳ-tài kiến-quốc Đào-duy-Từ (1572-1634) ; 32, 677-692.

Từ-dụ Hoàng-thái Hậu, 39, 263-272. — Lược khảo về Tây-Hồ, 41, 591-599 ; 42, 772-785. — Lược sử cuộc Nam-Tiến của dân-tộc Việt-Nam, 43, 969-981 ; 44, 1132-1144. Dưới gốc chuối (chuyện ngắn), 22, 501-506. — Nghe chuông chiều cảm-tác, 25, 838. — Nghe cuộc kêu cảm hứng, 31, 458. — Tam quả Hải-Vân dài (dịch Vy-Xuyên), 41, 609. Thơ (tặng Ưng-Bình Thúc-giạ-Thị), 55, 1300. Đa tài đa cảm, 55, 1300 — Vịnh quả bưởi đào, 1960, 1457. — Hợp bạn cảm-tác, 57, 1647.

Từ Phong Ý-nghĩa mấy đồ chơi trung-thu, 23, 602-603

Tương-Giang

Mỗi độ chiều về, 36, 1327.

Tương-Mai-Huyền

Luật quân-đăng và hai nhà bác-học Trung-Hoa, 37, 1506-1518.

Tương Phố Sau cơn mưa gió, 55, 1296.

Thái-Văn-Kiểm

Thế-kỷ Lê-thánh-Tôn và việc thiết-lập Hàn-lâm-Viện đầu tiên của nước Việt-Nam, 5, 507-517. — Văn-liệu đầu tiên viết bằng tiếng Việt, 6, 636-639. — Sự-tích đức bà Thiên-Y Ana, 7, 740-749. — Cuộc bang-giao giữa Việt-Nam và Trung-Hoa dưới triều Nguyễn, 9, 951-956. — Ngâm ngãi tìm trầm, 11, 1205-1213. — Tò yển 17, 1926-1934. Huế muôn thuở, 19, 120-130. — Bên lề Hội-chợ Ban-mê-thuật, 20, 313-317. — Gốc-tích những cô-tục và nghề-nghiệp Việt Nam, 24, 715-727. — Văn-chương triết-lý và khoa-học trong truyện Kiều 25, 839-857 ; 26, 973-989. Sấm và nhân sấm, 25, 930-933 ; 26, 1064-1078. — Ý-nghĩa và cô-tục ngày Tết nguyên-đán Việt-Nam, 27, 1105-1110. Nguyễn-ủy các tiết-lễ Việt-Nam, 28, 1-16. — Ảnh-hưởng và di-tích Chiêm Thành trong nền Văn-hoá Việt-Nam, 29, 139-146 ; 152-160. — Tung cánh chim, 30, 294-301 — Giá-trị và tính chất nền giáo-dục căn-bản 30, 397-409. — Ban hát thôn-quê tại xứ Ghana, 30, 409-416. — Phương-pháp dạy người lớn tập đọc và tập viết (tài-liệu Unesco), 30, 416-420 —

- Sài-gòn xưa và nay, 31, 449-458. Giáo-dục xã-hội tại Ấn-độ, 31, 548-561. — Các học-viện và các trường Trung-học Lao-Động tại Phần-Lan, 31, 561-572. — Công-cuộc đào luyện thợ-thuyền tại Pháp và nhiệm-vụ viện Lao-Động Strasbourg, 31, 573-577. — Tìm hiểu việc nước bằng vô-tuyến truyền-thanh tại Nigeria, 32, 733-737. — Sông núi miền Nam: địa-danh-học và phong-tục-học, 32, 597-611; 33, 784-803. — Việc dùng dụng-cụ thính-thị trong công-cuộc giáo-dục kẻ trường-thành, 33, 891-898. Luận về Đức và Tài, 34, 909-914. — Vô-tuyến truyền hình và giáo-dục căn-bản, 34, 1031-1037. — Hai mươi thắng cảnh Thần-Kinh, 35, 1071-1085; 1109-1118. — Chống nạn mù chữ tại Ấn-độ, 35, 1192-1200. — Địa-lý-học Việt-Nam qua các thời-đại, 36, 1225-1235; 1250-1256. — Bát-trần, 37, 1419-1422. — Đọc tập thơ « Từ-Thức » của Đoàn-Thêm, 37, 1519-1524. — Hiện-tình văn-hóa Việt-Nam, 38, 1-11; 21-30. — An-giang xưa và nay, 39, 178-193. — Tìm hiểu vấn-đề Bá-Linh, 39, 295-306. — Hai bài văn-tế cá-sấu, 40, 345-356. — Văn-học Việt-Nam (dịch M. Durand), 42, 755-771. — Theo dấu hai bà Ngọc-Vạn-Ngọc-Khoa, 43, 861-880. Theo dấu Từ-Thức, 44, 1039-1055, 1061-1077. — Những đặc tính của nền văn-minh Việt-Nam, 45-1227-1236. Hương sắc miền Trung, 46, 1427-1443. — Du-xuân Thuận-Hóa qua ca dao lịch-sử, 47, 1571-1579. — Từ lăng Mạc-Cửu đến đồn Cây Mai, 49, 187-196. — Từ Trần tộc-từ đến Khải-tường-tự, 50, 356-366. — Từ lăng họ Hồ Thủ-Đức đến miếu họ Phạm Gò-Công, 51, 582-588. — Lạc-mai hoa và Mai-họa-lạc, 52, 725-735. — Tao-dàn nhị-thập bát-tú, 54, 1056-1060. — Góc-tích người Minh-Hương, 55, 1222-1227. — Ý-nghĩa, cở tục, diên-tích và giai-thoại về Tết Trung-Thu, 56, 1379-1395. — Từ gò Óc-eo đến vàm Bến-Nghé, 57, 1454-1555. Hai sự-trạng trái ngược của một danh-y (truyện vui), 11, 1279-1281.
- Thanh-Lon** Vịnh hoa Mầu-Đơn, 56, 1458.
- Thanh-Liên**
Hoa-trình tiện-lâm khúc (nhật-ký trên đường từ Huế đi Bắc-Kinh của Lý-văn-Phức), 57, 1623-1628 (còn tiếp).
- Thanh-Mai** Đời thăng-trầm của một thi-sĩ tài-hoa: Tam-Xuyên (1860-1913), 46, 1477-1485. — Bánh chưng ngày Tết, 47, 1641-1648.
- Thanh-Tâm** Hương-thơm, 42, 799-808. — Không-gian công-pháp (dịch), 43, 1608/198

998-1006. — Một ông sao sáng, hai ông sáng sao .. 47, 1707-1713. — 49, 292-303. — Herbert McLean Evans, 50, 468-480. — Wington Churchill, thạch trụ của Vương-quốc Anh-cát-Lợi, 55, 1313-1322; 56, 1479-1487; 57, 1662-1668. — Văn-hào Jack London, 52, 807-817; 53, 1020-1023; 54, 1142-1150.

Thanh-Tùng Hợp mặt bạn cũ cảm-tác, 39, 278-279. — Chối dạy (dịch Guch), 42, 840.

Thanh-Thủy Vịnh Bèo, 25, 929.

Thanh-Trai Gương nữ-giới, 19, 148-150.

Thanh-Trúc Nỗi lòng thôn-nữ, 42, 745. — Tặng một ông bạn già, 43, 963. Mong bạn cảm tác, 57, 1639.

Thanh-Vân VCT.

Sầu dâng, 51, 595-596.

Thành-Tường-Huy

Gương hy-sinh của Nguyễn-Trãi, 35, 1129-1138. — Giải-thưởng Nobel, 36, 1337-1353. — Tết trong thi-ca Việt-Nam, 37, 1453-1462.

Thâm-Oánh Những thề-nhạc mới Việt-Nam, 3, 303-312; 4, 406-416. — Truyện thần-đồng Mozart, 10, 1139-1146; 11, 1274-1277.

Thâm-Quỳnh

Khuyến chiến-sĩ phấn-đấu, 5, 565-567. — Mừng VHNS, 6, 675. — Mừng các sinh-viên tốt-nghiệp ở trường Đại-học, 6, 676. — Văn-tế trận vong chiến-sĩ và nạn-nhân chiến-tranh, 6, 680-682. — Thơ mừng Thủ-tướng Ngô-tiên-sinh, 7, 794. — Cột cờ Hà-nội, 795. — Cầu sắt sông Cái, 7, 795. — Mừng VHNS, 8, 885.

Thềm-Đốt Đòi ve, 24, 769.

Chuyện xã-hội, 21, 378-380. — Áo-mộng (chuyện ngắn), 22, 527-528. Nghề lạc ốc (chuyện ngắn), 25, 880-884. — Đầu ghềnh cuối bãi (chuyện ngắn), 28, 83-84.

Thi-Phơ-Nhứt

Trịnh-Sâm và Tâm-Thanh tồn duy-tập, 38, 31-38.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1609/199

J. M. Thích Văn-hoá, văn-học và văn-tự 15, 1656-1663.

Thiên-Phụng

Lịch-sử âm-nhạc, 1, 122-130 ; 2, 278-284 ; 4, 487-494 ; 6, 719-722.

Thiện-Phước dịch

Các phái-đoàn của Unesco, 36, 1367-1369. — Phát-triển và cải-thiện giáo-dục học-đường, 37, 1526-1530. — Unesco và việc thăm-dịnh hồ-trong giá-trị văn-hóa Đông-Tây, 38, 150-156. — Unesco và giáo-dục quốc-tế, 39, 331-334. — Ấn-phẩm của Unesco về giáo-dục, 40, 496-498. — Giáo-viên hương-thôn với giáo-dục căn-bản, 41, 653-660 — Bản-chất và vai-trò của giáo-dục tráng-niên, 42, 827-836. — Tương-lai của giáo-dục tráng-niên, 43, 1013-1025 ; 44, 1164-1172. — Việc dùng vô tuyến-truyền thanh trong ngành giáo-dục, 45, 1326-1341. — Vai-trò của vô tuyến-truyền-thanh trong sự giáo-dục hương-thôn và trong sự sinh-hoạt của các trường-học Ấn-độ, 46, 1505-1519 ; 47, 1681-1687. — Đào-tạo tháp-hoa-viên cho miền Đông-Nam-Á, 47, 1688-1694. — Văn-đề giáo-dục tráng-niên, 51, 626-632. — Giáo-dục tráng-niên là một xã-hoà hay là một nhu-yếu ? 52, 842-849. — Các mục-tiêu và cách tổ-chức giáo-dục tráng-niên, 53, 1008-1014. — Liên-quan giữa mục-tiêu, phương-pháp và xã-hội, 54, 1151-1158. — Mục-tiêu của giáo-dục tráng-niên, 56, 1488-1496.

Thu-An Một cuộc phiêu-lưu kỳ lạ, 33, 878-890 ; 34, 1038-1051 ; 35, 1201-1210 ; 36, 1358-1366 ; 40, 48J-495 ; 41, 635-640.

Bà Thuần-Khanh

Khuyên em chớ khóc hoa tàn, 26, 1050.

Thúc-Tề Đêm trăng trên giòng sông Hương, 35, 1166-1167.

Thúc-Giq-Thị

Ngày tết năm Canh-Tý, 47, 1660.

Thùy-Nhân Lược-sử về pháo và thuốc pháo, 17, 1984-1993. — Ít khám-phá quan-trọng của khoa-học về hai vấn đề « Sống và chết », 44, 1173-1183 ; 45, 1308-1319. — Vật-chất và phản vật-chất, 46, 1528-1540. — Cuộc sinh diệt của thiên-thê, 48, 144-152. — « Cha đẻ bom Nguyên-tử » J. R. Oppenheimer, 51, 633-646.

VĂN-HÓA — SỔ 66

1610/200

Trác-Ngọc Đầu xuân tự vấn, 37, 1488.

Trần-Văn-Bạch

Danh-từ kỹ-thuật, 21, 405-408.

Trần-Công-Chính

Hai bức thư lịch-sử hay là Hoàng-cao-Khải dụ Phan-đình-Phùng, 50, 406-413.

Nghe sách ở Minh-hồ-cư (dịch Hoa-Ngạc) , 52, 818-822.

Trần-Thanh-Đạm

Dịch « Bạch-vân-am » thư-tập, 42, 746-754. — Ăn chén và đồ xua, 52, 710-724.

Trần-Văn-Đỉnh

Văn-hóa nước Thái-Lan, 29, 246-252. — Những tác-phẩm xuất-sắc nhất trong văn-chương Thái-Lan, từ xưa đến đầu thế-kỷ XX, 30, 384-388. — Thingyan hay là Tết Miến-Điện, 31, 533-535.

Trần-Cảnh-Hảo

Văn-hoá và văn-minh, 1, 16-23.

Trần-Đình-Khải

Học-thuyết Chư-Tử, 51, 607-615 ; 52, 794-799 ; 54, 1131-1141 ; 56, 1468-1478.

Trần-Tuấn-Khải

Thánh nghề chiết-tự, 2, 287-289. — Sáu mươi năm cách-mạng (lịch-sử Quốc-dân-dàng Trung-quốc), 2, 264-274 ; 3, 380-384 ; 4, 478-486 ; 5, 596-605 ; 6, 707-718 ; 7, 819-824 ; 9, 1053-1056 ; 10, 1153-1165 ; 11, 1282-1290 ; 13, 1513-1515. — Không-Tử dưới con mắt các nhà tân-học Trung-quốc, 21, 451-454. — Các thứ học vấn (dịch Lương-khải-Siêu), 24, 797-799. — Tiêu-dao du (dịch Trang-Tử), 45, 1342-1346. — Việt Nam thông-khảo tổng-luận, 48, 54-61 ; 49, 229-240.

Khi tình giặc, 3, 347. — Khuyên bạn, 3, 348. — Đi thuyền be, 3, 348-349. — Môn thánh đậu, 6, 700-703. — Khúc nhạc-phủ Yến-ca, dịch Cao Thích, 11, 1291-1294. — Lời nói thẳng tam-quân (mảnh gương đời), 12,

VĂN-HÓA — SỔ 66

1611/201

1405-1406 Ca-dao, 28, 58 ; 28, 91. — Vịnh anh thợ bừa, 30, 336. —
Thú lâm-tuyền, 30, 427. — Nhân bút, 31, 522. — Ngẫu-cảm, 31, 522.
Khuyên bạn, 32, 638. — Cùng bạn văn-học, 42, 787. — Đề bốn bức tranh
42, 791. — Năm ở Mạc-phủ (dịch Đỗ-phủ), 42, 842. — Cầm-vịnh hai
bà Ngọc-Vạn và Ngọc-Khoa, 43, 880-881. — Thu, 43, 958. — Bức
thư đêm, 43, 963-964. — Ta nhớ, 44, 1122-1123. — Mừng bạn thi hồng
44, 1172. — Qua cảnh Huế, 45, 1295. Xuân Vãn-hoá, 47, 1549. — Thuật
hoài (dịch Nguyễn-thượng-Hiền) 51, 603-606. — Bến sông đêm ngồi câu,
53, 999. — « Đất Việt trời Nam » cảm đề, 53, 1000. — Văn-tế Đức-
Hưng-Đạo Đại-Vương, 56, 1453-1454. — Trung-hiếu lưỡng-toàn (vở
hát chèo), sự-tích đức Thánh Trần, 56, 1407-1416 ; 57, 1589-1600. —
Thuyền gặp sóng, 57, 1636.

Trần-văn-Hiến-Minh

Ban từ-ngữ chuyên môn, 16, 1835-1842. — Từ-ngữ triết-học, 16, 1845-
1847.

Trần-Ngọc-Quế

Tính chất cuộc cách-mạng về giáo-dục ở Âu-châu cuối thế-kỷ XVIII, 2,
240-244. — Tiếng Việt sẽ đi đến đâu ? 19, 158-161.

Trần-Hữu-Thế

Chính-sách giáo-dục tại Việt-Nam, 38, I-X.

Trần-Văn-Thược

Thơ Đường-luật, 10, 1078-1083. Quốc-văn biện-chính, 19, 157-158,
21, 402-404, 22, 514-516.
Hịch tướng-sĩ văn, 8, 888-895. — Hai con gà trống, 13, 1472-1473.
Vịnh Lê-Lai, 14, 1594.

Trần-Phúc-Vy

Tìm hiểu văn-chương Anh-cát-Lợi, 48, 153-156 ; 49, 304-311 ; 50,
481-485 ; 54, 1185-1187 ; 56, 1507-1515.

Trần-Tế-Xương

Ngắm hoa nhớ người, 17, 1983.

Triều-Ân Mưa, 53, 1007.

1612/202

VĂN-HÓA — SỔ 66

Trình-Xuyên

Họa bài : Sau cơn mưa gió của Trương-Phổ, 55, 1296.

Trịnh-Văn Thánh Georges và Hướng-đạo-đoàn, 50, 392-395.

Trọng-Đức Gia đình tam hùng : Võ-Tánh, 40, 427-440. — Bùi-huy-Bích
(1744-1816), 48, 102-116. — Tiết-thảo người xưa : Văn-thiên-Tường
49, 316-330 ; 50, 486-496. — Cổ học làm thánh-nhân : Vương-dương-
Minh (1472-1528), 51, 653-663 ; 52, 828-841.

Ta học tiếng ta (ca-dao mới), 16, 1847. — Làm giàu tiếng Việt, 16
1877. — Dưới nắng thu, 24, 772.

Trọng-Hữu Ngày xuân chúc bạn, 57, 1646.

Trúc-Lâm Những giai-thoại về con « Khuyển » xưa và nay, 28, 38-50. —
Chơi thuyền cầm-tác, 35, 1070.

Trương-Huyền

Thăm cảnh Hà-Tiên, 52, 790.

Trương-Bá-Phát

Tiếng « người » và tiếng « ai » trong văn-chương truyện Kiều, 34,
941-946 ; 35, 1143-1147. — Những năm Kỷ-Hợi trong lịch-sử Việt-
Nam, 37, 1400-1405. — Luận bàn về « Gia-huấn-ca » của cụ Phan-Sào-
Nam, 40, 408-412. — Những năm Tý trong lịch-sử Việt-Nam, 47, 1559 —
1570. Những áng di-văn của Lê-văn-Hưu, 51, 589-593.

Trương-Cung

Một vị danh-nho Việt-Nam : Trần-bích-San, 1, 42-46.

U

Ung-Trình Đại-cương Văn-hóa Đông-Tây, 36, 1354-1357. — Bàn về vũ-trụ,
28, 106-108.

V

Văn-Cao Thiên-thai (có bản Pháp, Anh), 30, 373-376.

Văn-Chung Một thi-gia cận-dại : Vũ-phạm-Hàm (1864-196), 21, 360-367
— Tài trị dân : Ông Vũ-dăng-Dương, 22, 510-512. — Trung-thu và câu

VĂN-HÓA — SỔ 66

1613/203

đối Việt-Nam, 23, 622-525. Nghĩa-sĩ triều Lê-Mạt : Lê-Quỳnh +1804, 33, 837-844. --Đức-độ của Trần-hưng-Dạo, 34, 989-998. - Bạn đồng-điệu Cao-bá-Quát : thủ-khoa Nguyễn-hàm-Ninh, 35, 1148-1161. Gương người xưa : Ngô-thời-Nhiệm, 45, 1288-1291.

V. D. Vịnh hai Bà Trưng, 40, 421.

Văn-Hưng Ý-nghĩa Tết Nguyên-Đán, 17, 1883-1887.

Xuân mới khai-bút, dịch Hán-văn, 9, 1020-1021. — Nhớ mai, dịch Mai-Am nữ-sĩ, 9, 1021.

Văn-Thôn Lịch-trình ngôn-ngữ và văn-tự Việt-Nam, 16, 1763-1770. — Dự-cảm trong thi-văn Việt-Nam 21, 355-359. — Trăng và cò-tích về trăng, 23, 581-588.

Văn-Cương Chu-mạnh-Trình, một nhà văn phong-nhã (1862-1905), 15, 1666-1672. — Nữ-sĩ Hồ-xuân-Hương, 17, 1915-1921 ; 1935-1940. — Nền thống-nhất quốc-gia với Tây-Son, 18, 1-6.

Bà Văn-Khánh

Vịnh phong-lan ở Đà-Lạt, 28, 96.

Văn-Son Đề ảnh mỹ-nhân đứng trên cầu, 56, 1457. — Nhân xuân, 57, 1639.

Văn-Tuyền Hoa nguyệt tranh xuân, 27, 1188-1193. — Trịnh-dục-Tú nữ-sĩ (gương nữ-lưu), 29, 267-268.

Viễn-Chi Xuân Bính-thân (1456), 8, 883-884. — Xuân cảm hoài, xuân về cảm-hứng, ngày xuân tiêu sầu, câu đối ngày xuân, 8, 884-885.

Võ-Lang Nền giáo-dục và học-vấn ở Mỹ, 46, 1520-1527 ; 47, 1701-1706. — Nguyên-tử phụng-sự canh-nông, 51, 647-652. Đồng-hồ nguyên-tử, 52, 823-828. — Một thư-viện đẹp nhất thế-giới, 53, 1015-1019. — Các loại xe bay, 54, 1159-1165. — Tàu ngầm nguyên-tử Spipjack, 55, 1323-1329. — Bạn có thiếu ngủ không ? 56, 1497-1501. — Sự thám-hiềm không-gian với nền y-học, 57, 1676-1680. — Cà-mâu thẳng-cánh, 48, 119.

Võ-Văn-Lúa

Giáo-dục căn-bản tại Nam-Việt, 2, 297-298.

Vũ-Huy-Chôn

Việc học của tỉnh Bắc-Ninh, 2, 170-184. — Thơ văn thời-thế, 4, 417-

1614/204

428 ; 5, 526-537 ; 6, 625-636. — Tinh-thần quốc-gia với dân-tộc Việt-Nam, 12, 1331-1343. — Nói chuyện về năm Dậu, 17, 1888-1896.

Nước Việt-Nam với 5.000 năm lịch-sử, 2, 215-219. — Những trang-sử đầy đau khổ, 3, 350-352. — Bắc thuộc lần II, Triệu-thị-Trình, Bắc thuộc II, 4, 445-447. — Nhà Tiền-Lý. — Bắc thuộc II : a) Triệu-việt-Vương, Triệu-quang-Phục, b) Hậu-lý Nam-đế : Lý-Phật-Tử, 5, 561-564. — Bắc thuộc III, Mai-hắc-Đế, 6, 677-679. — La-Thành, Phùng-Hưng, 7, 796-798. — Nợ non nước (kịch thơ), 8, 850-862 ; 9, 1001-1015 ; 10, 1099-1110.

Vũ-Lan-Đình

Trung-thu vọng-nguyệt cảm-tác, 45, 1297. — Thu dạ hoài nhân, 45, 1307.

Vũ-Văn-Lễ Mừng gặp bạn cũ, 13, 1473. — Tích chim bìm-bịp (chuyện ngắn), 18, 65-68. — Truyện Công-chúa Nân Monara (cổ-tích Ai-lao), 29, 256-259.

Vũ-văn-Mẫu

Quyền-lợi các văn nghệ-sĩ, 1, 23-38. (coi bộ cũ VHNS, 17)

Vũ-Xuân-Thuật

Qui-tắc chính-tả, 18, 69-75.

Vũ-Trang Tiếng động đêm trừ-tịch, 37, 1427.

Vũ-Đức-Trình

Mấy điều nhận xét về tiếng Anh, 30, 394-396. — Truyện Thủy-Kiều với người ngoại-quốc, 36, 1236-1245 ; 37, 1440-1447 ; 38, 39-43. « Đãng cao » : bài thơ đường hay nhất, 41, 641-647. — Nàng Mạnh-Khương trong văn-chương Hoa-Việt, 55, 1249-1257 ; 56, 1436-1441 ; 57, 1601-1608.

Phong-dao, 1) Mây, 2) Sương 3) Tuyết, 1, 77-79. — Đóa hoa hồng, 1, 80-81. — Canh gà sấm-hối, 1, 81-83. — Phong-dao, 1) Chim 2) Ong kiến, 3) Nụ, búp, chồi, măng, 9, 1018-1019. — The flowers, 23, 648-649. — Quốc-túy Việt-Nam 31, 474-481. — Bình, 31, 526-527. — Thư, thi, lễ, nhạc, 32, 696. — Bút, nghiên, mực, giấy, 33, 853. — Cầm, kỳ, thi, họa, 34, 1008-1009. — Tiếng hát 36, 1324-1325. — Giao-thừa, 37,

VĂN-HÓA — SỔ 66

1615/205

1482.1483.— Tiếng đàn, 38, 114.115.— Dịch, sáo, trúc, tiêu, 39, 280.281.— Diều, 40, 446.— Chuông, 41, 660.611.— Tháp, 43, 966. Cánh đồng, 44, 1130.— Mạ, lúa, 45, 1298.— Thóc, gạo, 46, 1488. Tấm, cám, rạ, rơm, 47, 1656.1657.— Cơm, cháo, bánh, xôi, 48, 120. Sơn, 49, 272.273.— Gỗ, 50, 448.— Nón, 51, 600.— Mành mành, 52, 778.— Quạt, 53, 1004. Vong, 54, 1114.— Lửa, 55, 1298.— Đèn, 56, 1459.— Nến, 57, 1640.

Vương-Hồng-Sên

Những nét đại-cương của nền Văn-hoá Việt-Nam, 24, 707.714. Người Việt-Nam có mấy giọng cười, 25, 858.866. Thú chơi đồ chơi, 27, 117. 1134; 28, 25.37.— Con ve và cái kiến, 29, 191.195.— Khảo-cứu về hát bội qua vài điệu niêu nôi và pha-phách, 31, 482.491; 32; 626. 636.— Hồng-lâu-mộng lược khảo, 33, 870.877; 34, 1025.1030; 35, 1182-1186 — Thú chơi chim, 36, 1275-1280; 37, 1423. 1427. — Lược-khảo về truyện Tàu, 38, 133.137; 40, 484.480. Thú xem truyện Tàu, 41, 660.664; 42, 809.816; 45, 1320.1325; 48, 138.143.

X

Xuân-An Trụ-sở liên-hiệp-quốc ở Nữ-Uớc, 9, 1043.1046.

Xuân-Việt Viếng Tô-Như, 34, 999.— Hương nhạc chiều hôm (dịch Baudelaire, 35, 1298. Chào Nam-Phân, 37, 1547.— Nhìn trẻ (thơ mới), 37, 1481. Đêm mưa, 38, 113. — Nếu... (dịch thơ Pháp, Anh), 41, 669. 670.

Y.Đ. Chế-độ máu-hệ của đồng-bào Đê, 20, 277-280.

LINH-TINH

Bộ tr. Bộ QGGD.

Việc mở-mang nền đại-học Việt-Nam, 1, 133-136.

U. Unesco, Việt-Nam tại Hội-nghị lần thứ, 8, 1, 136.141.

Bộ Tr. Tuân-lễ giáo-huấn, 2, 293-295. — Lễ chuyên-giao Viện Đại-học hỗn-hợp, 3, 389-393.

1616/206

VĂN-HÓA SỔ — 66

Nha-Thủy-Lâm

Rừng Việt-Nam, 5, 543-551.

Bộ Canh-Nông, Lâm-Sân

Lâm-sân Việt-Nam, 7, 750-755.

Bộ tr. Diễn-văn khai-giảng 55.56, 8, 938.944.

? ? Danh-sách các nhân-viên Hội-nghị, 16, 1779-1781.

Nha Kỹ-thuật và Mỹ-thuật

Từ-ngữ kỹ-thuật, 16, 1843-1844.

? ? Các diễn-văn kết-thúc; 16, 1848-1854.

? ? Đặc-San Cao-nguyên Trung-Phần, 1957, 20.

Nha Văn-Hóa

Đề đi đến một sự trao-đổi rộng-rãi về văn-hóa giữa các nước Á-châu, 28, 114-117.

Hội-nghị Quốc-tế giáo-dục

Khuyến-cáo gửi các bộ Giáo-dục về việc đào-tạo những nhân-viên giáo-huấn bậc Trung-Học (số 38, Hội-nghị quốc-tế Giáo-dục XVII 1954) 1, 85-91.



VĂN-HÓA — SỔ 66

1617/207

III — MỤC-LỤC CÁC TRANH ẢNH

Viện lập-pháp Uruguay	1,138.
Phái đoàn Việt-Nam trong Hội-nghị Unesco VIII	1,139.
Bia đá các ông nghệ triều Hậu-Lê ở Văn-miếu	2,178.
Cảnh Tây-Hồ, Hà-nội	2,179.
Văn-miếu Hà-nội	5,526.
Chấn-quốc tự Hà-nội	5,527.
Đền thờ Tả-quân Lê-văn-Duyệt	6,648.
Bến sông Nhị-Hà	6,649.
Đại-biểu Việt-nam tại Hội-nghị quốc-tế giáo-dục	7,782.
Quang cảnh một buổi họp	7,783.
Chân-dung Ngô Tổng-thống	8,840.
Ảnh vua Quang-Trung	8,841.
Hội-nghị Á-châu Rangoon	9,974.
Đền vua Đinh-tiên-Hoàng Hoa-lư	9,975.
Hội-nghị Đông-kinh, Nhật	10,1178-1179.
Lễ tuyên-thệ tại Ban-mê-thuật	11,1190.
Chùa Tây-phương, Thạch-thất	11,1191.
Viện Bảo-tàng, Sài-gòn	12,1342.
Cảnh sông Hương	12,1342.
Di-tượng Nguyễn-Trãi	13,1472.
Bến Sài-gòn	13,1473.
Phần mộ Trương-Định, Gò-công	14,1578.
Kỵ-binh Thất-dát	14,1579.
Hội-nghị giáo-dục 1956	15,1650.
Cụ-thể hóa cách dạy toán	15,1651.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1618/208

Hội-nghị thống-nhất ngôn-ngữ	16,1774-1775
Một khu bán hoa	17,1908.
Nén hương lồng	17,1909.
Chén trà đầu xuân	18,48.
Vũng Tàu đêm trăng	18,49.
Hội-nghị Unesco IX	19,136-137.
Nghề dệt đồng bào Thượng	20,254.
Hai thớt voi của đồng-bào Thượng	20,255.
Chùa Thiên-mụ Huế	21,372.
Hồn Chồng Nha-trang	21,373.
Ô. Hà-như-Chi diễn-thuyết	22,482-483
Một trại chăn-nuôi	23,628.
Nhà sàn của đồng-bào Thượng	23,629.
Nghề sơn mài	24,722.
Nghề thêu	24,723.
Bắc sâm	25,930.
Nam sâm	25,931.
Tiểu-tượng đức Lão-tử	26.
Đền thờ tả-quân Lê-văn-Duyệt	26.
Bông hoa Quỳnh	27,1190.
Buồng oan tươi	27,1191.
Tổng cụy nghênh tân	28,16.
Hoa Thủy-tiên	28,17.
Máy làm cúi	29,226.
Máy so sợi	29,227.
Cảnh Đà-lạt	30,318.
Tòa Liên-hiệp-quốc Ba-lê	30,319.
Diễn-thuyết « Thi-sĩ miền Nam »	31,450.
Đài kỷ-niệm Sài-gòn	31,451.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1619/209

Tiểu-tượng Trương-vĩnh-Ký	33,774.
Phần mộ Trương-vĩnh-Ký	33,775.
Chân-dung đức Không-phu-tử	34,964.
Chữ quốc-ngữ trong « Cathéchismus » của Alexandre de Rhodes (1651)	34,965.
Chùa Thiên-mụ	35,1080.
Hồ Than-thờ	35,1081.
Bản đồ Ptolémée, Bản-đồ Vaa Langren (1595), bản-đồ Alexandre de Rhodes (1651), Đại-Việt-quốc tổng-lâm-đồ (1403-1424), Bản-đồ P. du Val (1686), bản-đồ Hồng-đức (1490), bản-đồ Kinh-bắc (1490), bản-đồ Thăng Long (1490), bản-đồ Gia-định (1815), bản-đồ Phan-huy-Chú (1824)	36,1232
Hoa Phong-lan	37,1480.
Hoa Thục-dược	37,1481.
Ông Bộ-trưởng Giáo-dục diễn-thuyết	38,38.
Đền thần Kim-Quy	38,89.
Ông Đông-hồ và Ông Kripalani	39,318-319.
Tế ngọc-ngư văn	40,352.
Văn-tế cá sấu	40,353.
Lăng Minh-Mạng	41,554.
Lăng Khải-Định	41,555.
Chân-dung Nguyễn-công-Trứ	42,704.
Tự-tích Nguyễn-công-Trứ	42,705.
Theo dấu hai bà Ngọc-Vạn...	43,868.
Trên đường Nam-tiến	43,869.
Hành trình Từ-thức	44,1050.
Thanh-hóa, Thừa-Tuyên	44,1051.
Đền Ngọc-Sơn	45,1230.

Tát nước	45,1231.
Quách-Tấn diễn-thuyết về Hàn-Mạc-Tử	46,1384-1385.
Hoa mai vàng	47,1586.
Khóm trúc	47,1587.
Chùa Một Cột	48,56.
Nghiên mục của Tự-đức	48,57.
Bản-đồ Gia-định 1815	49,188.
Hoàng Mai	49,189.
Bạch Mai	49,190.
Bạch Mai ở đồn Cây Mai	49,191.
Pho tượng Phật	50,364.
Bản đồ chùa Khải-tường	50,365.
Hội thảo địa-phương	50,458-459.
Cây đèn người quí	51,518-519.
Ngôi mộ cò	51,520.
Cây đèn người quí	51,521.
Lăng họ Hồ	51,586.
Bia đức thiên-y	51,587.
Bia Phạm-dăng-Hưng	52,724.
Bia Văn-Miếu	52,725.
Chân-dung Alexandre de Rhodes và một trang cuốn « Cathéchismus » (1651)	52,746.
Hang, tổ và chim yến	52,747.
Hiếu-ức-quốc (1078)	53,938.
Đền Võ-Tánh	53,939.
Đền hai ở Đà-Nẵng (1845)	54,1072.
Tài-liệu về nước Chiêm-Ba	54,1073.
Đại-Việt sử-ký Ngô-sĩ-Liên	54,1116.
Khâm-định Việt-sử	54,1117.

Bi-văn Võ-trường-Toàn	55,1208.
Gia-định-thành thông-chí của Trjnh-hoài-Đức	55,1209.
Cây như-ý của Cụ Trjnh	55,1216.
Mộ Cụ Trjnh	55,1217.
Một Cụ Ngô-nhơn-Tjnh	55,1220-1221.
Tài-liệu ở làng Minh-hương	55,1222-1223.
Kho-tàng các vua Chăm	56,1362-1363.
Nhà thờ Phạm-dăng-Hưng	56,1422.
Lăng vua Tự-đức	56,1423.
Lăng và miếu Nguyễn-văn-Nhân	57,1584.
Miếu thờ Tống-phúc-Hòa	57,1584.
Tượng đức Thiên-y Thánh-mẫu	57,1585.

NGUYỄN-KHẮC-XUYỀN



ĐÍNH-CHÍNH

Văn-Hóa Nguyệt-San số 64, trong bài nói về « Hoàng-Điệu », trang 1066/43, về đoạn chú-thích (5), đầu dòng thứ 7, nhà in đặt nhầm hai chữ Tuy-Dương ra Thư-Dương. Vậy xin đính-chính là Tuy-Dương cho đúng.

1622/212

VĂN-HÓA — SỐ 66

TIN SÁCH BÁO MỚI NHẬN

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả, hoặc của nhà xuất-bản có nhã ý gửi tặng. Xin thành-lhực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân-mến.

* *Hy-Vọng*, tập thơ do Ô. Hoàng Bảo-Việt trước-tác. Thi-phẩm này gồm 50 bài thơ mới trường thiên. Sách trình bày sáng-sủa và trang-nhã, dày hơn 100 trang. Sách tặng không thấy ghi giá bán.

* *Luận-Đàm*, cơ-quan ngôn-luận của Tổng-Hội giáo-giới Việt-Nam, xuất-bản hàng tháng do Ô. Thầm-Quỳnh làm chủ-nhiệm và Ô. Nghiêm-Toàn làm chủ-bút. Nội-dung tập Luận Đàm số 11 tháng 10 năm 1961 rất phong-phú và gồm nhiều bài có giá-trị và xây-dựng (Vấn-đề thanh-niên trong giai-đoan hiện-tại, Vấn-đề báo-chí nhi-đồng, Một giải-thích mới về lịch-sử, Quang-học không-trung v.v...). Mỗi số dày hơn 150 trang. Giá bán 15đ.

* *Tự-Do Thái-bình-dương* (Free Pacific magazine) đã ra tới số 59. Tạp-chí này gồm nhiều bài xuất sắc về chính-trị, văn-ngệ, lại có những bài viết trong khuôn-khổ « Lễ kỷ-niệm Tam-bách chu-niên húy-nhật Cố Alexandre de Rhodes như bài « Cố Alexandre de Rhodes và Trung-quốc » do Lôi-chấn-Viên (tức L.M. Faegher) soạn, bài « Công-tác truyền giáo ở Việt-Nam của Cố Al. de Rhodes » do Quang-Bị soạn.

* *Tin Sách* ấn-hành mỗi đầu tháng, giới-thiệu đầy đủ các sách báo xuất-bản của toàn-quốc. Đã phát hành bộ II (Tháng 8 và 9 năm 1961). Ngoài những mục thường-xuyên (Cổ-thư, Kỳ-thư, Sinh-hoạt thư tịch, Sinh-hoạt tạp-chí), có thêm mục điểm sách mới xuất-bản (Chiếc bong bóng lợn, Tinh đời,

VĂN-HÓA — SỐ 66

1623/213

Chính-phụng âm và tâm thức lãng-mạng của kẻ lưu đày, v.v...) và những bài tiểu-luận đặc-sắc (Triết-lý và văn-nghệ, Tại sao viết tiểu-thuyết và viết thể nào, Tâm-sự tác-giả...) Cuốn này dày 66 trang, giá bán 10đ.

* *Lành Mạnh*, tập-san khoa-học văn-hóa và xã-hội đã ra tới số 62 phát hành tại Huế ngày 1-11-1961. Số này gồm nhiều bài giá-trị và hấp-dẫn (Lược-khảo danh-nhân phục quốc dưới thời Pháp-thuộc, Giáo-sĩ Trần-Lục, Mấy tục lạ về hôn-lễ, Chánh-sách thuộc-địa Anh ở Châu Phi...). Mỗi số dày 32 trang lớn, giá bán 12đ.

* *Mỹ-thuật*, tập-san nghiên-cứu, phê-bình, giới-thiệu và trao-đổi ý-kiến về hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc, âm-nhạc, kịch-nghệ và mỹ-nghệ do Ô. Lê-văn-Lãm đứng chủ-nhiệm. Toà-soạn ở số 35, đường Lê-Thánh-Tôn, Sài-gòn. Trong số tập-san mới xuất-bản có nhiều bài phê-bình và nghiên-cứu có giá-trị (Triển-lãm hội-họa mùa xuân, Kỹ-thuật sơn mài, các tông phái hội-họa trên thế-giới, Cách-mạng về màu sắc...) Số này trình bày rất trang-nhã, dày hơn 40 trang khổ lớn, giá bán 10đ.

* *Dời Thúc-Giạ*, thi-tập của cụ Ung-Bình Thúc-Giạ-Thị, từ năm 1942 đến 1960, gồm ngót 200 bài thơ đường-luật, do cô Công-Tằng Tôn-Nữ Hỷ-Khương (ái-nữ của Cụ) sưu-tập và trình-bày. Nói đến thi-tài phong-phú, hàm-súc và tao-nhã của nhà thi-bá đất Thần-kinh, chúng tôi tưởng khởi giới-thiệu nhiều, vì trong V. H. N. S. (số 62, 63 và 64), đã lược-thuật khá đầy-đủ về tiểu-sử và văn-nghiệp của Cụ, vị cố nguyên-soái của Hương-Bình thi-xã trong mấy chục năm, tiêu-biểu cho những thi-hào cao-nhã và phóng-khoáng, cùng những nghệ-sĩ lỗi-lạc và tài-hoa của thế-hệ trước. Sách trình bày trang-trọng và sáng-sủa, dày 156 trang khổ lớn, do nhà Thư-lâm ấn-quần xuất-bản, giá bán 60đ.

* *Đại-Học*, tạp-chí nghiên-cứu của Viện Đại-học Huế, đã phát-hành tới số 5 tháng 10 năm 1961. Số này gồm nhiều bài khảo-luận mới mẻ và phong-phú. (Góp ý-kiến vì vấn-đề chậm tiến, Thành-trị chí của Trịnh-hoài-Đức, Hoa-kiều và Nam-kỳ đầu thế-kỷ thứ XIX...) Mỗi số dày 124 trang, giá bán 20đ.

* *Giáo Mới*, Nguyệt-san Văn-hóa và Giáo-dục, đã phát hành tới số 8 tháng 11 năm 1961. Số này gồm nhiều bài khảo-luận, sáng-tác và dịch thuật có giá-trị (Việc hướng-dẫn thanh-thiếu-niên, Verlaine và Rimbaud đối bạn thi-sĩ, Nghề thầy...) Mỗi số dày hơn 96 trang, giá bán 10đ.

* *Bách-Khoa* số 117 phát-hành ngày 15-11-61, gồm nhiều bài đặc-sắc và xây-dựng (Đuổi bắt ảo ảnh, Tình-trạng khăn cấp và biện-pháp cần-thiết, Ông tổ hiện-sinh chính-thực, Nhân-danh và địa-danh...) Mỗi số dày hơn 100 trang, giá bán 10đ.

* *Thời Nay* số 52 phát hành ngày 15-11-61, gồm nhiều bài khảo-cứu hấp dẫn và tiểu-thuyết tân-kỳ (Giải Nobel, Nhân-vật tiểu-thuyết trinh-thám, Làm thế nào trở thành triệu phú, Một phát-minh nguy-hiểm...) Mỗi số dày 138 trang, giá bán 10đ.

* *Phổ-Thông* số 69 phát-hành ngày 15-11-61, gồm nhiều bài đặc-sắc và hấp-dẫn (Văn-nghệ trong thời loạn, Các tiểu-thuyết khoa-học, Khoa-học và dị-doạn, Sinh-viên Nhật ngày nay...) Mỗi số dày 130 trang, giá bán 10đ.

* *Minh-Tân* số 88 phát hành ngày 25-11-61. Hình thức đổi mới và trang nhã, nội-dung phong-phú. Số này gồm nhiều bài khảo-luận đặc-sắc (Lược-khảo thể-lệ thi-cử Việt-Nam, Lấy đức làm nền, Vấn-đề giáo-dục thiếu-niên, Hiệp-sĩ-đạo...) Mỗi số dày 44 trang, giá bán 10đ.

* *Quê hương*, nguyệt-san nghiên-cứu chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội đã phát hành tới số 29 tháng 11 năm 1961. Nội-dung rất phong-phú và gồm nhiều bài khảo-luận rất đặc sắc (Giáo dục và Phát-triển kinh-tế, Tìm hiểu đồng-bào Thượng, Vấn-đề lúa gạo tại Việt-Nam, Hòa-bình và Pháp-lý, Nguyên-tắc độc-lập thăm phạn...) Mỗi số dày ngót 300 trang, giá bán 20đ.



A - TIN TRONG NƯỚC

I - LỄ QUỐC-KHÁNH NĂM 1961

Cảm-thông nỗi đau khổ của toàn-thể đồng-bào nạn-nhân trong nạn ngập lụt tại các tỉnh miền Tây, Tổng-Thống đã ra lệnh bãi bỏ tất cả các cuộc vui tổ-chức trong ngày Quốc-Khánh năm nay (26-10-1961).

Ngân-khoản dành cho việc tổ-chức các cuộc vui nhân-dịp lễ Quốc-Khánh, sẽ được dành vào việc cứu-trợ đồng-bào nạn-nhân đang lâm cảnh màn trời chiếu đất.

Sáng ngày 26-10, Tổng-Thống đã tiếp-kiến các nhân-viên Chính-phủ, ngoại-giao-đoàn và đại-diện các đoàn-thể, các nhân-sĩ Thủ-đô tại Dinh Độc-lập.

2 - TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÃ BAN-HÀNH ĐẠO LUẬT QUỐC-HỘI ỦY-QUYỀN TỔNG-THỐNG
BAN-HÀNH CÁC SẮC-LUẬT VÌ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Văn-Phòng Phủ Tổng-Thống thông-cáo :

1626/216

VĂN-HÓA - SỐ 66

Tổng-Thống đã ban-hành Luật số 13/61 ngày 19-10-1961 :

1 - Quốc-Hội Việt-Nam Cộng-Hòa, chiếu điều 42 Hiến-Pháp và Sắc-Lệnh số 209 - TTP ngày 15-10-1961 tuyên-bố tình-trạng khẩn cấp trên toàn lãnh-thổ Việt-Nam,

Ủy-quyền Tổng-Thống ban-hành những Sắc-Luật về các biện-pháp bảo-vệ an-ninh quốc-gia và điều-động các nhân-lực cần thiết.

2 - Thời hạn ủy-quyền quy-định ở điều 1 là một (1) năm kể từ ngày ban hành Luật này.

3 - Luật này sẽ ban-hành theo thủ-tục khẩn cấp.

3. - LỄ RA MẮT CỦA KHU-ĐOÀN HỌC-SINH THANH-THIỆU-NIÊN CỘNG-HÒA TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

Sáng 16-10-1961, 5.000 học sinh các trường Trung-học tỉnh Định-Tường, thuộc đoàn Thanh-Thiếu-Niên Cộng-Hòa Học-đường đã tuyên-thệ trung-thành với Chính-phủ Quốc-gia trong một buổi lễ trọng thể cử hành tại vận-động-trường Mỹ-Tho, dưới quyền chủ-tọa của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

Sau khi nhắc tới những trách-vụ của học-sinh và thanh-niên, Ông Bộ-Trưởng nói :

« Để hoàn-thành sứ mạng, thanh-niên phải tự-giác những bổn-phận thiết yếu :

- bổn-phận tự xây-dựng bản thân, trau-giồi kiến-thức và đạo đức,
- bổn-phận kiến-tạo xứ-sở, đi tiên phong trong công cuộc xây-dựng quốc-gia,
- bổn-phận cộng-tác vào việc thực-hiện cộng đồng quốc-tê, một xã-hội bình đẳng và bác ái.

« Những bổn-phận ấy càng tỏ ra cấp-thiết đối với thanh-niên của nước Việt-Nam Cộng-Hoà đang cần tới sự nỗ-lực của toàn dân ».

VĂN-HÓA - SỐ 66

1627/217

Sau khi dự lễ tuyên-thệ, ông Bộ-trưởng đã đi thăm viếng các trường học trong tỉnh-ly Mỹ-Tho.

4. — TOÀN-THỂ CÔNG-CHỨC QUYÊN I NGÀY LƯƠNG ĐỀ GIÚP ĐỒNG-BẢO NẠN-NHÂN THỦY-LẠO CÁC TỈNH MIỀN TÂY

Ban Chấp-hành Trung-ương Liên-đoàn Công-Chức Cách-mạng Quốc-gia, nhóm họp dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-Lương, Bộ-trưởng Tài-chánh, Chủ-tịch Liên-đoàn, đã quyết-định kêu gọi toàn-thể đoàn-viên Công-chức quyên một ngày lương đề cứu-trợ đồng-bảo nạn-nhân thủy-lạo các tỉnh miền Tây.

5 — PHONG-TRÀO QUỐC-GIA TƯƠNG-TRỢ ĐỒNG BẢO BỊ NẠN LỤT THAY THẾ ỦY-BAN CỨU-TRỢ ĐỒNG BẢO BỊ NẠN LỤT.

Trong buổi họp chiều 1.11.1961 tại Trụ-sở các Ủy-Ban Quốc-Hội ở Công-Trường Lam-Son, có 200 nhân-vật thuộc đủ các giới ở Thủ-Đô và đại-diện các đoàn-thể nhân-dân, xã-hội, chính-trị, tôn-giáo, nghiệp-đoàn, Ủy-ban cứu-trợ đồng-bảo bị nạn lụt đã tuyên-bố tự-động giải-tán và Phong-trào Quốc-gia tương-trợ đồng-bảo bị nạn lụt đã được thành lập để thay thế.

Thành-phần Phong-trào Quốc-Gia tương-trợ đồng-bảo bị nạn lụt gồm các vị :

Chủ-tịch : Ông Trương-Vĩnh-Lễ
Phó Chủ-tịch : Ô. Ô. Nguyễn-Lương, Nguyễn - Quang -Trình, Phan-Huy-Quát và Huỳnh-Ngọc-Diệp
Tổng Thư-ký : Ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh
Thư-Ký : Ông Nguyễn-Văn-Khanh
Thủ-Quy : Ông Nguyễn-Thành-Lập
Phó Thủ-Quy : Bà Trần-Thị-Mười.

6. — MẤY CUỘC TRIỂN-LÃM TẠI SÀI-GÒN

* Đệ-nhi Triển-lãm Quốc-tế Nhiếp-ảnh Mỹ-thuật Sài-gòn đã khai-mạc sáng 21-10-1961 dưới sự chủ-tọa của ông Trương-Công-Cừu, Bộ-Trưởng Đặc-

1628/218

VĂN-HÓA — SỐ 66

nhiệm Văn-Hóa Xã-Hội, cùng trước sự hiện-diện của rất đông quan khách.

Huy-chương vàng trong cuộc Triển-lãm này về tay ông K. C. Chew ở Hương-Cảng, với tác-phẩm « *Rainy Day* ». Kỹ-thuật chụp hình và ánh sáng trong bức ảnh này rất đặc sắc.

Huy-chương Bạc thứ nhất về ông Mark Kar Weng (Thái-Lan với bức « *Hung up to dry* ». Huy-chương Bạc thứ hai về ông Gilles Boinet (Pháp) với bức « *La mère* ».

Ngoài ra có tám nhiếp-ảnh-gia được trao tặng huy-chương Đồng, và 20 nhiếp-ảnh-gia được trao bằng tưởng-lệ.

* Cuộc triển-lãm các họa-phẩm Việt-Nam do Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ tổ chức nhân dịp Quốc-Khánh 26-10-61, đã khai-mạc tối 24-10-1961 tại Tòa Đố-Chính dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, và trước sự hiện-diện của các đại-diện Ngoại-giao-đoàn và rất đông quan khách.

215 bức ảnh của 180 họa-sĩ đã được trưng-bày trong cuộc triển-lãm này.

Các họa-sĩ có tác-phẩm trưng-bày đã yêu cầu ban tổ-chức dành 10 % tiền bán tranh để cứu-trợ nạn nhân thủy tai tại miền Tây Nam-Phân.

* Cuộc triển-lãm hội-họa của Văn-Ký và Thái-Phước-Thoại do Thanh-Thương Hội Chợ-lớn tổ-chức để lấy tiền giúp đồng bảo bị lụt, đã khai-mạc tối 14-11-1961 tại Phòng Thông-Tin Đô-thành.

Hai họa-sĩ nói trên đã trưng-bày 94 bức tranh phần màu, bột màu dầu.

Trong các bức tranh của Văn-Ký, những bức sau đây rất đáng thưởng-thức « *Chải dầu* », « *Thiếu-phụ Lão* », « *Em nhỏ* », « *Hoa và Hoa* », « *Bến nước* ».

Về tranh của Thái-Phước-Thoại, đáng chú-ý là các bức « *Hoa* », « *Tết Trung-thu* », « *Đồng quê* ».

7. — MẤY CUỘC DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN

* « *Ernest Hemingway*, không những là một đại văn-hào mà còn là một người khổng lồ của nền văn-chương Mỹ. Ông cao 1 th 85, cân nặng 120 ký và

VĂN-HÓA — SỐ 66

1629/219

những sách của ông được hàng trăm triệu người trên thế-giới đọc và ưa chuộng». Đó là lời của ông Harrisson L. Shaffer trong buổi diễn-thuyết về thân-thể và sự-nghiệp của văn-hào Ernest Hemingway tại Hội-quán Pháp-Văn-Đông-Minh, tối 11-10-1961.

Sau khi phân-tách tâm-lý của Ernest Hemingway, diễn-giã đã nói về cuộc đời của nhà văn từ lúc xuất thân ở trường Trung-học cho đến khi chiếm được giải-thưởng Nobel năm 1954, leo lên đến bức thang chót của đài danh-vọng.

* Chiều 12-10-61, Ông R. Caillois đã diễn-thuyết tại Tòa Viện-Trưởng, số 3, Công-Trường Chiến-sĩ về đề-tài :

« Từ truyện thần-tiên đến truyện khoa-học giả-lượng » (Des contes de fée à la science fiction).

Buổi nói chuyện này được đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

* Giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung đã nói chuyện trường Quốc-gia Âm-nhạc sáng hôm 19-11-1961, dưới sự bảo-trợ của Trung-tâm Văn-Bút Việt-Nam với đề-tài : « Văn-chương như một vết tích hay là nhà văn và chữ viết. »

Theo diễn-giã, văn-chương có thể được coi như là một vết-tích của nhà văn, nhưng ta khó hiểu đúng tâm-trạng của tác-giả nếu chỉ căn-cứ vào những vết-tích đó.

Bởi vì, khi một tác-phẩm ra đời thì nó trở thành bất động, trong khi kinh-nghiệm của tác-giả cứ súc-tích mãi lên và tác-phẩm đó không còn là điều mà tác-giả muốn diễn-tả nữa.

BUỔI NÓI CHUYỆN VỀ ĐỀ-TÀI « ÂM-NHẠC VÀ THANH-NIÊN »

Tối 21-11-1961, tại nhà hàng Ngọc-Lan-Đình (Chợ-lớn), ông Nguyễn Phụng, Giám-Đốc Trường Quốc-Gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, đã nói chuyện về đề-tài « Âm-nhạc và Thanh-niên » vào dịp trao tặng giải thưởng cho các nhạc-sĩ dưới 18 tuổi.

Nhắc lại câu nói « Âm-nhạc biến-cải tâm-tinh », ông Nguyễn Phụng

1630/220

VĂN-HÓA — SỐ 66

nhận định rằng âm-nhạc không phải là một « nghệ-thuật đề-tiêu-khiển », mà lại là một sức mạnh có thể gây cho mọi người những ảnh-hưởng tốt lành kể cả trên phương-diện tâm-lý lẫn sinh-lý, nhất là đối với các thanh-niên thời hậu-chiến.

Bởi vậy, trong việc đào-tạo thanh-niên hiện thời, một nền giáo-dục tốt về âm-nhạc rất cần-thiết.

B — TIN NGOÀI NƯỚC

1 — THAM-DỰ ỦY-HỘI HẢI-DƯƠNG-HỌC LIÊN-CHÍNH-PHỦ HỌP TẠI BA-LÊ

Ông Nguyễn-đình-Hưng, Đồng-I ý Văn-phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục kiêm Giám-Đốc Hải-Học-Viện Nha-Trang được cử đi Paris (Pháp) trong 20 ngày để dự khóa họp đầu tiên của Ủy-Hội Hải-Dương-Học Liên-Chính-Phủ nhóm từ ngày 19 đến 27-10-1961 dưới sự bảo-trợ của Tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc (UNESCO).

Ông Nguyễn-đình-Hưng đã khởi hành ngày 15-10-1961.

2 — THAM-DỰ KHÓA HỘI-THẢO SINH-VIÊN Á-CHÂU TẠI MANILLE

Đáp lời mời của Văn-phòng Liên-hiệp Tổng-Hội Sinh-viên (COSEC), ông Đoàn-Hữu-Khánh, Chủ-Tịch Tổng Hội Sinh-viên Việt-Nam Quốc-Gia, đã rời Sài-gòn sáng 20-10-1961 đi Manille để tham-dự khóa hội-thảo địa phương lần thứ hai của sinh-viên Á-Châu họp từ ngày 16-10 đến 12-11-61.

Tham-dự khóa Hội-thảo này còn có 40 đại-biểu của 13 quốc-gia Á-Châu : Népal, Do-Thái, Hồi-Quốc, Ấn-Độ, Thái-Lan, Mã-Lai, Tân-Gia-Ba, In-dô-nê-xi-a, Uc-Đại-Lợi, Tân-Tây-Lan, Tích-Lan, Hương-Cảng và Phi-Luật-Tân.

Đặt dưới sự bảo-trợ của Hội-đồng Quốc-tế Sinh-viên, khóa Hội-thảo này nghiên-cứu về 3 vấn-đề : báo-chí đại-học, vấn-đề du lịch của sinh-viên và cải-thiện sinh-hoạt của sinh-viên.

VĂN-HÓA — SỐ 66

1631/221

3 — TRIỂN-LÃM BÁN CÁC SẢN-PHẨM VIỆT-NAM TẠI BA-LÊ

Một cuộc triển-lãm bán các sản-phẩm Việt-Nam đã khai mạc tại các tòa nhà mới của Nhà hàng « Bon Marché », dưới quyền chủ-tọa của ông Phạm-Khắc-Hy, Đại-Sứ Việt-Nam tại Ba-Lê.

Tham-dự buổi lễ khai-mạc này, còn có viên Tổng-Quản-lý Nhà hàng « Bon Marché », các nhân-viên Tòa Đại-Sứ và nhiều nhân-vật Việt-Nam cùng một số đông dân-chúng Ba-Lê chen chúc để xem hay mua các sản-phẩm tiêu công-nghệ và các thực-phẩm Việt-Nam.

Trong các gian hàng, có trưng-bày những sản-phẩm hoàn-toàn Việt-Nam như: đỉnh đồng, bức vẽ sơn mài, đồ làm bằng đồi mồi, các nhạc-cụ như đàn bầu, các đồ trang sức, hàng vải, đồ thêu, cùng nhiều thực-phẩm đóng hộp.

HỌC-SINH VIỆT-NAM ĐOẠT 4 GIẢI THƯỞNG HỘI-HỌA VÀ 1 GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG THIẾU-NHI TRONG CUỘC THI QUỐC-TẾ « SHANKAR 1960 »

Người ta vừa được tin rằng 5 học-sinh Việt-Nam đã chiếm được 4 giải thưởng hội-họa và 1 giải thưởng văn-chương thiếu-nhi trong cuộc thi quốc-tế « Shankar 1960 » tại Tân Đê-Li (Ấn-Độ).

Lễ phát phần thưởng đã cử-hành hôm 1-10 tại sảnh điện « Vigyan Bhavan » ở Tân Đê-Li, dưới quyền chủ-tọa của Thủ-Tướng Ấn-Độ, và trước sự hiện-diện của các Trưởng Phái-đoàn ngoại-giao các nước tham-dự cuộc thi.

Cuộc thi quốc-tế « Shankar », tổ-chức hàng năm, chỉ dành riêng cho học-sinh trên thế-giới dưới 15 tuổi. Năm 1960, cuộc thi này đã nhận được trên 70.000 tranh vẽ và 3.000 bài luận văn từ 64 quốc-gia : Hoa-kỳ, Gia-Nã-Đại, Đan-Mạch, Phi-Luật-Tân, Thái-Lan, Cambodge v. v. . .

5.— THAM-DỰ HỘI-NHỊ ĐỊA-PHƯƠNG VỀ GIÁO-DỤC KHOA-HỌC CĂN BẢN HỢP TẠI MANILLE

Hội-nghị địa phương về giáo-dục khoa-học căn-bản tại các Đại Học đưòng Đông-Á và Đông-Nam-Á đã khai mạc hôm 13-11-1961 tại Manille dưới

1632/222

VĂN-HÓA — SỔ 66

sự bảo-trợ của Trung-tâm Hợp-tác khoa-học thuộc Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc (UNESCO) trong vùng Đông-Nam-Á.

Đại-diện Việt-Nam tại hội-nghị này là các ông Đặng-Đình-Ang, Giảng-sư Trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn và Nguyễn Chánh, Phó Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Công-Chánh Phú-Thọ.



NÊN ĐỌC HAI TÁC-PHẨM ĐẶC-SẮC

do Nhà Thơ Lão-thành
Đông-Viên PHẠM-HUY-TOẠI
trước-tác :

MỘT MỐI TÌNH

(In lần thứ ba)

Thi-phẩm gồm đủ các loại thơ cò-diễn,
trạng-nhã, nhẹ-nhàng, hàm-ý
Giá bán : 50\$



ĐƯỜNG-LUẬT CHI-NAM

Sách chỉ-dẫn cách làm thơ Đường-luật theo một
phương-pháp giản-dị và nhanh chóng

(Có sưu-tập 600 câu thơ tuyệt-tác của nhiều thi-gia kim-cổ,
xếp thành mục-loại)

Giá bán . 15\$

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại thủ-đô
và tại nhà tác-giả

(Số 351/13, Đường Trương-minh-Giảng, Sài-gòn)

VĂN-HÓA — SỔ 66

1633/223

Tòa-soạn VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)

266, Đường Công-Lý — Sài-Gòn

Điện-thoại : 24.633

✱

- Chủ-nhiệm : NGUYỄN-KHẮC-KHAM
- Chủ-bút : THÁI-VĂN-KIỆM
- Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
- Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

✱

Ấn-Quán : BÌNH-MINH

148-i, Đường Yên-Đồ — Sài-gòn

Tổng Phát-Hành bán lẻ: **THỐNG-NHẤT**

329, Đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — Sài-gòn